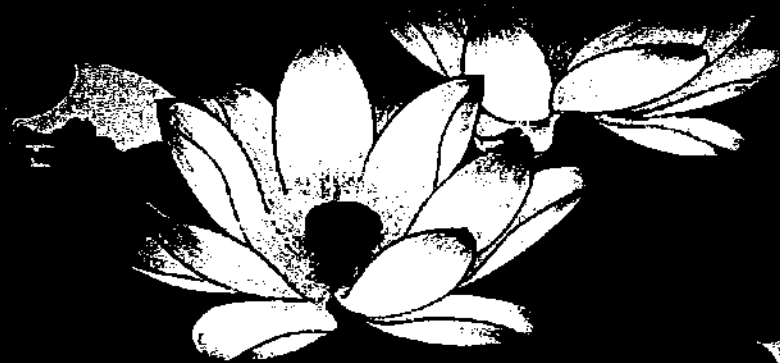


H.T. THÍCH THIÊN TÂM



mây điện
SEN THANH

QUYỂN 3



Tác giả: Phương liên tình xử mặt tình đạo tràng –
HT. Thích thượng Thiên hạ Tâm

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập LÝ BA TOÀN
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH
Sửa bản in: Hoàng Chuyên
Trình bày: Thanh Duy

ĐỐI TÁC LIÊN KẾT

Phòng phát hành Kinh Sách & Văn hóa phẩm
Phật Giáo Thanh Duy

ĐC: 484 Tô Ngọc Vân, Tam Phú, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
ĐT: 028.37290620. Website: nhasachthanhduy.com

In 3.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty TNHH cơ khí
in Tuệ Mẫn 327 Đất Mới, khu phố 4, P.Bình Bình Trị Đông
A, Quận Bình Tân, TP.HCM.
Số XNKKKH: 1323 - 2018/CXBIPH/20 - 24/HĐ. Số QĐXB của
NXB: 272/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 21/4/2018. In xong và nộp
hưu chiếu năm 2018. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN):
978-604-89-3733-1.

Mây hiện sen thanh đê đất trời
Vang thành ánh ngọc nổi lên phương

PHẦN BA
TỬ CHÚNG VÃNG SANH
(Tiếp Theo)



MINH QUẢ

Thích Minh Quả, người huyện Sương Âm tỉnh Hồ Nam. Năm hai mươi sáu tuổi, ông đến chùa núi Đạt Ma ở bàn áp, cầu xin thế độ với Đông Lâm trưởng lão. Sau khi thọ đại giới, sư đi tham phỏng khắp các bậc danh đức xa gần, có chỗ lãnh ngộ, và quyết chí theo đường hướng thiền tịnh song tu.

Lúc trở về Âm Sương, Minh Quả trụ tích nơi chùa Vạn Thọ tại Trường Sa. Kế đó, lại lãnh nhiệm vụ chủ trì chùa Tây Thiên ở Hoành Châu, sửa sang chấn chỉnh cảnh già lam tại đây thành một nơi danh thắng. Sau sư về thiền lâm Vạn Phước ở Trường Sa ẩn tích tu hành. Không bao lâu, hàng môn đồ là Văn Chân bỗng nhiên đau nặng. Sư muốn rước lương y đến điều trị. Văn Chân thưa: “Con chẳng phải thật đau bệnh, mà chính là sắp xả báo thân sanh về Cực Lạc.

Xin thầy đừng rước lương y và đỡ dùm con ngồi đây!” Sư y lời, kế tiếp xưng hồng danh trợ niệm. Văn Chân sẽ động môi niệm Phật theo, giây phút liền chấp tay viên tịch.

Từ đó tâm tu Tịnh độ của Minh Quả càng tha thiết. Sư chán đi qua cảnh thành thị, lui về ở chùa Bạch Hà nơi miền đầm rộng phía bắc vùng Trường Sa. Tại đây Minh Quả tập hợp hàng tăng tục kết liên xã niệm Phật. Gặp ai sư cũng đều lấy quê hương Cực Lạc làm nơi hẹn ước quy kỳ. Mùa đông năm Dân Quốc thứ sáu (1917), sư tự biết duyên của đời mình chẳng còn bao lâu, đem tất cả việc chùa giao phó cho đồ chúng. Sang mùa hạ năm sau, trước khi quy tịch, cả thân bổng vương chúng phù thùng. Sư tự biết đây là dư báo phải trả lần cuối cùng, liền viết kệ từ biệt rằng:

*Sáu mươi bảy tuổi bước suy già
Mây nước tham phương đã trải qua
Tay trắng thuyền không về Phật độ
Lòng thanh tánh tịnh ngộ Di Đà
Luân hồi ba cõi từ đây dứt
Sông núi muôn nơi vốn cảnh nhà
Thân huyễn ngày nay thôi trả lại
Một trời tam muội sáng tinh hoa!*

Viết xong, bảo đồ chúng rằng: “Cả mình ta đều phù thùng, nếu chẳng nhờ công phu niệm Phật mấy mươi năm, quên hết thân tâm, tất đau nhức không thể chịu nổi. Bây giờ

các người hãy chấp tay niệm Phật hộ trợ đưa ta về Tây phương!” Đang lúc đại chúng xưng hồng danh, Minh Quả chợt yên lặng như ngủ, giây phút lại mở mắt ra nói: “Ta thấy chư thánh tăng thân tướng cao đẹp trang nghiêm đến đón rước”. Đoạn ngồi ngay thẳng xây mặt về phía Tây, sẽ động môi niệm Phật theo đại chúng, giây lát liền viên tịch. Sư hưởng tuổi đời được sáu mươi bảy, tăng lạp ba mươi chín. Bảy giờ, nhằm tiết trọng hạ năm Dân Quốc thứ bảy.



BẢN TUYÊN

Thích Bản Tuyên, người đời Dân Quốc tự lấy hiệu là Thê Liên để tiêu biểu cho chí nguyện cầu sanh về Tịnh độ. Ban sơ sư học tán tụng theo nghề ứng phó để đi làm đám. Sau nhờ Tích Đoan lão nhơn chỉ dạy, sư thông thiết hỏi cái sự lỗi lầm trước, mang y bát đi hỏi đạo chư danh đức khắp các nơi.

Qua thời gian đó, Bản Tuyên về chủ trì các chùa: Long Hoa, Nhạc Lâm, trung hưng tông lâm Thiên Thai, Hoa Đảnh. Lúc lớn tuổi lại kiến tạo hai ngôi giả lam Đoan An và Tiên Nham. Sư có hoa tay viết vẽ rất khéo, thường vì người

tả hồng danh chư Phật, cứ mỗi nét bút niệm một câu A Di Đà. Tuy bốn tẩu các nơi, sư thường thâm lặng niệm Phật, đem công đức hóa duyên tu tạo chùa tháp hồi hướng cầu sanh về Tây phương.

Năm Dân Quốc thứ hai, Bản Tuyên bỗng cảm bệnh nhẹ. Ngày mười ba tháng năm, Tắc Nguyên pháp sư nghe tin đến thăm viếng, thấy sư trạng mạo thư thái, vẫn nói chuyện như người thường. Nhưng chính Bản Tuyên lại bảo rằng mình sắp mạng chung. Kế đó sư gọi thị giả đem quyển Thông Thờ lại để chọn ngày lành về Tây phương, và nói: "Tôi sanh giờ Mão, tịch vào giờ Mão chẳng cũng là tốt đẹp ư?" Liên định giờ Mão ngày mười tám làm thời gian quy Phật. Đến kỳ hẹn, Bản Tuyên còn tự tay cùng mấy người thợ kết màn trướng. Tắc Nguyên pháp sư cùng chư Tăng đều bàn luận: "Ông ta dung thái vẫn như thường, làm sao mà vãng sanh được? Vậy chúng ta hãy tạm trở về trước, chừng nào có tin gì rồi sẽ hay!" Nhưng khi tất cả vừa ra khỏi cổng tam quan độ vài trăm thước, thì một vị Tăng ở trong chùa chạy theo kêu to lên rằng: "Lão Hòa thượng sắp vãng sanh về Tây phương, xin các ngài mau trở lại!"

Khi chư sư trở vào chùa, thấy Bản Tuyên đắp y ngồi thẳng trong bảo khám, mắt đã ngưng trông, song miệng vẫn còn mấp máy niệm Phật. Đại chúng đồng thanh cao tiếng trợ niệm, giây phút sư lần lần nhắm mắt rồi đi thẳng.



KIM THỂ

Thích Kim Thể họ Phương, người ở Vu Đô, tỉnh Giang Tây. Sư có gieo căn lành từ kiếp trước, nên lúc còn niên thiếu đã biết trường trai lễ Phật. Qua ba mươi tuổi, Kim Thể chán cuộc thế vô thường, ba cõi như nhà lửa, đến xuất gia nơi chùa Báo Ân ở Trường Định, tỉnh Phúc Kiến.

Sau khi thọ giới Cụ túc, sư chuyên chí khổ hạnh, giữ chức Hương đăng nơi chùa Quang Hiếu tại Chương Châu. Cách hành sự của Kim Thể rất ngăn nắp cẩn thận, tinh sạch cung kính, mọi người trông thấy đều khen ngợi là chí thành. Sư tiếc của thường trụ như giữ tròn con mắt, hằng ngày chuyên lễ bái niệm Phật không lúc nào biếng trễ thối lui, nên được đại chúng trong chùa mến phục.

Kế đó lại muốn chuyên tu để đảm bảo sự giải thoát, Kim Thể rời chùa, dời đến ở trong hang đá nơi vùng thâm sơn thuộc huyện Ninh Đô. Sư gác cảnh thông làm tòa, bện cỏ tranh làm nền, trồng khoai làm thức ăn, vá vải thô làm áo mặc, sự khổ hạnh người thường khó kham nổi. Song riêng Kim Thể vẫn điềm nhiên vừa ý, lấy đạo làm vui. Lâu ngày có người hay biết, tìm đến viếng thăm; cúng cho tiền thì không nhận, chỉ thọ lãnh áo vải cơm thô. Trải một thời gian mấy năm ân tu, sư lại dời đến Kim Hoa Sơn Tự, xin vị trụ trì cho mình lấy gỗ ngăn thành một gian tịnh thất nhỏ

bên hành lang chùa để tụng niệm. Đại chúng đều tôn trọng đạo hạnh của sư, nên để cho tùy tiện. Tại đây trọn ngày Kim Thê đóng cửa trì tụng. Trừ thời tiểu thực sáng và Ngọ trai, ngoài ra tiếng khánh mõ hòa với hiệu Phật câu kinh lanh lảnh không dứt, mấy chục năm như một ngày.

Do đức chân tu của sư, hàng tăng tục tín mến càng lúc càng nhiều, khi có người thành tâm cúng dường, liệu không thể từ chối được, sư nhận lãnh và chuyển giao lại cho chùa, để hộ trì Tam Bảo hoặc làm các công đức. Riêng mình, Kim Thê chỉ lưu lại mười đồng bạc, dự bị cho tiền mua củi để phân hóa lúc mạng chung. Hạnh an vui cam thanh khổ, tâm giải thoát không nhiễm trần của sư, đại để đều như thế. Có ai đến hỏi đạo, không luận là hàng xuất gia hay tại gia, sư đều khai thị: "Cõi Ta Bà nhơ khổ, miền Cực Lạc sạch vui, phải phát lòng Bồ đề, gấp cầu thoát khỏi sự sống chết luân hồi, lấy niệm Phật hồi hướng vãng sanh làm chánh yếu. Lại cần nên tin nhận rõ ràng lý nhân quả, giữ gìn giới cấm, tụng kinh trì chú, tu các phước lành làm phụ trợ. Hạnh tu phải trong ngoài như một, trước sau không thay đổi, mới được sự lợi ích chân thật". Ngoài những điều ấy ra, sư không một lời đề cập đến việc phước lạc ở thế gian.

Năm Nhâm Ngọ niên hiệu Dân Quốc thứ bảy, Kim Thê đã được bảy mươi bốn tuổi. Vào ngày mùng một tháng mười, sư cảm bệnh nhẹ. Tới ngày mùng bốn không thấy ăn uống, vẫn tụng niệm như thường, đến canh khuya mới dứt. Sáng sớm ngày mùng năm, đại chúng trong chùa không

nghe tiếng trì tụng, đến gõ cửa, thấy lặng lẽ liền vào thất xem thì sư đã ngồi kiết già thoát hóa. Tay mặt của Kim Thê vẫn còn cầm chiếc khánh nhỏ, đầu hơi cúi xuống, mặt lộ nét tươi vui. Điều nầy chứng tỏ sư đã vãng sanh trong khi niệm Phật. Đại chúng đều khen ngợi, đoán quyết rằng sư đã thần về Tịnh độ, chắc gởi báo liên chẳng còn nghi ngờ chi nữa!



GIỚI NHIÊN

Thích Giới Nhiên hiệu Thanh Tuyền, nguyên quán tại thôn Uyên Bình phủ Thuận Thiên. Nhà ông ở khoảng giữa hai ngôi chùa Trung Hoa và Lạt Ma giáo. Thuở bé ông không biết chữ, thích nghe mấy vị Lạt Ma tụng kinh, dường như có chỗ cảm ngộ.

Đến hai mươi chín tuổi, ông xin với mẹ cho xuất gia xuống tóc tại chùa Di Đà. Hơn một năm sau, được thọ đại giới nơi chùa Niêm Hoa. Kế đó lại đến Tịnh viện Tư Phước ở Hồng Loa Sơn nghiên cứu giáo lý và niệm Phật. Cư ngụ tại đây trước sau bảy năm, nhân nghe giảng về Duy thức không lãnh hội, niệm Phật lại

chẳng đắc lực, Giới Nhiên nghĩ hận mình căn tánh tối tăm, nếu không gắng sức khổ hạnh, chắc cũng sẽ luống qua một đời. Do đó sư phát nguyện đốt hương triều bái các nơi thánh tích, thề ba bước lễ một lay. Trong hơn hai năm, Giới Nhiên triều lễ các chùa núi: Nga My, Cửu Hoa, Phổ Đà, Thiên Đông, Thiên Mục. Sau thời gian ấy, sư từ chùa Kim Sơn về phương bắc thăm viếng thân mẫu. Kế tiếp lại triều bái non Ngũ Đài, lễ thánh tích của đức Văn Thù Bồ Tát. Mãn nguyện, sư thường thay đổi cư ngụ tại hai chùa Kim Sơn, Cao Mãn để rèn luyện thân tâm.

Tháng giêng năm Dân Quốc thứ bảy, Giới Nhiên từ Kim Sơn đến cửa Hộ, trụ tích nơi chùa Ngọc Phật. Lúc ấy có cư sĩ Trình Tuyết Lâu đến hỏi đạo, đàm luận rất thích hợp hân hoan. Tháng hai năm Canh Thân, Tuyết Lâu vương bệnh, sư nhân đến thăm, hỏi rằng: “Cư sĩ thấy trong người có mới nhọc nhiều chăng?” Tuyết Lâu đáp: “Bệnh đây dưng lâu ngày, thật rất khổ”. Sư bảo: “Thân đau bệnh mặc nó, tâm ta vẫn thanh tịnh không liên quan, cứ chuyên niệm Phật thì sự đi ở đều được tự tại!” Ngày hai mươi chín tháng ba năm ấy, Trình cư sĩ đã lành bệnh, đến viếng Giới Nhiên tại chùa Ngọc Phật, cả hai trò chuyện tương đắc tới mười giờ đêm. Lúc cư sĩ từ giả ra về, sư có nói:

“Ngày mai mừng một, tôi sẽ nỗ lực niệm Phật!” Sáng hôm sau, Giới Nhiên thức dậy sớm đem y ra phơi, chợt bảo vị Tăng đồng bạn rằng: “Tôi sắp cáo biệt nên đêm nay không thể chấp tác, phiền thầy thay nhọc dùm!” Ngộ trai xong, sư vào thất đóng cửa, mặc áo hậu, đắp cà sa trang nghiêm, ngồi kiết già cầm chuỗi niệm Phật. Trì tụng một lúc lâu, yên lặng nhắm mắt mà viên tịch.

Trình Tuyết Lâu nghe tin vội đến thăm, thấy Giới Nhiên còn ngồi thẳng trên đơn, đôi dép để ngay ngắn, y phục đều nghiêm chỉnh sạch sẽ. Hỏi ra thì mấy bữa trước sư có lãnh tiền trai tăng, nhờ may y phục mới. Kế hôm qua, Giới Nhiên đã dự bị tắm gội và thu xếp mọi việc. Trước khi vãng sanh lại thay đồ mới, an nhiên không bệnh mà từ trần. Sư hưởng tuổi đời được sáu mươi, tăng lạp ba mươi một.



CHÁNH THÀNH

Thích Chánh Thành họ Châu, người ở Dục Dương tỉnh Giang Tây. Ông nhà nghèo, đã có chí xuất trần từ lâu. Trước tiên được nghe Mãn Giác đại sư, vị hóa chủ ở chùa Tây Nhiên Mộc, dạy pháp thức niệm Phật cầu sanh Tây phương, ông liền tin chắc và từ đó thường hành trì theo. Nhân có người bà con bên ngoại nghèo khổ không nơi nương tựa, nên cha con ông đem về nhà ủng hộ, tìm cách sanh nhai để phụng dưỡng. Ông thường bảo con rằng: “Chờ khi người này thọ chung, chôn cất xong xuôi, cha con ta sẽ đồng xuất gia”.

Quả nhiên, đến năm sáu mươi tám tuổi, lo liệu việc táng cho kẻ ngoại thân xong, ông đem con đến chùa núi Phong Đánh thuộc huyện Duyên Sơn cầu xin thế độ. Người con trở thành đồ đệ, pháp danh là Minh Trí. Sau khi xuất gia, Chánh Thành càng gắng sức tu trì. Trong phòng có hai tòa bằng trúc và gỗ, mùa hạ sư ngồi tòa trúc, mùa đông ngồi tòa gỗ mà niệm Phật. Sư ở núi trọn mười ba năm, chưa từng đặt lưng nằm xuống chiếu. Khi niệm Phật cất cao tiếng, thường lúc niệm đến cả mình xuất hạn mới thôi. Mấy vị ở bên hèm là huyện náo hằng khiển trách, lại có những bạn đồng giới khuyên nên nhỏ tiếng một chút để cho mọi người khỏi chán nhàm. Chánh Thành tuy mỉm cười cho là phải, song đến khi niệm được chừng một lúc lại dường như quên

hắn, vẫn y nhiên cao tiếng như cũ. Có lẽ sư niệm Phật rất chuyên thiết, nên đã đến cảnh giới nhưt tâm. Lúc niệm chỉ biết có Phật, không còn tưởng nghĩ chi khác, cũng chẳng biết mình niệm to hay nhỏ, có làm phiền rộn người cùng chẳng, nên mới như vậy.

Gần chùa có ngôi tịnh thất do sư Cổ Hoa cư trụ tu hành, Chánh Thành thường ngồi nơi phiến đá dưới cội thông to bên tịnh thất, hướng về chót núi phía Tây mà niệm Phật. Sư hằng mục kích Phật hiện thân đứng trên đỉnh núi, tướng tốt trang nghiêm, đã hai ba phen gọi thầy Cổ Hoa ra xem, nhưng Cổ sư vẫn không thấy được.

Ngày mùng ba tháng sáu năm Nhâm Tuất thời Dân Quốc, Chánh Thành đến chợ huyện mua một vuông vải trắng, nhờ người may thành đai, bảo để đựng linh cốt sau khi thiêu hóa sắc thân. Kế đó lại nói bốn câu kệ, thỉnh thầy Cổ Hoa biên dùm lên mặt dây. Vài người thấy sư không đau bệnh chi, tiết trời lại nóng, bảo đó là việc chưa cấp thiết hãy nên chậm lại. Nhưng Chánh Thành tự biết đã tới kỳ quy Tây, thôi thúc làm gấp. Quả nhiên, sang ngày mùng bốn, sư ngồi kiết già niệm Phật mà hóa. Lúc đó chiếc dây vừa mới may xong. Còn Cổ sư thì thờ ơ quên sót bốn câu kệ, nên không biên ra được.

Tới ngày mùng bảy khi làm lễ trà tỳ, vừa đúng thông lệ hằng năm trong chùa đem tạng kinh ra phiên duyệt và phơi, nên hàng Phật tử tụ đến đông nhiều. Lúc cử hỏa bốn chúng vây quanh đứng xem, có kẻ thấy ánh lửa như hoa sen, có

người thấy kim quang rực rỡ, có vị thấy hiện thành hoa lá màu xanh. Mọi người than thở ngợi khen là điềm lành hi hữu, đều tụng kinh niệm Phật hoặc lễ bái. Đây cũng là việc ít có của hàng tăng giả thời mạt pháp vậy.



TRUYỀN TÁNH



hích Truyền Tánh tự Thanh Hoa, quê ở huyện Tam Thai tỉnh Tứ Xuyên. Sư xuất gia tại núi Nga My, chùa Kim Đảnh. Mùa đông niên hiệu Dân Quốc thứ năm, được thọ giới Cụ túc nơi chùa Bảo Quang.

Năm Dân Quốc thứ mười một, Truyền Tánh đi tham phương lần đến chùa Thê Chơn, huyện Gia Hưng rồi trụ nơi đó. Năm kế triều lễ núi Ngũ Đài, lúc trở về lại trụ ở Niệm Phật Đường chùa Thê Chơn mà tinh tu tịnh nghiệp. Tới niên hiệu Dân Quốc thứ mười ba, sáng ngày mười tám tháng tư, sư ngồi kiết già niệm Phật mà hóa.

Trước đó, Truyền Tánh trình với vị tăng Tri khách rằng: "Tôi sắp phải đi xa!" Hỏi: "Thầy đi đâu?" Đáp: "Có chỗ đi về!" Tri khách tăng đùa bảo: "Nếu được về cõi Cực Lạc ở Tây phương là điều rất quý!" Sư đáp: "Xin vâng!" Tới ngày ấy, khóa tụng sáng xong, trước tiên Truyền Tánh

niệm hương danh lễ Phật. Kế đó tới phương trượng lễ Liên Nhơn hòa thượng, rồi quì xin cáo biệt và cầu khai thị. Hòa thượng gạn hỏi, sư đáp: "Cơ duyên đã thuận thực, chẳng thể không đi!" Hòa thượng hứa nhận và phú kệ rằng:

Niệm Phật pháp mẫu lại cõi huyển

Đường Tây thẳng lối hợp cơ duyên

Nhân thành nguyện mãn Di Đà gặp

Khởi nổi "Linh bình ngũ thập niên".

Thọ lãnh pháp kệ xong, Truyền Tánh trở về trung đường ngồi kiết già niệm Phật. Được giây lát, đại chúng thấy đánh đầu sư hơi nóng bốc lên như khói trắng, cả mình xuất hạn, sắc mặt khác thường. Vài vị vội đến dò xem, thì sư đã thoát hóa.



GIỚI TÂM



hích Giới Tâm họ Đàm, quê ở Huỳnh huyện tỉnh Sơn Đông. Lúc tuổi trẻ ông rất mộ đạo, hằng có ý nguyện thoát trần. Lớn lên vì phải phụng dưỡng song thân, nên tới lui buôn bán ở Ngưu trang. Tuy nhiên, ông vẫn giữ chí khổ tu, ăn chay niệm Phật, gặp những việc lành đều gắng hết sức mà làm.

Đến tuổi năm mươi bảy ông mới thật hành được ý nguyện, tới xuất gia nơi chùa Tường Vân tại Hải Thành. Mùa đông năm Dân Quốc thứ mười một, lại đắc giới nơi chùa Thiện Quả ở Bắc Bình. Từ đó, Giới Tâm càng tinh tấn niệm Phật, ngày đêm không biếng trễ. Khi gặp hàng thân hữu hoặc kẻ viếng thăm, sư chỉ khuyến tu Tịnh độ, không bàn luận đến việc thế gian. Mùa xuân năm Dân Quốc thứ mười ba, chùa Lăng Nghiêm ở Dinh Khẩu mới khởi công kiến trúc, sư phát tâm làm công quả coi sóc mọi việc, chẳng nài khổ nhọc khó khăn. Hai năm sau Giới Tâm vương bệnh ho, tự nghĩ đó là túc nghiệp, nên vào hôm lễ vía đức A Di Đà đốt bốn mươi tám liều hương nơi cánh tay, để cúng dường và cầu sám hối. Ngày mừng tám tháng chạp, nhằm vía đức Thích Ca thành đạo, lại đốt thêm bốn mươi tám liều hương nữa. Tuy bệnh chứng mỗi ngày một tăng, song sư vẫn gắng niệm Phật không thôi nghỉ.

Ngày mười hai tháng chạp, sáng sớm thức dậy, Giới Tâm đối trước đại chúng bạch rằng: “Đêm vừa rồi, tôi thấy thảng cảnh ở Tây phương và kim dung của Tam Thánh. Chắc có lẽ duyên trần đã mãn, thời kỳ quy Phật hầu gần. Nay xin đánh lễ cáo từ và kính chúc đại chúng ở lại tu hành tinh tấn!” Lúc ấy có cư sĩ Vương Tinh Kiều, một lương y ở bản ấp, là bạn tốt của Giới Tâm, cũng trong đêm đó nằm mộng thấy người báo tin rằng: “Sư Giới Tâm sắp vãng sanh, nên mau tới trợ niệm!” Trong giấc mơ, Vương theo người ấy sang viếng thăm, hỏi: “Vừa rồi tôi chấn mạch,

thấy trước ngày rằm thầy vẫn chưa đến nỗi nào, nay sao lại đi vội gấp như thế?” Tâm đáp: “Sư vãng sanh đâu có luận gì mạch? Tam Thánh đã mách cho biết trước ngày về. Vậy liên hữu hãy dìu tôi ra ngoài, xem đã tới thời chưa?” Ra tới bên ngoài, sư hướng về Tây cả cười bảo: “Tôi sẽ sanh Tịnh độ, hưởng sự vui thắng diệu. Kìa, liên hữu hãy nhìn xem!” Vương ngẩng đầu trông lên, quả thấy đằng xa hiện cảnh giới trang nghiêm cõi Cực Lạc, Tây phương Tam Thánh đứng giữa hư không, liền hỏi: “Tam Thánh đã quang lâm tiếp dẫn, sao còn ở cách quá xa?” Bên tả bỗng có tiếng bảo: “Vị sư này đối nghiệp vãng sanh, chẳng phải Phật không đến tiếp dẫn!”

Tỉnh giấc, sáng ra Vương đem điềm mộng ấy thuật với các bạn đồng tu, ai nấy đều cho là triệu chứng báo sư sắp về cõi Phật. Ngày mười ba, thời tiểu thực sáng xong, Giới Tâm trao tiền cho vị Hương đăng, bảo mua dầu đốt đèn bàn Phật và chú nguyện rằng: “Xin đem ánh sáng này soi phá sự tối tăm của chúng sanh ba cõi!” Nói xong tụng kinh A Di Đà bảy biến. Chiều lại, sư đối cư sĩ Lục Bính Nam và Phật tử Vĩnh Nhuận bảo: “Sau khi tôi về Cực Lạc chúng được đạo quả, sẽ phân thân trở lại Ta Bà độ thoát vô lượng chúng sanh!” Nói vừa dứt, liền ngồi kiết già ngay thẳng, chấp tay niệm Phật rồi an nhiên mà hóa, thọ được sáu mươi ba tuổi.



ĐỨC TRÍ

hích Đức Trí họ Trương, người tỉnh Hồ Bắc, lúc chưa xuất gia chuyên nghề đánh cá. Khi tuổi gần sáu mươi, ông nghĩ mình nghiệp sát quá nặng, tất khó tránh khỏi ác báo, muốn được giải cứu chỉ có cách đối trước Tam Bảo sám hối tu hành.

Năm Nhâm Tý, đầu kỷ nguyên Dân Quốc, ông đến chùa Phật Đánh ở non Phổ Đà, cầu xin xuống tóc xuất gia. Sau khi thọ đại giới, có nhiều vị sư dạy bảo cho cách thức tu thiền. Đức Trí cũng tham cứu ít lâu, song tự biết mình căn tối chương sâu, khó được sự lợi ích thiết thật. Kế tiếp nghe Ấn Quang pháp sư đề xướng pháp môn Tịnh độ, sư đến đánh lễ cầu khai thị. Sau khi nghe lời chỉ dạy, Đức Trí liền tin nhận, từ đó chuyên cần lễ bái tụng niệm, giữ thời khắc chắc chắn không trễ sót, hơn mười năm như một ngày. Tánh sư cang trực, lại cần kiệm chất phác, rất chuộng giới hạnh, lạnh nhạt lợi cùng danh, chỉ trọng sự chân thật tu hành. Đối với những vị Tăng có đạo hạnh, thì đặc biệt cung kính, không luận già trẻ hoặc niên lap cao thấp, đều đánh lễ cầu xin khai thị. Khi được của cúng dường, đều chuyển giao cho thường trụ, hoặc giúp làm những công đức lành, bên mình không chứa để chi cả. Về sau vài bạn đồng môn đem việc phiền lụy đến người về chỉ phí cùi lừa để thiêu hóa lúc mãn phần, đôi ba phen trách móc. Bởi duyên đó sư mới dành ra ba mươi đồng giao cho vị Tăng Tri khổ nhờ cất

giữ, chớ không chịu chứa để nhiều.

Mùa thu năm Bính Dần thời Dân Quốc, Đức Trí vương chúng hạ ly. Có người bày uống rượu ngâm với trái Vô hoa để chữa bệnh, tất sẽ mau lành. Sư khẳng khái bảo: "Tôi thà chết chứ không dám phá giới cấm uống rượu!" Hai năm sau bệnh ấy lại tái phát, kỳ này rất trầm trọng, thường nằm dơ cả giường nệm, phải dời về Như Ý liệu để tĩnh dưỡng. Nhân vì bình sanh sư ưa kết duyên với người, nên lúc đó được vị Hương đăng có lòng tốt săn sóc, lo cơm chăn cùng lau rửa giường phòng, giặt giũ y phục chần nệm. Đức Trí tự biết đây là do nghiệp sát sanh phát hiện, nhờ chân thật tu hành, nên chuyển từ trọng báo sang khinh báo. Vì thế nên tuy đau yếu, song sư vẫn chí tâm niệm Phật không xen hờ.

Trước khi mãn phần ba ngày, căn bệnh bỗng giảm nhẹ, không còn làm nhor uế, thần trí sư trở nên thanh tỉnh. Do Đức Trí thật ý tu trì, nên được nhiều người kính mến, hằng lui tới viếng thăm. Lúc ấy tầng lầu trên của liêu Như Ý có mấy vị Tăng đang duyệt xem Đại Tạng kinh, thấy trạng thái đó biết là sư sắp từ trần; phát tâm thay phiên nhau trợ niệm, cùng khai thị cho những điểm thiết yếu để được vãng sanh. Trước khi sư lâm chung bốn giờ, tất cả đều chuyên xưng hiệu Phật giúp phần chánh niệm cho bệnh nhon, lại trần thiết tượng Phật tiếp dẫn để trước mặt. Đức Trí vui mừng cảm tạ và chú nguyện rằng: "Cầu cho chư vị đều được sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới!" Ban sơ sư niệm ra tiếng nhỏ theo đại chúng, kế đó chỉ sẽ động môi niệm thầm. Lúc

sắp đi lại trở mình nằm nghiêng bên hữu, tay mặt tự sửa ngay ngắn, tay trái do một vị Tăng giúp đỡ xuôi theo mình, thành ra tướng nằm kiết tường. Trong tiếng xung hồng danh của chư Tăng, Đức Trí vẫn động mỗi niệm Phật đến giờ phút cuối cùng, rồi nhắm mắt đi thẳng.

Mấy giờ sau, cả mình sư đều lạnh, duy đánh đầu còn nóng. Tới khi nhập khám, toàn thân Đức Trí đều mềm dịu, trong người sạch sẽ không có mùi hôi, lại tiết ra hương thơm thanh thoảng. Gương mặt sư bình thời vẫn đen nám tiêu tụy, lúc đó lại lộ nét tươi đẹp sáng nhuận. Đây là triệu chứng sư được nghiệp chương tiêu trừ, sanh về Cực Lạc.



KHÔNG TAM

Thích Không Tam họ Lưu, quê ở huyện Hải Thành tại Phụng Thiên. Lúc còn ở nhà, ông làm công trong lò ngói gạch. Tánh ông ưa bố thí, từng cung cấp phần ngói gạch và ngư vĩ cho chùa Lăng Nghiêm ở Dinh Khẩu lúc hưng công. Nhờ thế lần lượt hơn hai năm sau, ngôi tự viện mới được lạc thành. Kế đó Không Tam cảm nghĩ đời người như giấc mộng, tới chùa Trấn Hà ở trong huyện, đánh lễ Thoát Trần pháp sư cầu xin thế độ.

Sau khi thọ đại giới, sư đến chùa Long Tuyền ở Thiên Sơn, ngày đêm tinh cần niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ mười tám (1929). Không Tam nghe Đế Nhân pháp sư đến chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân truyền giới, liền mang y bát tới nơi công quả, lãnh phận sự nấu nước giải lao và săn sóc cho các giới tử đau bệnh. Bảy giờ nhắm tiết hạ, khí hậu nóng bức, hàng tân giới mười người vương bệnh hết ba bốn. Vì thế nhiều lúc sư phải thức suốt đêm để lo thuốc thang săn sóc.

Được gần nửa hạ, Không Tam trình với vị Tri sự tăng trong chùa là Như Quang rằng: “Không bao lâu tôi sẽ về Tây phương Cực Lạc thế giới, xin thầy từ bi sắp cho một nơi thanh tĩnh để được phương tiện hơn”. Như Quang suy nghĩ rồi chấp thuận, hỏi: “Chùng nào thầy quy Phật?” Sư đáp: “Không quá mười ngày!” Đại chúng hay được việc ấy, phần đông đều mỉm cười nửa tin nửa ngờ. Sáng hôm sau, Không Tam được cho dời đến tịnh thất rộng rãi ở phía đông chùa. Kế tiếp vài ngày, sư báo tin hôm nay mình sẽ vãng sanh, và yêu cầu sau khi viên tịch đem hài cốt ra thiêu hóa. Lúc ấy đại chúng gồm hàng tăng tục hơn tám mươi người nghe tin tụ hội đến, có vị thành tâm trợ niệm, có kẻ chỉ tới nơi dò xem sự thể ra sao!

Bảy giờ giữa số đông người, Không Tam ngồi kiết già nhắm mắt chấp tay niệm Phật không dứt. Một vị Tăng thấy sư nét mặt an điềm, lại nghe thoảng mùi hương lạ, bỗng sanh lòng tin tưởng, lên tiếng hỏi: “Thầy sắp về Phật, chẳng

lẽ không để lại một bài kệ nào lưu niệm hay sao?" Sư mở mắt ra đáp: "Tôi xuất thân là kẻ làm công trong lò gạch, đã đốt nát lại nửa đời người mới vào chùa xuống tóc tu hành. Như thế đâu có đủ khả năng chỉ để thuyết kệ? Nhưng thời gian trước tôi có nghe hai câu kệ của một vị giảng sư, nên ghi nhớ và hằng lấy đó là phương châm trên bước tu hành. Hai câu ấy là: Nói được làm không được. Tất không phải người trí". Đại chúng nghe lời ấy, biết sự tu hành của sư chẳng dựa nơi điều phù phiếm, mà đã đạp trên bước chân chắc chắn chân thật, nên đều chấp tay tỏ vẻ cung kính. Giây lát Không Tam ngồi thoát hóa trong tiếng niệm Phật của đông người. Bấy giờ nhằm ngày mười ba tiết trọng hạ.

Hai hôm sau mới làm lễ nhập khâm, di hài của sư vẫn còn ngồi ngay thẳng tươi tỉnh như sống. Xung quanh ruồi muỗi tuyệt không có một con, thì thể lại thường tiết ra mùi hương lạ. Lúc trà tỳ, mọi người đều nghe hơi thơm chiền đàn bay thanh thoảng.



KIM TRƯỚC



hích Kim Trước, người ở Thai Châu, xuất gia tại chùa Diên Thọ thuộc bản xứ hồi mới lên tám tuổi. Đến niên kỷ hai mươi, sư được thọ đại giới nơi chùa Quốc Thanh.

Bước hành đạo đầu tiên, thầy thế độ dạy sư tụng chú Đại Bi và niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Mỗi ngày Kim Trước tụng chú bốn mươi tám biến, ngoài ra chỉ chuyên niệm Quán Âm. Sư tu tập như thế không xen hở, bình sanh xem danh lợi như bóng bọt, thói quen tập nhiễm nhờ công đức trì niệm lần lượt đều tiêu trừ. Lại do sức trì chú, Kim Trước trị bệnh cho nhiều người lành mạnh một cách mau lẹ, cũng không nhận sự thù ân.

Năm Mậu Thìn niên hiệu Dân Quốc, sư ở tu một mình trong am nhỏ, đêm nọ bỗng bị giấc cướp. Chúng xét thấy ngoài y bát ra không có vật chi quý giá, nên nổi giận đâm sư hai dao bên hữu trán và một ở cánh tay mặt. Kim Trước chỉ bị bất tỉnh, sau đó được lành, dấu dao đâm còn in dấu rãnh rạn. Đây là nghiệp trái nhiều kiếp về trước, do công tu nên dồn phát lộ, chuyển quả báo nặng thành nhẹ, trả ngay trong hiện

đời. Mùa hạ năm Kỷ Ty, sư đến chùa A Dục Vương ở Ninh Ba, niêm yết danh sách xin đơn (*chỗ giường nằm*) nhập chúng. Chờ hơn nửa ngày song không được chấp nhận, Kim Trục chẳng một lời trách hờn, vẫn điềm nhiên ngồi tịnh mãi. Vị tăng Tri sự thấy thế, đưa vào Dưỡng Tâm Đường cho ở tạm.

Tới tháng tám, vị sư Quán đường lại bảo phải đi nơi khác. Kim Trục thưa: "Tôi tạm ở đây không bao lâu sẽ sanh về Tây phương. Xin từ bi cho tôi nhập chúng đến mãn tiết mạnh đông". Sư Quán đường trình lên, vị tăng Tri chúng miễn cưỡng chấp thuận. Tới ngày mười chín tháng mười, Kim Trục bạch với chúng rằng: "Trong vòng ba ngày, tôi sẽ thoát ly biển khổ, sanh về Cực Lạc. Xin các bạn đồng tham nên cố gắng niệm Phật cho chắc thật, hoặc chuyên xưng danh hiệu một trong hai vị đại sĩ tùy thị ở Tây phương, quyết định sẽ được vãng sanh. Đức Thế Tôn không bao giờ nói dối! Hiện thời Quán Thế Âm Bồ Tát đang bùng đài bạc đứng giữa hư không trước mắt tôi!" Đại chúng nghe nói, phần nhiều không tin, cho là lời huyền hoặc. Trước giờ ngọ ngày hai mươi một, Kim Trục đắp y lên các điện lễ Phật, Bồ Tát, rồi xuống thưa các vị sư Quán đường rằng: "Quá ngọ một giờ, tôi sẽ về Tây phương". Chư Tăng vẫn còn cho đó là

lời càn dối.

Tới chín giờ, sư lên quá đường dùng hai chén như thường ngày, rồi về nói với một bạn đồng liêu rằng: "Theo qui lệ của thường trụ ở đây, vị Tăng nào tịch phải đưa thi hài vào núi, tiền mướn người khiêng đi là bốn hào. Tôi không còn vật chi, duy có đôi dép xin phụng tặng, nhờ thầy lo liệu giùm việc ấy!" Sang mười một giờ, Kim Trục tắm gội thay y phục ngồi kiết già day mặt phương Tây, lâm râm trì niệm. Đến xế qua một giờ, đúng như lời nói, sư an nhiên mà thoát hóa.



ĐỂ NHÂN



hích Đế Nhân, pháp danh Cổ Hư, hiệu Trác Tam họ Châu, người ở Hoàng Nham tỉnh Triết Giang. Pháp sư tánh huệ đã tròn, căn lành sẵn đủ, hai mươi tuổi đến xuất gia nơi chùa Bạch Vân huyện Lâm Hải. Hai năm sau được thọ giới Cụ túc tại chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai.

Từ đó đồng tham thiền, hạ học Phật, Pháp sư tinh tấn hành đạo, gần gũi với các bậc kỳ túc, và rất tương đắc cùng Mãn Hy lão nhơn. Ngài từng dự khóa giảng Pháp Hoa, nghe chưa trọn bộ đã lãnh hội ý mầu Tam đế tam quán. Kế tiếp được cho ngồi tiểu tòa phúc giảng lại, lời sâu mầu lý thông suốt, khiến hàng đồng bối đều kinh hãi thán phục. Mãn công cũng thờ than khen ngợi cho là bậc long tượng trong pháp môn.

Năm hai mươi tám tuổi, Pháp sư mở diễn hội Pháp Hoa nơi chùa Lục Thông tại Hàng Châu. Khi giảng tới đoạn "Khai Phật tri kiến", Ngài bỗng vào định lặng yên. Giấy lát xuất định giảng tiếp thì biện tài không ngại, đáp nạn giải nghi như bình tuôn nước, lời lẽ thâm mở tự tại chẳng ai chế ngự nổi. Từ đó về sau, thường lấy sự hoằng pháp lợi sanh làm trách nhiệm của mình. Pháp sư lại lo huệ nhiều định ít sợ nổi chướng đạo, nên đóng cửa nhập thất nơi am Thánh Quả ở chùa Từ Khê. Lúc rồi rảnh thì nghiên cứu thêm về Đại thừa kinh điển.

Ba năm sau vừa ra thất, Ngài liền nhận lời cầu thỉnh giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Long Hoa ở Thượng Hải. Khóa giảng xong lại về Kim Sơn tự tham thiền, rồi đến chùa Quốc Thanh tu quán. Trải qua thời gian đó, sự giải ngộ của Pháp sư càng đến chỗ sâu sắc nhiệm mầu, được Tổ Thích Đoan Dung chọn làm truyền nhơn môn phái Thiên Thai đời thứ bốn mươi ba. Từ đây đến hơn hai mươi năm về sau, Ngài ứng lời cầu thỉnh liên tục đi giảng khắp nơi ít khi rồi rảnh, mở pháp hội kẻ có mấy ngàn lần. Mỗi ngày Pháp sư đều tụng kinh Kim Cang, Viên Giác, Quán Vô Lượng Thọ, Phổ Hiền Hạnh Nguyên phẩm và niệm Phật hơn một muôn câu lấy làm thường khóa. Ngày rằm và ba

mươi lại tụng thêm kinh Phạm Võng.

Trong một đời hoằng hóa, Ngài đã trùng hưng chùa Đầu Đà ở Ôn Châu, chùa Vạn Niên ở Thiên Thai, chùa Quán Tông ở Ninh Ba, chùa Phạm Thiên ở Hàng Châu. Ngoài ra còn mở Phật học đường để đào tạo Tăng tài, lập tịnh viện cho đại chúng tu tập. Chùa Quán Tông là nơi thường trụ tích của Pháp sư. Ngài trừ thuật rất nhiều lời khai thị, dưới thích ứng với cơ duyên, trên thâm hợp cùng Phật lý, khiến cho phần đông hàng đạo tục đều được lợi ích thâm nhuần. Cách thức chỉ dạy thì giáo mở Thiên Thai, hạnh chuyên Tịnh độ, nên mỗi khi giảng kinh đều chỉ quy về sự niệm Phật. Bản thân của Pháp sư cũng thật hành theo đường lối đó, hạnh giải kiêm toàn chúng đều khâm phục, được mọi người tôn xưng là bậc trung hưng Thai giáo thời bấy giờ. Cho đến những điều công ích, các việc từ thiện ngài đều khẳng khái giúp thành.

Trong hai mùa xuân hạ năm Tân Mùi thời Dân quốc, Pháp sư giảng kinh nơi chùa Ngọc Phật ở Thượng Hải. Ngoài ra lại ứng đáp lời cầu thỉnh của Vô Tích cư sĩ, giảng bài văn Phát Bồ Đề Tâm của Tịnh Am đại sư. Nhân vì tuổi đã cao, thời tiết nóng bức, Phật sự quá nhọc nhằn, nên sau kỳ giảng Pháp sư lâm bệnh. Lúc trở về bản tự, tinh thần cùng sự ăn uống mỗi ngày thêm suy giảm. Ngài bèn tuyệt hết các duyên, quyết ý chuyên niệm Phật cầu sanh. Sang mùa hạ năm Nhâm Thân, Pháp sư đem thủ tục và quy chế ở chùa Quán Tông giao phó hoàn tất, chỉ định cho môn nhơn là Bảo Tịnh nối tiếp hoằng trì.

Đến ngày mùng hai tháng bảy, trước giờ Ngọ, Pháp sư bỗng chấp tay hướng về Tây yên lặng giây phút rồi bảo:

“Đức A Di Đà đã quang lâm tiếp dẫn, lão nhơn xin từ đây giã biệt!” Nói đoạn, bảo thị giả nấu nước thơm để mình tắm gội. Sau khi thay y phục mới sạch, đắp cà sa xong, Pháp sư dạy đỡ mình lên chánh điện lễ Phật, rồi bảo đi xuống tự ngồi kiết già trong bảo khâm. Kế tiếp, trước khi dạy chúng đồng thanh niệm Phật. Ngài nói lời kệ phú chúc vắn tắt rằng:

Ta nhờ niệm Phật

Tịnh độ hiện tiền

Chân thật thọ dụng

Chúng gắng tinh chuyên!

Quá ngộ một giờ ba khắc, ngài an lành mỉm cười vãng sanh trong tiếng trợ niệm của đại chúng. Lúc ấy sắc mặt của Pháp sư hiện vẻ rất tươi sáng, mấy giờ sau đánh đầu còn nóng. Bảy giờ nhằm ngày mùng hai tháng bảy, năm Dân Quốc thứ hai mươi một (1932), Pháp sư hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, Tăng lạp năm mươi lăm. Di hài được môn nhơn làm lễ nhập tháp nơi chùa Từ Khê, non Ngũ Lôi.



TỊNH ĐỘ THI

I

Chuyên cần lễ niệm sớm rồi hôm
Ao báu đài sen nhập mộng hồn.
Xương nát thân tan ngàn vạn kiếp
Khó đền ân đức Đại Từ Tôn!

II

Sáu thời tưởng niệm Từ bi phụ
Con trẻ ngày nao trở gót về?
Nói đến luân hồi vô tận việc
Trông mau rút lệ động lòng quê?

III

Anh khuyên em dạ niệm Di Đà
Lại độ thể nhi thoát ái hà
Vì được đồng tâm cùng niệm Phật
Diêm La thúc thủ biết sao mà?

IV

Xưa có sĩ phu Ngô Tử Tài
Gỗ hòm mỗi sớm nhắc quy lai
Thân tuy còn ở trong ba cõi
Hồn đã nương về Bạch ngẫu thai.

(Thai sen trắng)

V

Niệm Phật phải chuyên niệm đến cùng
Đến cùng tâm niệm bỗng tiêu dung!
Ta Bà biển khổ phong ba lặng
Yên ổn thuyền sen tới Lạc cung.

VI

Muốn kết duyên lành hội Thắng liên
Hơn thua phải quấy thấy đều quên!
Pháp mâu khó gặp tâm hằng nhớ
Vui vẻ đồng lên giải thoát thuyền.

VII

Bởi còn chấp ngã khởi tham sân
Chôn lấp hoàng kim trượng lục thân!
Nay gặp duyên may vào Tịnh xã
Chẳng nên theo cũ dính phong trần.

VIII

Khắp đem đất trọc Tam thiên độ
Gieo giống trời Tây cứu phẩm liên
Đường đạo đây hơn không cách khác
Chỉ cần một niệm vững bến thuyền.

IX

Hàng để thân tâm hướng tịch dương
Tịch dương nơi ấy có liên hương!
Gió cây chim nước tuyên lời diệu
Xót kẻ tình đời mộng huyễn vương.

X

Ba mươi sáu chước, chước chi mầu?
Câu Phật ngàn muôn niệm đến đâu!
Nến tắt hương tàn mơ cõi báu
Bóng câu kiếp tạm chẳng bền lâu!

Trung Phong đại sư.



TẠ XUÂN HOA



Ư sĩ Tạ Xuân Hoa, người ở Tiên Đường tại Hàng Châu. Ông bẩm tánh hòa nhã chân thật, không ưa tranh chấp với người, thờ cha mẹ rất có hiếu, chưa từng làm cho song thân phật ý. Đối với những việc lành, ông cũng thường hết sức giúp đỡ, song chưa biết ăn chay niệm Phật.

Năm Quang Chữ thứ mười, Xuân Hoa bỗng mang bệnh cổ trướng, thuốc thang cầu đảo đều vô hiệu, chỉ nằm rên rĩ chờ mãn phần. Người em họ là cư sĩ Châu Kim Bá tu hành đã lâu, hiểu biết Phật pháp, một hôm nhân đến thăm, thấy thế bảo rằng: "Căn bệnh của anh, xét kỹ lại chính là túc nghiệp. Nếu không phát nguyện lớn, làm lành và sám hối niệm Phật, e khó tiêu trừ!" Xuân Hoa nghe nói chấp nhận, liền lập thế trọn đời giới sát, phóng sanh và chí tâm niệm Phật. Châu cư sĩ hết lòng tán trợ, đến nhà dạy bảo cho cách thức tu hành, lại định hạn kỳ cùng với ông niệm Phật bốn mươi chín ngày. Đêm hoàn mãn, Xuân Hoa mộng thấy một vị Tăng đem trao cho hoàn thuốc bảo uống. Tỉnh giấc ông cảm thấy trong bụng sôi động, đi ngoài vài lần, thân liền an ổn, ba hôm sau bệnh liền hẳn.

Từ đó Xuân Hoa phát lòng tin sâu, khẩn thiết niệm Phật không xen hở. Những kỳ pháp hội, cư sĩ đều có dự vào. Đầu mùa hạ năm Quang Chữ thứ mười lăm, Xuân Hoa cảm bệnh nhẹ, ăn uống kém dần, song niệm Phật càng tha thiết. Đến ngày hai mươi sáu tháng tư, cư sĩ mộng thấy Tây phương Tam Thánh, tỉnh giấc biết đó là triệu chứng vãng sanh. Lúc ấy, bệnh cũng đã thuyên giảm, ông đi từ giã khắp các bạn thân, bảo mình sắp sanh về Tịnh độ. Xuân Hoa lại nói với cư sĩ Diêu Minh Trai rằng: "Ngày hai mươi tám tới đây tôi sẽ về Tây phương, xin nhờ liên hữu tới trợ niệm!" Minh Trai bảo: "Ngày đó tôi có việc cần". Ông lại dời sang ngày hai mươi chín, song Minh Trai cũng đáp chưa rảnh.

Xuân Hoa lại nói: "Thế thì tôi nhứt định ngày mừng một tháng năm sẽ đi, anh có đến được chăng?" Minh Trai bảo: "Hôm ấy việc đã xong, tôi xin tới trợ niệm!"

Đến kỳ hạn, cư sĩ tắm gội, thay y phục, ngồi ngay thẳng về hướng Tây, gọi con cái lại dặn rằng: "Các con nếu có hiếu tâm, hãy niệm Phật giúp cha, đừng nên thương khóc. Sau khi cha mãn phần, phải gắng làm người hoàn thiện, tinh tấn tu hành!" Kế tiếp các liên hữu đều hội lại, cùng nhau xưng hồng danh trợ niệm. Ước chừng nửa cây hương, Xuân Hoa chấp tay đưa lên cao tỏ ý từ biệt, rồi để hai tay xuống ngang ngực, ngược mắt lên như nhìn thấy cảnh tượng chi. Giây phút, cư sĩ mỉm cười nhắm mắt mà đi thẳng. Lúc ấy mùi hương lạ bay khắp nhà, vài ngày sau vẫn chưa tan.



DIỆP TRÚC AM



Cư sĩ Diệp Trúc Am, người đời Thanh, quê ở huyện Dư Dao tỉnh Triết Giang. Thuở còn bé ông đã có phẩm tánh khác với trẻ thường, chưa từng nói lời thô ác và đùa cợt. Đến lúc vào trường học, hạnh kiểm lại đoan trang nghiêm cẩn còn hơn bậc thành nhân.

Lúc mười tám tuổi, lên đại học đường, Trúc Am không thích tập nghề khoa cử, chỉ chuyên tâm nghiên cứu phần lý học, tìm hiểu thêm các kinh sách Phật giáo. Hiểu đến đâu ông cố gắng thực hành tới đó, chẳng ưa nói điều phù phiếm cao xa, cùng viết sách trữ thuật.

Đến khi cuộc loạn giặc tóc dài của nhóm Hồng Tú Toàn, Dương Tú Thanh nổi lên, khắp nơi biến diễn lắm cảnh thảm mắt đau lòng. Trúc Am mục kích hiện tượng ấy, bỗng suy nghĩ: “Kiếp vận giặc giã cướp phá, sự giết hại đối khổ tràn lan không phải sức một người có thể cứu vãn. Tuy nhiên quyền sanh sát loài vật chỉ do nơi ta. Nếu ta biết giữ giới tu phước, tất sẽ nhờ biệt nghiệp của công đức lành, tránh khỏi ảnh hưởng cộng nghiệp!” Từ đó ông lập nguyện: ăn chay, giới sát, bố thí, phóng sanh, và hết sức làm các điều lành. Mặc cho bọn hủ nho dùng thuyết: tế lễ phải có rượu thịt để bài bác, và trong họ hàng người làng xóm chấp nê theo thông tục mà giải khuyên, ông vẫn không đổi ý chí. Tất cả cuộc tế lễ đãi khách, ông đều dùng toàn đồ chay, và lấy đó làm hiệu lệnh trong nhà.

Hơn năm mươi tuổi, Trúc Am mới biết quy hướng về Tịnh độ. Mỗi buổi sáng, ông đều hướng về Tây đánh lễ tụng trì, dù trải thời tiết nóng lạnh vẫn chuyên niệm Phật không trễ bỏ. Năm Mậu Tuất niên hiệu Quang Chử, lúc được sáu mươi chín tuổi, vào ngày mùng một tháng ba, Trúc Am bỗng vương bệnh. Tới nửa đêm ngày mùng bốn, ông gọi con trai lớn là Diệp Bình Quân lại bảo: “Nếu bệnh

thể của cha không thuyên giảm, con nên đốc suất trong gia thuộc chí tâm niệm Phật để tổng chung, chẳng nên lộ vẻ buồn rầu thương khóc. Điều này rất thiết yếu, con hãy ghi nhớ kỹ, nhược bằng trái lời tức là phạm lỗi không hiểu thuận!” Từ đó khi mê lúc tỉnh, ông thường niệm Phật rành rẽ rõ ràng. Vài hôm sau, tuy hơi sức kém yếu, tiếng niệm nhỏ dần, lời nói cũng đứt đoạn khó khăn, song câu Phật hiệu vẫn thông suốt. Bệnh kéo dài tới giờ Tuất ngày mười ba ông mới quy Tây.

Trước đó ba hôm, những người thay phiên phục thị, đều nghe mùi hương lạ. Khi lâm chung, ông vẫn giữ chánh niệm cho tới lúc tắt hơi. Vừa lúc ấy thịt nơi đỉnh đầu của ông bỗng nổi cao lên to như búi tóc. Các bạn đồng tu đều khen ngợi, cho đó là điềm tốt vãng sanh.



HỒ DIỆP TIẾT



ư sĩ Hồ Diệp Tiết, người huyện Thái Thuận, tỉnh Triết Giang. Ở địa phương này có chùa Hoa Nghiêm, do Triệt Quyền đại sư chủ trì. Đại sư chuyên tu Tịnh độ, dạy người niệm Phật nên chắc thật già dặn, đừng chuộng sự hào hoa.

Lúc Diệc Tiết được ba mươi tuổi, đến quy y với Triệt sư, ban ngày về nhà lo việc ruộng nương, đêm lại tới chùa niệm Phật! Năm ba mươi lăm tuổi, ông đau yếu, bảo với vợ rằng: "Tôi sẽ đến Hoa Nghiêm Tự dưỡng bệnh, liệu mình niệm Phật, gởi thân mạng cho đức A Di Đà Thế Tôn". Tới chùa rồi, ông liền thật hành đúng như lời nói, ngày đêm chỉ thành niệm Phật không xen hớ. Được nửa tháng, Diệc Tiết tự biết mình sắp sanh về Tây phương, nên buông bỏ cả muôn duyên, không đề cập tới gia đình cùng thế sự.

Khi lâm chung, ông bảo vợ lễ thỉnh ngài Triệt Quyền và chư Tăng trong chùa từ bi trợ niệm. Lúc đại chúng đồng thanh niệm Phật, Diệc Tiết cũng niệm theo. Được một lát, tiếng ông càng vang to, âm thanh chân động đến vách ngói. Thấy tiếng xướng Phật hiệu của Diệc Tiết càng lúc càng vang dội, sau cùng chư Tăng đành yên lặng nhường cho ông tự niệm. Giây phút Diệc Tiết bỗng nín giọng tắt hơi, song đại chúng vẫn nghe tiếng niệm Phật của ông vượt thẳng lên hư không đi về Tây, càng xa càng nhỏ dần, đến năm sáu mươi câu mới dứt. Đây thật là việc thù thắng lạ đời ít có. Những người nghe thấy đều khen công đức niệm Phật vãng sanh không thể nghĩ bàn!



HẠ QUỐC XƯƠNG



Ư sĩ Hạ Quốc Xương, người thời Trung Hoa Dân Quốc, quê ở Bình Hương, tỉnh Giang Tây. Ông nội và cha đều xuất thân chốn quan trường, có tiếng là liêm khiết. Quốc Xương từng giữ chức Tri huyện, thuyền chuyển đi vài nơi, sau thời cách mạng lại làm Dân chánh trưởng ở bản tỉnh.

Mùa thu năm Dân quốc thứ hai, vì liên can vào việc thảo trừ Viên Thế Khải, mưu sự không thành, nên ông lánh nạn vào ẩn cư ở một ngôi chùa tại Nam Nhạc tỉnh Hồ Nam. Từ đó Quốc Xương cải hiệu là Hoành Tiêu, mỗi ngày trì các chân ngôn: Lăng Nghiêm, Chuẩn Đề và niệm Phật. Mùa xuân năm Dân Quốc thứ tư, ông được người có thể lực tiến cử, song bị viên Áp lĩnh vu cáo, phải tự đến Bắc Kinh trần bạch mới được trắng án.

Bấy giờ có cư sĩ La Kiệt là bạn đồng cảnh ngộ với Quốc Xương. Vì thế, sau cơn hoạn nạn, đôi bên thường qua lại thân thiết nhau. Cả hai đều trường trai và tập tham thiền. Một hôm trong cơn tĩnh định, Quốc Xương bỗng nghe có người gọi mình là Liêu Không Tử. Do đó ông cảm tác bài thi có hai câu như sau:

Liêu Không biết được đường lui tới

Phù thế phen này lại trải chơi!

Từ đó ông quy hướng Tịnh độ, mỗi ngày tụng kinh Hoa Nghiêm vài quyển, lễ Phật một trăm lạy, niệm hồng danh A Di Đà hai muôn câu. Cư sĩ lại soạn các quy ước: Trì trai, niệm Phật, Quán tâm, Giãn sát, đề tự răn nhắc sách

tấn.

Mùa xuân năm Dân Quốc thứ tám, Quốc Xương về thăm viếng quê hương, gặp lúc trời hạn lâu, liền làm lễ đảo võ, được mưa xuống dồi dào, đồng ruộng đầy dẫy nước. Kê đó ông lại lập đàn thí thực tụng kinh cầu siêu cho tiên linh và những nạn nhơn trong cuộc chiến tranh Nam, Bắc. Trong khi cúng thí, người dự hội đều thấy đức A Di Đà hiện thân giữa hư không, vô số ngạ quỷ cô hồn cúi đầu đánh lễ, rồi theo Phật bay về Tây phương. Sau công việc ấy, cư sĩ già từ hương lửa, bảo mình không trở lại nữa. Ông lại dặn dò người thân thuộc khi nghe tin mình mãn phần, không được sát sanh cúng tế. Về tới Bắc Kinh, cư sĩ liền cảm bệnh. Gia nhơn cùng bạn hữu muốn rước lương y điều trị, ông liền từ khước bảo rằng: "Tâm tôi rất yên ổn, nẻo đi về đã biết rõ ràng, cần chi dùng thang thuốc!" Rồi ông vẫn cố gắng lễ niệm như lúc bình thời, và nói: "Lúc này khi nhắm hay mở mắt, tôi đều thấy Phật cùng Bồ Tát hiện thân to lớn đầy khắp hư không!"

Kê đó bệnh ông có vẻ giảm bớt. Khi hàng quyến thuộc hay tin đến viếng thăm đông đủ, cư sĩ ngồi lên ngay thẳng, từ từ nhìn mọi người đứng xung quanh qua một lượt, rồi mỉm cười chấp tay yên lặng mà thoát hóa.

Lúc cư sĩ mới phát tâm niệm Phật, nằm mơ thấy đóa hoa sen đầy khắp hư không, mỗi đóa hoa đều có người ngồi, duy một tòa còn bỏ trống. Ông hỏi duyên cớ thì một vị ngồi gần bên đáp rằng: "Tòa sen này để dành chờ Liễu Không Từ!" Lại khi Quốc Xương trở về tới Bắc Kinh, cô con gái là Hạ Vinh nằm mơ thấy cha mình ngồi trên hoa sen bay về Tây phương. Cư sĩ tuy kê bạch y, song giữ giới

rất mực nghiêm cần. Lúc sắp mãn phần, hàng đệ tử là Bành Hiến thỉnh huấn, ông bảo: "Chúng ta ở sâu vào thời mạt pháp, túc nghiệp đều rất nặng. Muốn dứt cội rễ sống chết luân hồi, cần phải niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Trong pháp môn Tịnh độ: Sự phát nguyện phải chân thật. Sám hối phải chí thiết. Giữ giới phải bền chắc. Niệm Phật phải chuyên cần. Giới là vô thượng Bồ đề, là gốc muôn điều lành, là cội của chánh pháp, là chỗ vào của người học đạo, là thầy tốt của con. Nếu con giữ ba nghiệp cho thanh tịnh mà niệm Phật, quyết định sẽ thấy đức A Di Đà".

Lời trên đây cho thấy sự giữ giới tu hành của ông rất nghiêm cần.



PHƯƠNG HẢI SANH



Ông từ Phương Hải Sanh là con của cư sĩ Phương Dưỡng Thu ở Hương Cảng. Dưỡng Thu ưa làm việc phước thiện, sau tuổi trung niên lại chuyên tâm hướng về Tịnh độ.

Hải Sanh mới bảy tuổi, cùng song thân cư ngụ ở Hương Cảng, thường tập theo cha lễ Phật trì niệm. Em có thể tụng được chú Chuẩn Đề cùng bài kệ Phá địa ngục trong kinh Hoa Nghiêm. Đôi khi còn nhớ lời cha dạy, đem cảnh Tịnh độ thuật lại với người quen thân và bảo: "Phải chuyên cần niệm Phật. Niệm hồng danh A Di Đà sẽ được

sanh về thế giới Cực lạc”.

Tháng hai năm Dân Quốc thứ chín, vào ngày vía đức Quán Thế Âm, Hải Sanh bỗng nằm bệnh. Dưỡng Thu ngồi một bên xưng hồng danh hộ trợ, đồng tử cũng xưng niệm theo cha. Lúc nhắm mắt hôn mê lại tụng chú Chuẩn Đề rành rẽ không sót một chữ. Dưỡng Thu bỗng con đến trước bàn Phật, nhắc bảo chiêm ngưỡng chân dung Tây phương Tam Thánh, Hải Sanh trông thấy tôn tượng liền cao tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật hơn vài mươi câu, tiếng to vang hơn lúc còn chưa bệnh.

Qua xế chiều ngày hai mươi một, đồng tử bỗng xuống giường lần đi từng bước. Dưỡng Thu vội chạy lại đỡ, hỏi muốn đi đâu, thì đáp: “Con lên lễ Phật!” Bảy giờ tiếng nói của em đã hơi khó khăn, song vẫn còn có thể đốt hương lễ Phật. Đến mười giờ đêm, bà vú đưa em gái của Hải Sanh đang niệm Phật cầu cho đồng tử mau khỏi bệnh, bỗng thấy tường vách đều biến mất trông không, có kim quang ẩn hiện năm sắc chiếu rực rỡ như đêm trăng sáng. Trong kim quang, một vị bông Hải sanh vượt lên khỏi nóc nhà bay về Tây phương. Bà còn đang nghi lự, chợt như tỉnh mộng, trông vách đều hiện lại như cũ. Nhũ mẫu vội chạy xuống hỏi thăm thì Hải Sanh đã tắt thở.

Lúc em sắp mãn phần thì tay chân lạnh trước, đôi mắt chăm chú nhìn song thân. Dưỡng Thu đốc suất bảo xưng hồng danh trợ niệm. Cư sĩ lại nói sự vui đẹp ở Liên bang, khuyên con đừng luyến tưởng chi khác, hãy chuyên tâm hướng về Cực Lạc. Hải Sanh vâng lời, chí tâm niệm Phật, cho đến lúc tắt hơi. Sau khi em mãn phần, tay chân trở lại nóng ấm, sắc mặt tươi như sống. Một ngày trước khi Hải

Sanh vương bệnh, bà mẹ trong cơn mơ màng, thấy tòa đài điện rất nguy nga tráng lệ, kim quang chiếu rực rỡ, khoảng chiều sâu chính giữa có đóa hoa sen lớn đẹp, một vị Phật thân sắc vàng ngồi nơi trên. Từ xa trông vào chỉ thấy đôi chân Như Lai ngồi kiết già. Hải Sanh kiếp trước đã trông căn lành sâu nên mới lên bảy tuổi liền biết niệm Phật. Em lại được cha hiền hộ trợ, khi lâm chung điềm lành ứng hiện, chánh niệm rõ ràng.

Đồng thời lại có Đàm Lạc Kiều, người quận Nam Hải, làm khách sanh nhai ở Hương Cảng. Tánh ông rất chân thật, tin sâu lý nhân quả, cùng với Dưỡng Thu có quen biết nhau. Dưỡng Thu có trao cho quyển Tây Quy Trực Chỉ, khuyên tán về sự niệm Phật vãng sanh. Lạc Kiều liền tin nhận thật hành, ngày đêm không biếng trễ. Ít lâu sau ông mang bệnh, tự biết mình khó qua khỏi, liền thu xếp công việc trở lại quê hương. Dọc đường ông vẫn cố gắng chuyên tâm niệm Phật, về tới nhà bệnh khổ như tan mất, ông bảo vợ rằng: “Tôi sắp vãng sanh Tịnh độ, bà chẳng cần rước lương y, nên giúp tôi xưng niệm Phật!” Bà vợ trước nay vẫn tin Tam Bảo, liền làm theo lời khuyên dạy. Đến lúc sắp từ trần, Lạc Kiều còn có thể xuống giường bước đi, bảo vợ đem y phục mới sạch cho mình thay đổi. Xong mọi việc, ông ngồi niệm Phật mà qua đời, dung mạo rất an lành tươi tỉnh.



TỪ LÔI

ừ Lôi tự Điện Xu, người thời Dân Quốc, ở huyện Lạc Thanh, tỉnh Triết Giang. Ông xuất thân nơi quân ngũ, thích uống rượu ưa chơi bời. Trong nhà việc sát sanh nấu nướng và yến ẩm vui đùa không lúc nào dứt.

Đêm mừng một tháng giêng năm Canh Thân thời Dân Quốc, Từ Lôi nằm mộng thấy một người tay chân bị trói vào bốn chiếc cọc ngắn, nằm sấp trên mặt đất. Hai con quỉ dùng chày đập trên lưng người đó, cảnh trạng thảm khốc đáng ghê sợ. Ông lại gần xem, thì kẻ ấy chính là thân mình. Trong lúc kinh hoàng sáng sốt, Từ Lôi bất giác cảm thấy mình cùng tội nhơn hiệp lại làm một. Lưng ông bị đánh cực đau đớn hầu như sắp gãy nát, chỉ còn biết thốt giọng rên xiết kêu thương. Đang lúc ấy, bỗng nghe giữa hư không có tiếng niệm Phật nho nhỏ. Ông vội lớn tiếng niệm theo thì giật mình tỉnh giấc, nơi lưng vẫn còn đau nhức.

Nhân điềm mộng ấy, Từ Lôi cả sợ. Ông hồi tưởng những việc buông lung sai quấy mình làm trong lúc bình thời, vừa hổ thẹn lại vừa hối hận. Kế đó lại chợt mãnh tình tự bào: “Ta nghe tu học Phật pháp có thể khỏi sự sống chết luân hồi, thoát cảnh khổ nơi địa ngục Thế thì tội chướng kia chắc chắn cũng sẽ được giải trừ!” Từ đó ông cải hối ăn chay làm lành, mỗi ngày trì phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên trong

kinh Hoa Nghiêm, và niệm Phật không gián đoạn.

Mấy năm sau, Từ Lôi bỗng vương bệnh, mỗi ngày càng thêm trầm trọng. Song với ý niệm sợ tội cầu giải thoát, ông vẫn cố gắng trì danh hiệu Phật và tụng phẩm kinh đã học thuộc lòng. Trong cơn mê lúc tỉnh, ông thường thấy giữa hư không có vùng ánh sáng trắng, trạng như chiếc gương tròn to lớn. Một đêm nọ, Từ Lôi gọi vợ bảo rằng: “Đức A Di Đà và chư Bồ Tát cho biết ngày mai sẽ đến tiếp dẫn tôi. Vậy bà hãy đến quét dọn trong nhà sạch sẽ, và lên đèn đốt hương dùng để tắt dứt. Lại nhớ nên nấu nước thơm cho tôi tắm gội thay đổi y phục”.

Ngày hôm sau, khi mọi việc xong xuôi, Từ Lôi gắng đến ngồi ngay thẳng trước bàn Tam Bảo niệm Phật một lúc rồi thóa hóa.



CHÂU NẢI LUÂN



ur sĩ Châu Nải Luân tự Lan Hình, hiệu Quốc Hương người ở Gia Thiện tỉnh Triết Giang. Cha là Kiềm Nam tánh thuần hậu ưa bố thí, hơn năm mươi tuổi mà không con nối dõi, cầu tự nơi chùa núi Thiên Trắc ở Hàng Châu, sanh được Nải Luân.

Không bao lâu Kiềm Nam mất, mẹ con trong cảnh cô quả bị hàng thân tộc lấn hiếp, mới dời nhà về ở Tây Đường. Nãi Luân thuở bé rất mẫn tuệ, theo học với anh rể là Tú tài Kim Văn Giai, văn tự một phen qua mắt liền thông thuộc. Năm mười bảy tuổi được bổ làm bác sĩ đệ tử viên, văn tài nổi danh khắp vùng Mân, Triết. Lúc ấy nhằm cuối đời nhà Thanh, khoa cử bị phế bỏ, Nãi Luân liền chuyển ngành vào trường ở Thượng Hải, học tập về môn Lý hóa, Bác vật. Sau khi tốt nghiệp, ông làm Giáo chức dạy các trường Trung, Tiểu học. Thấy sinh viên trong khi học tập, tánh không cẩn thận, làm tổn nhiều vật mạng, Nãi Luân bồng ngộ lý nhân quả báo ứng, phát bi nguyện quy y Tam Bảo, trường trai niệm Phật, cầu sanh Cực Lạc cứu độ chúng sanh.

Ông muốn nghỉ việc, chuyển tìm sanh kế khác để có nhiều thời giờ tu niệm. Nhưng vì không dám cãi lời mẹ khuyên dạy, nên gắng gượng lãnh làm Hiệu trưởng trường Trung học đệ nhị ở Triết Giang. Tuy tự chức, song hàng ngày vẫn niệm Phật không quên bỏ. Nhân thấy cư sĩ Phạm Cổ Nông tinh thông về Phật lý, Nãi Luân thường qua lại học hỏi nghiên cứu, do đó mức tu càng tiến triển. Những ngày nghỉ, thường hội họp sinh viên lại giảng diễn về Phật lý, dụng ý muốn đem diệu pháp cảm hóa tầng lớp thanh niên. Cư sĩ thờ mẹ rất hiếu thuận, được làng xóm ngợi khen là con thảo. Một hôm đang ở nhiệm sở, nghĩ tới mẹ đau lâu không lành mạnh, Nãi Luân liền đốt hương, chích máu ngón tay viết theo lối giai tự thành sáu chữ lớn: Nam Mô A

Di Đà Phật. Bên dưới ghi tiếp theo bài kệ “Nguyện đồng người niệm Phật. Đều sanh về Cực Lạc. Thấy Phật khỏi sống chết. Như Phật độ chúng sanh”, để cầu nguyện cho mẫu thân. Sau tiếp được thơ nhà, nói bà mẹ trong ngày ấy bỗng khỏe mạnh ngồi dậy đi lại, ăn uống như thường. Đây đều do lòng hiếu thành cảm cách. Cư sĩ Phạm Cổ Nông có đem hai mươi sáu chữ ấy, khắc bản ấn tống khắp trong thành. Đoạn dưới ấn bản có nói phụ thêm về nguyên nhân và điềm lành cảm ứng.

Mùa đông năm Dân Quốc thứ chín, vì thần kinh yếu, Nãi Luân cáo bệnh về nhà. Đến ngày mười bảy tháng chạp, cư sĩ thản nhiên niệm Phật thoát hóa. Khi ông vãng sanh, các liên hữu khám nghiệm, thấy cả mình đều lạnh, đánh đầu cực nóng, nét mặt rất an điềm tươi tỉnh. Lúc ấy cư sĩ mới được ba mươi bảy tuổi.



TRƯƠNG VĂN PHỦ



Trương Văn Phủ, quê ở Sùng Minh tỉnh Giang Tô. Vợ ông chết sớm, người dâu cũng tiếp theo từ trần, con trai thì đi chèo đò ở bến Thân, ít khi về nhà. Văn Phủ ban ngày làm mướn, đêm lại niệm

Phật tụng kinh. Những ngày sóc vọng, lễ niệm càng siêng năng, suốt đêm không ngủ. Tánh ông cần kiệm chịu khó, hàng xóm đều mến ưa khen ngợi. Gặp người đi ăn xin, hoặc tuổi già nghèo khổ thì trút túi giúp đỡ, nhường cơm chịu đói, là chuyện quen thường.

Ngày mười bảy tháng bảy trong một năm Dân Quốc, sáng sớm thức dậy, Văn Phù thấy trong người không khỏe, nói với ông bạn láng giềng rằng: "Chư Bồ Tát đã mách bảo: đến giờ Ngọ ngày hai mươi ba tới đây, tôi sẽ vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới. Vậy xin nhờ anh đến bên Thân đưa tin thôi thúc con tôi về sớm!" Trong nhà, Văn Phù đã sắm sẵn một chiếc vại sành cùng y phục dưỡng thọ và áo tràng mới để dự bị hậu sự. Kể từ ngày đó, ông không ăn cơm, chỉ uống nước trong, thần khí thanh sáng như người không bệnh. Hôm sau, đưa con trai về tới, ông giao phó dặn dò tất cả mọi việc.

Đến giờ Tý ngày hai mươi ba, Văn Phù tắm gội xong, thay y phục mặc áo tràng mới, vào ngồi ngay thẳng trên chiếc vại sành, lâm râm niệm Phật. Hàng xóm và bè bạn hay tin đều đến thăm viếng tiễn đưa. Quả nhiên khi đồng hồ chỉ đúng mười hai giờ trưa, Văn Phù liền ngồi thoát hóa. Lúc đó già trẻ nam nữ trong làng tụ họp lại xem đông tới mấy trăm người.

Trước khi vãng sanh, Văn Phù đã dặn con trai không được chấp nhận điều lễ và đốt giấy tiền vàng bạc. Nếu ai có lòng chiêu cố, chỉ đốt một cây hương cũng đủ. Tối chiều,

trước khi đây nắp niêm phong chiếc vại, đánh đầu ông còn nóng, gương mặt vẫn tươi tỉnh như lúc sanh tiền. Ông hưởng thọ được sáu mươi bốn tuổi.



ĐINH LỤC HÌNH



Ư sĩ Đinh Lục Hình người ở huyện Thừa tỉnh Triết Giang, học giỏi song nhiều phen thi không đỗ, sau làm nghề dạy trẻ để sanh sống. Tánh ông thuần phát chân thành, khi có khách đến viếng thăm đều khăn áo giữ lễ độ cung kính. Tuy nhiều người cười chê là cổ hủ, song vẫn không lưu ý đến. Cư sĩ sống rất đơn giản kiệm ước, dù tác vãi hạt cơm cũng không bỏ phí.

Năm Dân Quốc thứ mười, Lục Hình mở lớp dạy học nơi nhà Trương Đức Uy. Lúc rảnh rỗi, họ Trương giảng giải về pháp môn Tịnh độ cho nghe, ông liền đáp: "Tánh tôi ưa chuyên tu, không thích kiêm tu phiền phức. Song hiện thời còn có đứa con trai mười mấy tuổi, đợi khi hoàn hôn cho nó xong, rồi sẽ tính tới chuyện đó cũng chưa muộn!" Đức Uy bảo: "Một hơi thở chẳng trở vào, tức đã thuộc về kiếp khác. Chúng ta chỉ vì hai chữ "lần lữa", mà chịu vô

lượng nổi thống khổ trong môn kiếp ngàn đời. Nay đã gặp được pháp môn cứu độ nhiệm mầu của Như Lai, há lại nên để lần qua nữa ư?" Lục Hình tuy lưu ý chấp nhận, song chưa thể thật hành.

Cuối đông năm ấy, có cư sĩ Mã Khế Từ đến thăm. Sau buổi cơm tối, hai bên trò chuyện dần dà bàn luận tới nỗi khổ ở Ta Bà, sự vui nơi Cực Lạc. Mã Khế Từ nhân đó khuyến khích ông chớ đắm mê cảnh huyễn, hãy sớm dự bị tư lương để về cõi Phật, thoát kiếp luân hồi. Lục Hình nghe xong, gương mặt tươi tỉnh có sắc vui mừng. Tối hôm đó, ông liền niệm Phật hơn hai ngàn câu. Từ đó trở đi mỗi ngày cư sĩ tụng một quyển kinh A Di Đà, niệm hơn một muôn câu Phật hiệu. Sự hành trì của Lục Hình rất chuyên thiết, mỗi tâm tưởng về Cực Lạc, mỗi niệm chẳng rời Di Đà, dù gặp hoàn cảnh nào cũng không biếng trễ.

Qua mấy tháng sau, một đêm cư sĩ mộng thấy thần nhơn trao cho tấm thiệp đỏ, trong đó có hiện mấy chữ: "Sang năm vào tháng năm nhuận sẽ sanh về Tây phương". Ông đem điềm ấy thuật lại với Trương Đức Uy. Trương bảo: "Chắc là do liên hữu dụng tâm quá chí thiết, nên mới có cảnh tượng ấy". Tháng năm nhuận năm sau, Lục Hình cho bãi học, rồi từ Tân Đường trở về quê quán. Vừa tới nhà ông cảm bệnh nhẹ, gọi gia nhơn bảo: "Thân tôi có ánh sáng, chắc sắp về Phật, hãy đỡ tôi dậy!" Sau khi ngồi kiết già xong lại nói: "Tất cả nên niệm Phật để giúp đỡ sự vãng sanh, đừng khóc lóc làm chi cho tôi mất chánh niệm bị sa

đọa. Sau khi tôi mãn phần, nếu đánh đầu còn nóng sau rớt, đó là chứng nghiệm vãng sanh!" Kể đó ông yên lặng giây phút rồi tắt hơi, không một lời đề cập tới gia sự, cũng chẳng chút chi lộ về thống khổ.

Cư sĩ về Phật trước giờ Ngọ, đến chiều tối nơi đánh vẫn còn nóng, hưởng dương bốn mươi tám tuổi.



LIỄU BỘ DINH



Cư sĩ Liễu Bộ Dinh tự Cẩm Châu, quê ở Động Đình Sơn, tỉnh Tô Châu. Tánh ông rất thuần hậu chân thành, từng coi sóc công việc làm đường ray xe lửa cho người Đức và Nhật ở Giao Tế trong vòng mười mấy năm.

Niên hiệu Dân Quốc thứ tám, ông nghỉ việc trở về Hộ, lãnh chức quản lý Bưu cuộc ở La Diêm. Sau nhân một cơn đau suýt chết, Bộ Dinh lại xin từ nhiệm trở về Thân dưỡng bệnh. Nơi đây ông được dịp tiếp xúc với lão cư sĩ Âu Dương Thạch Chi, nghe hiểu pháp môn Tịnh độ. Từ đó ông hướng về Tam Bảo, hết lòng sùng tín, phát nguyện trường trai giữ năm giới, niệm Phật rất chuyên cần. Mùa xuân năm Tân Dậu, hàng cư sĩ niệm Phật đều kêu gọi các liên hữu tổ

chức thành nhóm Liên Xã Hải Hội, đặt trụ sở nơi chùa Năng Nhân ở đường Hạ Môn, Bộ Dinh là một nhân viên sáng lập trong đó. Mỗi nửa tháng hội kỳ, ông đến chùa rất sớm, dù gặp cơn gió mưa hay tiết lạnh nóng, vẫn không trễ bỏ. Đến khi Tịnh Nghiệp Xã được thành lập thêm ở Nghĩa lộ Ái Văn, ông cũng tham dự vào. Khi Đế Nhân pháp sư tới Thân giảng kinh, Bộ Dinh mới chính thức cầu thọ quy giới, được pháp danh là Hiền Cừ.

Mùa thu năm Nhâm Tuất, người bạn đời bỗng vương bệnh rồi mãn phần. Từ đó cư sĩ càng sanh niệm nhàm chán Ta Bà, tha thiết cầu về Cực Lạc. Từ trước Bộ Dinh đã vương chứng bệnh đàm suyễn, hằng năm đến nửa mùa xuân thì lành, sang đông lại phát khởi. Đầu xuân năm Quý Hợi, mức lạnh quá hơn lệ thường, tuy đang vương bệnh, cư sĩ vẫn đến hội xã tụng kinh niệm Phật, không tỏ dáng mệt mỏi. Một hôm ông nói với hàng liên hữu rằng: "Tôi mang bệnh khổ đã lâu, may mắn sắp được thoát, ngày lâm chung xin thỉnh các bạn quang lâm đến trợ niệm, để tiễn đưa nhau một đoạn cuối cùng!" Chư liên hữu đều chấp nhận, và khuyên nên buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật. Sáng sớm ngày mừng tám tháng hai, cư sĩ sang Liên xã ngồi một mình niệm Phật trọn ngày không nghỉ. Tới hoàng hôn, đồng bạn mượn xe thôi thúc bảo về nhà. Chiều hôm sau vài liên hữu đến thăm, thấy Bộ Dinh còn có thể ngồi tiếp chuyện bình thường, không liệu biết rằng ông sắp vãng sanh, nên đều có vẻ yên lòng, từ giã ra về. Khi các bạn lui

đi, cư sĩ vẫn ngồi nơi đầu giường nhắm mắt niệm Phật. Ước chừng một giờ sau, ông bỗng mở mắt ra hỏi con rằng: "Vừa rồi ai đem trà cho cha uống đây?" Đứa con thưa rằng: "Dạ đâu có ai!" Ông lại bảo: "Con hãy mau sang chùa Năng Nhân thỉnh chư liên hữu đến, nói cha sắp về Phật". Người con thưa: "Hiện thời đã về đêm, các vị đều giải tán biết làm sao?" Cư sĩ dạy: "Thế thì con mau lên hương đèn nơi bàn Phật!" Nói xong niệm Phật càng gấp, giây lâu bỗng mở mắt nhìn xung quanh bảo: "Chư Tăng thân tướng cao lớn nghiêm đẹp từ đâu hội đến rất nhiều!" Nói đoạn, chấp tay nhắm mắt yên lặng.

Khi ấy người nhà tới dò xem thì ông đã tắt hơi, liền đồng thanh cao giọng niệm Phật để trợ tổng. Lúc đó bước qua đầu giờ Tý, ngày mừng mười tháng hai, cư sĩ hưởng dương năm mươi chín tuổi.



ĐƠN ĐỨC TÔN



ơn Đức Tôn tự Ngưỡng Đình, ở huyện Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang. Tánh ông cương trực, mạnh mẽ trong việc làm nghĩa. Ngưỡng Đình cùng cư sĩ Lạc Quý Hòa là bạn đồng học, sau khi

chia tay nơi trường ốc, suốt mười mấy năm hai bên không gặp lại nhau.

Tháng tám năm Quý Hợi thời Dân Quốc, Đức Tôn từ Thanh Đảo mang bệnh trở về, rồi nằm liệt giường chiếu. Được biết Lạc Quý Hòa hiện đang là y sĩ nổi danh, ông cho người mời tới điều trị. Lạc vợ đến nơi, thấy bệnh còn có thể cứu chữa, liền tận tâm chăm sóc hơn một tháng, ông bạn cũ mới được an lành. Sau cơn đau nặng, tức huệ của Đức Tôn bộc phát, ông thường than thở với Quý Hòa rằng: Thân thể và cảnh vật giữa đời đều hư huyền, kiếp người bị vô lượng nỗi khổ buộc ràng. Nhân cơ hội đó, Lạc liền đem pháp môn Tịnh độ ra giảng giải khuyên tu. Ông nghe xong lãnh hội vui mừng, nhờ bạn chỉ định cho khóa trình hành trì và những kinh sách nào nên đọc, Quý Hòa tùy hỷ theo, mỗi mỗi đều tỏ bày rành rẽ.

Lần lần thân thể kiện khang, Đức Tôn sửa sang một gian phòng làm tịnh thất, thờ Phật và Bồ Tát rất trang nghiêm. Theo thời khóa đã quy định, ông đến trước bàn Phật trì niệm không trễ sót. Cô con gái là Ái Châu vừa mười bảy tuổi, cũng phát tâm mỗi ngày đều theo cha tu hành. Từ đó bước tu học của Đức Tôn càng lúc càng tiến xa. Ý ông muốn rũ bỏ hết việc đời để ẩn tu nhưng vì chức vụ giữ văn thư ở Trung Quốc Ngân Hàng tại Thanh Đảo, ngoài ra ông không tìm được người thay thế. Hơn nữa vị trưởng Ngân Hàng còn gởi thơ đánh điện thúc nhiều phen, bắt buộc dĩ lại phải lên đường phó nhậm. Bởi cuộc

hành trình xa xôi mỗi nhọc, sau khi tới Thanh Đảo, Đức Tôn vương phải chứng sán khí. Lần hồi bệnh càng tăng thêm, ông chỉ còn cách tạm xin nghỉ việc, trở lại quê nhà an dưỡng một phen nữa.

Ngày mừng một tháng tư năm Giáp Tý (1924), bệnh thể nguy kịch, tự biết khó qua khỏi. Đức Tôn xếp đặt hậu sự rành rẽ. Ông dặn dò sau khi mình mãn phần, chớ nên làm pháp sự long trọng, chỉ thỉnh một vị Tăng thường ở trước linh sàng niệm Phật là đủ. Người nhà vây quanh lộ vẻ thương khóc, ông bảo: "Tôi đang chú tâm hướng về Tây phương, xin đừng làm loạn chánh niệm, nên thay phiên nhau xung hồng danh Phật để hộ trợ là cần thiết và tốt hơn. Tôi đi phen này sẽ thắng về thế giới Cực Lạc, thật ra chẳng phải chết mất xa lìa. Lý ấy rất thâm, vì trong thân quyền chưa hiểu Phật pháp nhiều, nên không thể nói ra kỹ hết. Đêm hôm qua Bồ Tát đã hiện thân mách bảo thời khắc vãng sanh. Lần đi này tôi có chỗ nương về, sự vui còn thắng hơn cõi trần vạn bội. Đó chính là điều đại hạnh, xin đừng lộ vẻ bi thương!" Lúc người nhà xin cho thay đổi y phục, ông ngăn lại bảo: "Vào giờ Mùi ngày mừng ba mới tới lúc vãng sanh, hiện thời hãy còn sớm, việc đó chưa vội, nên vì tôi trợ niệm là tốt hơn".

Tới ngày mừng hai, Đức Tôn nhờ cạo tóc và nấu nước thơm tắm gội, cùng thay đổi y phục. Đến giờ Ngọ ngày mừng ba, ông bảo: "Đã gần tới thời khắc vãng sanh, xin đỡ dậy ngồi kiết già". Vừa sang đầu giờ Mùi ông liền nhắm

mắt an lành thoát hóa. Ba hôm sau, thân thể của Đức Tôn vẫn còn mềm dịu nóng ấm, nhan sắc tươi tỉnh không thay đổi. Ông hưởng dương được năm mươi tám tuổi.



DƯƠNG LIÊN HÀNG



Cư sĩ Dương Liên Hàng, người thời Trung Hoa Dân Quốc, quê ở huyện Du Diêu, tỉnh Triết Giang. Ông nhà nghèo, từ nhỏ theo nghề buôn bán, tánh lịch thiệp quán xuyến hơn người.

Năm Dân Quốc thứ mười một, Liên Hàng được biết người bạn cùng xóm là Đồng Giác Hàng tu tịnh nghiệp, trong lòng ưa thích, hằng qua lại, để nghe lời chỉ giáo. Sau đó ông thọ quy giới làm hàng Phật tử tu tại gia. Phần văn học tuy cư sĩ còn yếu kém, song về nghĩa lý kinh Phật, sự giải ngộ lại hơn người. Tháng chín năm Quý Hợi, các bạn ở liên xã ước hẹn cùng nhau thệ nguyện, phát lòng Bồ đề. Liên Hàng cũng có dự trong cuộc lễ ấy.

Cuối mùa xuân năm Giáp Tý, vì đau bệnh cư sĩ lén phá giới sát sanh ăn mặn, nhân đó lần lần xa cách với các liên hữu, đến tháng bảy, bệnh ông càng thêm nặng, bạn đồng tu đến thăm, ai cũng bảo rằng tất sẽ chết. Liên Hàng cũng xét biết mình khó sống, tự cảnh giác ăn năn việc đã làm. Đầu tháng tám, ông gượng đau đến trước bàn Phật, hết lòng phát

lộ chí thành sám hối, nguyện giữ lại năm giới thể không tái phạm. Từ đó cư sĩ buông bỏ muôn duyên, dứt trừ ái dục, một lòng thâm niệm hồng danh Phật, chờ đến lúc mạng chung. Các liên hữu biết công phu trì niệm của cư sĩ còn cạn, nên trước khi ông lâm chung sáu ngày, thỉnh người đến trợ niệm. Mấy hôm rớt sau, những bạn đồng tu cũng tự mình đến niệm Phật giúp duyên.

Cuộc trợ niệm khởi đầu từ ngày mười hai tháng tám. Qua ngày rằm, Liên Hàng bỗng tự cảm biết thân khí thanh nhẹ tươi tỉnh. Đến ngày mười bảy, cư sĩ bảo trong giấc mơ thấy một vầng ánh sáng như năm sáu ngọn đèn điện chói lòa. Vào chiều tối, xem thân sắc của ông vẫn như thường, các liên hữu cho là chưa đến giờ, tiếp tục niệm Phật tới sang canh hai, rồi sắp sửa muốn ra về. Các vị ấy không ngờ rằng, lúc đó sự trợ niệm đã đến hồi tinh thuần đặc lực.

Bảy giờ Liên Hàng nghe tiếng niệm Phật bỗng nhiên ngưng bật, liền nói: "Tôi hãy còn chưa đến Tây phương, mong nhờ chư liên hữu trợ niệm cho suốt đêm nay!" Nghe lời nói có vẻ khác lạ, các đồng bạn lại cao tiếng niệm Phật. Không đầy nửa giờ sau, cư sĩ bỗng cười bảo: "Tôi đã đến Tây phương. Ôi! Ao thật bảo to rộng quá! Kia! Hoa sen thật là màu đẹp! Ánh quang minh cũng sáng đẹp vô cùng!" Rồi ông lại dặn đại chúng cao tiếng trợ niệm đừng dừng nghỉ. Từ trước Liên Hàng vẫn lặng lẽ nằm yên. Đến lúc bảy giờ tay và đầu ông đều hoạt động, miệng liền tiếp nói to: "Ôi! Hoa sen thật tươi lạ, nhiệm màu! Ao báu thật sáng đẹp!" Lúc ấy mặt của cư sĩ tươi cười hơn hờ, trông như người bất chợt có việc vui mừng vượt quá hy vọng. Như thế qua một giờ sau ông trở lại yên không nói, tay chân cũng không động, chỉ nằm ngửa mắt nhắm chú nhìn tượng Phật trước

giường. Kể tiếp đôi tròng lằn lằn lơ lạc, hơi thở cũng lần yếu mòn. Đến năm giờ sáng ngày mười tám, cư sĩ mới tắt hơi.

Đêm ấy liên hữu chỉ có bốn người, mà vừa thay phiên nhau lớn tiếng trợ niệm suốt đêm, vừa thỉnh thoảng lại xen đôi lời sách tấn. Như thế cứ tiếp tục niệm cho đến sau khi cư sĩ tắt hơi một giờ rưỡi, mới đổi phiên cho những vị khác vừa đến. Sự trợ niệm vẫn tiếp tục cho tới lúc thân thể kẻ mãn phần lạnh hẳn, người nhà đều bị ngăn không được khóc thương. Đến mười giờ trưa, một liên hữu thăm dò thử, thì các nơi khác đều lạnh, duy đánh đầu còn nóng như nước sôi.

Như Liên Hàng cư sĩ, giới phẩm không tròn, công hạnh tu trì lại còn non kém. Nhưng ông được vãng sanh, xét ra toàn nhờ sức trợ niệm của các bạn đồng tu. Xem đây, ta thấy sự trợ niệm Phật rất thiết yếu cho hành giả lúc lâm chung. Bấy giờ nhằm ngày mười tám tháng bảy năm Dân quốc thứ mười ba, cư sĩ mới được ba mươi tuổi.



VƯƠNG CẢNH ĐAN



Trong Cảnh Đan tự Từ Đình, người ở huyện Vũ Cương tỉnh Hồ Nam. Thuở thiếu thời ông đã thông minh đĩnh ngộ, nghề từ chương thi họa nổi tiếng tài hoa. Bởi thế trong nhà ngoài cửa người hâm mộ

tới lui không ngớt. Sau mấy lần thi không đỗ, ông biết mình hữu tài vô phận, liền quy ẩn dạy học, giữ mình khiêm nhã, tuyệt không dự đến chuyện thị phi bên ngoài, được tiếng khen là bậc cao khiết. Tánh ông lại trầm hậu, dù bị khinh hỷ vẫn giữ thái độ an nhàn điềm nhiên, thường nói với bè bạn: "Có dung thứ người, trí đức mới rộng lớn, cần chi phải tranh chấp so đo?"

Trong hai năm Dân Quốc thứ bảy và tám, gặp phong trào cư sĩ đề xướng Phật học, Cảnh Đan đến dự nghe diễn giảng liên giác ngộ, lòng rất vui mừng, bảo: "Những sách vở tôi đọc khi trước, so với Phật pháp đều là cặn bã. Ngày nay may mắn được biết phương cách an thân lập mạng, sự lợi ích thật to rộng quý báu vô cùng!" Lại nhân thấy người quen là Nhạc Thái Nguyên lớn tuổi mù lòa, do niệm Phật mà đôi mắt được sáng lại, ông càng tin công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn! Từ đó Cảnh Đan dọn riêng một căn phòng thanh khiết nơi nhà, thờ Phật trang nghiêm, hôm sớm trì chú Đại Bi, tụng kinh Kim Cang, Di Đà và tu pháp thập niệm hồi hướng lấy làm thường khóa. Lúc rảnh rỗi ông xem kinh, hoặc giảng nói lý luận hồi nhân quả cùng pháp môn Niệm Phật cho tất cả người quen biết nghe.

Chẳng bao lâu, cô bạn đời mất, trong lúc tuổi xế chiều lại liên tiếp gặp nhiều cảnh gian truân khốn khổ, không mấy lúc được nhàn nhã an vui. Biết nghiệp đời trước phát hiện, ông vẫn nhàn nại điềm nhiên, giữ thời khóa tụng bền chắc không đổi thay trễ bỏ.

Vào tháng tám năm Giáp Tý, Cảnh Đan nhân bị chứng ngoại cảm, bệnh kéo dài gây đưa đến đầu sơ tuần tháng mười mới tam dứt. Sang trung tuần, bệnh phát trở lại điều trị không công hiệu, ông gặt bỏ thuốc thang, mỗi ngày duy chí tâm niệm Phật. Đến đêm mừng sáu tháng mười một, bệnh giảm nhẹ, tinh thần như thường. Lúc ấy Cảnh Đan ngồi lâm râm niệm Phật nơi giường, bỗng chấp tay nói: "Kính xin vâng lời chỉ dạy!" Rồi gọi con cái lại bảo: "Sáng mai khi cha đi, các con chớ nên thương khóc, chỉ xưng hồng danh Phật trợ niệm cho cha được vững bước vãng sanh!"

Quả nhiên, vào giờ Thìn hôm sau, ông ngồi chấp tay niệm Phật mà qua đời. Tất cả người nhà đều tuân lời dạy, thay phiên nhau niệm Phật cho đến khi nhập liệm.

LỜI BÌNH:

Có nhiều người tuy siêng năng tụng kinh niệm Phật, song sân si phiền não vẫn không chừa. Bởi thế công đức niệm Phật không phát huy được toàn vẹn, có khi còn bị tổn giảm tiêu mòn mất hết. Cho nên niệm Phật cần phải tu tâm. Câu nói: "Có dung thứ người, trí đức mới rộng lớn" của Cảnh Đan, tỏ ra ông là người biết tu tâm. Vì thế, chỉ với mười hơi trì danh theo pháp Thập niệm hồi hướng mỗi ngày, tâm ông đã cảm thông được với bản nguyện của Phật, và mong nhờ ân tiếp dẫn. Hân hạnh thay cho người biết niệm Phật, tu tâm!

LƯU XUÂN TÀI



ưu Xuân Tài, chưa được rõ sanh quán, mồ côi cha sớm, thờ mẹ rất chí thành hiếu cần. Ông cung phụng mẹ từ thức uống ăn, y phục, thuốc thang, chăn màn, cho đến nhìn trông dung sắc của mẫu thân mà uyển chuyển tùy thuận. Vì nhà nghèo, nên từ bé ông thất học không biết chữ, chỉ làm nghề lấy tre đan thúng rổ cùng các vật dụng khác đem bán để sanh sống. Khi được thức ngon không dám tự ăn, để dành đem về dâng cho mẹ. Tùy theo mỗi mùa, có bánh trái hay trân tu mỹ thực chi khác, cũng gắng hết sức mua về cung phụng mẫu thân.

Ông giữ hạnh hiếu thuận như thế hơn bốn mươi năm không thay đổi thiếu sót. Khi mẹ có bệnh, Xuân Tài nghỉ việc lo thuốc thang săn sóc, ăn không biết vị, áo chẳng cởi day. Tuổi tráng niên, vợ mất sớm, không có con cái, ông vẫn chẳng nghĩ đến sự tục huyền. Nhiều người đem việc ấy khuyên nhắc, Xuân Tài bảo: "Lợi tức của tôi làm ra, nuôi mẹ còn không đủ, đâu nỡ có vợ con để bớt mất phần ăn của mẫu thân!" Khi nói đến đó liền sa nước mắt. Ông có mướn thợ vẽ sẵn hình tượng của mẫu thân. Khi mẹ mất, Xuân Tài treo bức tượng đó nơi vách chỗ bàn thờ, khi đi về đều thưa trình, lúc ăn uống cũng mời gọi, y như lúc bà còn sống. Ông mặc áo sô gai, giữ đồ hiếu phục, luôn chín năm mới giải tang. Cứ mỗi tháng ông đem hương đèn đến phần mộ

của mẹ lễ bái và quét dọn sửa sang một lần.

Tánh ông thích làm lành không biết chán mỏi. Khi đi theo đường rao bán đồ tre, gấp giấy chữ liên lượm đem về đốt. Đến mùa đông lại chịu khó quét tuyết nơi lộ, để hành khách khỏi bị trơn trượt. Mùa hạ thì nấu nước trà đem để các ngã ba đường bố thí. Nhà tuy không dư dả, song từ khi mẹ mất, có ai cầu xin giúp đỡ, ông đều tùy phần vui vẻ mà châu cấp, không lộ nét khó khăn. Trong xóm có cư sĩ Lý Thời Tân chuyên tu Tịnh độ, vì mến nét hạnh hiền lành hiếu thuận của Xuân Tài, nên cùng ông kết làm bạn thân. Thời Tân có lập một ngôi Niệm Phật Đường công cộng trong khuôn Lạc viên nhà mình, thường ở lại đây chủ trì và tu niệm. Nhân đó trong lúc tuổi già, Xuân Tài hôm sớm đều đến Niệm Phật Đường để tu tịnh nghiệp.

Năm Ất Sửu thời Dân Quốc (1952), Lưu Xuân Tài đã bảy mươi ba tuổi. Vào hạ tuần tháng giêng, ông cảm bệnh. Qua rằm tháng hai, tự biết mình khó vượt khỏi, ông đoạn thực chuyên niệm Phật, chỉ uống nước nấu chín luôn hơn mười ngày. Đêm mười hai tháng ba, Xuân Tài nằm mộng thấy năm trăm vị Tăng đến hẹn đón rước, cho biết vào giờ Thìn ngày mừng năm sẽ được sanh về Tây phương. Qua nhiên đúng thời hạn, ông từ giã các bạn thân, ngôi niệm Phật mà hóa. Một văn sĩ trong thôn ấp là Hồ Bằng có lời văn phúng điếu rằng:

Hiếu hạnh nức danh thơm, xuất phát từ hàng buôn bán tiểu dân, rau đậu kính vui thành đức cả.

Phật hiệu vang tiếng niệm, thọ mãn hồn gặp năm trăm La Hán, trời Tây Cực Lạc tất sanh về.

Hai câu đối trên không phải lời sáo khen ngợi suông, chẳng qua là ghi đúng sự thật vậy.



VƯƠNG YẾN TẾ



ương Yến Tế quê ở Trấn Hải, tỉnh Triết Giang. Ông làm nghề nông, tánh chất phác thật thà, ngoài sự ăn mặc đơn giản ra, không có thị hiệu chi khác.

Mùa xuân năm Quý Hợi, Yến Tế đã được bảy mươi tuổi. Cháu họ của ông là Vương Xuân Sinh rất kính tin ngôi Tam Bảo, hằng siêng tu tịnh nghiệp. Một hôm Yến Tế vào trong tịnh thất của cháu, thấy sự thờ cúng trang nghiêm, bất giác sanh lòng kính ngưỡng, thâm niệm: Nam mô A Di Đà Phật. Bỗng nghe nơi ngọn đèn lưu ly nổ sẽ một tiếng, ông nhìn lên thấy trên đèn hiện hình Phật tướng nghiêm đẹp, sắc tươi vàng. Yến Tế kinh ngạc mừng rỡ, sanh tín tâm sâu thiết. Từ đó mỗi ngày ông đều đến Phật đường của Xuân Sinh niệm hồng danh hai muôn câu. Vừa mới hành trì hơn hai tháng, ông đã được một lòng không

loạn tam muội hiện tiền. Ban đêm Yến Tế thường thấy một vùng ánh sáng, nên sự tu niệm càng tinh tấn chuyên cần.

Không bao lâu, tức nghiệp phát hiện, ông bị các chứng: hen suyễn, phù thũng và đau mắt. Do đó ông thường ở nhà thờ Phật trì niệm, lần lần tăng đến số ba muôn câu. Mùa đông năm Giáp Tý, ông bị mù lòa, nên khóa trình có hơi kém sút. Sau xuân Ất Sửu, đôi mắt sáng lại, nhân cảm ân Phật hộ trì, tuy bệnh suyễn và thũng tăng thêm, sự tu hành của ông lại càng chuyên thiết.

Đêm rằm tháng tư nhuận, Yến Tế nằm mơ thấy một vùng trắng cảnh lầu các trang nghiêm, cửa cổng khóa đóng. Ông lại gõ cửa liền được vào, thì trước mắt hiện ra cõi báu ánh sáng rực rỡ, rộng rãi không biết đâu là bờ mé. Trên hư không có ba vị ngồi kiết già, đánh phóng hào quang giống như tượng Tây phương Tam Thánh. Sáng ra Yến Tế gọi cháu đến bảo: “Ta mộng thấy đạo chơi miền thắng địa, cảnh trang nghiêm rực rỡ, không phải lời nói có thể hình dung. Chỉ ta đã quyết cầu vãng sanh, mong con cháu cũng đều nên cố gắng”. Từ đó ông chuyên cần niệm Phật ngày đêm, chỉ có lúc nào suyễn nhiều đau lắm mới tạm nghỉ mà thôi.

Ngày hai mươi chín tháng ấy, Yến Tế lại mộng thấy hai người dẫn đến một ao trong mát bảo tắm gội. Sáng hôm sau, riêng ông nhìn thấy một vị đầu bạc tướng tốt, dẫn theo hai đồng tử cầm đuốc tới đón rước. Tới giờ Ngọ bỗng đâu mùi hương lạ bay lan thom ngát cả nhà. Sáng mừng một tháng năm, Yến Tế bảo gia nhơn rằng: “Sửa soạn hương

dền cho ta lễ Phật rồi đi!” Đến đầu giờ Tuất, quả nhiên ông ngồi niệm Phật rồi quá vãng. Hơn ba ngày sau mới nhập liệm, đánh đầu ông vẫn còn nóng.



LƯU KHAI NAN



ư sĩ Lưu Khai Nan, tự Tây Tiều, pháp danh Khê Tịnh, người ở huyện Bình Trạch, tỉnh Giang Tây. Vừa mười lăm tuổi, ông đã nổi tiếng tài hoa về văn học. Cha là Hiếu Phong tiên sinh, do gần gũi với cư sĩ Dương Nhân Sơn, nên được hiểu biết sự nhiệm màu của Phật giáo. Các kinh điển đại thừa như: Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang, Viên Giác, Hoa Nghiêm, tiên sinh đều nghiên cứu sâu rộng. Lúc ấy, Khai Nan hãy còn niên thiếu, thấy thế thâm cho cha là mê tín.

Thời cuộc thay đổi, bước sang Dân Quốc kỷ nguyên, Phật hóa lần lần truyền lan rộng. Nhân một cơn đau, Khai Nan cảm mộng thấy có vị lão nhơn khuyên bảo nên thỉnh xem tập Hoa Nghiêm Hiệp Luận. Tỉnh giấc nhờ người thỉnh cho một bộ, đọc xong ông than thở khen ngợi biến pháp giới màu rộng không thể nghĩ bàn. Từ đó mới phát tâm

hướng về đạo, hối cải lỗi lầm trước của mình, tự thương nghe biết Phật pháp trễ muộn. Ngày Phật đản năm Kỷ Mùi, ông sửa sang chỗ thờ Tam Bảo trang nghiêm, sớm hôm ăn cần lễ tụng. Năm sau phát tâm ăn chay trường, mỗi buổi sáng đều trì tụng kinh Di Giáo để trị tâm. Kế đó, Khai Nan kêu gọi bạn đồng tu sáng lập ra Phật học hội. Mỗi ngày chủ nhật, trước tiên ông hướng dẫn hàng thiện tín lễ tụng, kế tiếp giảng diễn về kinh luận. Lăn lăn người phát tâm tu học Phật pháp rất đông nhiều.

Mùa thu năm Nhâm Tuất, Khai Nan triều bái non Phổ Đà, lễ Ấn Quang pháp sư cầu thọ quy giới, tôn làm bậc thầy hướng dẫn. Trái một phen gặp gỡ, đôi bên kết hợp nhau như kim cái. Ấn công hỏi thăm, biết cư sĩ còn có mẹ già, bảo ông nên khuyến khích mẹ niệm Phật cho tròn hiếu đạo. Lúc trở về, Khai Nan rước mẹ đến thành ở, uyển chuyển khuyên bà tu niệm. Mẫu thân ông cảm động, cũng phát tâm niệm Phật trì trai. Vào tháng mười năm Quý Hợi, lúc mẹ lâm chung, cư sĩ xuất lãnh chư liên hữu trợ niệm, tất cả đều nghe có hai trận gió thơm thổi đến. Sau khi bà mãn phần, gương mặt lộ vẻ tươi vui như còn sống. Khai Nan thường nói với bạn bè là cư sĩ Hứa Chi Tịnh rằng: "Nhờ sư phụ chỉ dạy, như vệt mây nhìn thấy mặt trời, tôi mới tỉnh ngộ sự niệm Phật là rất thiết yếu, không thể bỏ rơi một ngày nào!" Chư ni tăng ở am Tịnh Độ trong ấp, như Quả Nhon, Thánh Đạo, đều nhờ ông khuyến tấn niệm Phật cầu sanh Tây phương. Khi lâm chung cả hai đều biết trước ngày giờ,

điềm lành hiển hiện và cùng được sanh về Cực Lạc.

Mùa thu năm Ất Sửu, Khai Nan bỗng vương bệnh. Đến ngày 27 tháng mười một, cư sĩ mộng thấy có người đứng bồi hồi ngoài cửa song, ra thăm hỏi thì vị ấy trình một tấm thiệp có đề hàng chữ: "Xin chờ Tây Tiếu tiên sinh về Tây phương Cực Lạc thế giới!" Lúc ấy người nhà còn đang tụng cầu thọ cho ông. Cư sĩ nghe biết ngăn rằng: "Cõi đời ác năm trước không thể ở lâu, huống chi lại còn thêm bệnh khổ. Tôi đang hân hạnh mong cho sớm được thoát ly, chẳng nên vì lòng ái niệm mà làm cho tôi thêm khổ lụy. Từ đây về sau chẳng nên si mê cầu thọ, phải đổi lại hồi hướng cầu Phật mau tiếp dẫn vãng sanh là tốt hơn!" Kế tiếp cư sĩ thấy nhiều điềm lành, nên niệm Phật càng tha thiết. Luôn cả ngày đêm, ông xưng câu hồng danh hoặc thầm hoặc ra tiếng không lúc nào gián đoạn. Có ai đến hỏi thăm bệnh, cư sĩ không đáp chỉ chấp tay niệm Phật. Trong lúc mơ màng, Khai Nan bỗng thấy có người muốn dẫn xuống Minh Phủ để nhận lãnh quan chức. Lại có nhiều chư thiên xuống xin đưa lên các cõi trời. Ông đều chánh sắc từ chối bảo: "Làm quan dễ tạo nghiệp. Phước trời khi hưởng hết cũng đọa luân hồi. Tôi chỉ nguyện sanh về Tịnh độ để mau chứng đạo quả, độ mình và chúng sanh mà thôi!"

Sáng sớm ngày mùng chín tháng chạp, cư sĩ tự ngồi dậy mặc áo lễ Phật, kế đó bảo gia nhon rằng: "Tuồng nghiệp của tôi đã hết, may mắn không bị các cảnh phước báu trong ba cõi làm chuyển lòng. Xin tất cả đều chuyên

cần tu pháp môn Tịnh độ, chớ nên làm lẫn!" Sang mừng mười ông nói: "Giờ Mùi ngày mai tôi sẽ đi!" Vài giờ trước khi mãn phần, ông bảo người nhà: "Các liên hữu đến trợ niệm đông nhiều, trình độ niệm Phật của họ cũng khá cao, phải nên lễ kính". Rồi cư sĩ tự tụng Phổ Hiền Thập Nguyên Văn hai lượt. Tụng xong lặng yên sẽ động môi niệm Phật. Quả nhiên đến giờ Mùi, ông an lành mà vãng sanh. Trãi bốn giờ sau, mặt ông lộ sắc tươi nhuận hơn lúc bình thường, đánh vẫn còn nóng.



TRÂM ĐỒNG VĂN

Trâm Đồng Văn tự Thợ Hiến, người huyện Nam Thông tỉnh Giang Tô. Ông có một trai một gái, sau khi cưới vợ gả chồng cho con xong, lộ sắc mừng nói: "Phận sự đã hoàn tất, ta mau quay lại lo phần giải thoát là việc lớn của mình!" Lúc đó ông được năm mươi bốn tuổi, liền đem việc nhà giao phó hết cho con trai và dâu, mình ở riêng một gian lâu, ngày đêm chuyên lo phân tụng niệm.

Tháng chín năm Quý Hợi thời Dân Quốc, nhân có việc

đến nhà người bà con là cư sĩ Sa Kiến Am, ông đưa ra một tờ giấy ghi bài kệ vãn phát nguyện của mình làm, lời và ý đều rất khẩn thiết. Kiến Am hỏi về sự tu trì, ông nêu ra các kinh thường tụng như: Kim Cang, Cao Vương, Ngọc Hoàng. Cư sĩ nghe xong bảo: "Cao Vương là kinh ngụy tạo, chẳng nên tụng. Ngọc Hoàng là văn ngôn của phái tu Tiên, người thờ Phật cũng không cần tụng. Anh và tôi đều lớn tuổi, muốn thoát khỏi vòng sống chết luân hồi, ngoài pháp môn Niệm Phật ra, e không còn kịp". Rồi cư sĩ tặng cho ông mấy quyển: Di Đà Yếu Giải, Tiểu Chi Quán, và các sách về Tịnh độ, Đồng Văn vui mừng nhận lãnh đem về.

Hai năm sau, ông lại sang nhà Sa Kiến Am nói: "Từ khi được chú khuyến nhắc, hằng ngày tôi đều tinh tấn niệm Phật cầu sanh về Tây phương. Gần đây tôi thường thấy chư Phật, Bồ Tát hiện đầy khắp hư không. Lại thấy hoa sen năm sắc nổi hiện hai bên mình. Đến thời tôi quyết được vãng sanh về Cực Lạc!" Kiến Am bảo: "Anh nói đúng sự thật hay chẳng? Nếu quả có các điềm lành ấy, cũng chớ nên tiết lộ cho nhiều người biết!" Đồng Văn chỉ mỉm cười không đáp.

Ngày mười tám tháng giêng năm Bính Dần (1926), ông cảm thấy trong người không khỏe, kể tiếp mỗi ngày càng thêm suy bại. Con trai xin rước thầy bốc thuốc, ông bảo: "Cha đang chờ Phật đến tiếp dẫn, rước y sĩ đến làm chi?" Rồi quyết định không chịu uống thuốc, cứ liên tục niệm Phật. Cô con gái và rể về thăm, ông gọi tất cả các con lại

trối dặn rằng: "Các con đều khôn lớn, có sự suy nghĩ hiểu biết, phải nên lánh dữ làm lành và chí tâm niệm Phật. Ngoài ra cha không còn di chúc điều chi khác!" Vào đầu tháng ba, vừa đúng ngày thọ lục tuần của mình, Đồng Văn bảo người nhà đều đốt hương xưng danh hiệu Phật, và mời các bạn tu đến trợ niệm. Trước khi vãng sanh, ông bảo: "Đức A Di Đà vừa quang lâm đến. Hiện thời thân tôi đã ngồi vào tòa hoa sen!" Nói xong, nằm nghiêng về bên hữu, niệm Phật cấp thiết, tiếng nhỏ dần rồi đi thẳng.

Lúc ấy nhằm giờ Tuất ngày mùng sáu tháng ba, Đồng Văn dặn người nhà tản liệm đơn sơ bằng chiếu manh áo vải. Lúc nhập liệm, thi thể ông vẫn còn mềm dịu, sắc mặt tươi sáng rực rỡ hơn hồi còn sống.



TỊNH ĐỘ THI

TRONG BÌNH VẼ CẢNH CỰC LẠC

Đường, Bạch Hương Sơn

*Cực Lạc đẹp màu thanh Tịnh độ
Không bốn đường ác cùng các khổ
Nguyện người đau bệnh như thân ta
Đồng sanh về cõi Vô Lượng Thọ.*

TIỀN GÓT TRẮNG PHÁP SƯ

Đường, Lý Thương Ẩn

*Biển khổ đường mê nghĩ thoát thân
Cách đây mười vạn cõi vi trần?
Hoe sen nơi ấy trăm ngàn ức
Mỗi mỗi liên hoa hiện Phật thân!*



ĐIỀU BẢO NGUYỆT ĐẠI SƯ

Tống, Tô Đông Pha

*Sống chết mau như đuổi cánh tay
Chung tình càng khổ có ai hay?*

n.

*Lạc Thiên chẳng phải Bồng Lai khách
Hương niệm Tây phương độ tháng ngày!⁽¹⁾*

¹ Bạch Lạc Thiên trước tiên cầu về Bồng Lai tiên cảnh. Kế tiếp xét thấy Bồng Lai không bằng cung trời Đâu Suất, nên lại cầu về Đâu Suất thiên cung. Bởi thế ông đã có câu thi: "Hải sơn bất thị ngô quy xứ. Quy tắc tu quy Đâu Suất thiên". Sau rốt càng đi sâu vào đạo, ông chuyển hướng cầu về Cực Lạc, vì Đâu Suất dễ lạc bước khó sanh lên, lại chánh báo và y báo đều không bằng Cực Lạc. Điều này thể hiện qua mấy câu thi: "Ta nay bảy mươi mốt. Chẳng ham việc ngâm nga. Xem kinh mỗi con mắt. Làm phước sợ bồn ba. Lấy gì độ tai mắt. Một câu A Di Đà! Đi niệm A Di Đà. Ngồi cũng A Di Đà. Dù gặp như tên bắn. Chẳng rời A Di Đà. Khắp khuyên người thế gian. Đều niệm A Di Đà".

KHUYẾN NIỆM PHẬT

Nguyên, Ưu Đàm đại sư

Cõi người khổ bệnh rồi già chết

Thiên giới nào ai thoát Ngũ suy?

Thà đổi Cửu liên cam phẩm thấp

Không mong trần thế lại đầu thai.

Bao phen lạc bước giữa trường đời

Việc thế như gai lằm rồi bời!

Hoa đẹp vườn xưa thương cảnh cũ

Trâu dê dày dạn mãi không thôi! ⁽²⁾

NHỚ TỊNH ĐỘ

Nghĩ tựa cánh bông lạc cõi Nam

Tựa lâu ca thán nguyệt canh tàn

Xa mờ hội pháp người lành đẹp

Lại tưởng đài hoa báu lạ nghiêm

² Ý nói: Cảnh giới chân như thanh tịnh trong sáng suốt an vui, như khu vườn xưa đầy hoa đẹp đủ màu sắc. Nhưng chúng sanh vì mê chân tâm theo vọng cảnh để cho loài trâu dê tham sân si dày dạn tan nát vườn hoa chân tâm tươi đẹp ấy. Ý này giống như lời một hiền đức Việt Nam đã nói khi có người đến hỏi đạo: "Vườn ngự xác xơ hoa cỏ rồi. Mà nay hôm sớm mặc trâu dê!" (Kim cốc hoang sơ hoa thảo loạn. Nhi kim hôn hiếu nhậm ngưư đương!)

Thân cá tuổi suy lần thiếu nước

Kiếp chim ô tạm lột hiên thêm

Ngó cùng thân hữu trong thiên đạo

Tạo cảnh chùa thêm gán lộ bàn ⁽³⁾

NGÃU CẢM

Lần trông mái tóc điểm màu sương

Tự xét thân ni chẳng cứu trường

Một kiếp đã thành chi sự nghiệp?

Trăm năm còn có mấy thân hồn?

Chóng tìm nơi lập nhà an ổn

Chớ mãi cam lòng chôn tử môn

Cõi ngọc không xa về có lối

Đài sen quy hướng lễ Từ Tôn.

Thanh, Liên Ân đại sư.



³ Lộ bàn là cái chóp nhọn có chiếc đĩa tròn như hình cái mâm hứng sương, gắn trên nóc chùa tháp. Ý câu này nói: Đã tham thiền ngộ bản tâm, nên thêm niệm Phật cầu sanh về Tây phương, cho sự giải được đảm bảo chắc chắn.

LÝ THỊ



ý Thị là mẹ của Lý Canh Hiền ở huyện Võ Thành Sơn Đông. Tánh bà điềm tĩnh ít nói cười, sự ăn mặc dờ ngon tốt xấu vẫn an phận không kén lựa đòi hỏi.

Sau ba mươi tuổi, bà trường trai thờ Phật, đem hết việc nhà giao phó cho con trai và dâu. Khi có người quen thân đến thăm, sau vài câu chuyện hàn huyên, liền tạ lui về phòng niệm Phật không dứt. Chẳng bao lâu đưa con trai, rồi cháu nội nối tiếp nhau chết yếu. Lý thị ban sơ có vẻ thương tiếc đau buồn, kể lại ngăn dứt tình cảm, vẫn lần tràng niệm Phật như cũ. Do đó hàng xóm đều cười thầm, đôi ba kẻ lại tới ngay trước mặt kêu ngạo cho là bà già u mê. Lý thị trước sau vẫn điềm nhiên không buồn giận. Có người gan hỏi: "Bà niệm Phật mãi như thế để làm gì?" Lý thị đáp: "Tôi rất chán cõi Ta Bà như ác này, nguyện khi mãn phần được sanh về thế giới Cực Lạc, thoát khỏi kiếp luân hồi khổ lụy mà thôi".

Lúc gần trăm tuổi, bà vẫn còn tỏ tai sáng mắt, bước đi vững mạnh như thường. Một hôm, sau thời lễ niệm tụng xong, bà bỗng gọi đứa cháu dâu bảo: "Đêm nay có việc phiền nhọc đến con, nên nán chậm lại sự nghỉ ngơi theo thường lệ!" Cô cháu dâu chỉ vâng dạ lơ là, chẳng mấy lúc ý. Nhưng trước khi đi ngủ thử lại dò thăm, thì bà đã ngờ xây mặt về Tây, tắt hơi mãn phần lúc nào không biết. Bấy

giờ nhằm ngày mùng bốn tháng tám năm Dân Quốc thứ ba, Lý thị thọ được chín mươi sáu tuổi.

LỜI BÌNH:

Khách đến viếng thăm, sau vài câu hàn huyên rồi từ tạ lui về phòng lần chuỗi.

Con trai và cháu đích tôn chết non mất người thừa tự, trước lộ vẻ đau tiếc kể lại ngăn dứt tình cảm lo tu hành. Người xung quanh ngạo báng là u mê, vẫn điềm nhiên niệm Phật không buồn giận. Qua mấy điểm trên đủ thấy rõ trong đời sống, Lý thị đã từng trải nhiều cảnh gian khổ, nên tâm rất nhàm chán cõi Ta Bà, tha thiết cầu sanh Tây phương một cách không thôi chuyển.

Theo kinh giáo, các pháp đều như huyễn, thì khởi tâm nhàm chán hay sanh niệm mến ưa, cũng còn chưa hợp lý. Nhưng đó là chỗ tu của bậc Thượng thượng căn, trình độ đã khế ngộ với chân tâm. Ngoài hạng trên, nếu chính mình chưa được như thế mà chấp lý cầu cao, tất khó vãng sanh về Cực Lạc. Cho nên khi xưa Trí Giả đại sư đã nêu hai hạnh Yếm ly và Hân nguyện làm điểm thiết yếu cho sự vãng sanh.

Nhân tiện, xin nhắc lại câu chuyện hiện thật ở Việt Nam. Một cư sĩ tu đã lâu, có thể gọi là từng nghiên tâm thông hiểu nhiều kinh điển đại thừa. Hôm nọ, ông đến chùa hỏi một vị Hòa thượng: "Bạch Ngài! Các pháp đều do tâm,

sự vui khổ cũng do tâm chấp theo ngoại cảnh. Thế tại sao Ngài lại còn niệm Phật cầu sanh Tây phương để làm gì?" Vừa lúc ấy ánh nắng mai xuyên qua cửa sổ, chiếu vào chỗ ghế ông đang ngồi. Vị cư sĩ vội đứng lên nhắc chiếc ghế tránh sang một bên. Thấy thế, Hòa thượng cười bảo: "Nặng có một chút mà ông không chịu được, nói gì là các pháp do tâm!" Vị cư sĩ đỏ mặt im lặng, rồi đề cập sang chuyện khác.



TRẦN THỊ

Trần thị là vợ của Diệp Vĩnh Xương, ở huyện Vụ Nguyên tỉnh An Huy. Bà bẩm tánh từ ái, hay làm việc ân huệ, mến ưa sự sạch sẽ. Lúc bốn mươi tuổi, vì con trai lớn bị chứng suy lao, bà cầu khẩn Phật, phát nguyện ăn chay trường. Song đứa con bởi tội chướng nhiều duyên phước kém, công đức của bà chưa đủ sức cứu vãn, nên bệnh nó chỉ tạm dứt rồi kế mẫn phần. Do duyên con trai thân mến yếu vong, Trần thị xét nghĩ chán kiếp người vô thường, cưới vợ lẽ cho chồng, đem hết việc nhà ủy thác cho thứ nam và dâu, phần mình chuyên lo tu hành trì trai giữ giới.

Bà thường ở riêng một gian tịnh thất, trong đó thờ cúng Quán Âm đại sĩ. Sớm hôm Trần thị kính thành lễ bái, niệm

hồng danh A Di Đà và thánh hiệu Quán Thế Âm. Sự hành trì cứ liên tục như thế suốt vài mươi năm, không ngày nào bỏ sót. Bà thích hạnh bố thí, hay cứu kẻ khốn cùng cấp nạn, có ai đến xin đều vui vẻ tùy phần giúp đỡ, và khuyên họ nên niệm Phật để mau thoát khổ.

Vào tháng mười niên hiệu Dân Quốc thứ năm, Trần thị qua đời. Đêm sắp từ trần, bà bảo quyến thuộc rằng: "Con cháu cứ yên nghỉ, ta sẽ sanh về Tây phương, đừng lấy làm kinh lạ!" Nói xong vẫn niệm Phật mãi không thôi. Trong thân quyến hãy còn chưa tin, nhưng đến sáng lại thăm chừng, thì thấy bà ngồi ngay thẳng hướng về Tây an tĩnh mà vãng sanh rồi. Hôm sau nhập liệm, khi đốt y phục cũ và khăn tắm, bỗng đâu ánh sáng năm sắc nổi hiện lên trên ngọn lửa. Trong đó lại hiện rõ một đóa hoa sen to lớn tươi đẹp, hai bên có hai con rồng đoanh vây. Những người trông thấy đều kinh lạ, thò than khen ngợi. Bà thọ được bảy mươi ba tuổi.



CÁT PHU NHƠN



Cát Phu Nhơn nguyên là vợ của Thái sử Trịnh Ngoạn ở Trường Sa. Quan Thái sử nghiên cứu nội điển tinh tường, thông hiểu rất sâu về Phật pháp.

Đến tuổi trung niên, phu nhơn thường hay đau

yếu. Trịnh Thái sử để cho bà ở riêng một gian lâu, lo việc tu trì. Tại nơi đây, phu nhom hằng chuyên niệm Phật, quanh năm chân không bước ra khỏi cửa, mọi việc có hai đứa thị tỳ giúp đỡ. Hành trì lâu ngày, ban đêm tuy bà tĩnh tọa trong bóng tối, song vẫn thường thấy một vùng ánh sáng chẳng rõ từ đâu phát ra. Tuy không hỏi việc bên ngoài, nhưng mọi sự phu nhom đều biết trước. Đôi khi rảnh rỗi, quan Thái sử giảng luận về Phật lý cho nghe, bà đều lãnh ngộ sâu sắc hơn người thường.

Mùa xuân năm Kỷ Mùi, thời Dân Quốc, phu nhom dự biết ngày giờ lâm chung, nói với Trịnh Thái sử rằng: "Tôi xin tạm biệt vãng sanh về Cực Lạc, sau khi đắc pháp nhãn rồi, sẽ nương thuyền đại nguyện trở lại hóa độ cõi Ta Bà". Đúng thời đã định bà ngồi măn phần, hương lạ bay thom đây thát.

LỜI BÌNH:

Chúng sanh do bị trần duyên che lấp nên lạc mất nguồn chân tâm trong lặng sáng suốt của mình, khi dứt trần niệm, ánh sáng của tự tâm sẽ phát sanh. Và khi tâm thanh tịnh, trí huệ thần thông cũng từ nơi đó mà hiển hiện. Cát phu nhom thấy bạch quang, biết trước mọi việc, hiểu sâu Phật lý, đều do bà thức ngộ cảnh trần như huyễn, rũ sạch muôn duyên, một lòng niệm Phật, tâm được thanh tịnh, nên những diệu dụng sẵn có mới phát hiện ra vậy.



ÂU DƯƠNG AN NHƠN



u Dương an nhơn nguyên là mẹ của cư sĩ Vương Tích Phiến ở Hồ Bắc. Tánh bà cần kiệm dụ hiên, ít nói cười, quanh năm lo việc trong nhà, chân ít khi bước ra khỏi ngõ. Bà thường giữ Quan Âm trai, chưa biết niệm Phật.

Mùa đông năm Kỷ Mùi, thời Dân Quốc, An nhơn bỗng vương bệnh ho. Sau khi điều trị tạm lành, sự âm thực của bà lần lần kém giảm. Đến mùa hạ năm Canh Thân, An nhơn không nuốt được một hạt cơm, chỉ uống toàn nước chín. Vương Tích Phiến thương mẹ tuổi già tuyệt thực, tất khó sống lâu, liền đến chùa thỉnh chư Tăng lại nhà thay phiên vi thân mẫu sám hối. Vừa đâu giữa đường gặp cư sĩ Man Tâm Như khuyên nên buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật thì bệnh có thể lành. Tích Phiến về nhà đem điều ấy thuật lại với An nhơn, bà nghe xong liền tin sâu và phát nguyện thật hành. Nhưng khổ vì bệnh lâu khí suy, nên niệm Phật không thành tiếng.

Ngày mùng bốn tháng bảy, Tích Phiến nghĩ đến bệnh của mẹ mỗi ngày thêm nặng, khí lực càng yếu, e niệm Phật không kiến hiệu, tất khó sanh về Tây phương. Vì thế ông liền sang chùa An Quốc ở Hoàng Châu, kính thành cúng dường Tam Bảo, thỉnh Thế Phong hòa thượng và chư Tăng cử hành Phật lễ tại nhà. Sau khi Hòa thượng khai đạo xong trở về, chư Tăng luân phiên nhau tụng niệm. Tám giờ tối

hôm ấy, An nhơn bỗng yên ổn ngủ say đến nửa đêm mới tỉnh, gọi Tích Thiên đến bảo: “Mẹ nằm mơ thấy có hai người dùng kiệu chở đem đi tới một vùng thẳm địa rộng rãi bao la, đường sá bằng phẳng, cảnh vật đẹp tươi. Thoạt có bà lão mặc áo xanh hiện thân, trạng mạo giống như đức Quán Thế Âm, dẫn mẹ đi qua chiếc cầu đá, tới một ao sen to rộng không thấy bờ mé. Trong ao hoa sen trắng đỏ đua nhau tươi nở, hương thơm thanh khiết nhẹ nhàng. Hai người kiếng kiệu đem mẹ để trên một hoa tòa lớn. Mẹ vừa khen: “Đẹp thay cảnh trí nơi đây”, bỗng chợt thức giấc. Lúc tỉnh dậy, cảm thấy cỗi nầy nhơ uest, thân nầy thật ô trược nặng nề!” Tích Thiên nghe nói, thỉnh chư Tăng niệm Phật thêm một tạng để làm trợ duyên cho mẹ sanh về thắng phẩm. Ông cùng tất cả gia quyến cũng luân phiên tụng iệm theo đại chúng.

Từ đó mỗi khi An nhơn nằm nghỉ, đều thấy bà lão áo xanh dẫn đến ao sen. Đôi khi trong giấc ngủ, bà bỗng kêu lên thành tiếng: “Ôi! Hoa sen to đẹp quá!” Đến mười hai giờ khuya đêm mười chín, Phật tạng viên mãn, An nhơn nói: “Trước nhà có vị Hòa thượng đến!” Giây phút lại bảo: “Mai nhằm ngày thượng kiết, mẹ sẽ sanh về Tây phương!” Tích Thiên nghe nói, liền vội vã dự bị hậu sự. Hôm sau, mọi người trông thấy dung sắc của Âu Dương an nhơn bỗng trở nên tươi tốt khác thường. Tai mắt bà đột nhiên tỏa sáng hơn lúc bình nhật. Bà chỉ đằng xa nói: “Chỗ kia có con kiến to, coi chừng đạp chúng nó!” Lại bảo: “Hòa

thượng chùa An Quốc đã tới, mau ra thỉnh vào để Ngài trợ duyên cho ta sanh về Tây phương”. Người nhà ra xem, thì Tể Phong hòa thượng quả nhiên từ xa đi đến. Sau khi dùng tam chén trà xong, Hòa hượng liền lại bên giường An nhơn trì chú niệm Phật.

Đến tám giờ tối, Âu Dương an nhơn bỗng ngồi dậy ngay thẳng, mắt trông nhìn lên hư không, lặng lẽ không lay động. Người nhà lại dò xem thì bà đã vãng sanh.



BẢN PHỤ



huyện Từ Khê tỉnh Triết Giang có một bản phụ, chưa được rõ tên họ. Nhà bà quá nghèo, con trai lại bất hiếu, nên thường bị nó la rầy mắng chửi.

Một hôm sau khi bị con thét mắng, bà khổ sở khó nhẫn nại, sang tỏ bày than khóc với vị Tăng ở chùa gần bên. Vị Tăng bảo: “Bà đã biết khổ, sao không bán nó đi!” Bản phụ đáp: “Ai mua sự khổ, làm sao mà bán!” Tăng sĩ nói: “Nếu bà chí thành chuyên niệm hồng danh đức A Di Đà, cầu sanh Tây phương, thì khi mãn phần chắc chắn được Phật tiếp dẫn về cõi Cực Lạc. Từ đó sẽ vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ, thuận hưởng những điều vui. Đó gọi là cách bán khổ!” Bà thưa: “Mẹ con tôi cùng ở chung một gian chòi

lá, góc nhà là bếp nấu ăn, dưới giường còn làm chuồng lợn. Cảnh hỗn tạp như thế này, làm sao niệm Phật?" Vị Tăng đáp: "Không ngại chi, đức Như Lai đại từ đại bi, tùy duyên phổ độ, chỉ dụng tâm thành chí không nệ hình thức. Vậy lúc rảnh bà hãy tới chùa lễ bái, còn khi ở nhà chỉ thường chuyên niệm Phật cầu nguyện vãng sanh cũng được". Bà phụ vâng theo lời dạy, vì lòng tha thiết mong thoát khổ nên niệm Phật không xen hở.

Ba năm sau, vài tháng trước khi qua đời, bà bảo con rằng: "Đến ngày tháng ấy, mẹ sẽ sanh về Tây phương. Vậy con chớ nên đi vắng, phải ở nhà lo hậu sự cho trọn tình mẫu tử!" Đưa con tỏ vẻ không tin, bà liệu biết nên sau lại dặn dò đôi ba phen nữa. Vài hôm trước khi bà phụ mãn phần, đưa con bỗng nghe mùi hương lạ, tỏa thơm bát ngát. Chạy tìm xem khắp xung quanh chẳng thấy ai đốt hương, nó ngạc nhiên không biết mùi thơm từ đâu đến. Bỗng nhớ tới lời mẹ dặn, đưa con nghĩ biết đâu là sự thật, bèn ở nhà chờ. Đến ngày kỳ hạn, nó thấy mẹ nấu nước tắm gội, thay y phục sạch sẽ. Xong xuôi bà ngồi nơi giường, xây mặt về phương Tây niệm Phật một lúc rồi tắt hơi. Lúc ấy nhằm vào khoảng năm Dân Quốc thứ mười.

PHỤ KÝ:

Lúc ở chùa núi Phật Đảnh, chính tôi nghe ngài Định Tây pháp sư thuật lại chuyện này. Tiếc vì khi ấy bận việc, nên chưa kịp hỏi rõ tên họ và ngày tháng vãng sanh của đương sự. - Tăng sĩ Đức Sum ghi.

LỜI BÌNH:

Than ôi! Biển trần lênh láng, ngất cao sóng nghiệp dập dồn. Cõi tạm mong manh, chìm nổi kiếp người khổ lụy! Xét như bản phụ, tánh linh đã sẵn, bởi mê nên lạc bước luân hồi. Vực khổ thăm sâu, duyên phước bỗng gặp môn huyền diệu. Niềm bi cảm ba năm tinh tấn, ngày lâm chung ngát tỏa hương thơm. Hướng Tây phương một dạ khẩn thành, rời huyền chát bước lên lầu ngọc. Thế mới biết Di Đà nguyện lớn, thuyền độ sanh chẳng bỏ một ai. Lại rõ thêm Tịnh độ pháp môn, sen trắng phẩm hiện đời tất được. Áo vàng hoa sẵn đẹp, còn đợi kẻ quyết tâm.



TIỂU HIỆN ỨC PHẬT



ừ xưa có nói: "Đời người trăm tuổi, ít kẻ bảy mươi". Dung tăng này đến sáu mươi tuổi, mới xuống tóc, may được dự vào hàng thanh chúng. Nay đã đến bảy mươi, thân tàn chẳng còn bao lâu nữa, chỉ trông hôm sớm mà thôi! Bình thời tuy cũng tụng kinh niệm Phật, song còn hân mình chương nặng, chưa được nhứt tâm. Nhân duyệt chương Đại Thế Chí trong kinh Lăng Nghiêm thấy nói: "Nếu kẻ nào nhớ Phật niệm Phật, thì hiện tiền hoặc trong tương lai, quyết định sẽ được thấy

Phật". Đọc xong lời này, bỗng ngẫu cảm viết thành mấy bài son kệ, mệnh danh là Tiểu Hiền Ưc Phật. Mục đích những bài sau đây chẳng ngoài ý cảnh giác khuyên tấn mình và người trên đường tu tịnh đó thôi.

Tổng, Tuyết Khê son tặng.

I

Phăng phăng theo sóng nghiệp duyên trôi
Thoáng chốc bảy mươi đã đến rồi!
Há chẳng trước nay thường nhớ Phật?
Muôn từ tuổi muôn giục thêm roi!
Quét trừ cảnh ý trong trong lặng
Khêu hắt đèn tâm sáng sáng soi
Quyết định thân này cho thấy Phật
Nói cười thoát tục lại đài ngôi.

II

Những từ kinh sử học văn chương
Hoa gấm từng mong mở rộng đường
Tắc bóng buông xuôi dòng thế thủy
Chuỗi ngày ngoảnh lại cuộc phù vân!
Cảnh Phật chiều mai tưởng Niệm cần
Kiệt khách tài nhân đâu vắng tá?
Hoàng hôn cỏ ấy khắp hoang phần!

III

Sắc tài danh lợi mối oan sâu
Vườn tục ai mơ huyễn mộng lâu?
Đất tạm từ nay không tái hội
Trời Tây về lại cõi thiên thu
Mẹ con ví được đồng tâm cảnh
Gió bụi chi cần bước viễn du!⁽⁴⁾
Suy thanh từ đây thôi chẳng hỏi
Song hồ đệm cỏ lặng tiem tu.

IV

Ba gian nhà cỏ cảnh thanh bản
Việc tốt chi bằng nhớ Phật hơn?
Muôn sự rồi tan gương lộ vỡ
Một đời câu niệm ý tâm cần
Dưới từng nhắc chén trà xuân đậm
Bên đá lằn tròng ánh nguyệt tân
Đóng cửa lòng mơ về cõi tịnh
Đài sen chắt ngọc gởi thỉnh thân!

⁴ Kinh Lăng Nghiêm nói: "Phật nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời chẳng cách xa nhau".

MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT

(Của TRIỆT NGỘ Thiền Sư)

Hán 58:

*Nhiệt củ Di Đà
Loại như toàn hỏa
Mộc noãn yên sanh
Tạm đình bất khả.*

Viết 58:

*Một câu A Di Đà
Như cọ gỗ lấy lửa
Gỗ nóng khói phát sanh
Chớ tạm dừng lần lựa.*

Lược giải:

Thời xưa ở Ấn Độ, khi muốn lấy lửa người ta cọ hai thanh gỗ khô vào nhau. Cọ đến khi nào gỗ nóng phát sanh ra khói, mới để đồ dẫn hỏa vào, tự nhiên lửa bắt phừng cháy. Nếu cọ nửa chừng, hoặc đến lúc đã nổi khói mà bỏ dở tạm dừng, thì gỗ sẽ lần lần nguội đi không phát ra lửa được.

Sự hành trì câu A Di Đà cũng như thế. Khi chúng sanh ở Ta Bà phát tâm niệm Phật cầu về Cực Lạc, thì nơi ao bàu ở Tây phương đã nở hiện một búp sen. Nếu hành giả mỗi ngày đều tinh tấn trì niệm, hoa sen ấy sẽ lần lần to lớn. Như nửa chừng bỏ dở, hoa sen cũng lần lần khô héo rồi tàn. Bởi đóa sen chín phẩm nơi liên trì, đều do công đức của hành giả mà thành tựu. Ngày kia công hạnh thành, báo thân mãn, thần thức của đương nhơn sẽ gói vào thai sen đó mà hóa sanh. Cho nên người tu tịnh nghiệp chớ nên niệm Phật nửa chừng rồi bỏ dở, hoặc biếng trễ lần lựa tạm dừng. Vì trễ sót như thế tất nhiên thai sen sẽ hỏng.

Viết đến đây, bút giả nhớ lại độ trước có được cô Diệu Thuần ở quận Ba Tri tỉnh Bến Tre, thuật lại cho nghe điểm

mộng như sau:

Bach thầy! Con nằm mơ thấy đến một ngôi chùa, trước chùa có ao to rộng, nước trong suốt, các đóa hoa sen nhiều sắc, hoặc lớn hoặc nhỏ đua nhau tươi nở. Gần bờ ao có một hoa sen to lớn độ bằng chiếc mâm thau tròn. Nhưng đóa hoa ấy lại bị cái chụp úp lên. Con lại gần đỡ cái chụp, thì hoa sen tan rã từng cánh rồi tàn rụng. Lúc ấy, giữa hư không bỗng có tiếng nói: "Hoa sen đó là của liên hữu Minh Phúc!" Sau khi tỉnh giấc, sáng ra con đem điểm mộng thuật lại cho đạo hữu Minh Phúc ở tiệm vàng tại bản quận nghe. Đạo hữu tỏ sắc lo sợ bảo: "Chết nỗi! Thầy dạy tôi mỗi ngày niệm Phật tôi thiếu phải một ngàn câu. Tôi tinh tấn đã được vài năm, nhưng gần đây vì công việc quá bề bộn, nên suốt ba tháng nay biếng trễ không niệm một câu nào. Bây giờ chị thấy hoa sen héo rụng, và chư vị đã mách bảo như thế, tôi phải sám hối gắng tinh tấn lại mới được!" Thưa thầy! Con đã biết hoa héo rụng là do Minh Phúc giải đãi, nhưng chưa rõ tại sao lại có cái chụp ấy?"

Bút giả đáp: Chiếc chụp tượng trưng cho Ngũ cái nói về phương diện chung, hoặc Ngũ dục về phương diện riêng. Ngũ cái là: tham, sân, si, nghi, hối. Ngũ dục là: sắc đẹp, tiền của, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Chúng sanh thường bị những điều trên che đậy, làm cho tham đắm si mê, không biết tinh ngộ tu hành. Minh Phúc tất bị một hoặc nhiều phần trong các điều ấy che mờ, nên mới biếng trễ không niệm Phật, khiến cho hoa sen công đức phải héo tàn. Nhưng từ đây nếu biết giác ngộ gắng tu, thì đóa hoa sen khác sẽ tiếp tục mọc lên, thay cho đóa hoa trước. Đừng nên e ngại rằng nó tàn rồi mất hẳn, mà phé bỏ sự tu trì. Khi xưa cô thị nữ của bà Kinh Dương phu nhơn, trước tiên cũng giải đãi nên

hoa sen héo tàn, sau giấc ngộ tỉnh tấn, hoa lại mọc lên tươi tốt. Kết cuộc cô được vãng sanh Cực Lạc, cô trở về báo mộng cho phu nhơn biết.

**Hán 59:**

*Nhứt cú Di Đà.
Toàn thân đành dải
Nhơn mạng vô thường
Quang âm bất tái!*

Viết 59:

*Một câu A Di Đà
Đem toàn thân đội trái
Mạng người rất vô thường
Tháng ngày không trở lại.*

Lược giải:

Cô nhơn đã báo: Trên đường tiến tu đạo giải thoát, có bốn điều khó:

Điều thứ nhứt là: thân người rất khó được. Khi xưa đức Phật đã nói với ngài A Nan: *"Chúng sanh được thân trời, người ít như đất nơi móng tay. Đọa bốn ác thú nhiều như đất miền đại địa"*. Đọa vào các nẻo như: Tu la, bàng sanh, ngạ quỉ, địa ngục, bị nhiều nỗi thống khổ và nghiệp ác làm chướng ngại đường tu đã đành, nhưng sanh lên cõi trời cũng bị sự vui khiến cho mê đắm khó tu nữa! Thế nên duy có thân người mới dễ tiến tu đạo giải thoát mà thôi. Người xưa đã từng diễn tả sự khó được của thân người qua mấy câu thi như:

*Ngàn năm cây sắt đơm hoa dễ
Một mắt thân người khó lại sanh!
(Thiên niên thiết thọ khai hoa dị
Nhứt thất nhơn thân tái phục nan!)*

Hoặc:

*Tam đồ một đọa trăm ngàn kiếp
Lại côi nhơn thiên chẳng hẹn ngày!*

*(Tam đồ nhứt đọa bá thiên kiếp
Tái xuất đầu lai hữu kỳ thời!)*

Thân người đã khó được như thế, nhưng làm thân người mà không tàn tật, không sanh nơi biên địa, được ở nơi trung tâm văn hóa, đạo đức cũng là điều khó. Và đây là cái khó thứ hai.

Dù được ở miền trung quốc có văn hóa đạo đức, nhưng không dễ gì được gặp và nghe hiểu Phật pháp. Bởi chánh pháp như hoa Ưu đàm bát la, rất lâu mới nở hiện nơi cõi đời. Đây là điều khó thứ ba.

Lại tuy được gặp và nghe hiểu Phật pháp để tu hành, nhưng còn điều thứ tư rất khó là không dễ gì thoát khỏi tam giới, dứt hẳn nỗi khổ sống chết luân hồi. Bởi nhân loại phần đông nghiệp nặng căn tối, chương duyên rất nhiều, kiếp sống lại vô thường ngắn ngủi, mới vừa thấy đó, bỗng lại mất đi.

Nay chúng ta hân hạnh được thân người, lại rất may mắn gặp môn Tịnh độ là pháp cực nhiệm mầu, một đời có thể dứt nghiệp vãng sanh thoát vòng sống chết, thì phải đem toàn thân mà gánh vác thọ trì, đừng nên lần lữa hẹn chờ, hoặc thờ ơ biếng trễ. Tại sao thế? Vì bóng quang âm thấp thoáng như thoi đưa, tuổi xuân không trở lại, mạng người thoát còn thoát mất không biết đâu mà lường. Khi xưa có thiên sinh hỏi một vị tôn đức: "Bạch ngài! thế nào là sự tiến tu của hành giả?" Vị tôn đức đáp: "Thấy nói Kinh Kha xưa đồng mãnh. Một đi thà chết chẳng quay về!" (Kiến thuyết Kinh Kha lữ. Nhứt hành cánh bất hồi).

Hành giả đem toàn thân trái đổi một câu A Di Đà, cũng phải như thế.

**Hán 60:**

*Nhứt cú Di Đà
Như cứu đầu nhiên
Tận thập phần lực
Kỳ thượng phẩm liên.*

Viết 60:

*Một câu A Di Đà
Như cứu lửa cháy đầu
Giốc mười phần công lực
Cầu thượng phẩm sen màu.*

Lược giải:

Hành nhơn khi xưa đã cho biết: "Học đạo như dong thuyền nước ngược, không tiến nổi tất trôi lui" (*Học đạo như nghịch thủy hành chu, bất tiến tất thoái*). Bởi trên đường tu, hành giả gặp nhiều chướng duyên trong và ngoài, nếu không mạnh mẽ cố gắng tự chủ trương, tất không làm sao tiến triển nổi. Mà muốn làm chủ thân tâm cùng ngoại cảnh, thắng dẹp muôn duyên để tiến đạo, phải dùng hết mười phần năng lực mới mong đạt được kết quả. Về môn Tịnh độ, nếu muốn cầu phẩm sen bậc thượng, dĩ nhiên cũng phải như thế. Trong bức thơ gởi cho một Phật tử hỏi đạo, Ấn Quang pháp sư nói: "Theo kinh nghiệm xưa nay, nhiều hành giả chỉ mong cầu bậc thượng, nhưng phần nhiều chỉ được trung, cầu bậc trung lại rớt xuống bậc hạ. Nếu người không phát tâm thẳng tiến, tu hành lơ là, hy vọng mình dự vào Hạ hạ phẩm, cũng tốt, thì làm sao bảo đảm sự vãng sanh?"

Trên đây cũng là điểm suy nghĩ chung cho hàng liên hữu vậy.

Hán 61:

*Nhứt cú Di Đà
Diệu viên chỉ quán
Tịch tịch tĩnh tĩnh
Vô tạp vô gián.*

Viết 61:

*Một câu A Di Đà
Môn chỉ quán mẫu tròn
Lặng lặng tĩnh tĩnh niệm
Không xen tạp nổi luôn.*

Lược giải:

Người mới tu lúc niệm Phật lắng nghe vào trong, dứt các tạp vọng, gọi là Chỉ. Khi phát khởi trì câu hồng danh với các tâm trạng khác nhau tạm gọi là Quán. Những tâm trạng khác nhau ấy như thế nào? Có lúc trì câu hồng danh với ý tha thiết, như con nhớ mẹ, như lữ khách lâu năm hoài vọng cố hương. Đây gọi là Chí thiết niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý sám hối, bởi nghĩ mình từ vô thì kiếp đến giờ vì mê lầm tạo nhiều tội chướng, nay hết sức hổ thẹn ăn năn. Đây gọi là Sám hối niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý thương cảm, vì nghĩ mình nghiệp chướng sâu dày chìm đắm trong vũng bùn lầy ngũ dục ác nhơ, nay cầu mong sự cứu vớt nơi đáng đại từ bi. Đây gọi là Bi cảm niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý lo sợ, bởi nếu rời Phật lực tức sớm muộn cũng sẽ bị đọa vào ba đường ác, chịu vô lượng nỗi khổ sống chết luân hồi. Đây gọi là Bối tâm niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý phân phát tự trách hờn, như một nhơn sinh sẵn đủ trí huệ tài ba, thì vẫn mãi tiếp, bởi cậy tài nên khinh suất mãi thì rớt, cam chịu cảnh nghèo hèn. Đây gọi là Phát phần niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý nhàm chán lẽ loi, như bậc cao sĩ sống giữa cảnh xung quanh các đồng nhơn tranh đua sắc tài danh lợi, thì phi hơn thua, gièm pha phi báng giết hại lẫn nhau, riêng mình chỉ còn biết nương gán

với Phật, bởi cõi trần man mác, ấy ai là bạn tri âm? Đây gọi là Cô tịch niệm.

Niệm Phật với các tâm cảnh như trên, tuy tạm gọi là có Chi có Quán, nhưng chưa được xưng là Diệu Viên bởi chưa đến mức tròn trặn nhiệm mầu. Hành giả dụng công lâu ngày, tâm niệm vắng lặng dứt hết muôn duyên, nơi câu Phật hiệu gồm đủ phước, huệ, hạnh, nguyện, giải thoát, sáu ba la mật, không và sắc dung thông, mới gọi là Diệu. Trong bát thân tâm, ngoài dứt trần giới, chẳng thấy mình là kẻ hay niệm, Phật là vị được niệm, không còn lẫn mức cách biệt giữa chúng sanh và Phật, giữa cảnh cùng người, tất cả đều dung hợp rộng rãi, bao la, mới gọi là Viên. Nơi tâm cảnh ấy, điểm thanh tịnh lặng lặng không tán loạn là Chi, điểm sáng suốt tĩnh tĩnh không hôn trầm là Quán. Niệm như thế không xen tạp, hằng nối tiếp nhau, gọi là Diệu Viên Chi Quán.



Hán 62:

*Nhứt cú Di Đà
Hiển lộ chỉ bình
Trực để bảo sở
Bất trụ hóa thành.*

Viết 62:

*Một câu A Di Đà
Lỗi hiểm đều san bằng
Thẳng về nơi bảo sở
Không trụ cảnh hóa thành.*

Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, nơi phẩm Hóa Thành Dụ, đức Thế Tôn có nói đại khái như sau:

- Một vị đạo sư hướng dẫn đoàn người vượt qua đoạn đường hiểm trở xa độ năm trăm do tuần, để đến nơi Bảo sở

là chỗ có nhiều châu báu. Nhưng giữa đường đoàn người ấy mỏi mệt thối tâm, xin muốn lui bước trở về. Đạo sư nghe nói thương xót, dùng phương tiện biến ra một Hóa thành cách đó ba trăm do tuần và bảo: "Các ông hãy cố gắng đến thành ấy tạm nghỉ sẽ hết nhọc mệt!" Đoàn người vui mừng tiến tới Hóa thành, cho rằng mình đã đến nơi, đã được chỗ an ổn. Khi đạo sư thấy họ đã nghỉ ngơi xong, liền diệt mất Hóa thành và bảo: "Vừa rồi là Hóa thành không phải cảnh thật. Ta vì thấy các ông mỏi mệt bỏ dở công khó muốn lui trở về, nên thương xót phương tiện hóa hiện ra. Nay đã sắp gần tới Bảo sở các ông nên cố gắng gia công tiến bước..."

Theo thí dụ trên, Đạo sư chỉ cho đức Như Lai. Đoàn người chỉ cho hành giả tiến tu theo chánh pháp. Đường năm trăm do tuần, chỉ cho sự hiểm nguy khổ nạn trong Ngũ thú luân hồi là: Thiên, nhơn, bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Trong đây không kể A tu la và thần tiên, vì hai đạo này nhiếp vào các nẻo kia. Như A tu la thì có thiên A tu la, nhơn A tu la, quỷ A tu la, súc A tu la. Tiên thì có thiên tiên, quỷ tiên cho đến súc tiên, chẳng hạn như hồ tiên cho đến long tiên v.v... Nếu phối hợp với các thừa, thì năm trăm do tuần là sự trải vượt qua năm thừa gồm: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát còn kể trong giai đoạn hiểm nguy, vì nếu không nhờ sức Phật gia bị, tất bị u trệ, khó nổi tiến lên Phật quả. Nhưng đây là luận rộng thêm đó thôi, thật ra đường hiểm năm trăm do tuần chỉ cho Ngũ thú thì thiết cận hơn.

Tiếp tục theo lời dụ, Bảo sở chỉ cho Phật quả Vô thượng đẳng giác. Cách ba trăm do tuần, chỉ cho sự vượt khỏi Tam giới. Hóa thành chỉ cho quả vị giải thoát phiền

hoặc ba cõi của hàng Nhị thừa Thanh Văn, Duyên Giác. Tổng kết đại ý, đức Thế Tôn muốn nói trong giáo pháp của Ngài, chỉ duy một Phật thừa, không có sự chia riêng hai thừa như Tiểu thừa và Đại thừa, hoặc ba thừa như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa. Những thừa trên đều toàn giả lập, quả vị Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ là Hóa thành huyễn tạm mà thôi.

Đối với pháp Tịnh độ, có người không hiểu rõ môn này, lầm cho Cực Lạc là Hóa thành, chẳng phải Bảo sở. Thật ra Hóa thành cùng Bảo sở là cảnh giới tu chứng của tu tâm, không cuộc hạn nơi quốc độ. Xin nói rõ lại, Hóa thành là cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác; Bảo sở là cảnh giới Phật. Môn Niệm Phật đưa chúng sanh về Cực Lạc, để mau tiến lên cảnh giới Phật, chứng thành Phật quả. Đó là đường lối thẳng tắt tiến về Bảo sở; chớ đâu phải trụ nơi Hóa thành. Đứng ra Ta Bà và Cực Lạc đều là huyễn cảnh, nhưng Ta Bà có vô lượng khổ nạn chương duyên. Cực Lạc đủ vô lượng duyên lành tiến đạo. Bởi thế chư Phật đều khuyên nên cầu vãng sanh để dễ tiến tu, không còn bị thối chuyển mà thôi. Chính mình còn thuộc giới phàm phu đầy đủ nghiệp lực mà cho Cực Lạc là Hóa thành, cam ở cảnh Ta Bà vô lượng chương duyên hiểm nạn, rất khó được giải thoát, đó là Bảo sở đây ư? Thật là lầm lạc và đáng buồn cười lắm vậy!

Câu "Lối hiểm đều san bằng" hàm ý nghĩa: Khi công phu niệm Phật thuần thực, từ cõi Phàm thánh đồng cư ở Ta Bà sanh về cảnh Phàm thánh đồng cư nơi Cực Lạc, thì đã thoát khỏi sự luân hồi trong đường hiểm Ngũ thú thuộc Tam giới, lại thường được gần gũi Phật cùng chư Bồ Tát không còn bị chương ngại và bị thối chuyển trên đường Vô thượng bồ đề. Tóm lại một câu niệm Phật có công năng

màu nhiệm san bằng tất cả hiểm nạn trên đường tu, đưa hành giả tiến mau về Bảo sở, nên Triệt Ngộ thiên sư mới tỏ bày khen ngợi!



Hán 63:

Nhứt cú Di Đà
Như thủy thanh châu
Phân vân tạp niệm
Bất đoạn tự vô.

Viết 63:

Một câu A Di Đà
Như ngọc lắng trong nước
Ngàn muôn tạp niệm rồi
Chẳng dứt tự thành không.

Lược giải:

Hạt châu Thủy thanh có công năng lắng nước đục thành trong. Câu niệm Phật cũng thế, không luận vọng niệm nhiều ít, hành giả cứ chuyên chú giữ chắc sáu chữ hồng danh lâu ngày, tạp niệm tự nhiên tan mất. Điểm đáng lưu ý trong đây là không nên khởi tâm dứt trừ vọng niệm. Vì vọng niệm vốn như huyễn, cố tình muốn dẹp, nó lại càng tăng. Một nhà hiền triết đã nói kinh nghiệm này qua câu: "Càng muốn đè nén, chính là cố tâm làm cho nó thêm phát khởi" (Tương dục ản chi, tất cố hưng chi).

Khi xưa có một Tú tài đến phòng đạo nơi bậc cao đức, vị Thiên sư này hỏi: "Cư sĩ tên họ chi?" Tú tài đáp: "Thưa, đệ tử nhũ danh Trương Chuyết". Chữ Chuyết có nghĩa là vụng về. Thiên sư nghe xong bảo: "Với đạo khéo còn chẳng có, huống chi đến vụng!" Tú tài nghe qua liền ngộ vào Bát nhị pháp môn, làm kệ trình lên rằng:

Ánh linh lặng chiếu khắp hằng sa
Phàm thánh nguyên lai bản tánh ta

Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện
 Sáu căn vừa động bị mây lừa
 Dứt trừ phiền não càng thêm bệnh
 Tìm tới chân như cũng vẫn tà
 Tùy thuận các duyên không trở ngại
 Niết Bàn sanh tử tự không hoa.

Theo ý hai câu luận bài kệ trên, phiền não vốn là không là huyền, cứ mặc nhiên giữ chánh niệm, nó sẽ tự tiêu tan. Nếu khởi ý dứt trừ, thì phiền vọng lại hóa thành có. Chân như là thể tánh tự nhiên, biết lặng lẽ dung hợp với tự nhiên, tánh chân như sẽ hiển lộ. Nếu khởi tâm tìm tòi xu hướng, tức có niệm phân biệt, trái với thể bản nhiên, đó chính là tà vọng. Để bỏ tức ý trên, xin ghi thêm lời của Đàm Hư đại sư, một bậc cao Tăng cận đại thuộc giáo phái Thiên Thai bên Trung Quốc.

Đây Phật Tổ quê hương
 Xứ xứ hiện phong quang
 Nước non miền đất rộng
 Ứng tự có biên cương
 Động vật tùy sanh trưởng
 Thực vật tự phô trương
 Năng mưa tùy đối tiết
 Tháng năm tự đoan trường
 Vinh hư muôn tượng hiện
 Là tự thể chân thường
 Nếu cố ý cầu toàn
 Trở lại bị tổn thương!

**Hán 64:**

Nhứt cú Di Đà
 Đốn nhập thừa môn
 Kim xí phích hải
 Trục thủ long thôn.

Viết 64:

Một câu A Di Đà
 Ngộ vào đủ công năng
 Kim xí rẽ nước biển
 Bắt thẳng lấy rồng ăn.

Lược giải:

Trong kinh Khởi Thế Nhân Bản có đoạn nói:

- Đại bàng kim xí điều là giống chim ăn thịt loài rồng. Khi muốn thọ thực, chim này tùy theo khả năng của loại thai, noãn, thấp, hóa, dùng cánh quạt nước biển sâu nhiều ngàn do tuần, bắt lấy các loài rồng thuộc thai, noãn, thấp, hóa mà ăn thịt. Kim xí là loại chim cao nhứt trong hàng phi cầm, có sức thần thông biến hóa. Rồng là sanh vật tối linh trong biển cả, cũng có nhiều uy lực thần thông.

Trên đây ví hiệu năng môn Niệm Phật như thần thông của Kim xí điều. Các công đức mà môn này thu được như thủ đắc loài rồng là sinh vật tối linh. Kinh Hoa Nghiêm có nói đến môn tam muội sâu mầu hàm chứa vô lượng tam muội gọi là Vô Biên Hải Tạng Môn. Liên Trì đại sư đã so sánh bảo: "Niệm Phật tam muội cũng thế, ngộ vào môn này tức sẽ ngộ nhập Vô Biên Hải Tạng Môn, sẽ thủ đắc vô lượng tam muội". Vì thế Tổ Triệt Ngộ mới trình thuật lại ý nghĩa ấy qua bài kệ trên.



Hán 65:

Nhiệt cú Di Đà
Trần duyên tự đoạn
Sư tử du hành
Đã can kinh tán!

Viết 65:

Một câu A Di Đà
Sạch trần duyên phiền não
Như sư tử dạo chơi
Kinh rã bầy chồn cáo!

Lược giải:

Chúng sanh từ vô thí kiếp đến nay, vì mê chân tánh khởi tham sân si, đắm sâu trong vũng bùn lầy duyên phiền não, kết thành sức nghiệp tự ràng buộc lấy mình. Một hiền giả đã than: "Tâm đắm nhiễm của con người như vực sâu không đáy, như biển rộng mênh mông. Đem dâng hết sắc đẹp trong thiên hạ cũng không vừa đủ lòng dục. Hiền khắp hết tiền của trong thiên hạ cũng không vừa đủ lòng tham!" Bởi thế tuy gặp thắng duyên bước lên đường tu, nhưng nghiệp tham sân si trong muôn kiếp không dễ gì trừ dứt. Nhưng nếu hành giả chí tâm giữ một câu Phật hiệu, dù chẳng khởi niệm dứt trừ nghiệp hoặc, trần duyên phiền não cũng sẽ tự tiêu trừ.

Tại sao thế? Bởi phiền não là vọng niệm hư huyền, Phật hiệu là chánh niệm chân thật. Vọng niệm như chồn cáo, chánh niệm như sư tử. Chánh niệm khởi lên, vọng niệm tự diệt, như sư tử ra khỏi hang, các loài chồn cáo đều kinh hãi tan rã bỏ chạy. Vọng niệm như nhà tối muôn năm, chánh niệm như ngọn đèn to sáng, diệt ngay tất cả sự tăm tối. Cho nên nếu nhiếp tâm nơi chánh niệm, tất vọng niệm tự trừ. Ngoài điều ấy ra, sáu chữ hồng danh là kết tinh công đức phước huệ của Phật A Di Đà đã tu từ vô lượng A tăng kỳ kiếp. Cho nên, Phật hiệu có công năng diệt nghiệp rất

mau chóng.

Trong Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tát đã khai thị: "Môn Niệm Phật tam muội hay dứt trừ tất cả phiền não nghiệp chướng đời này cùng đời trước. Các tam muội khác, có môn trừ được nghiệp dâm, mà không thể trừ nghiệp sân. Có môn trừ được nghiệp sân, si mà không thể trừ nghiệp tham, dâm. Có môn trừ được tham, sân, si, nhưng chẳng thể trừ những tội nghiệp đời trước. Niệm Phật tam muội có thể trừ sạch nghiệp tham, sân, si, cùng tất cả trần duyên phiền não và tội chướng đời trước.

Lại nữa, Niệm Phật tam muội hay sanh trí huệ phước đức rộng lớn, có thể độ chúng sanh. Chư Bồ Tát nếu muốn độ sanh mà tu các môn tam muội khác, tất kết quả rất chậm kém. Bởi các môn tam muội khác, phước đức không bằng Niệm Phật tam muội. Tại sao thế? Vì Phật là đấng Pháp Vương, phước huệ đều viên mãn, nên vô lượng phước đức trí huệ của hành giả, tất phải từ nơi Phật mà tăng trưởng và thành tựu mau chóng.

Lại nữa, do vì niệm Phật luôn, tâm không rời Phật, nên hành giả thường được gặp chư Phật ...".

Những lời khuyên dạy trên, chúng tò niệm Phật hay trừ sạch trần duyên phiền não.



Hán 66:

Nhứt cú Di Đà
 Khiên trực niệm quá
 Nhứt đạp đão đề
 Hương tượng độ hà.

Viết 66:

Một câu A Di Đà
 Thăng chắc niệm nơi lòng
 Một phen đạp tận đáy
 Như hương tượng qua sông.

Lược giải:

Trong kinh, đức Phật có thí dụ một đoạn như sau:

- Do chỗ bị động, nên bầy dã thú tìm đoạn sông cạn để lội sang khu rừng khác. Khi vượt sông, các loài thú nhỏ như chồn thỏ chỉ bơi khơi khơi trên mặt nước. Những thú bậc trung như hươu nai lúc lội sang, chân đạp được nửa chừng mực nước. Còn loài voi cao lớn là hương tượng, thì chân bước đạp tận đáy để vượt qua sông. Chúng sanh tu theo ba thừa của ta hóa đạo cũng lại như thế, tùy theo căn cơ của mình mà vượt biển sanh tử sang đến bờ Niết Bàn. Hành giả tu theo pháp Tiểu thừa như loài thú nhỏ. Tu theo pháp Trung thừa như loài bậc trung. Tu theo pháp Đại thừa như loài thú cao lớn là hương tượng đạp tận đáy sông, nghĩa là đạp thấu suốt chiều sâu của lý tánh mà vượt qua biển luân hồi sống chết...

Dẫn thí dụ trên để so sánh, Tổ Triệt Ngộ cho môn Niệm Phật là pháp Đại thừa. Nếu hành giả trì câu hồng danh một cách thăng chắc, dứt tất cả phiền não, không còn phân biệt năng sở trong ngoài, tức sẽ khế hợp với lý tánh, đi sâu vào Thật Tướng Niệm Phật. Kẻ ấy như con hương tượng chân đạp tận đáy, vượt sông một cách vững vàng chắc chắn.

Hán 67:

Nhứt cú di Đà
 Vô tướng tâm Phật
 Quốc độ trang nghiêm
 Cảnh phi ngoại vật.

Viết 67:

Một câu A Di Đà
 Cảnh Vô tướng tâm Phật
 Cõi nước đẹp trang nghiêm
 Không phải là ngoại vật.

Lược giải:

Hành giả tu Tịnh độ do chuyên trì câu hồng danh, lâu ngày nghiệp chướng tiêu trừ, sẽ chứng vào Niệm Phật tam muội. Đây là cảnh Vô tướng tâm Phật. Vô tướng không phải trống rỗng chẳng hàm tướng trạng chi, mà chính vì các tướng sanh diệt như huyễn không có tự thể chắc thật, nên gọi là Vô. Tâm Kinh nói: “*Huyễn sắc tức chân không, chân không tức huyễn sắc*”, chính là ý này. Tâm Phật có nghĩa: Tâm tức Phật, Phật tức Tâm, chân tâm là Phật cảnh, Phật cảnh là chân tâm.

Thế thì cảnh chánh báo y báo trang nghiêm ở cõi Cực Lạc, cùng tất cả quốc độ khắp mười phương, đều chính là cảnh giới của chân tâm, của tâm mình, không phải vật chi ngoài khác. Cho nên những kẻ bảo: “Niệm A Di Đà, nguyện sanh Cực lạc, là tìm cầu bên ngoài, chẳng hướng về tự tâm”, đó là quan niệm sai lầm, chưa hiểu rõ chân tâm, cũng như pháp môn Tịnh độ.



Hán 68:

Nhứt cú Di Đà
Vô vi đại Pháp
Nhứt dụng đơn đề
Kiếm ly bảo hạp.

Viết 68:

Một câu A Di Đà
Pháp vô vi đại bảo
Hằng ngày một niệm chuyên
Gương linh rời hộp báu.

Lược giải:

Trong danh từ Vô vi, chữ Vi có nghĩa: khởi làm hay tác động. Vì các tướng động chuyển trong mười phương thế giới đều sanh diệt như mộng huyễn, như bọt bóng, không có thật thể, nên gọi Vô vi. Đừng lầm hiểu Vô vi là rỗng không, chẳng có tướng trạng hay tác động chi cả mà sai lạc. Cho nên trong kinh nói: *"Bồ Tát tuy thị hiện vô biên quyền thuộc, mà tâm hằng không quyền thuộc. Tuy thật hành sáu độ cùng tất cả việc lành, mà không thấy mình hay làm và có các pháp để tu. Tuy độ vô lượng chúng sanh, mà không thấy mình là người hóa độ và những chúng sanh được độ"*. Đó là hạnh Vô vi. Hạnh Vô vi như thế mới gọi là đại pháp lớn rộng và quý báu.

Nơi đây Triệt Ngộ đại sư dạy: "Người tu Tịnh độ khi niệm Phật không thấy mình là kẻ hay niệm, Phật là vị được niệm, câu hồng danh là pháp tu niệm; dứt tất cả phiền não vọng tưởng, trong quên thân tâm, ngoài tan ngoại cảnh. Hằng ngày đề khởi chuyên niệm như thế, sử dụng câu hồng danh như bậc kiếm sĩ rút gươm thiêng sắc bén ra khỏi vỏ hộp báu, vật chi xúc phạm đến đều bị chém đứt tan. Hành trì như thế tất sẽ chứng vào pháp giới Vô vi rộng lớn, nhập Không Huệ đà ra ni vậy".

**Hán 69:**

Nhứt cú Di Đà
Vô lậu chân Tăng
Tuyết sơn được thọ
Hiểm đạo minh đăng.

Viết 69:

Một câu A Di Đà
Thành vô lậu chân Tăng
Cây thuốc nơi non Tuyết
Đường hiểm ngọn minh đăng.

Lược giải:

Kinh nói: "Trong dãy Tuyết sơn có cây thuốc tên là Dược Vương. Người đau bệnh ôm thân cây liền lành mạnh. Nếu uống được chút ít chất nhựa cây thì trọn đời không bệnh". Lại ở Tuyết sơn có nhiều thứ thuốc quý lạ. Theo kinh Hiền Ngu, khi xưa đức Thế Tôn đã dùng gió thổi đưa chất thuốc tiên nơi non Tuyết vào mắt của năm trăm người mù, khiến cho họ đều được sáng tỏ. Trong quyển Lục Đạo Luân Hồi Tập có dẫn sự việc một người đi ngang qua núi Tuyết, nhân đói ăn thứ dược thảo lạ, bỗng nói và hiểu được sáu môn thô ngữ của dân chúng và các xứ quanh vùng. Chẳng riêng gì núi Tuyết, mà ở các danh sơn khác cũng có nhiều thứ thuốc tiên. Một độ, bút giả đọc quyển Nam Nhạc Kỳ, thấy nói một đạo sĩ vào núi này hái thuốc, chợt thấy một bàn tay trắng đẹp sáng mịn mọc ra từ vách đá. Biết đó là thứ tiên dược, đạo sĩ liền cắt lấy để vào giỏ. Đi một đoạn, ông ta bỗng nghĩ: "Loại thuốc tiên hay biến hóa, nếu không ăn liền nó sẽ ảm mất!" Quả nhiên khi xem lại thì bàn tay ấy đã không còn.

Trong đây, Tổ Triệt Ngộ so sánh sáu chữ hồng danh như thuốc tiên ở Tuyết sơn, như ngọn đèn sáng nơi khoảng đường tối tăm nguy hiểm. Thuốc tiên ngoài công năng trị lành các bệnh, còn có thể khiến cho người đói xác phàm phu thăng thành tiên thánh. Ngọn đèn sáng nơi đường hiểm,

ngoài công dụng soi tỏ để hành khách khỏi lạc lối, còn có thể khiến cho họ khỏi sa hầm sụp hố, tránh những tai nạn chết người. Câu Phật hiệu lại cao siêu hơn, có thể khiến cho hành giả trở thành bậc chân tăng vô lậu, thoát vòng luân hồi, chứng ngôi Vô thượng đẳng giác. Chữ "Lậu" có nghĩa: sa lớt, là biệt danh của nghiệp phiền não. Bởi có phiền não tất phải rớt lớt vào vòng sống chết luân hồi trong ba cõi. Vô lậu chỉ cho thể tánh sáng suốt, dứt hết phiền não, không hề lụy vào nẻo luân hồi. Chứng được thể tánh này mới gọi là bậc chân tăng. Mà muốn chóng thành bậc Vô lậu chân tăng tất phải niệm Phật.



Hán 70:

*Nhứt cú Di Đà
Mãn Bàn na độ
Liệt phá xan nan
Hân phiên bảo tự.*

Viết 70:

*Một câu A Di Đà
Đầy đủ Bồ thí độ
Phá toang tái sên tham
Tuôn cho đồng châu báu.*

Lược giải:

Chúng sanh sở dĩ không bồ thí được để tạo duyên phước, là vì còn nghiệp bòn sên tham lam. Khi chuyên niệm Phật, nghiệp ấy sẽ tiêu trừ, hành nhơn được tròn đầy hạnh thí xả, cả bên trong lẫn bên ngoài. Bên ngoài là thí xả mọi thứ tiền bạc của cải, lần lượt cho đến vợ con, cung thành đất nước. Bên trong là thí xả nghiệp tham, sân, si, lần lượt cho đến đầu, mắt, tay, chân, như đức Thích Tôn khi còn tu Bồ Tát hạnh. Bồ thí như thế mới tròn đủ Đàn ba la mật.



Hán 71:

*Nhứt cú Di Đà
Mãn Thi la độ
Độ nhiếp lục căn
Viên tịnh Tam tự.*

Viết 71:

*Một câu A Di Đà
Đầy đủ Trì giới độ
Nhiếp hết cả sáu căn
Tròn sạch đủ Tam tự.*

Lược giải:

Cổ đức bảo: "Phật chế tất cả giới để trị tất cả tâm. Nếu không tất cả tâm, cần chi tất cả giới?" Qua lời trên, giới luật chỉ là phương tiện để ngăn trừ nghiệp hạnh xấu ác của chúng sanh. Mà sở dĩ có nghiệp hạnh xấu ác là do còn tâm phiền não nhiễm ô. Nếu nhiếp cả sáu căn chuyên trì Phật hiệu, thì nghiệp chướng bên trong sẽ lần lần tiêu tan, hạnh xấu ác bên ngoài lần lần được dứt. Và hành giả cũng sẽ lần lần được trong sạch thân tâm, tròn đầy cả Tam tự tịnh giới. Tam tự tịnh giới là: Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới. Nhiếp luật nghi giới có công năng đưa người tu vào khuôn mẫu luật hạnh, trừ những điều lỗi lầm tội ác của ba nghiệp thân, khẩu, ý. Nhiếp thiện pháp giới khuyến tấn hành giả làm tất cả điều lành. Nhiêu ích hữu tình giới khiến cho người con Phật được tròn đủ hạnh nguyện cứu độ chúng sanh. Dù ba tự trên, Thi ba la mật mới được viên mãn. Môn Niệm Phật là nhân nhiệm mầu để mau thành tựu Giới độ ấy.



Hán 72:

*Nhứt cú Di Đà
Mãn Sằn đề độ
Nhị ngã tướng không
Vô sanh nhĩn ngộ.*

Lược giải:

Sở dĩ hạnh Nhĩn nhục khó được thành tựu, vì chúng sanh còn có tướng Nhị ngã. Nhị ngã tướng là Nhơn ngã tướng và Pháp ngã tướng, tức mỗi chấp có Ta và Pháp. Nếu chuyên niệm Phật, nghiệp chướng mau tiêu trừ, lần lần hành giả sẽ được tâm không, thấy Ta, Người và Pháp đều như huyễn, chẳng thật có. Khi ấy đâu còn chấp có người cùng pháp là nguyên nhân gây nên sự bức nã, và ta là kẻ hay nhĩn, bởi hành giả đã thoát khỏi ranh giới của Ngã, Pháp; chân tâm dung hợp khắp mọi nơi. Chừng ấy đương nhơn sẽ chứng ngộ vào Vô sanh pháp nhĩn, tròn đầy Sằn đề ba la mật.

**Hán 73:**

*Nhứt cú Di Đà
Mãn Tỳ lê độ
Bất nhiễm tiêm trần
Trực đạt huyền lộ.*

Lược giải:

Khi tu hành mà còn thấy mình có tinh tấn, tức chưa đạt đến mức cứu cánh của tinh tấn, vì còn chấp ngã và pháp.

Viết 72:

*Một câu A Di Đà
Đầy đủ Nhĩn nhục độ
Tướng Nhị ngã không còn
Pháp Vô sanh được ngộ.*

Muốn tròn đầy Tỳ lê đa ba la mật, phải thoát ly quan niệm đó, tuy hằng tinh tấn không gián đoạn mà chẳng thấy mình có tinh tấn. Hai vị đại sĩ đã đạt đến cảnh giới này, nên được tôn hiệu là Thường Tinh Tấn và Bất Hưu Tức Bồ Tát.

Khi hành giả niệm Phật đến mức tâm trong sạch rõ ràng, không còn nhiễm một mây trần, tức đã đặt bước lên con đường huyền vi, vào cảnh giới cứu cánh của Tinh tấn độ vậy.

**Hán 74:**

*Nhứt cú Di Đà
Mãn Thiên na độ
Hiện chư oai nghi
Tang thậm khô thọ?*

Lược giải:

Liên Trì đại sư đã bảo: “Niệm Phật và tham thiên chỉ là một, không khác nhau!” Tại sao thế? Bởi Thiên na có nghĩa: Tĩnh lự. “Tĩnh” thuộc về Định, về Chí, về Tịch, thể hiện công đức vắng lặng. “Lự” thuộc về Huệ, về Quán, về Chiếu, thể hiện công đức sáng soi. Khi hành giả niệm Phật đến mức dứt bật muôn duyên, tâm yên lặng sáng suốt, thể hiện công năng tịch chiếu, trong ấy đã bao gồm thiên định rồi. Đó cũng gọi thật hành Thiên na ba la mật, nghĩa là đương nhơn đã tiến bước vào cảnh giới chân thật của thiên định.

Thuở xưa đã có bà lão cất ngôi tịnh thất cho một nhà sư ở để tham thiên, thường cung cấp cho bốn sự cúng dường đầy đủ. Sau hai mươi năm, muốn thử xem trình độ

Viết 74:

*Một câu A Di Đà
Đầy đủ Thiên độ lý
Hiện trong các oai nghi
Cây khô có gì quý?*

sự tu hành đã đến mức nào, bà lão dẫn cô con gái lúc đem cơm nước đến dâng, hãy thỉnh linh ôm lấy vị sư và hỏi: “Hiện thời tâm của thầy ra sao?” Cô gái thật hành y như lời mẹ dặn, được nhà sư đáp: “Tâm của tôi lúc này như cây khô nường gộp đá lạnh trong ba tháng mùa đông, không một chút hơi nóng động nào cả!” (*Khô mộc ý hàn nham. Tam đông vô noãn khí*). Bà lão nghe cô gái thuật lại lời ấy liền than: “Uổng công ta khó nhọc trong hai mươi năm, kết cuộc chỉ cúng dường cho một kẻ phàm phu!” Rồi đốt thất, đuổi nhà sư đi.

Trong bài kệ trên ý Tổ sư muốn nói: - Lúc tu Tịnh độ đến mức tâm yên lặng sáng suốt, thì dù khi hiện các oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, mặc áo, niệm Phật, tụng kinh; trong ấy đã đầy đủ Thiên định độ. Như thế còn hơn hạng khô thiên bám chặt lấy cảnh giới thiên không, như cây chết khô chẳng có chi là siêu xuất cả!



Hán 75:

*Nhiệt cú Di Đà
Mãn Bát nhã độ
Cảnh tịch tâm không
Vân khai nguyệt lộ.*

Viết 75:

*Một câu A Di Đà
Đầy đủ Bát nhã độ
Cảnh thanh vắng lòng không
Mây tan vắng nguyệt lộ.*

Lược giải:

Ấn Quang pháp sư nói: “Với câu niệm Phật, nếu có một phần kính thành, thì tiêu một phần tội nghiệp, sanh một phần phước huệ”. Được mười phần kính thành, sẽ tiêu mười phần tội nghiệp, sanh mười phần phước huệ. Cho nên

khi niệm Phật, hành giả sẽ tùy tâm mà được tiêu trừ nghiệp chướng, phát huy trí huệ của công đức Bát nhã. Hành trì lâu ngày, người ấy sẽ tiến đến mức tâm cảnh rộng không sáng lặng, và sẽ lần lần đầy đủ Bát nhã độ. Hiện tượng ấy ví như mây tan hiện ra vàng trắng trong sáng chiếu rạng khắp nơi, cảnh và ánh trăng đều lặng lẽ trong trạng thái dung hàm không còn phân biệt.



Hán 76:

*Nhiệt cú Di Đà
Tướng tịch tư chuyên
Vị ly Nhẫn độ
Dĩ tọa bảo liên.*

Viết 76:

*Một câu A Di Đà
Tâm lặng tưởng nhớ chuyên
Tuy chưa lìa Nhẫn độ
Đã ngồi tọa bảo liên.*

Lược giải:

Bài kệ trên, hai câu trước ý nghĩa đã rõ ràng, duy hai câu sau, riêng một số độc giả chưa khỏi có điều nghi vấn. Theo Ấn Quang Pháp sư, tác dụng nghiệp thức của chúng sanh không thể nghĩ bàn! Có người tuy còn ở Ta Bà, mà một phần thân thức đã hiện thân ngồi nơi hoa sen cõi Tịnh độ. Có người đang còn sống mà nghiệp thức đã hiện thân thọ tội nơi địa ngục dưới Âm ty. Chuyện Cừu Pháp Hoa và Kinh Dương phu nhơn trong tịnh Độ Thánh Hiền Lục, thân chơi Cự Lạc, thấy trước Dương Kiệt, Từ đạo cô, Tôn Trung, đã ngồi nơi hoa sen, là điều chứng minh cho hai câu: “Tuy chưa lìa Nhẫn độ. Đã ngồi tọa bảo liên” vậy. Nhẫn độ chính là cõi Ta Bà, vì Ta Bà có nghĩa “Kham Nhẫn”. Chúng sanh ở cõi này phải có sức nhẫn nại mới chịu đựng nổi với những cảnh chướng ác xung quanh.

Hán 77:

*Nhứt cú Di Đà
Nhứt đoá bảo liên
Duy tâm chi diệu
Pháp nhĩ như nhiên.*

Việt 77:

*Một câu A Di Đà
Là một đoá bảo liên
Lý duy tâm mẫu nhiệm
Pháp hợp lẽ thiên nhiên.*

Lược giải:

Câu hồng danh mà chúng ta đang hành trì, là kết tinh công đức của Phật A Di Đà đã tu từ vô lượng vô biên kiếp về trước. Cho nên khi chúng sanh khởi tâm niệm một câu Phật hiệu, theo nhân quả của lý "các pháp do tâm tạo", trong vô hình tự nhiên có ánh sáng và hoa sen phát hiện, mà mắt phàm thường không thể nhìn thấy. Tuy nhiên cũng có vài trường hợp do tâm chí thành nên hoa sen hiện rõ, có thể mục kích được với đôi mắt thường. Bởi thế hành giả mới chứng biết được lý ấy.

Nhắc tới điều này, bút giả bỗng nhớ lại chuyện thầy Thiện Lộc, thân phụ Sư cô Diệu Châu, ở ngôi am sau chùa Vạn Đức tại Thủ Đức, đã thuật lại cho các liên hữu biết. Một đêm nọ vào khoảng tám giờ tối, thầy đang quỉ chí tâm niệm Phật theo thời khóa đầu hôm, bỗng thấy từ cạnh bàn Phật ở ngay trước mặt mọc ra một búp hoa sen đỏ to bằng cái tách. Vừa trì niệm vừa nhìn kỹ từng chi tiết, thầy thấy cuống hoa uốn lượn cong, búp sen ngửa lên, rồi lần lần theo tiếng Phật hiệu nở to ra bằng chiếc đĩa bàn. Độ mười lăm phút sau, đoá hoa ấy biến mất. Đây là một trong nhiều chuyện hiện thật, mà chư liên hữu ở khắp mọi nơi đã mục kích và trần thuật lại.

Để nói rộng thêm, câu niệm Phật chẳng những có công

đức hiện ra tướng hoa sen, mà còn hiện đủ các tướng thuộc chánh báo, y báo ở cõi Cực Lạc. Trong các truyện vãng sanh, có vị trước giờ phút thọ chung, đại chúng bỗng thấy mặt đất xung quanh bỗng hóa thành ra vàng ròng. Có vị đang nằm bệnh, tràng phan, lầu các hiện trong tầng băng để gần bên giường. Có vị đang niệm Phật, thân tướng trang nghiêm của đức A Di Đà hoặc chư Bồ Tát hiện giữa hư không, bay trên ngọn đèn lưu ly. Có vị trong khi trì niệm, chợt nghe mùi hương lạ bay thơm cùng khắp. Công đức trang nghiêm thanh tịnh của câu niệm Phật tùy tâm hiện hiện, đại khái là như thế.

Hán 78:

*Nhứt cú Di Đà
Nhứt đoá bảo liên
Phàm tình bất tín
Diệt như kỳ nhiên.*

Việt 78:

*Một câu A Di Đà
Là một đoá bảo liên
Phàm tình không tin tưởng
Cũng là lẽ tất nhiên.*

Lược giải:

Như trên đã nói: Do công đức của câu Phật hiệu, theo lý duy tâm tạo, tự nhiên có hoa sen, ánh sáng hoặc các tướng đẹp lạ khác phát hiện. Nhưng các điều ấy tiếc thay, phần đông phàm phu không tin hiểu và công nhận. Sở dĩ như thế, vì sự thấy biết của họ còn cuộc hạn trong tâm lượng cạn hẹp của phàm tình. Ấu đó cũng là lẽ tất nhiên.

Hán 79:

*Nhứt cú Di Đà
Nhứt đóa bảo liên
Quyết định bất tín
Chân cá khả liên*

Lược giải:

Trong các kinh luận về Tịnh độ, nhiều nơi Phật và chư Tồ đã nói công đức niệm Phật hay trừ tội chướng, sanh phước huệ, hiện ra hoa sen, ánh sáng. Từ xưa đến nay các hành giả tu tịnh nghiệp, lúc thức tỉnh hay trong giấc mơ, đã thấy hiện hiện điều này, và cũng đã thuật lại rất nhiều. Đó là lý chiều cảm của nhân lành quả lành, kẻ chưa tin phải theo lời giải thích và điều minh chứng mà phát lòng tin. Nếu còn quyết định không tin nhận, thì thật đáng thương kẻ ấy quá nông cạn, nhiều nghiệp chướng, kém phước duyên, cam chịu khổ mãi trong vòng luân hồi sáu nẻo.

**Hán 80:**

*Nhứt cú Di Đà
Nhứt đóa bảo liên
Trực nhiều bất tín
Dĩ nhiệm thức điên.*

Lược giải:

Tiếp theo ý trên, dù cho những kẻ chưa hiểu biết, hoặc đã nghe giải thích và chứng minh rõ ràng về công đức niệm Phật mà còn cố chấp không tin nhận thì câu Phật hiệu cũng

Viết 79:

*Một câu A Di Đà
Là một đóa bảo liên
Nếu quyết không tin nhận
Đáng thương thật kém duyên!*

Viết 80:

*Một câu A Di Đà
Là một đóa bảo liên
Dù cho không tin tưởng
Cũng đã nhiệm thức điên.*

đã ghi vào ruộng Tăng thức của kẻ ấy rồi! Khi hạt giống câu hồng danh đã nhiễm vào Hàm tàng thức, ngày kia trong một hoàn cảnh nào đó nó sẽ phát hiện. Và nhân đó đương nhơn sẽ được độ thoát, bất quá phải chịu khổ luân chuyển trong thời kiếp lâu xa mà thôi. Về điểm này, một bậc tôn đức đã bảo: "Khen chê cũng nhờ độ thoát. Tin nghi đều đến Liên bang". (*Tán báng câu môn giải thoát. Nghi tin cộng nhập Liên bang*).

Thuở Phật còn tại thế, có ông lão đứng trăm tuổi mới đến chư Tăng xin xuất gia. Các hàng Trưởng lão từ ngài Ca Diếp, Xá Lợi Phất, đến chư Đại đức khác đều không thu nhận, vì các vị nhận định xét thấy ông không có căn lành. Khi đức Thế Tôn đi khát thực trở về thấy ông lão khóc, Ngài quán biết liền chấp thuận cho xuất gia. Chư Tỳ kheo hỏi duyên cớ, Phật đáp: "Đạo nhân bậc A la hán của các ông chỉ thấy biết sự việc trong vòng tám muôn bốn ngàn kiếp về trước và về sau mà thôi. Nhưng trước khoảng thời gian đó lâu xa, ông lão này là kẻ tiểu phu đi đốn củi, bị cọt rượt, sợ hãi leo lên cây phát thanh niệm một câu "Nam mô Phật". Do chủng tử nhân lành đó, ngày nay ông mới gặp ta hóa độ và sẽ được giải thoát". Ông lão là Phước Tăng Tỳ kheo, Phật giao cho ngài Mục Kiền Liên thu làm đệ tử, không bao lâu chúng được quả A la hán.

Tóm lại, ảnh hưởng của câu Phật hiệu rất nhiệm mầu sâu rộng, chẳng những kẻ nghe danh hiệu Phật sanh lòng vui mừng, tin nhận, khen ngợi và thật hành đều được giải

thoát, mà người nghi ngờ kinh báng nhái giọng niệm theo để chê bai, khi thọ ác báo rồi cũng nhờ chủng tử công đức ấy gây nhân duyên đắc độ về sau. Cho nên bài kệ: *“Thà ở cõi Địa ngục. Được nghe hồng danh Phật. Không mong sanh Thiên giới. Chẳng biết hiệu Như Lai”*, như trong kinh-nói rất là xác đáng.



TĂNG CẨM

Thích Tăng Cẩm quê ở Tỉnh Châu, thường tụng trì hai thứ kinh: Quán Vô Lượng Thọ và A Di Đà. Lâu ngày sư mộng thấy thân mình sanh ra hai cánh: Cánh bên mặt là văn kinh A Di Đà. Cánh bên trái là văn Quán kinh. Lúc ấy chóp cánh muốn bay, mà thân còn nặng nên chưa vượt lên được.

Tụng tiếp hai năm, Tăng Cẩm mộng thấy lông cánh thêm dài, bay lên được nhưng còn nặng nhọc chưa thể đi xa. Lại tụng tiếp hai năm nữa, mộng thấy tự tại bay đi không còn trở ngại. Sư liền hướng về phương Tây bay đến thế giới Cực Lạc, thấy đức A Di Đà và hai vị Bồ Tát bảo: “Do sức người tụng kinh, nên nay mới được tới miền biên địa cõi Tây phương. Vậy hãy trở về Ta Bà, mỗi ngày tụng đủ bốn mươi tám biến. Như thế sau một ngàn ngày, người

sẽ được sanh về thượng phẩm ở Cực Lạc”.

Tăng Cẩm tỉnh giấc, y theo lời dạy mà tu hành, ba năm sau tự biết trước thời khắc quy Tây. Lúc sư viên tịch, nơi chỗ nằm bỗng mọc lên bảy cành hoa sen. Trong một tuần hoa vẫn tươi đẹp không rũ héo. Hàng đạo tục nghe chuyện lạ, đều đến xem rất đông.



ĐẠO THUYỀN

Thích Đạo Thuyền đọc xong bộ Trí Độ Luận, rất tôn ngưỡng Long Thọ Bồ Tát. Sư liền viết lời kệ khen ngợi phát nguyện rằng:

Thăng đại sĩ Long Thọ

Chứng Sơ hoan hỷ địa

Sanh về cõi Cực Lạc

Phụ giúp A Di Đà

Tiếp dẫn người niệm Phật

Mười phương đến vãng sanh

Xin rủ lòng thương xót

Dù dắt tới Liên thành!

Đạo Thuyền lại tạo tượng Long Thọ đại sĩ cao ba thước mộc để cúng dường và chuyên lòng cầu nguyện. Một đêm, sư mộng thấy vị Sa môn thân tướng cao lớn trang nghiêm đến bảo: “Ba năm sau người có thể sanh về cõi Cực Lạc!” Đạo Thuyền thưa: “Con hãy còn bốn sư và sanh mẫu, nếu xá báo thân trước e không tròn đạo”. Vị Sa môn nói: “Thế thì hãy chờ ta bạch với đức A Di Đà Thế Tôn, rồi sẽ trở lại cho người biết”. Ba đêm sau, sư lại mộng thấy vị Sa môn ấy bảo: “Ta vì người bạch với Phật. Ngài dạy rằng: Thầy của người mười hai năm sau sẽ viên tịch, còn mẹ người sau hai mươi năm mới mãn phần. Đức Thế Tôn tăng thọ cho người sống thêm hai mươi ba năm nữa, sau thời gian ấy người sẽ được sanh về Cực Lạc thế giới”. Đạo Thuyền bạch: “Cha mẹ cùng thầy bạn của con có được sanh về Tịnh độ chăng?” Sa môn đáp: “Nếu đồng tâm phát nguyện tu hành, quyết sẽ được vãng sanh, chớ nên nghi ngại!” Sư mừng rỡ lại hỏi: “Tôn đức là ai?” Vị Sa môn đáp: “Ta là Long Thọ. Vì người tạo tượng ta cầu nguyện, nên đến đây báo cho người biết!”

Về sau thầy và mẹ của Đạo Thuyền đều mãn phần đúng thời kỳ Phật đã báo trước. Sư cũng viên tịch hai mươi ba năm sau, vào ngày rằm tháng giêng. Lúc Đạo Nguyên xá thọ, có áng mây tím che phủ am, đầy trời âm nhạc rền vang thanh diệu. Đây chỉ lược thuật, diễm lành của sư còn có rất nhiều.

GIÁC CHIẾU



hích Giác Chiếu, chưa được rõ xuất xứ, trụ nơi viện La Hán, trấn Thâu Thành, tại một huyện ở Giang Bắc. Trọn đời sư giữ giới hạnh tinh nghiêm, chuyên tu về Tịnh độ.

Một đêm vào tháng mùa đông năm Dân Quốc thứ mười hai. Giác Chiếu nằm mơ thấy đến chỗ xa lạ, trước mặt có tòa núi to lớn cao chón chờ che ngăn. Sư vẫn bình thân đi chậm rãi vừa thâm niệm Phật. Thoạt nhiên núi non biến mất cảnh trí mở rộng, có ánh sáng lớn soi đến thân mình, ao sen cây bấu hiện ra trước mắt. Giác Chiếu bỗng thấy một vị trưởng giả hiện thân nói: “Đây là Tây phương Cực Lạc thế giới, ông có muốn về chăng?” Sư đáp là mình nguyện vãng sanh, lại ước hẹn với vị trưởng giả rằng: “Cuối tháng này tôi sẽ thỉnh cầu Hoằng Thai pháp sư trụ trì bản viện. Khi mọi việc sắp đặt xong xuôi, tất sẽ đến đây!” Nói xong cảnh chợt tan biến, sư liền tỉnh giấc.

Bảy giờ Hoằng Thai pháp sư đang làm chủ hội kỳ niệm Phật bảy ngày, tại chùa Vĩnh Ninh ở Diêm Thành. Khi tiếp được thư của Giác Chiếu gửi đến, kỳ thất cũng vừa hoàn mãn, ông vội vã trở về La Hán viện để đảm trách Phật sự. Quả nhiên vào giờ Thìn ngày mùng bốn tháng chạp, Giác Chiếu tự vào ngôi trong bảo khám, day mặt về Tây mà viên tịch. Trãi hơn hai giờ, cả mình sư đều lạnh, duy đánh đầu

còn nóng. Lúc làm lễ trà tỳ, đại chúng đều thấy trên ngọn lửa hiện ra một áng tường vân từ từ bốc lên cao bay thẳng về Tây phương.



TRƯỜNG LINH

Thích Trường Linh, người huyện Trấn Hải tỉnh Triết Giang, vào tuổi trung niên mới đến xuất gia tại một ngôi chùa ở Mâu Sơn. Năm sau, sư thọ giới Sa Di nơi chùa Phổ Đà. Kế tiếp tới Phổ Ninh Tự thọ Tỳ kheo giới.

Ban sơ, Trường Linh tỏ ra rất có đạo tâm. Nhưng sau vì lãnh trụ trì một ngôi chùa nhỏ, không ai quản thúc, nên tự do lui tới giao tiếp với bạn bè xấu ác. Rồi dần dà sư nhiễm quen thói hư, phóng dăng chơi bời, lãnh đám tụng kinh mướn, đua lợi tranh danh, cho đến ăn thịt uống rượu.

Lúc lớn tuổi, sư nghĩ lại việc cũ, sanh lòng ăn năn hối hận. Được tin Liễu Thanh hòa thượng ở sơn am gần chùa Phổ Đà, tổ chức hội niệm Phật chuyên tu Tịnh độ. Trường Linh khẳng khái xếp lại mọi việc, mang y bát đến tham dự. Sau khi nghe Liễu công thuyết pháp chỉ dạy, sư mới biết

đường lối của Tịnh tông, liền dứt bỏ hết tập quán xấu, một lòng tin sâu nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh Tây phương.

Năm Dân Quốc thứ hai mươi, hàng nhơn sĩ ở Đại Sơn thỉnh Trường Linh đến trụ trì chùa Siêu Quả núi Bồng Lai thuộc mặt biển phía tây bắc Phổ Đà Tự, để hướng dẫn chư thiện tín tu hành. Lúc ấy sư đã suy yếu lớn tuổi, thỉnh thoảng hay phát chứng suyễn. Sang năm Dân Quốc thứ hai mươi một, vào ngày mùng tám tháng bảy. Trường Linh dự biết ngày lâm chung, bảo chúng rằng: "Xin thỉnh vài vị Tăng tới niệm Phật, giúp tôi sanh về Tây phương!" Khi chư Tăng đến, sư lại nói: "Hiện sắp tới rằm Trung nguơn, xin trước tiên hành khoa Chấn tế, để làm lợi vui cho khắp kẻ âm người dương". Sau ba ngày pháp sự viên mãn, sư liền thỉnh chúng sang ngọ thất thương lượng về cách thức trợ niệm, rồi tự cử xướng trước, mọi người đều niệm theo đến hết một cây hương. Sáng sớm ngày mười hai, Trường Linh bảo nấu nước trầm đàn, tự tắm gội sạch sẽ, xong đắp y cầm cụ, nhờ người dìu lên đại điện niệm hương lễ Phật, rồi trở về ngọ thất. Khi cho người khiêng chiếc bảo khám tới xong, sư vào trong ngòai ngay thẳng, gương mặt lộ vẻ tươi cười, nói: "Trước xin cảm tạ các vị đã gần gũi chiếu cố đến tôi trong mấy tháng. Sau nguyện mong tất cả đều cố gắng niệm Phật, để cùng nhau tái hội ở Liên bang! Lúc này so với thuở bình thời chẳng đồng, nên vì tôi niệm đủ mười sáu chữ: "Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật". Chúng đáp tuân mạng, rồi cử xướng trì niệm.

Trưởng Linh cũng chấp tay niệm theo, hiện nét tươi sáng vô tả! Được một lúc sư buông tay trái xuống để lật ngửa trên đầu gối, tay mặt vịn vào vách bảo khám, sẽ cúi đầu mà viên tịch, thân tâm an vui, không lộ một chút chi thống khổ.

Bảy giờ đúng Ngọ ngày mười hai tháng bảy. Sư hưởng thọ được sáu mươi tuổi.

LỜI BÌNH:

Đức Thế Tôn bảo: “*Kể tạo tội Ngũ nghịch, Thập ác, lúc lâm chung chí tâm niệm hồng danh A Di Đà mười niệm đều được vãng sanh*”. Điều trên đây tuy do hạt giống niệm Phật kiếp trước đã đến thời kỳ thành thực, nhưng cũng toàn nhờ sức tín nguyện hạnh trong hiện đời cảm thông với từ lực của đức A Di Đà, nên mới được như thế. Sư Trưởng Linh nhiều năm cầu thả may trong cảnh muộn biết hồi đầu, khi lâm chung được điểm tốt, âu cũng là một loại như các vị Hùng Tuấn, Duy Cung đó ư? Hai vị Tăng thuật lại chuyện này là Hựu Quán và Nguyệt Tịnh có nói: “Đại chúng ở chùa Pháp Võ non Phổ Đà hơn vài mươi năm nay, tuy nghe Ấn Quang đại sư hoằng dương khen ngợi pháp nhiệm mầu đặc biệt đời nghiệp vãng sanh của môn Tịnh độ, song hễ còn nửa tin nửa ngờ. Đến khi thấy sư Trưởng Linh, một người đã tạo nhiều tội mà được vãng sanh, mới không còn nghi lời thiết thật của đức Thế Tôn đã nói trong Quán kinh, cùng điểm chỉ dạy của Ấn Quang trưởng lão.

Do đó toàn thể chư Tăng Ni thiện tín ở vùng hải đảo non Phổ Đà, đều cảm động phát tâm tự tu và hoằng dương môn Tịnh độ, để làm thỏa mãn bản hoài ứng thể của chư Phật.



THÍCH NỮ NĂNG KHAI

Tỳ kheo ni Năng Khai, cư ngụ tại Giang Bắc, trụ trì chùa Thiên Hậu thuộc Sơn Đông Hội Quán ở Diêm Thành. Bình sanh Ni sư chuyên tu Tịnh độ, giữ luật hạnh đúng như thanh quy. Bôn sư của Năng Khai là Học Như cũng tu tịnh nghiệp, sau khi viên tịch môn đồ làm lễ thiêu hóa, bới tro tàn tìm được ba viên xá lợi to sáng và hai thanh bảo kiếm sắc xanh biếc. Ni sư mục kích điềm lành ấy, càng thêm tinh tấn tu hành.

Mùa thu năm Dân Quốc thứ mười hai, Năng Khai mộng thấy đức Văn Thù mách bảo cho biết trước ngày giờ vãng sanh. Sau khi tỉnh giấc, Ni sư lại họp đại chúng lại niệm Phật mấy ngày rồi tọa hóa. Có điểm ly kỳ là lúc Ni sư viên tịch, nơi đánh đầu hơi nóng bốc lên như khói, phát ra âm thanh tựa nước sôi trào và những tiếng nổ nhỏ liên tiếp.



THÍCH NỮ ĐỨC THÀNH

Tỳ kheo ni Đức Thành nguyên là con gái của Phương Tập, một hàng quan thân giàu sang ở An Khánh. Khi mới lên chín tuổi, cô đã xin cha mẹ cho vào xuất gia nơi am Tịnh Thất tại bản thành. Năm hai mươi lăm tuổi được thọ giới Cụ túc.

Bình sanh Đức Thành giữ luật hạnh trang nghiêm, đối đãi hòa nhã với tất cả mọi người. Lúc tuổi trẻ, cô lễ bái và trì tụng kinh Kim Cang, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm cùng các kinh điển đại thừa khác. Khi đã cao niên, Ni sư chuyên tinh niệm Phật, sự tu hành hôm sớm rất chuyên cần, dù trời tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ. Ngoài ra Ni sư còn tùy hỷ làm các công đức, đề xướng Phật pháp, quyên tiền xây dựng trường học, kiến lập Liên xã, lãnh nữ chúng niệm Phật tu hành. Đức Thành lại thường thỉnh các vị Pháp sư đến giảng kinh, hoặc mời hàng cư sĩ diễn thuyết về Phật lý. Vì thế một vùng An Khánh chánh pháp lần lần hưng thịnh, dân chúng hướng về đạo Phật rất đông.

Mùa xuân năm Dân Quốc thứ hai mươi một (1932), Ni sư đóng cửa nhập thất, chuyên tâm niệm Phật. Trong con tịnh định, Đức Thành thấy bốn chữ: Ngã, Bi, Thường, Tịch to lớn sáng rỡ, lại nghe Phật gọi pháp danh của mình báo cho biết ngày giờ vãng sanh. Lúc ra thất, Ni sư liền họp chúng lại sắp đặt về hậu sự. Sang đầu tháng sau, quả nhiên

Đức Thành viên tịch. Lúc trà tỳ được mấy viên xá lợi, trong đó có một hạt dài độ nửa tấc mộc, chiếu ra năm sắc, người xem đều khen ngợi cho là hy hữu.

Ni sư thọ sáu mươi lăm tuổi đời, được bốn mươi một hạ lạc.



NHỚ VỀ TỊNH ĐỘ

I

Từng nghe bạch hạc vốn tiên cầm

Trăng sáng bay về gởi hảo âm

Muốn nhắn tin xa hàng bạn đạo

Để ai hiểu rõ mối hoài tâm!

Thúy lâu canh bích mơ trời ngọc

Ngân hải đài kim nghĩ lối tâm

Khảy ngón phù sinh dương mộng huyễn

Cõi trần chỉ ngại lưới duyên thâm!

II

Lưu ly đất báu tử kim tràng
Phỉ thúy lầu cao cửa ngọc nhân!
Quỳnh quyền vân chương khen chẳng hết
Thân tâm hướng lễ ý hằng sang
Phượng loan chớp cánh hàng hàng múa
Anh vũ đưa hơi tiếng tiếng vàng
Thanh mộng còn tham say giấc đẹp
Lâu xa trống điểm giục canh tàn.

Sở Thạch thiền sư.

III

Sen Phật hiện trong biển lửa hồng
Bạn chi tám giáo lại năm tông?
Mỗi câu hằng tịnh ma xa lánh
Muôn niệm đều như Phật cảm thông
Kiếp bụi mê căn lần sạch gốc
Đời tu tỉnh tấn đến tròn công
Chỉ ung quyết chí toàn thành tựu
Vì bởi hàm linh thể tánh đồng.

VI

Phàm phu trí kém quán chưa rành
Chỉ giữ trì danh tất vãng sanh
Cõi trước chí tu như chẳng đổi
Trời tây đài báu tự ghi danh!
Đầu dao mật dính trần mau nhiễm
Mặt nước bèo trôi đạo khó thành
Vẻ gấp thôi chi lần lựa nữa
Đằm sen hương lạ sắc tình anh.

Tĩnh Am đại sư.

V

Đông tây xuôi ngược bước phong trần
Ngoảnh lại phù sinh mấy chục xuân!
Niệm Phật những mơ miền bích thảo
Cúi đầu hướng đến nẻo hoa tân
Ai thương Đỗ vũ sầu non nước
Ta mến Di Đà niệm thiết thân!
Chẳng học cao tăng nguyên chuyển độ,
(chuyển kiếp độ sanh)
Chỉ mong Cực Lạc được làm dân.

VI

Muốn nương Liên quốc gởi tình thân
Niệm Phật đường lâm bệnh mẫn phần!
Thân tợ sa lầy mong khỏi vực
Ý như chạy giặc nghĩ đào sanh!
Bích sa đến động ba đào thăm
Hồng thụ về trời cỏ biếc xuân
Mây rắng tàn dương nhìn lối cũ
Mưa hoa nhạc báu khác phàm trần!

Liên Lữ cư sĩ



TRƯƠNG NGUỒN THỌ

Trương Nguồn Thọ quê ở Tịnh Châu, gia thế làm nghề sát sanh. Sau khi cha mẹ mẫn phần, ông giữ giới sát, chuyên niệm hồng danh A Di Đà Phật để cầu siêu cho song thân.

Nguồn Thọ lại tạo tượng A Di Đà cao ba thước mộc, hằng ngày cúng dường lễ bái. Một đêm ông nằm mộng thấy

nhà cửa bỗng sáng suốt rực rỡ, trong vùng ánh sáng có hơn hai mươi người đều ngồi trên tòa sen. Hai người trong số đó, gọi Nguồn Thọ bảo: "Chúng ta là cha mẹ của con, bình sanh tuy cũng niệm Phật, nhưng vì nghiệp sát quá nặng nên khi chết đọa vào Khiếu Hoán địa ngục. Tuy đọa địa ngục nhưng nhờ sức niệm Phật nên sắt nóng cùng nước đồng sôi đều biến thành mát mẻ như nước. Hôm trước có vị Sa môn cao ba thước mộc đến nói pháp. Chúng ta cùng đồng nghiệp hơn hai mươi người tỏ ngộ Phật lý, đồng được thoát ly địa ngục. Hiện thời tất cả sắp sanh về Tịnh độ. Do nhân duyên đó nên đến mách bảo cho con biết!"

Nói xong, tất cả đồng bay về Tây phương.



TIỂU VƯƠNG

Tiểu Vương nguyên là gia nô của cư sĩ Tôn Hậu Tại quê quán tỉnh Hồ Bắc. Vì y vốn họ Vương, lại thuộc thân phận thấp nhỏ của một đứa ở, nên mọi người đều gọi là Tiểu Vương. Tôn cư sĩ gia thế thờ Phật, sau dời về cư ngụ ở Thượng Hải. Tiểu Vương cũng đi theo chủ.

Giúp việc lâu năm nơi nhà Tôn Hậu Tại, được ảnh

hường về sự tu hành, Tiểu Vương cũng lần lần thấm nhuần, rồi phát tâm niệm Phật. Ý vốn có tật cà lăm, nói năng chậm chạp, khó khăn, nên ban sơ niệm Phật không thành câu. Song với tâm chí thành, ý vẫn cố gắng trì tụng. Như thế được mấy năm, một đêm Tiểu Vương mộng thấy có người nắm lưỡi của mình kéo ra thật mạnh, tâm sáng sốt cảm giác rất đau. Khi tỉnh giấc, tật cũ dứt trừ, nói năng lanh lẹ thông suốt, câu niệm Phật cũng rõ ràng rành rẽ. Do đó lòng tin nguyện của y rất sâu thiết, sự trì niệm càng chuyên cần. Tiếp tục tu hơn hai năm, thì không thấy Tiểu Vương niệm Phật nữa. Có người hỏi duyên cớ, y đáp: "Tôi niệm Phật đã thành một khối, nay không niệm mà vẫn tự niệm, nên không cần phát ra tiếng, chỉ khởi ý giữ cho câu hồng danh thâm liên tục chẳng đứt đoạn mà thôi". Mọi người nghe nói cũng không mấy lưu tâm, để cho y tùy tiện. Tình trạng mặc niệm như thế lại tiếp tục thêm năm độ xuân thu nữa.

Một hôm Tiểu Vương gọi đứa con trai mười lăm tuổi, đang ngụ cư ở học đường về nhà bảo: "Hôm nay cha sắp đi, con nên giúp sức niệm Phật để tiễn đưa một lần cuối!" Mọi người thấy y vẫn bình thường, chẳng tỏ ra chút chi đau yếu, đều không tin, chỉ nhìn nhau mỉm cười. Tiểu Vương biết ý, bảo: "Tôi nói thật đấy, chẳng phải là lời đùa cợt bông lông đâu!" Có kẻ hỏi: "Chú nói đi, mà đi về nơi nào?" Đáp: "Về nhà!" Lại gạn hỏi: "Nhà nào, ở đâu?" Đáp: "Quê nhà cũ, tức là thế giới Cực Lạc ở Tây phương!" Trong ấy có một vị sanh lòng tin bảo: "Con của chú hãy còn nhỏ dại, nên lưu lại thêm ít năm nữa để chiếu cố, nó mới có thể thành lập được!" Tiểu Vương nói: "Thời tiết đã đến, tôi không thể lưu trụ, thôi mọi việc đều phó cho nhân duyên!" Nói xong, bảo con đồng thanh niệm Phật với mình. Mọi người đều đứng

yên, lặng lẽ nhìn xem sự thể diễn tiến ra sao? Lúc ấy Tiểu Vương ngồi ngay thẳng trên giường niệm Phật. Kế đó bỗng hắt hơi hai tiếng, hiện tướng ngọc trợ hạ thù, rồi nhắm mắt đi thẳng. (Tức là hai dòng nước mũi trắng đặc thòng xuống, một biểu tượng của bậc xả thân thăng hóa).

Hôm sau vào buổi chiều tối, cư sĩ Tôn Hậu Tại cho đem di hài làm lễ thiêu hóa nơi chùa Lưu Vân. Lúc cử hỏa, đồng cùi liền bùng cháy, khói trắng xông thẳng lên hư không. Trên ngọn lửa hiện ra một đóa sen to lớn sáng rõ chập chờn, càng lúc càng đẹp rõ, cho đến khi lửa tắt. Sáng ra kiểm lại, trên tro xương cũng hiện nét tướng hoa sen rành rành in như vẽ. Bảy giờ nhằm năm Dân Quốc thứ mười sáu.



VIÊN BẢO TRỊ



Ông từ Viên Bảo Trị nguyên là con trai của cư sĩ Viên Nguyên Niên ở Yên Kinh. Nghiêu Niên làm quan Chánh án, học rộng hiểu nhiều, nghiên cứu sâu về Phật lý, hết lòng tin nhận thật hành. Vợ ông là Trương thị cũng xuất thân từ nhà vọng tộc, tánh hiền thực, thông nghĩa lễ thi thơ, nét hạnh được nhiều người khen ngợi.

Bảo Trị sanh vào ngày mùng sáu tháng bảy năm Dân

Quốc thứ mười hai. Hạ sanh vừa vài tháng, đồng tử đã thông tuệ khác hơn trẻ em thường, gọi được hai tiếng cha mẹ. Mỗi khi thân phụ vắng mặt đi xa, em bò quanh giường cha kêu khóc mãi. Kế tiếp vì chức vụ Nghiêu Niên chuyển về Tân Giang, đem cả gia đình đi theo, càng ngày lời nói và cử động của em đều khác lạ. Khi đồng tử được ba tuổi, mẹ viết đại tự từng chữ lên trên tấm giấy dạy cho học, dạy bảo qua một lần liền ghi nhớ, lần lượt thông thuộc hơn vài trăm chữ, nhiều phen thí nghiệm vẫn không sai lầm. Duy có điều khi gặp hai chữ: Phụ, Mẫu em đọc xong liền đề trên mấy chữ khác. Người xung quanh lấy làm lạ hỏi, em đáp: "Phụ, Mẫu là cha, mẹ phải nên tôn kính!" Mỗi khi đồng tử ăn bánh in, trên bánh có bốn chữ nổi: Trương Chánh Dũ Ký thì đề chữ Trương lại không dùng, bảo ăn cho hết, em lắc đầu nói: "Đó là họ của mẫu thân, không nên ăn!" Hạnh hiệu thuận của đồng tử phát xuất từ thiên tánh, đại để là như thế.

Nghiêu Niên kính tin ngôi Tam Bảo, thường chuyên dạy cho đồng tử hiểu mấy chi tiết về môn Tịnh độ như: - Niệm hồng danh đức A Di Đà sẽ được sanh về Tây phương. - Cõi Cực Lạc trang nghiêm ra sao? - Nghi thức niệm Phật như thế nào? Khi chăm chú nghe xong, em liền im lặng tỏ vẻ tôn sùng cảm động! Từ đó về sau mỗi ngày đồng tử đều lễ Phật trì niệm không thiếu sót. Tuy còn bé, Bảo Trị có thể tụng chú Quán Âm, xưng danh hiệu đức Thích Ca Mâu Ni và Tây phương Tam Thánh. Tiếng của em thành khẩn trong

trẻo rõ ràng, tràng chuỗi thường chẳng rời tay, khi nằm ngủ cũng không buông bỏ. Sau bữa cơm tối, như cha mẹ có việc chưa kịp lên Phật đường trì niệm, đồng tử liền đến nín áo mời thỉnh thôi thúc song thân mau đi niệm Phật. Mẫu thân dạy bảo đừng nên giết hại, vì chúng sanh đều ham sống sợ chết, giết nó là bất nhơn, lại mang khổ báo. Do đó mỗi khi lên ngồi ăn, đồng tử liền chi và hỏi: "Món này có phải là sát sanh không?" Sau khi bảo rõ từng món đều toàn đồ chay, em mới vui vẻ ngồi ăn. Mỗi bước đi, em rất lưu ý tránh loài trùng kiến, thấy người nhà bố thí giúp cho hạng già cả ăn xin liền lộ sắc vui mừng, lại thường ưa chấp tay chiêm ngưỡng tượng Phật.

Mùa hạ năm Bính Dần, Nghiêu Niên dẫn con đi lễ Phật nơi chùa Cực Lạc. Bảo Trị chiêm ngưỡng khắp các tôn tượng dường như có vẻ cảm động, gặp chư Tăng tụng kinh lại hoan hỷ lắng nghe, lưu luyến không muốn rời đi. Dứa em bé của đồng tử chết non, có người nói: "Em con đi đâu rồi?" Đáp: "Em sanh về Cực Lạc!" Kế lại nói tiếp: "Bảo Trị cũng muốn đi theo nữa!" Ông nội nghe nói la rầy, nhưng đồng tử vẫn bảo: "Chẳng bao lâu con cũng sẽ đi!" Lời này dường như phát xuất từ tánh linh dự biết trước.

Buổi chiều tối ngày hai mươi sáu năm ấy, Bảo Trị bỗng cảm bệnh ỏi mưa, không nói điều chi khác, chỉ kêu: "Con đi đây! Con đi đây!" Người nhà vây quanh niệm Phật, đồng tử cũng chấp tay niệm và nói: "Phải niệm to tiếng, niệm Phật cho nhiều!" Hôm sau hơi thở em yếu dần, thân sắc đổi

khác. Nghiêu niên thỉnh tượng Di Đà tiếp dẫn để trước mặt, rồi an ủi khuyên con chí tâm niệm Phật. Đồng tử đáp tiếng rất nhỏ tỏ ý vâng lời, đoạn mỉm cười nằm nghiêng bên mặt hướng về tôn tượng. Người nhà vẫn tiếp tục luân phiên trợ niệm.

Độ hơn bốn giờ chiều ngày hai mươi bảy, Bảo Trị an nhiên vãng sanh. Đến tối đánh đầu của em vẫn còn nóng ấm. Mọi người đều nghe mùi hương lạ thơm ngát đầy nhà. Bảy giờ đồng tử mới chỉ được bốn tuổi. Mục kích cảnh tượng ấy, từ đó về sau Nghiêu Niên càng thêm lòng tin tưởng, chuyên tu Tịnh độ pháp môn.



VƯƠNG DI THIỆN

ư sĩ Vương Di Thiện, tự Tích Hiên, pháp danh Liên Đài người ở huyện Thiệu tỉnh Triết Giang. Tánh ông thuần hậu chân thật, sớm đem việc nhà giao phó cho con để chuyên tâm niệm Phật. Ông hành trì theo pháp môn Tịnh độ như thế, gần suốt ba mươi năm.

Tháng bảy năm Bính Dần (1926) thời Dân Quốc, Di

Thiện vương chứng cảm nhẹ. Ban sơ ông chẳng để tâm, nhưng bệnh dây dưa đến ngày mừng năm tháng chín, bỗng trở nên nguy kịch. Di Thiện có ý lo, bảo thỉnh tám liên hữu trong đoàn trợ niệm luân phiên đến nhà xưng hồng danh Phật gần bên giường. Ông cũng sẽ động môi giữ pháp Kim cang trì niệm theo, thần ý rất thanh sáng, ứng đối như thường, chỉ nói: “Lần bệnh này chắc không qua khỏi, nhưng tôi tuyệt nhiên chẳng sợ chết. Duy phiền các vị gắng trì niệm để giúp cho mau được vãng sanh, nơi tâm nguyện đã đầy đủ!” Trước tiên lúc mới bệnh, ông nằm mơ hai lần thấy đức Quán Thế Âm hiện thân, song chưa nói ra. Tới khi đau nặng lại thấy nữa. Trong giấc mơ, Di Thiện ai cầu Bồ Tát sớm đến tiếp dẫn. Đại sĩ an ủi bảo: “Người có thể vãng sanh, nhưng công hạnh còn kém ít, sau khi về Tây phương phải tu thêm. Chờ tới thời, ta sẽ đến tiếp dẫn!” Kể đó ông mộng thấy đóa hoa sen xanh còn non nhỏ, nên nhứt tâm niệm Phật không xen hở. Tới đêm mừng mười, bệnh chuyển nguy, lại mơ thấy sen xanh đổi thành đóa kim liên rất to lớn. Lúc tỉnh giấc, trong lòng có phần an ủi. Nửa đêm ấy, Di Thiện mấy lần hỏi trời sáng chưa, và nói: “Ngày mai tôi sẽ vãng sanh, xin cho mời Liên Hàng cư sĩ tới đây để được gặp mặt lần chót!” Sáng ra người nhà liền gọi điện thoại mời, gần trưa Liên Hàng mới đến, thì thấy các bạn đồng tu đang vây quanh giường niệm Phật. Cư sĩ lại gần giường bệnh nói: “Tôi tới đây trợ niệm, liên hữu nên nhứt tâm trì danh để được chánh niệm vãng sanh!” Di Thiện tuy nghe

song chẳng đáp được, chỉ sẽ gặt đầu. Bấy giờ thân nhơn đã dự bị tắm gội thay y phục mới và mặc áo tràng cho ông hoàn tất. Người xung quanh chỉ thấy ông động môi thầm niệm Phật, hơi thở vẫn đều hòa không vội gáp. Giây phút lại có cư sĩ Đơn Thích Chi đến, đánh khánh cùng cao tiếng trợ niệm.

Trái độ nửa giờ sau, hơi thở của Di Thiện yếu dần, gương mặt hiện ra sắc vui tươi. Lúc ấy người nhà lớn nhỏ đều đứng xung quanh cầm hương đồng niệm. Một đứa cháu trai mới chín tuổi cũng tay mặt cầm hương, tay trái để nơi ngực cao tiếng niệm Phật, lại trái qua nửa giờ, ông mới lặng lẽ tắt hơi như vào thiên đình, yên ổn mà vãng sanh. Hai giờ sau, đánh đầu vẫn còn nóng. Ông thọ được bảy mươi bốn tuổi.



LẠI TƯỜNG LÂN

Lại Tường Lân, người thời Dân Quốc, ở huyện Hưng Quốc tỉnh Giang Tây. Ông bẩm tánh chất phác quê mùa, trọn đời làm nghề nông, ăn mặc đơn giản, không tham cầu danh lợi. Đến hơn sáu mươi tuổi, đứa con trai duy nhất mất phần. Tường Lân

phải nhọc nhằn canh tác để bảo đảm sự sống cho dâu và cháu nội.

Trong khoảng tuổi già lại gặp đau khổ, ông sanh niệm nhằm chán cõi trần, hằng mong tìm đường giải thoát. Được người cháu họ là cư sĩ Lai Thiên Dung thường giảng cho nghe về pháp môn Tịnh độ, ông phát tâm ăn chay trường và niệm Phật, chuyên chí cầu vãng sanh. Nhưng vì bình thời ưa thích uống rượu để mua vui giải muộn, nên phần từu giới Tường Lân còn chưa giữ được. Lai Thiên Dung đến chơi, nhiều lần khuyên giải về sự lỗi lầm họa hại của nghiệp rượu, ông tỉnh ngộ nguyện gắng sức răn chữa. Ban sơ khi nói kiêng rượu, Tường Lân cảm thấy thân mình tay chân ngứa ngáy khó chịu, trong người rã rời mỗi mết. Do sự lập tâm kiên quyết, nên lần lần trạng thái ấy dứt hẳn, thân thể khỏe mạnh, thần chí thanh sáng, công phu niệm Phật càng tinh cần. Lâu ngày sức niệm thuần thực, tuy làm việc có khi từ sáng đến tối, mà sự trì niệm của Tường Lân vẫn không gián đoạn. Người trong thôn ấp gặp mặt ông đều niệm Phật chào gọi, ông cũng đáp: “A Di Đà Phật”.

Đầu tháng tám năm Dân Quốc thứ mười tám, Tường Lân cảm bệnh, hai chân phù thũng, đi đứng có vẻ khó khăn. Vài giờ trước khi thọ chung, ông bảo đứa cháu nội đặt bàn hương về Tây dăng hương cúng lễ, và nói: “Cảnh Tây phương rất đẹp cháu hãy nhìn xem hoa sen nở thật nhiều! Ngày hôm nay ông sẽ về thế giới Cực Lạc”. Đứa cháu nói: “Hai chân ông bị sưng, làm sao đi được?” Tường Lân đáp:

“Tâm đi chứ không phải thân đi!” Quả nhiên trời vừa xé bóng, lúc trưa đang đốt hương dâng thêm, ông ngồi xây mặt về Tây niệm Phật mà vắng sanh. Trong đám tang có sư Phở Minh và cư sĩ Thiên Dung đến tham dự. Người hàng xóm nghe tin đều khen ngợi, tề tựu đông đảo. Ông thọ được bảy mươi tuổi.



TÀO VÂN TÔN

ư sĩ Tào Vân Tôn pháp danh Liễu Nghĩa, người huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Ông nhà nghèo, sanh nhai bằng nghề buôn bán, tánh hiền thuận, ưa bố thí làm lành. Vì thuở bé mồ côi bị thất học, nên lúc gia tư đã hơi khá, ông xuất tiền xây cất trường học, rước thầy dạy dỗ để giúp trẻ em trong vùng.

Thân mẫu ông là Đàm thị tín Phật, từng phát nguyện triều lễ chùa núi Phở Đà và Cửu Hoa, song chưa kịp đi mà đã tạ thế. Vì muốn làm tròn tâm nguyện của mẹ, nên vào tháng hai năm Quý Mão thời Quang Chử nhà Thanh, Vân Tôn sắm cúng phẩm đi triều lễ thánh tích núi Cửu Hoa. Xong việc đó, kế tiếp lại triều lễ non Phở Đà. Khi đồ thuyền lên bộ, đến rừng Tử Trúc Lâm, ông thấy mẫu thân ngồi

nghiêm nhiên nơi trong, liền mừng rỡ kêu gọi chạy vội đến, bỗng hình tượng chợt tan biến. Ông bị cảm động thương khóc. Một vị Tăng ở trong chùa, thấy thế làm lạ bước ra thăm hỏi. Sau khi biết được nguyên do, tăng sĩ bảo: “Đó là đức Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân để an ủi lòng hiếu cảm của ông. Thế thì việc hoàn nguyện thay cho mẹ của ông, đã được ngài chứng giám!” Sau khi lễ điện Lạc Già xong xuống thuyền trở về, Vân Tôn thấy trên mặt biển nổi hiện đóa hoa sen ngàn cánh. Trên hoa có đức Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi kiết già, tướng tốt trang nghiêm kỳ diệu. Mục kích cảnh tượng, ông mừng thương lẫn lộn, sanh lòng tin rất thiết sâu.

Về sau, khi được gần gũi Ấn Quang pháp sư, Vân Tôn mới biết pháp môn Niệm Phật. Ông từng đến chùa Lô Sơn ở huyện Cửu Giang, cùng các chùa khác tổ chức những kỳ Phật thất và đề xướng pháp môn Tịnh độ. Mùa hạ năm Quý Sửu ông xả cúng nhà ở sửa sang lại thành ngôi Niệm Phật Lâm. Đến mùa hạ năm Kỷ Ty, lại kết lập hội Đông Lâm Liên Xã, lấy nơi đây làm trụ sở. Vân Tôn cùng với vị sư trụ trì ký vào bản quy ước đem trú xứ này cúng dường cho mười phương Tăng, mở đón tiếp chúng các nơi, tự ông đảm nhiệm chịu phần kinh phí. Qua cuối đông lại trừ định cất ngôi điện các thờ thánh tượng đức Văn Thù. Khi vật liệu xây dựng như ngói gạch gỗ đá vừa đầy đủ, tượng cũng đã thành về, thì ông lâm bệnh.

Sang xuân Canh Ngọ, vào ngày mười chín tháng hai,

nhằm lễ vía đức Quán Thế Âm, Vân Tôn mời các vị cư sĩ tập hợp lại và nói: "Văn Thù Bồ Tát đã hứa ba hôm sau sẽ đến rước tôi về cõi Cực Lạc, xin mời chư vị đúng kỳ hạn đến trợ niệm để đưa nhau lần cuối cùng!" Các cư sĩ nghe nói lấy làm kinh lạ. Trước khi lâm chung, ông gọi con trai lớn là Thiên Chương, nấu nước cho mình tắm gội và thay y phục mới sạch. Xong mọi việc, ông lại phú chúc bảo: "Thời kỳ vãng sanh của cha đã đến không thể lưu lại được. Mọi sự kiện nơi Đông Lâm Liên Xã cùng việc kiến tạo điện các đức Văn Thù, con phải nỗ lực duy trì và hoàn thành cho nên trễ sót!" Nói xong ngó lời giã biệt các liên hữu, ngồi kiết già ngay ngắn và cầm chuỗi niệm Phật giây lát, rồi mất phần giữa tiếng xưng niệm hồng danh của đại chúng.

Bảy giờ nhằm tiết Xuân phân năm Dân Quốc thứ mười chín (1930). Ông thọ được sáu mươi ba tuổi.



TRẦN SÂM HIÊN

Trần Sâm Hiên, người huyện Trần Hải tỉnh Triết Giang, làm nghề buôn bán, từng thành lập công ty tàu đồ Nguyên Ích đưa rước hành khách ở bến Hồ. Ông rất tin Phật pháp, tánh khoan hòa ưa bố thí. Khi có người đến cầu giúp đỡ, liền sốt sắng xuất tiền của

không lộ nét khó khăn. Vì sự cứu tế lợi sanh, lắm khi mang nợ cũng chẳng lấy làm hối tiếc.

Một hôm Sâm Hiên mộng thấy đạo chơi nơi pháp hội chợt nhẹ nhàng bay lên hư không, phút chốc đã đến trước Phật. Đức A Di Đà bảo: "Mạng số của người vẫn còn mười năm. Nhưng vì e người bị trần lụy làm mê, nên ta dùng thần lực rút ngắn tuổi thọ và đưa người tới đây để nhắc nhở. Vậy phải gắng tinh tấn chớ nên biếng trễ!" Ông nghe xong bỗng tỉnh giấc. Từ đó Sâm Hiên dụng công niệm Phật rất chuyên thiết, chẳng kể ngày đêm. Mùa hạ năm sau, trước khi xả báo thân ông cảm bệnh nhẹ, gọi gia nhon bảo: "Phật đến rước tôi!" Rồi mỉm cười mà qua đời. Lúc bảy giờ khí hậu nóng bức, đình thi mấy ngày mà không có mùi hôi, đầy nhà thơm ngát hương lạ. Mặt ông hiện kim sắc, thân thái y như sống, đánh đầu nóng đến ba ngày sau.

Bảy giờ nhằm năm Dân Quốc thứ mười chín.



VƯỜN THƠ TỊNH ĐỘ

I

Xem khắp kinh văn với luật nghi
Nơi nơi đều khuyến niệm A Di!
Một câu tiêu hết muôn đời nghiệp
Hà hưởng nhiều năm mãi tụng trì?

II

Song trắng, trà cúc, cảnh nhàn tu
Ngày tháng năm qua với số châu
Mười ngón lân tràng không rảnh rồi
Phù sinh dám để phí công phu.

III

Thiện Đạo tiếc than nay đã khuất!
Thiếu Khang vắng bóng đại từ bi!
Đem tiền dụ trẻ từng câu Phật
Trai gái đều khuyến khắp tụng trì.

IV

Di Đà sáu chữ phi bình sanh
Mỗi tối trì vang ước mấy canh
Đôi bóng nghĩ thương ngoài thế cuộc!
Dưới trăng, trước gió lại kinh hành.

V

Hàng cây, ao bấu, nhạc thanh hòa
Đôi bên cầu vàng lại nổi qua
Chợt thấy hóa sanh tân Phật tử
Sen hồng nở cánh, tiếng chim ca!

Bắc Sơn đại sư.

VI

Tây phương Cực Lạc chúng đều tôn
Khuyến khắp người đời học diệu môn
Có miệng bớt duyên trò chuyện nhảm
Một câu Phật hiệu độ thân hôn.

Nhứt Nguyên đại sư

VII

Chuỗi hạt một tràng đen nhánh nhánh
Như Lai ngang đáng hiện đoàn đoàn
Xoay vần tịnh niệm theo nhau mãi
Thâu lại buông ra chỉ một ban.

Cổ Âm pháp sư.

VIII

Sáu chữ chân kinh nghĩa rộng xa
Tổng trì nào khác kệ đà đà?
Những từ nhảm lối Tây phương thẳng

Giết hết Đai sơn chỉ lộ bà.⁽⁵⁾

Liên Trì đại sư

IX

Đời mặt tình người hiểm đáng kinh
 Di Đà sáu chữ chớ xem khinh
 Một lòng niệm đến quên thân cảnh
 Bát giác thần chơi tựa các quỳnh!

X

Một muôn câu Phật giữ thường quy
 Mỗi tội sơ canh lại tụng trì
 Gối mộng có câu sang Cực Lạc
 Thân này đã tựa bích liên chi!

Cư sĩ Trầm Lăng Thanh

⁵ Đai Sơn chỉ lộ bà : Bà lão chỉ đường đi non Ngũ Đài. Sự tích đại lược như sau:

Một thiền sư đi Ngũ Đài Sơn, giữa đường gặp bà lão nơi quán trà, hỏi: "Thưa bà, đường nào đến non Ngũ Đài để lễ đức Văn Thù?" Bà lão là một bậc phi thường, bảo: "Cứ nhìn lối thẳng mà đi!" Thiền sư không hiểu đó là cơ ngữ khai thị về tự tánh, nghe xong cứ mặc nhiên lăm lũi tiến bước. Bà lão quả to: "Ủa? Khéo cho vị sư này!"

Trong đây, ý ngài Liên Trì muốn nói: - Niệm Phật chính là Vô Thượng thiên, những cái không chỉ đường, hay chỉ đường như lão bà, đều giết bỏ hết: tức là thể nhập chân tâm, diệt các ý niệm đó.

Ngay lúc bà lão nói, nếu ở vào trường hợp của đại sư, có lẽ ngài đáp lại bằng một tiếng hét.

DIỆP CỨU THÀNH



ư sĩ Diệp Cứu Thành pháp danh Huệ Cơ, người huyện Du Dao tỉnh Triết Giang, ông từng theo cha đi đó đây lập nghề buôn bán từ thuở nhỏ. Sau khi thân phụ từ trần, Cứu Thành thu dọn công việc trở về quê nhà an dưỡng. Trong sự giao tế, ông được tiếng khen là người tinh tường sáng lẽ.

Trên bước đường học Phật, trước tiên Cứu Thành được cư sĩ Hà Mai Sơn trao tặng cho quyển Sơ Cơ Tịnh Chỉ Nam. Sau khi xem xong, ông phát lòng tin, gia nhập vào Phật học hội ở Du Dao. Lâu ngày được Hà cư sĩ và các bạn đồng tu nhắc nhở, lòng tín nguyện của ông càng thêm bền chắc. Thời bấy giờ hàng phụ nữ địa phương này còn tập quán mê tín, nghĩ rằng niệm một câu Phật sẽ được phước báu một đồng tiền. Cứu Thành cùng cháu là cư sĩ Chiêu Không thường giảng diễn hết sức giải thích điều sai lầm ấy. Do đó nữ chúng ở Du Dao mới biết sự lợi ích niệm Phật được sanh về Tây phương, nên tu Tịnh độ mỗi ngày một thêm đông. Kế tiếp nhận các cư sĩ thỉnh Tịnh Quyền pháp sư đến Phật học hội giảng về kinh điển Đại thừa, Cứu Thành hiểu biết càng sâu rộng hơn. Mỗi buổi sáng ông đều thức dậy trì niệm, sự tu tập hàng ngày đều có định khóa. Đối với việc giới sát phóng sanh, ông tuân hành rất cẩn mật.

Mùa hạ năm Đinh Mão thời Dân Quốc, Cừ Thành mới chính thức thọ Tam quy với Bảo Tịnh pháp sư. Đến năm Canh Ngọ, nhằm ngày vía Địa Tạng lại thọ thêm Ngũ giới. Sang tháng chín ông bị bệnh hạ ly, thuốc thang điều trị không công hiệu, liền quyết ý gác bỏ muôn duyên, ở riêng trong một gian tịnh thất chuyên tâm tinh tấn niệm Phật. Đêm mười chín tháng ấy, trong khi tịnh niệm, Cừ Thành bỗng thấy cảnh giới Cực Lạc màu đẹp trang nghiêm, hiện ra tỏ rõ. Giây lâu thảng tượng mới ẩn, song ánh sáng vẫn còn rạng rỡ trước mắt. Cách vài đêm sau lại trông thấy nữa. Lúc đó bệnh trở nặng, ông tự biết mình không qua khỏi. Các liên hữu cùng Chiêu Không cư sĩ đến viếng thăm, an ủi sách tấn. Cừ Thành nói: "Mỗi ngày tôi đều cầu Quán Thế Âm Bồ Tát gia bị cho nghiệp chướng mau tiêu trừ, tịnh duyên sớm thành tựu!"

Vài hôm sau, ông gọi hai con trai lại dặn dò hậu sự, dạy thỉnh các bạn đồng tu mỗi ngày đến trợ niệm. Lại bảo vợ rằng: "Từ giờ phút này, tôi chỉ để tâm cầu Phật tiếp dẫn. Khi tôi sắp mãn phần, đừng cho dâu con lại gần, vì e chướng ngại đến sự vắng sanh!" Đêm trước khi lâm chung, hai cư sĩ Hà và Lý hướng dẫn đoàn liên hữu trợ niệm. Cừ Thành vẫn theo đại chúng thầm trì danh niệm Phật. Bấy giờ sáng hôm sau, Hà cư sĩ thấy sắc mặt ông hơi đổi khác, liền cảnh giác rằng: "Thời khắc này rất khẩn yếu, phải nên gắng sức!" Đại chúng đều đứng vây quanh to tiếng niệm Phật. Cừ Thành sẽ động môi thầm niệm theo. Độ mười lăm phút

sau, thấy môi miệng chẳng còn máy động, một liên hữu sẽ dò thăm, thì ông đã tắt hơi. Bấy giờ nhằm ngày hai mươi bốn tháng mười một, năm Dân Quốc thứ mười chín. Ông hướng dương được năm mươi lăm tuổi.

LỜI BÌNH:

Kinh nói: "*Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng đến khắp mười phương nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật!*" Cho nên nếu kẻ nào chí tâm thanh tịnh niệm hồng danh A Di Đà, do duyên cơ cảm sẽ thấy ánh sáng đó, và cũng nương theo quang minh ấy mà được thấy Phật hoặc cõi Tịnh độ. Sự mục kích ánh sáng và cảnh Tây phương của Diếp Cừ Thành, chứng tỏ cõi Cực Lạc có thật, không phải là lời thí dụ, hoặc cõi phượng tiện giả lập để khuyến dẫn người tu.



PHAN TRINH QUẾ

Phan Trinh Quế, người huyện Tế Ninh tỉnh Sơn Đông. Ông nhà nghèo, lúc thiếu thời thường theo bọn vô loại kéo bè lũ ăn chơi, tung hoành phá rối khắp trong vùng ấy.

Trong khoảng hai năm Canh Thân, Tân Dậu thời Dân

Quốc, nhân cư sĩ Phan Đồi Phù đi quyền tiền xây cất chùa Tịnh Cư ở Tế Nam, Trình Quế nghe giảng nói pháp môn Tịnh độ, liền một lòng quy hướng. Kế được xem quyển Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chi Nam, ông sửa đổi tâm hạnh, trưởng trai giới sát, gắng sức làm lành và tùy phương tiện giúp đỡ người. Trước kia ngày nào cũng say sưa, nhưng từ khi ăn năn cái hối, một giọt rượu cũng không thấm vào môi. Mỗi ngày ông đều quì niệm Phật một cây hương, lấy đó làm thường khóa. Bấy giờ gặp lúc binh loạn, thấy cảnh khổ đọa nghiệp sát diễn ra rất thể thảm, mỗi khi trì tụng ông đều quì sám hối tiền khiên, lệ rơi theo tiếng.

Mùa đông năm nọ, Trình Quế cảm thấy sức khỏe kém dần, trong người thường đau nhức mỏi nhọc. Dây dưa đến tháng ba năm sau bệnh tăng nguy kịch. Song ông cũng cố gắng giữ câu Phật hiệu, căn dặn người nhà đừng rời động lo thương, làm cho mình mất chánh niệm. Một hôm, ông bỗng tự nói: "Vừa rồi, có hai vị đồng tử tướng mạo thanh đẹp hiện đến trước mặt, thốt lời khen ngợi, rồi lấy tay xoa nơi đầu tôi!" Lại một ngày, Trình Quế bảo vợ: "Mau nấu nước cho tôi tắm gội và đem y phục mới để thay đổi, vì tôi sắp ra mắt Tây phương Tam Thánh". Xong mọi việc, vừa ngồi lại giường, ông bỗng nói: "Tây phương Tam Thánh đã quang lâm đến!" Rồi thôi thúc đôi ba phen, bảo vợ mau đốt hương. Kế đó chấp tay bảo: "Tôi quyết định được sanh về Cực Lạc!" Nói xong liền mất phan.

Lúc ấy ông vừa được bốn mươi tuổi.

ÂU DƯƠNG TRỤ



u Dương Trụ tự Thạch Chi, hiệu Liễu Nhứt cư sĩ, người ở phủ Tân Hội tỉnh Quảng Đông. Buổi thiếu thời ông học Nho, chủ trương việc thay đổi pháp chế cho nước giàu dân mạnh, hằng lấy điều này làm chí hướng. Sau thấy nền chánh trị nhà Thanh càng lúc càng rối bời không cương kỷ, biết chẳng thể làm chi được, nên lòng nguội lạnh đối với việc quốc gia, theo Dương Nhân Sơn cư sĩ học Phật.

Sau khi quy y Tam Bảo, ông hướng về Tịnh độ, mỗi ngày hằng niệm hồng danh Phật, kiêm tu môn quán thứ mười ba trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Thạch Chi có lập một khu tiểu viên nơi trấn Long Hoa tại Thượng Hải, thường đóng cửa để tu niệm. Lâu ngày pháp quán thành, lúc nhắm hay mở mắt đều thấy thẳng tướng hiển hiện. Do đó ông cực lực đề xướng môn tu của mình, khi luận biện thường cao hứng vỗ bàn, vẻ mừng rỡ lộ ra nét mặt dường như cho rằng tất cả việc đáng quý thuộc thế gian và xuất thế gian, không chi hơn Tịnh độ. Thái độ thành khẩn ấy đã cảm được nhiều người hưởng ứng niệm Phật cầu vãng sanh. Mẹ của Thạch Chi là Châu Thái nghi nhơn giữ tiết thanh trinh, sương cư đã mấy mươi năm, lúc tuổi già do ông khuyến tấn, cũng tu trì không xen hờ.

Vào niên hiệu Tuyên Thông năm đầu, Âu Dương Trụ

ngồi niệm Phật rồi lặng lẽ qua đời. Khi lâm chung cảm niệm niềm lành rất nhiều. Tập sách nhỏ Quyết Định Sanh Tây Phương Nhứt Khóa của ông viết ra được lưu hành rất rộng. Ông rất chú ý đến việc giới sát hộ sanh. Muốn cho mọi người bớt nghiệp sát, hướng về đạo Phật, ông cùng các đồng bạn nghiên cứu cách nấu chay đủ tánh chất vừa bổ dưỡng vừa ngon miệng, rồi viết sách quảng bá khắp nơi. Để chứng minh điều ấy, Thạch Chi còn lập một tiệm cơm chay ở Thượng Hải, lấy tên là Công Đức Lâm được hàng nhơn sĩ trong và ngoài nước tán thưởng. Từ đó, phong trào ăn chay và lập các tiệm cơm gọi là Tổ thực quán, lần lượt nổi lên khắp các thành phố lớn trong nước. Công đức lợi sanh của ông thật sâu rộng.

Trước khi lâm chung, Thạch Chi cảm bình nhẹ, mỗi ngày chỉ niệm Phật không một lời đề cập đến việc nhà. Có người hỏi: Phải sắp xếp gia sự như thế nào? Ông ngẫu nhiên đáp thành lời kệ:

Tất cả pháp hữu vi

Như mộng huyễn, bọt bóng

Duy niệm Phật sanh Tây

Mới là điều chân thật!

Quản chi đến việc trần

Mặc thanh, suy, được, mất!

Khi sắp mãn phần, trạng mạo của ông cực an lành không lộ một nét thống khổ, chỉ sẽ động môi thầm niệm

Phật cho đến lúc tắt hơi mới thôi. Mấy giờ sau khi thọ chung, đánh đầu hầy còn nóng. Ba hôm sau mới đại liệm, tay chân ông vẫn mềm dịu, gương mặt tươi tắn lộ sắc sáng nhuận. Đến ngày thứ bảy, nơi gian lâu của Thạch Chi thường tu tịnh khóa, bỗng có một vàng khói sáng trắng như mây tỏa mùi thơm bát ngát, bay xung quanh rồi lan rộng ra, hơn một giờ mới tan. Khi đó trong nhà không có ai đốt hương cả. Gia nhơn cùng những người phùng điều đến gần linh cửu của ông, ai nấy đều nghe mùi hương lạ thơm sực nức. Lúc sanh thời, bà vợ Thạch Chi hỏi rằng: “Trọn ngày ông chăm chăm tu tịnh nghiệp, có chi để làm bằng chứng chẳng?” Ông đáp: “Ngày sau tôi vãng sanh, sẽ phóng mây hương cho bà biết tin tức!” Ban sơ người vợ chỉ nghĩ là lời nói cho qua, đến bây giờ mới biết quả có ứng nghiệm.



TRẦN TÁNH LƯƠNG

Trần Tánh Lương tự Tích Châu, quê ở huyện Vô Vi, tỉnh An Huy. Ông là người thuộc giới thương chánh, tuổi trung niên mới sanh được một đứa con trai đặt tên là Thiện Thọ, bẩm tánh khá thông minh, nhưng chẳng may lại yếu số vào lúc mười bốn tuổi. Tánh Lương tự nghĩ mình xưa nay giữ lòng nhân hậu thường làm điều phước đức, tại sao lại tuyệt tự, nên đối với

việc nhân quả báo ứng hoàn toàn không tin. Bà bạn kể phớt là Hồ phu nhon tánh hiền lành rất tin Phật pháp, biết mỗi chấp của chồng không thể giải thích, chỉ gắng sức âm thầm tu trì, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm để cầu tự. Không bao lâu cô có thai, nhưng lúc sắp sanh bỗng vương nạn. Trong vòng hai mươi chín ngày, cô không thể ăn uống nói năng hoặc day trở, mình nóng hực như lửa, thân gầy tọ cùi khô. Các hàng danh y Trung, Tây đều bó tay, tuyệt không còn hy vọng cứu sống.

Một đêm Hồ thị nằm mơ thấy bà lão cầm cành hoa sen cọng dài, phát từ đầu đến chân báo: "Do túc nghiệp người mới vương trọng bệnh, song cũng may nhờ biết tu niệm chi thành. Nay ta quét trừ nghiệp chướng và cho người một đứa con tốt!" Lúc đó cô cảm thấy thân tâm mát mẻ, kinh lạ vui mừng chột tỉnh, thì bệnh dường như tan biến đâu mất, xuống giường đi lại như thường. Sáng ra liền sanh được một đứa con trai nặng cân khỏe mạnh, tướng mạo phương phi tốt đẹp. Sự kiện khác thường này làm cho Tánh Lương rất kinh ngạc! Nhưng sau khi hỏi han và nghe vợ thuật lại mọi chi tiết, ông mới tin sự lý nhân quả trong ba đời đều chân thật không phải hư vô. Nơi thâm tâm, ông rất cảm ơn đức từ bi rộng lớn của chư Phật, Bồ Tát. Từ đó vợ chồng cùng trường trai niệm Phật, quyết ý tu trì, cứu giúp người nghèo khổ hoạn nạn, cất chùa trai Tăng, tất cả việc lành đều gắng hết sức tu hành. Biết việc Hồ thị dứt bệnh sanh con, chính do đức Quán Thế Âm cứu độ, nên Tánh Lương thường đến chùa núi Phổ Đà triều lễ Đại sĩ. Vợ chồng đều quy y với Ấn Quang pháp sư, Trần Tánh Lương pháp danh là Liễu Viên, và vợ Hồ thị pháp danh là Liễu Thường. Khoảng Dân Quốc năm đầu, các chùa nơi núi Phổ Đà đều

khiếm lương thực, và toàn vùng bị chánh phủ trưng dụng cho kiều dân người Đức ở. Tánh Lương bồn tẩu nhờ các bạn trong hàng quan liêu giúp đỡ can thiệp, nên kết cuộc khỏi tai qua. Cư sĩ lại tự xuất của trùng tu tháp Đa Bảo và làm các Phật sự xây cất lại bản sơn để báo ân Tam Bảo.

Niên hiệu Dân Quốc thứ chín, vợ chồng và con cái năm người cùng thọ giới Bồ Tát nơi chùa Pháp Nguyên tại Bắc Kinh. Ba năm sau, Liễu Thường bỗng lâm bệnh. Vào ngày hai mươi tám tháng hai, đúng lúc đang niệm Phật, cô bỗng thấy hai vị đồng tử cầm tràng phan có bốn chữ: "Tây Phương Tiếp Dẫn". Biết là điềm sắp vãng sanh, cô nhờ chồng mình thỉnh bốn vị Tăng đến nhà giúp sám hối niệm Phật. Tới ngày hai mươi tám tháng sau, bệnh được an lành. Nhưng sang thượng tuần tháng tư, Liễu Thường lại thấy trong người không khỏe, tự biết quy kỳ sắp đến, liền một lòng niệm Phật cầu sớm vãng sanh. Vào bữa mừng năm, Tánh Lương thỉnh chư Tăng đến nhà, bảo người trong gia thuộc hợp cùng đại chúng luân phiên trợ niệm cho ngày đêm tiếng Phật không dứt. Liễu Thường cũng thâm trì niệm theo. Sáng ngày mừng sáu cô bảo người nhà nấu nước cho mình tắm gội thay y phục. Đoạn cố gắng đến trước bàn Phật niệm hương lễ bái, rồi nhờ xây giường để mình nằm nghiêng bên hữu day mặt về hướng Tây. Khi nằm yên xong, cô chuyên tâm niệm Phật cho đến giờ Hợi, bỗng chột ngồi dậy chấp tay nói: "Tây phương Tam Thánh đã đến!" Lại bảo: "Còn thiếu ba ngàn câu Phật, niệm đủ tôi sẽ đi!" Lúc đó hàng tăng tục hơn ba mươi người đều lớn tiếng niệm hồng danh. Liễu Thường cũng cao tiếng niệm theo được một lúc gương mặt lộ nét tươi cười rạng rỡ mà qua đời. Khi ấy trong nhà bay thoảng mùi hương lạ. Giờ Ngọ

hôm sau nhập liệm, đánh đầu cô vẫn nóng, tay chân mềm dịu, hơi thơm hấy còn.

Khi Thiên Thọ, đưa con trai đầu lòng yếu số, vì gấp cầu tự, Tánh Lương cưới thêm cô thiếp là Sa thị mới mười bảy tuổi. Về nhà chồng được mấy năm cô nhờ sự huấn luyện, cũng khởi lòng tin chân chánh, quy y với Ấn Quang pháp sư, pháp danh là Liễu Từ. Từ đó Sa thị giữ chắc năm giới, trường trai niệm Phật. Về sau Liễu Từ đau dây dứa mãi không lành, nằm trên giường bệnh suốt hai năm. Song lòng tin nguyện bền chắc, cô vẫn không rời câu niệm Phật. Ngày rằm tháng hai năm Dân Quốc thứ mười chín, nhằm lễ vía đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, cả gia đình cùng thỉnh chư Tăng tập hợp tại nhà, tu Đại Bi Sám Pháp. Vừa đến ngọ lễ sám xong, đưa tở gái bung chén nước có trì chú Đại Bi cho Liễu Từ uống. Cô gượng ngồi dậy tay run rẩy tiếp lấy chén nước, tự nói thấy nước trong đó chao động phóng ra ánh sáng. Tánh Lương đứng một bên vội đỡ tay bung chén giùm. Lúc đó cô lại bảo thấy tay ông cầm hoa sen, e rằng thời khắc vãng sanh đã đến. Tánh Lương nghe nói liền ra ngoài thỉnh chư Tăng vào phòng trợ niệm. Liễu Từ bỗng quì nơi giường cúi lạy nói: "Đức Quán Thế Âm Bồ Tát từ cõi Cực Lạc phóng quang tới chiếu sáng khắp thân mình". Tánh Lương khuyên cô nên xả bỏ tất cả, chỉ một lòng chuyên cầu Đại sĩ tiếp dẫn. Liễu Từ vâng lời chấp tay chúc nguyện: "Con đau bệnh chịu sự thống khổ đã nhiều, cầu cho người đời sớm được giải thoát, xa lìa bệnh khổ. Xin Bồ Tát xót thương tiếp dẫn con về cõi Cực Lạc!" Quá ngọ hai giờ, cô nói: "Bồ Tát đã quang lâm! Xin thỉnh chư Tăng ra ngoài, để con lau mình thay y phục". Nhưng khi vừa thay áo, cô lại bảo: "Đức A Di Đà đã đến từ xa, đang duỗi tay phóng

quang tiếp dẫn, có Vi Đà Kim Cang theo hầu hạ, xin mau thỉnh chư Tăng vào phòng trợ niệm!" Lúc đó Liễu Từ không kịp mặc áo tràng vội ngồi kiết già chấp tay liên tiếp niệm A Di Đà Phật rồi nói: "Tôi đi đây!" Đoạn liền nhắm mắt lạng lẽ vãng sanh, hai tay vẫn còn chấp nơi ngực. Khi ấy tất cả người trong nhà đều nghe dị hương bát ngát. Đến trưa hôm sau đánh đầu cô còn nóng, sắc mặt tươi tắn sáng nhuận hơn lúc sanh tiền.

Tánh Lương mục kích thê, thiếp do niệm Phật đều được điềm lành và chứng nghiệm vãng sanh một cách hiện thật, lòng tin càng thêm bền chắc. Sau khi ấy ông tu chính ngôi tiền đường thờ cúng trang nghiêm như cảnh chùa am, đề bảng hiệu Niệm Phật Cư Sĩ Lâm, thường tập hợp chư liên hữu lại cùng nhau tu trì sách tấn. Mùa đông năm Tân Mùi cư sĩ vương bệnh, sắm lễ thỉnh chư Tăng chùa Thiên Phước đến lưu trụ tại Cư Sĩ Lâm, mỗi ngày vào phòng xưng hồng danh, để được thường nghe Phật hiệu thành tựu chánh niệm. Tới ngày mười một tháng ba năm Nhâm Thân (1932), vào lúc chánh ngọ, Tánh Lương nói: "Tôi thấy Phật, Bồ Tát tướng tốt trang nghiêm và hoa sen rất to đẹp!" Chư Tăng cùng người nhà biết thời khắc Tây quy của ông đã đến, đều họp lại phòng cao tiếng niệm Phật. Cư sĩ cũng ngồi lằn chuỗi sẽ niệm theo, tới quá ngọ hai giờ yên lặng vãng sanh.

Chiều hôm ấy cư sĩ Từ Huát Như, bạn thân của Tánh Lương, cũng là vị Lâm trưởng, nghe tin cáo phó vội cho mời đoàn liên hữu cùng đến phúng điếu. Khi phái đoàn tới nơi thì đã tám giờ tối. Chư liên hữu đều thấy Tánh Lương vẫn còn ngồi kiết già ngay thẳng, tay cầm chuỗi, gương mặt tươi tỉnh như sống. Thử dò xem thì đánh đầu còn nóng, tay chân mềm dịu.

GIANG AM NAM

iang Am Nam người ở Vụ Nguyên, tỉnh An Huy. Lúc lớn tuổi, do cư sĩ Giang Diệc Viên khuyên xem các kinh sách Tịnh độ, ông mới phát lòng tin nguyện tu hành. Mỗi sớm hôm, Am Nam đều hướng dẫn hai đứa cháu nhỏ tụng kinh niệm Phật.

Đến tháng ba năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, ông bị chứng ung thư phát bổi. Ông tự biết mình không qua khỏi. Giang Am Nam càng gắng sức tinh chuyên niệm Phật. Do đó tuy bệnh nặng, cũng không cảm thấy bị quá dày vò thống khổ. Một đêm bệnh thể tăng nhiều, ông quyết xả bỏ tất cả chuyên tâm trì niệm. Bỗng nhiên trước mắt mở ra cảnh Tây phương Cực Lạc thế giới, trang nghiêm sáng đẹp không thể hình dung! Sau khi ấy, Am Nam gượng đau viết thư gởi cho Diệc Viên, dưới đây trích phần đại khái:

“...Đệ đang bệnh nặng. Vào giờ Dần ngày hai mươi lăm tháng ba, sau cơn sấm sét mưa to, trời bỗng sáng tạnh như ban ngày. Nhìn về phương Tây, đệ chợt thấy chân cảnh cõi Cực Lạc sáng rực rỡ rộng mênh mang, không biết đâu là bờ mé! Trong đó lâu các nguy nga, ao sen tươi đẹp, cây báu thấp ngọc, toàn là thất bảo trang nghiêm, nhiều cảnh lạ mắt không làm sao tả xiết! Lúc ấy Phật ngồi giữa hư không bảo đệ lên tiếp kiến. Nhưng khi đệ vừa đến trước đức Thế Tôn, thì hình tượng và âm thanh của ngài bỗng xa nhỏ dần rồi tắt

cả chợt tan biến. Do đây, đệ càng tin chắc thế giới Cực Lạc ở Tây phương là quả có và hiện thật ...”

Từ đó Giang Am Nam càng siêng năng trì niệm. Ông lại dặn trước người nhà, khi mình sắp mất chớ thương khóc, nên đồng thanh xưng danh hiệu Phật, đợi khi thân thể hoàn toàn lạnh sẽ tán liệm. Trong đám tang phải dùng thức chay tuyệt đối trừ bỏ rượu và đồ huyết nhục. Sang tháng tư, vào ngày hai mươi hai, Giang Am Nam niệm Phật mà vãng sanh. Thân quyến lo việc trợ niệm và đám tang y theo lời di chúc.

Đồng thời cũng tại bản thôn, có người bà con của Am Nam là Giang Nhâm Thuyên, trước nay vẫn đồng tu Tịnh độ. Năm Tân Mùi, Nhâm Thuyên cảm bệnh ngày thêm nguy kịch, song chẳng rời câu niệm Phật. Sang tháng tư năm Nhâm Thân, vào ngày hai mươi ba, ông bỗng chết ngất. Gia nhân vội thỉnh vài liên hữu đến trợ niệm. Không bao lâu ông tỉnh lại, nói với người xung quanh rằng: “Vừa rồi tôi bị dẫn đưa tới Âm Ty, Diêm Vương xử rằng: do túc nghiệp đáng lẽ tôi phải đọa vào loài Ngạ quỷ, song vì biết quy y Tam Bảo niệm Phật tu hành, lại nhờ sức trợ niệm của gia nhơn và các liên hữu trong bảy ngày nay, nên nghiệp báo ấy tiêu diệt, được phóng thích cho trở về”. Sáng hôm sau, Nhâm Thuyên dạy các con đứng chấp tay niệm Phật. Lại bảo vợ ngồi đối trước mình, rồi chậm rãi nói rằng: “Thánh chúng ở Tây phương đã đến tiếp dẫn, hiện còn đứng giữa hư không. Tôi xin giã biệt và nguyện trong thân quyến từ

nay đồng siêng cần tu niệm để cùng gặp nhau nơi cõi Liên bang!" Nói xong ngồi ngay thẳng mà qua đời.



LÝ QUỐC TUYỀN

Bé Lý Quốc Tuyền nguyên là con của cư sĩ Lý Tây Canh, ở huyện Miên Dương tỉnh Tứ Xuyên. Em học hành không được sáng lắm, duy có điều khi thấy cha hôm sớm tụng kinh niệm Phật thì đặc biệt chú ý, thường lên ngồi xem nghe, Tây Canh vẫn để nguyên không ngăn cấm. Đồng tử cũng chẳng dợi cha dạy bảo, tự động tập lễ bái tụng niệm theo. Không bao lâu, em thuộc lòng chú Đại Bi. Từ đó mỗi buổi trưa đi học về, Quốc Tuyền đều đến trước bàn Tam Bảo lễ ba lạy, ngồi tụng chú Đại Bi ba biến, niệm Phật độ hơn trăm câu, rồi mới xuống ăn cơm.

Mùa xuân năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, đồng tử theo ông nội đi du ngoạn danh lam thắng cảnh. Em thường nhìn về phương Tây hỏi ông rằng: "Núi Côn Lôn ở đâu? Cõi Cực Lạc cách đây bao xa?" Khi trở về nhà, một hôm lại đem câu kệ trong kinh Đại thừa hỏi cha, xin giải thích.

Ngày mười hai tháng trọng hạ năm ấy, Quốc Tuyền bỗng vương chứng bệnh nướn lạnh nhưc đầu, mấy phen điều trị không công hiệu. Đến ngày mười hai, em đòi ăn hạt sen tươi. Sáng sớm mười ba, có người bà con đem ba cành hoa sen và ba cái gương sen đến nói để cúng Phật. Đồng tử nằm ở trong phòng nghe biết, đòi lấy hạt sen ăn. Trong hai ngày mười tám sang ngày mười chín em đau bụng mỗi lúc thêm nhiều, xin cha tụng chú Đại Bi vào nước để uống. Uống xong chứng đau bệnh liền bớt.

Đêm ấy Lý Tây Canh lại tụng chú Đại Bi vào nước, định cho con uống. Niệm chưa xong biến thứ hai, ông bỗng thấy nơi đầu Quốc Tuyền hiện ra vầng hồng quang sáng rực lớn như cái đầu. Ánh sáng đỏ chói lên đầu màn giấy lâu mới tắt. Cư sĩ lại gần xem thấy con ngủ say, cũng lui về giường của mình nằm nghỉ. Giây phút Tây Canh mộng thấy có ba vị cao lớn mặc khôi giáp theo thời xưa đứng trước giường đồng tử, kế tiếp nghe tiếng con kêu đau bụng. Ông giật mình thức giấc lại thăm thấy thân sắc Quốc Tuyền đã bị biến đổi, vội gọi người nhà vây quanh niệm Phật. Đến gần sáng, đồng tử gương ngồi dậy, to tiếng niệm Nam mô A Di Đà Phật một câu, liền tắt hơi. Hơn nửa ngày sau, đánh đầu em còn nóng ấm, gương mặt hiện ra hồng quang. Qua ngày kế, liệm vào quan tài cũng không nghe mùi hôi, mặc dù lúc đó tiết trời đang nóng nực.

Tối mừng hai tháng bảy, người nhà theo tục lệ thế gian làm lễ Trừ ương, đem chăn nệm và y phục cũ của em ra

đốt. Nửa đêm đó, bỗng nghe giữa hư không có tiếng âm nhạc dịu dặt nhiệm mầu. Sáng ra xét nghiệm lại, nơi các đồng tro đều hiện nét hoa sen tươi đẹp in như vẽ.



CHÂU TRIỆU PHÁP



Châu Triệu Pháp người ở phường Nghĩa Ô tỉnh Triết Giang. Lúc tuổi trẻ ông nổi tiếng nơi nhà trường về văn chương lưu loát, học hành gồm ưu. Nhưng vì cảnh nhà thanh bần khó nổi tiến thân, ông đành gác bỏ việc khoa cử, làm nghề dạy học để nuôi sống.

Hơn sáu mươi tuổi, Triệu Pháp lại phạm phải tật trùng thính, tai nghe lũng bùng. Khi đó ông mới xét tình mộng đời, phát tâm học Phật. Cảnh nhà càng lúc càng khó khăn, lắm khi ông phải tụng kinh muốn để duy trì sự sống. Lúc rồi rảnh, lại chuyên tâm niệm Phật. Bà vợ của ông đã mù lòa từ trước, cũng theo chồng lo tu tịnh nghiệp.

Mùa hạ năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, đôi mắt của Triệu Pháp cũng tiếp theo mù lòa, vợ chồng phải chịu khổ sở sống trong cảnh tối tăm chật vật. Biết là nghiệp đời trước

phát hiện, ông cam lòng ăn nhẫn, ngày đêm tha thiết niệm Phật không dứt, cầu được sớm sanh về Tây phương. Quang âm thấm thoát, đến sáng ngày mừng một tháng chín, Triệu Pháp bỗng gọi vợ bảo rằng: "Đêm vừa rồi, đức A Di Đà Thế Tôn hẹn trước tiết Trùng Dương, sẽ tiếp dẫn tôi về Cực Lạc. Bà nên chuẩn bị giúp sức trợ niệm để thêm kết duyên lành!" Bà vợ e dè đáp: "Ông thử xét nghiệm lại xem? Dù có thật cũng phải cẩn thận, chớ nên vội nói với người ngoài!" Triệu Pháp cũng hồi mình lỡ lời, lấy tay vò vào má để tự răn. Tới ngày mừng ba, ông lại ôn tồn khuyên vợ gia công niệm Phật và nói: "Hãy bền chí cố gắng tinh tấn, chớ nên thương buồn! Hai năm sau tôi sẽ theo Phật đến tiếp dẫn bà sanh về Cực Lạc! Xế mai vào giờ Mùi là thời khắc tôi quy Tây. Tới chừng đó bà chớ nên than khóc, gắng bình tĩnh niệm Phật trợ duyên". Dặn dò xong, liền cùng vợ lần đến Phật đường, khóa tụng như thường lệ.

Đúng Ngọ ngày mừng bốn, dùng cháo trưa xong, Triệu Pháp nói: "Xin giã biệt, từ đây về sau tôi không còn ăn nữa!" Nói đoạn lên lễ Tam Bảo, rồi ngồi ngay thẳng niệm Phật, âm vận rất thanh nhuận. Sang giờ Mùi, thần thái an lành, ông chấp tay mỉm cười rồi nhắm mắt đi thẳng. Khi nhập liệm, đánh đầu hấy còn nóng.

LỜI BÌNH:

Rõ biến đời sống khổ dập dồn, biết quay đầu tỉnh ngộ cố gắng tu hành, là điều đáng khen thứ nhất. Gặp cảnh mù

lòa nghèo khổ, cam lòng ăn nhẫn không trách buồn thối chuyễn, vẫn tinh tấn tu niệm, là điều đáng khen thứ hai. Bởi thế cho nên, tâm thành cảm cách, Phật thánh chứng tri, nghiệp chướng tiêu trừ, sớm về Cực Lạc. Thân như huyền lần tan nơi trước độ, tướng đẹp nghiêm bỗng hiện chốn liên trì. Đông buồn tuyết lạnh chảy qua, xuân sáng oanh ca lại đến. Nỗi vui khổ cánh trần như bóng mộng, nửa thương bị nửa tợ mơ hồ. Duyên đẹp lành côi ngọc rưới mưa hoa, mùi thanh dịu mùi pha giải thoát. Cảnh duyên của Châu Triệu Pháp đáng thương mà cũng đáng mừng vậy!



KIM VINH HIÊN

Kim Vinh Hiên người Lô Giang, tỉnh An Huy, nhân buồn bán thua lỗ ôm lòng uất ức, lần đến phát cuồng. Nhưng, tuy thần kinh thác loạn, ông rất thích vào chùa đốt hương, kính thành lễ Phật.

Về sau có một vị thông hiểu nội điển là nữ sĩ Vương Kim Phạm, biết hiện tượng đó do túc nghiệp chiêu cảm, nên dạy cho biết pháp môn Tịnh độ, và bảo phải niệm Phật sám hối cầu sanh về Tây phương. Kim Hiên nghe nói vui mừng, liền trường trai niệm Phật. Mỗi buổi sáng sớm sau khi súc

miệng rửa mặt xong, ông đều ngồi chấp tay hướng về Tây, cao tiếng xưng hồng danh A Di Đà. Ngoài ra, các thời khác cũng thường trì niệm. Có nhiều người hỏi: “Niệm Phật mãi như thế để làm chi? Có lợi ích gì?” Kim Hiên gạn lại: “Cứ niệm như tôi đi rồi sẽ biết. Tại sao không chịu niệm, lại cứ hỏi tôi?” Khi đi ngoài đường thấy trẻ con chơi đùa, ông liền to tiếng xưng hồng danh, rồi khuyên chúng niệm Phật. Lũ trẻ cũng đùa lại, niệm theo. Người nơi chợ phố thấy Kim Hiên vừa đi vừa ngêu ngao niệm Phật, đều chỉ chỏ cười ngạo bảo: “Xem kìa, cái ông điên khùng!” Kim Hiên cũng quay lại cười ngạo nói: “Chính mấy người mới thật là điên khùng!”

Mùa thu năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, Kim Hiên nằm liệt giường bệnh, không ăn được chỉ uống nước trong, song vẫn niệm Phật không dứt. Vừa sang đông, ông bỗng nói: “Gấp gấp quy căn, tôi đi đây!” Người nhà đều cho là bệnh cuồng tái phát. Cư sĩ Từ Tử Diêu nhân đến thăm, nghe biết bảo: “Quy căn là trở lại nguồn gốc, ý nói lá rụng về cội. Hay là ông ta muốn quy y Tam Bảo, để sanh về Tây phương chăng?” Kim Hiên nghe qua lộ sắc vui mừng nói: “Tốt lắm! Rất đúng!” Từ cư sĩ liền đi thỉnh Tế Lâm pháp sư đến truyền thọ Tam quy, đặt cho pháp danh là Kim Khiết. Trước đó Kim Hiên nằm nhắm mắt, chỉ còn hơi thở mong manh thoi thóp, nhưng đến lúc làm lễ quy y, tinh thần chợt tỉnh táo phấn chấn. Người nhà thử hỏi pháp danh, đều đáp rành rẽ.

Ba ngày sau, vào giờ Dậu, ông bỗng gọi vợ bảo: "Tôi sắp vãng sanh, cô nên phát tâm gắng chí niệm!" Người nhà nghe nói, đều vây quanh đồng thanh trợ niệm. Kim Hiền gượng ngồi dậy, chấp tay hướng về Tây, an lành mà thoát hóa, hưởng dương được bốn mươi một tuổi. Ngày kế nhập liệm, sắc diện ông tươi tỉnh như sống. Cô vợ nhân đó, sanh lòng tin ăn chay niệm Phật, mỗi buổi sáng đều hướng dẫn con cái trì tụng để truy tiền cho chồng. Hàng nhơn sĩ địa phương nghe thấy việc này, một số đông người phát lòng tín hướng.



KHUYÊN TU TỊNH ĐỘ

I

*Di Đà thế lớn há nguyên không?
Mười niệm xưng danh chẳng uổng công
Chớ ngại cõi trần rồi vắng khách
Chỉ e lưới nghiệp vẫn trăm vòng
Muôn sông về biển bờ đâu ngập?
Trăm nước châu vua điện vẫn không
Đế đến không người, thôi đáng tiếc!
Việc chi còn mến cảnh lao lung?*

Giải Thích:

Liên tiếp tám bài thi trong đoạn này, đều là của Tịnh Am đại sư. Để được dễ trực nhận, bút giả xin giải thích ngay từng bài:

Có kẻ hỏi: "Nếu khuyên mọi người vãng sanh hết, thì cõi này còn ai ở? Và nếu tất cả người đều về Cực Lạc, nơi đó đất đâu mà dung chứa?" Đại sư đáp: "Chớ vội lo cõi này không có người ở, chỉ e cho ngay trước mắt lưới nghiệp vây quần khiến liền bị sa đọa! Lại như muôn sông đổ dồn về biển, biển đâu bị tràn ngập? Sứ giả trăm nước đến châu vua, điện Hàm Dương vẫn rộng thông. Cảnh Tịnh độ tùy nguyện lực của Phật biến hiện cũng như thế. Chỉ tiếc cõi Cực Lạc dễ về mà người đời còn mến cảnh lao tù tam giới, không chịu cầu vãng sanh đó thôi!"

II

*Người đồn Thiên Trúc chính Tây phương
Thiên Trúc, Chỉ Na chỉ cách tường
Nghiệp ở cõi như bàn tịnh uế
Thân nơi nhà lửa luận viêm lương
Ba ngàn thế giới trong luân chuyển
Muôn ức càn khôn thật cổ hương!
Đến đến chớ sâu đường cách trở
Niệm tâm vừa tịnh thấy Không Vương.*

Giải Thích:

Đương thời có nhiều kẻ lầm nhận cõi Tây phương tức Tây Thiên Trúc, cách xứ Chi Na là nước Trung Hoa mười muôn tám ngàn dặm. Lại có người luận mười muôn tám ngàn tức chỉ cho Thập bát giới gồm sáu căn sáu trần sáu thức, diệt mười tám giới sẽ thấy cảnh Tây phương của tự tâm. Đại sư đáp: "Thiên Trúc với Chi Na chỉ cách tường vách nghĩa là rất gần nhau, cũng đồng ở nơi nhà lửa ngũ trược của Ta Bà, đâu phải là Cực Lạc? Còn luận về Cực Lạc tự tâm tức Duy tâm tịnh độ, thì chỉ nên để cho bậc đã đắc vô sanh nhĩ. Đối với phàm phu đầy nghiệp chướng, thân còn ở trong nhà lửa mà vội không hóa sự như sạch, nóng mát theo luận thuyết duy tâm, không chịu niệm Phật, tất sẽ bị xe luân hồi quay, lửa tam giới đốt mà thôi. Chúng sanh nơi tam thiên đại thiên thế giới còn ở trong vòng luân hồi. Chỉ cõi Cực Lạc ngoài mười muôn ức Phật độ kia mới thật là quê hương, vì khi được về đó tất không còn bị nổi trôi luân lạc nữa".

III

*Ai rằng: mọi chỗ tức Tây trì
Cao, thấp, sạch, như có ngại gì!
Nhà xí khi vào sao bịt mũi?
Vững lấy quá bước vén xiêm y?
Ôm đau lắm, lại thương thân khổ*

Nắng gió chiều, than trái tiết thì!

Chớ nói lời suông sai thật hạnh

Hồi tâm mau sớm niệm A Di.

Giải Thích:

Có kẻ vịn câu nói của cổ đức: "Cao sơn bình địa tổng Tây phương", rồi bảo: "Chỉ cần tâm ta thanh tịnh, thì mọi nơi như núi cao đất bằng, các chỗ như sạch đều là Tây phương Tịnh độ, là ao báu hoa sen cả, không có chi chướng ngại, cần gì phải cầu vãng sanh?" Phải biết câu nói trên là cảnh giới của bậc đã chứng ngộ, phàm phu bắt trước theo chỉ thành ra lời suông vô ích. Chính những kẻ nói như thế, khi vào nhà xí còn bịt mũi, bước qua chỗ lấy lội phải vén áo xiêm, ôm đau vẫn thấy khổ, nắng gió mưa nhiều cũng than trách, có điều chi là vô ngại đâu?

IV

*Thường chê niệm Phật việc người ngu
Công việc người ngu, Phật cũng tu!
Long Thọ biện tài đâu gốc Hán?
Văn Thù trí huệ há phàm phu?
Từ chương nhả luận còn Cư Di?
Công cú theo mình hỏi Đại Tô?
Nhẫn kẻ thông minh nên nghĩ lại
Diêm La xét tội chẳng hồ đồ.*

Giải Thích:

Những vị thông minh có học thức thấy kẻ quê mùa cũng niệm Phật được, thường chê rẽ cho đó là lỗi tu của hạng ngu dốt. Nên xét nghĩ, như Thiên Thai Trí Giả tương truyền là hóa thân của đức Thích Ca, Vĩnh Minh đại sư là hóa thân của đức Di Đà, hai vị đó đều là Cổ Phật, mà còn tu Tịnh độ để làm mô phạm hướng dẫn chúng sanh. Và các ngài như Văn Thù, Long Thọ, hai vị Bồ Tát ấy đâu phải là phàm phu, kẻ ngốc, mà vẫn khen ngợi cùng hành trì theo môn này. Lại còn như Bạch Cư Dị, Tô Đông Pha, hai bậc văn hào từ chương tao nhã, kẻ chuyên niệm Phật, người thì đem Tây phương công cứ luôn theo bên mình, là hạng người gì, ngu dốt hay trí thức? Vậy nên suy nghĩ, đừng vội phi báng mà mang tội.

V

*Nếu nói sanh Tây còn thuộc vọng
Trụ nơi cõi trước há thành chân?
Đông Tây chẳng chấp càng phi lý
Tịnh uế đều quên cũng pháp trần
Sanh vốn không sanh, sanh bốn cõi
Thấy như lửa thấy, thấy ba thân
Biết chẳng chân vọng nguyên đồng thể?
Mê ngộ đều do tại bản nhơn.*

Giải Thích:

Có kẻ lại bảo: “Bản tính vốn vô sanh, cầu sanh Tây phương là còn thuộc vọng!” Đáp: “Nói thế thì trụ mãi ở cõi này, lại thành ra chân thật hay sao? Nếu nói: tôi không cầu sanh về Tây, không chấp trụ ở Đông, tùy ý thọ sanh, lại càng phi lý. Vì chỉ có bậc Pháp thân đại sĩ mới tùy ý thọ sanh được. Còn hàng phàm phu, nếu không cầu sanh Tây phương để mau tiến tu giải thoát, tất phải theo nghiệp chịu luân hồi ở cõi này, rồi từ đó dễ tạo nghiệp bị sa đọa. Nếu lại bảo: tôi không chấp tịnh uế, nên không cầu cõi sạch chán cõi nhơ! Khởi một niệm như thế cũng thuộc về pháp chấp rồi, làm sao nói là không chấp được? Cho đến bậc thức đạt, dù sanh về Tây phương, từ cõi Đồng cư tiến lên Thường tịch, mà vẫn thấy không sanh. Dù chứng ngộ ba thân, vẫn lìa sự thấy biết về chúng ngộ. Thế thì có gì trái với lý vô sanh vô chứng đâu?”

VI

*Chớ chấp Đàn Kinh bài bác Tịnh
Tổ cơ, lời Phật thấy viên dung
Mượn lời chỉ lý tuyên thiên đạo
Được ý quên lời hiểu diệu tông
Thập thiện đều tu đâu phải tội?
Chư hiền đồng niệm há thành không?
Đông tây một thể vô lai khứ
Pháp giới linh minh cõi đại đồng!*

Giải Thích:

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ có nói: “Người ở Đông phương tạo tội cầu sanh Tây phương, người Tây phương tạo tội cầu sanh về cõi nào?” Lời này chỉ là cơ phong của Tổ, mượn đó để đưa hành nhơn ngộ thẳng vào chân tánh, chớ chẳng phải bác rằng không có Tịnh độ, cùng bảo đừng nên cầu sanh. Kẻ thức đại học đạo cần phải được ý quên lời, chớ nê chấp lời mà hại ý. Đối với Phật, chư Tổ là hàng hậu lai. Phật còn khuyên niệm Di Đà cầu sanh, lẽ đâu Tổ lại bác? Lại nên biết, hành giả sanh về Tây phương đều tu thượng phẩm Thập thiện, thì người Tây phương đâu có tạo tội? Và chư hiền thánh xưa nay rất nhiều vị niệm Phật, hành động đó đâu phải nông nổi lầm lạc, hay luống uổng không hư?

VII

Niệm Phật quả như nên súc miệng?

Tụng kinh môi ngậm cũng ung cần!

Thuốc dùng trị bệnh, sao gây bệnh?

Lửa để điều thân, lửa đốt thân!

Phàm niệm vẫn đầy, chớ thánh niệm

Phật tình chưa khỏi nói trừ nhân!

Lời xa hiện thật, khuyên ngưng lại

Lo gấp đời này thoát khổ luân!

Giải Thích:

Khi xưa, ngài Triệu Châu có nói: “Một chữ Phật ta chẳng thích nghe. Nếu niệm Phật một câu, phải súc miệng ba ngày!” Nhiều kẻ vịn vào hai lời trên đây bảo: “Thiền sư Triệu Châu vốn bậc danh đức, Ngài đã nói như thế, tất niệm Phật là điều thấp kém lỗi lầm, không cần thiết!”

Tịnh Am đại sư gạn hỏi lại: “Nếu niệm Phật là lỗi lầm cần nên súc miệng, thì xưa nay các bậc cao đức cho đến Tăng Ni ở khắp tông lâm, lúc tụng kinh trong những thời khóa tụng, tất cũng ung cần ngậm miệng đừng hé môi mới phải! Và như thế, lý ấy có đúng không? Phải biết Triệu Châu đại sư là bậc chứng ngộ, muốn hướng dẫn hạng thượng thượng căn phá mối chấp kiến về Phật, nên mới nói những lời ấy, chớ đâu phải ý ngài cốt bác phá sự niệm Phật! Đại khái, tất cả những cơ ngữ bên thiền, lời ở nơi này mà ý ở điểm khác. Chẳng hạn như Tổ Quy Sơn nói: “Sau khi lão tăng viên tịch, sẽ chuyển kiếp làm con trâu ở dưới chân núi!” Lời này đâu phải ý chỉ định chuyển kiếp làm trâu? Nếu nhận là thật, rồi cứ theo lời nói mà giải thích, thì đã sai lầm còn gây thêm tội lỗi. Ví như lửa có công dụng sưởi ấm điều hòa thân thể trong tiết lạnh, cho đến nấu chín thức ăn, nếu biết dùng thì rất lợi ích. Bằng trái lại, tất sẽ bị thiêu thân cháy nhà. Lửa trí huệ Bát Nhã cũng thế, hay trị bệnh kiến chấp. Nhưng nếu chẳng biết dùng, lại trở nên gây bệnh, lạc vào lối chấp thiên không bác phá nhân quả, rồi sẽ bị sa đọa. Phần đông người học Phật thời mạt pháp đều là hạng

trung, hạ căn, phạm tình phiền não đầy dẫy. Nếu khinh chê phá không dùng đến thánh niệm xưng Phật danh để tiêu trừ nghiệp chướng, thì làm sao giải thoát? Trong tâm phiền loạn ấy, chính ngay Phật tình như câu hồng danh, mà còn chưa khởi sanh niệm lên được, nói chi đến việc cao siêu, dứt trừ Phật kiến? Luận cho cùng, với bậc thượng căn, khi niệm Phật không thấy mình là người hay niệm, Phật là vị được niệm, chúng sanh kiến cùng Phật kiến đều rỗng không. Niệm Phật như thế cũng đâu có chi trái với ý ngài Triệu Châu, mà bảo không cần niệm? Nhược bằng căn hạnh chưa được như vậy, tốt hơn là mặc dù còn chấp thấy Phật, cũng nên mau niệm Phật để thoát khỏi luân hồi, đừng nói những lời xa vời vô ích trái với hiện thật.

VIII

*Niệm Phật viên thông nhiếp sáu căn
Nhĩ căn ai bảo chiếm ưu phần?
Âm văn nếu chính viên thường thể
Danh tự đâu là khởi diệt nhân!
Dùng niệm niệm danh, danh vẫn thiết
Dem nghe nghe Phật, Phật càng gần!
Xét ra hai thánh đều huynh đệ
Đồng giúp Di Đà tiếp vãng sanh.*

Giải Thích:

Trong kinh Lăng Nghiêm, về phần Tuyên Trạch viên thông, đức Văn Thù có bình luận môn tu Niệm Phật của ngài Đại Thế Chí bằng mấy câu: *"Các hành là vô thường. Niệm tánh vốn sanh diệt. Nhân quả nay sai khác. Làm sao được viên thông?"* Và kết cuộc Văn Thù Bồ Tát đã chọn lấy lối tu phản văn thuộc về Nhĩ căn của đức Quán Thế Âm với hai câu: *"Phương này chân giáo thể, Thanh tịnh bởi âm văn"*. Có kẻ khi đọc tới đoạn trên đây, chấp rằng: "Đức Văn Thù đã bình luận lựa chọn như thế, thì ngồi tịnh lắng nghe vào trong là môn tu cao siêu hơn cả, chẳng nên niệm Phật làm chi cả!"

Đại sư giải thích: "Thật ra chân không vẫn ở trong huyền hữu. Luận về phản tượng đối chiếu diện, thì các hành đều vô thường sanh diệt. Nhưng bàn sâu đến chỗ viên dung toàn diện, chính các hành là thể chân thường tịch diệt. Cho nên tất cả môn tu của hai mươi lăm vị thánh trong kinh Lăng Nghiêm, đều đủ ba nghĩa: viên, thông, thường. Để chứng minh, như đức Văn Thù đã nói phản âm văn tức nghe tiếng, là để viên thường. Thể thì âm thanh danh hiệu A Di Đà, đâu phải là nhân sanh diệt? Và chính ngài cũng lại nói: "Thánh tánh vô bất thông. Thuận nghịch gia phương tiện". Thánh tánh thấy đều thông, tất biết pháp nào cũng là viên thường. Như vậy đủ rõ tánh cách niệm danh hiệu đâu phải sanh diệt, chẳng qua tùy cơ nghi thuận nghịch mà nói thế thôi. Cho nên phải nhận thức chỗ bình luận của đức Văn

Thù, thuận hay nghịch, hơn hoặc kém, cũng đều là phương tiện tùy cơ mà quyền nói. Bởi duyên kinh Lăng Nghiêm phần lớn khai thị về lối tu thiền theo không môn, đức Văn Thù phải tùy ứng theo đường cơ mà lựa chọn như thế, chứ chẳng phải tu pháp Nhĩ căn của đức Quán Thế Âm là cao siêu hơn hết đâu!

Lại còn nhiều bằng chứng như trong nhiều kinh đại thừa khác, Văn Thù Bồ Tát đã rất khen ngợi môn Niệm Phật, cho Niệm Phật tam muội là pháp công đức cao để tu dễ tiến nhất. Môn Niệm Phật nhiếp cả sáu căn, ý căn là chủ, năm căn kia thuộc phần phụ. Lối tu Nhĩ căn chỉ từ một cửa mà vào, niệm Phật thì cả sáu căn đều thâm nhập. Cho nên Nhĩ căn không nhiếp niệm Phật. Niệm Phật gồm nhiếp Nhĩ căn và thích hợp với cả ba cơ thượng, trung, hạ. Tóm lại, hai lối tu của đức Quán Thế Âm cùng Đại Thế Chí thật ra đều đồng đẳng, không phân cao thấp. Và hai ngài cùng là pháp hữu, cùng phụ đức A Di Đà tiếp dẫn loài hữu tình mười phương sanh về Cực Lạc, cùng thân thiết chẳng cách xa nhau vậy”.

Như trên, vì lòng từ bi Tịnh Am đại sư đã dùng thi văn phá lối nhận thức sai lầm của một số đông người học Phật, để đưa họ vào con đường thẳng ích. Chủ tâm của Ngài chẳng phải có ý muốn đề cao Tịnh độ hơn các môn khác, bởi lẽ Ngài cũng là một đại thiên sư. Tập thi văn còn nhiều, bút giả chỉ chọn dịch và giải thích mấy bài trọng yếu.

DU THỊ



Du thị nguyên là vợ của Tiêu Quân ở thôn Nam Khê, huyện Kiết An, tỉnh Giang Tây. Từ bé bà đã biết ăn chay niệm Phật. Về nhà chồng chưa được hai mươi năm, chẳng may gặp phải cảnh góa bụa. Từ đó bà biết giữ tiết hạnh nuôi con, sự tu trì càng tinh tấn. Đến gần trăm tuổi, sức khỏe và tinh thần của bà càng thêm kiên cường, tai và mắt vẫn còn tỏ sáng.

Năm Dân Quốc thứ mười một, vào đêm hai mươi lăm tháng giêng, Du thị nằm mơ thấy mình đến tòa đại điện trăm báu trang nghiêm, rất nguy nga tráng lệ. Trong điện có hàng muôn bậc thiện nhơn y quan tướng mạo thanh đẹp khác trần, đang chấp tay chiêm ngưỡng một đức Như Lai thân vàng cao lớn rực rỡ ngồi nơi liên tọa. Bà đến gần lễ bái, đức Phật bảo: Ngày mừng một tháng hai tới đây, người mới được vãng sanh Tây phương. Hiện thời hãy tạm về truyền lời ta khuyên dạy chúng sanh như sau:

Chớ tạo các điều ác

Gắng làm những việc lành

Sự nhân quả rõ ràng

Mây tơ không sai lọt!

Tịnh giác, Du thị hợp tất cả người nhà thuật lại điềm mộng và dặn kẻ từ sáng mai toàn gia đều phải trai giới niệm Phật, để giúp mình vãng sanh. Lại cho gọi đứa con gái thứ

ba về để gặp nhau lần cuối. Từ hôm đó, bà trì chú niệm Phật ngày đêm không dứt. Đến mừng một tháng hai, giọng trì tụng lại càng rõ ràng cấp thiết. Gần nửa đêm hôm ấy, Du thị vén gọn vạt áo trắng, ngồi kiết già ngay thẳng, tiếng niệm từ từ nhỏ dần. Bỗng nhiên bà nhìn quanh khắp người nhà, rồi mỉm cười nhắm mắt mà đi thẳng.

Lúc tần liếm tay chân Du thị rất dịu mềm, sắc mặt rạng rỡ hơn khi còn sống.



PHÙNG NGHI NHON

Phùng Nghi Nhon pháp danh Diệu Hòa, nguyên là vợ của cư sĩ Bao Bồi Trai. Tánh bà chán sự ồn ào ưả sạch sẽ vắng lặng. Năm hai mươi một tuổi, sau khi vu quy, bà khéo thờ kính cha mẹ chồng, được tiếng khen là hiền hòa hiếu thuận.

Một đêm Nghi Nhon nằm mơ thấy nhà hàng thịt trong xóm giết heo. Con vật bị giết đầu tiên là heo, kế đó lại là một phụ nhon. Bên cạnh có bà lão giúp cới đồ trang sức và áo của phụ nhon, để tên đồ tể hành quyết. Nghi Nhon quờ rờ: "Tại sao dùng người làm heo để giết ăn thịt? Bà lão đáp: "Chúng ta thấy là người, nhưng kẻ hàng thịt nhìn là súc thú!" Tỉnh giấc hỏi thăm thì nhà hàng thịt vừa giết hai

mạng sanh vật, con sau là heo cái, đúng như điềm mộng. Nghi Nhon hoảng hốt chợt tỉnh ngộ bảo: "Người cùng heo luân hồi đổi lớp mau lẹ thật không ngờ!" Từ đó bà thể không ăn thịt heo, hằng ưả chay tịnh và giữ giới sát. Nghi Nhon lại chiêu tập hàng phụ nữ cùng nhau lập ra Phóng sanh hội. Cứ mỗi nửa tháng, cùng vào những ngày vía Phật, Bồ Tát, hội viên đều đóng góp tiền mua sanh vật để thả. Kế tiếp Bao Bồi Trai nghe hiểu chánh pháp, ăn trai trường thờ Phật, Nghi Nhon cũng nối chí theo chồng. Cả hai đều tích cực tu phước làm lành, thường cứu giúp các nạn dân trong cảnh chiến tranh, bão lụt.

Mùa thu năm Mậu Ngọ thời Dân Quốc, Nghi Nhon thọ Tam quy với Vi Quân hòa thượng, kiêm giữ giới Bát Quan Trai. Từ đó bà chuyên niệm hồng danh A Di Đà, phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc. Lúc rảnh lại trì chú tá kinh, mạnh mẽ tinh tấn, sớm hôm chẳng dừng nghỉ. Thường khi hành lễ, bà thấy tượng Quán Âm lần lần cao lớn, thánh tượng Quán Thế Âm chớp chớp như muốn phóng ánh hào quang. Ngoài ra, còn nhiều điềm lành khác không thể thuật hết.

Mùa xuân năm Nhâm Tuất, Nghi Nhon vương bệnh. Đến tháng năm nhuận, Bao cư sĩ thỉnh Toàn Lãng hòa thượng tới nhà truyền Ngũ giới. Trong khi thọ giới, Nghi Nhon thăm tượng thành chúng khắp mười phương vây quanh đạo tràng. Cuộc lễ xong, bà cảm thấy thân tâm thư thối, gọi người nhà bảo: "Thọ giới đã xong, tôi có thể chuẩn bị sanh

về Tây phương!” Lại dặn Bao cư sĩ sau khi mình mạng chung nên niệm với áo vải thô, dùng quan tài bằng thứ gỗ xấu. Từ hôm đó, Nghi Nhon bệnh lần thêm nặng. Người nhà thỉnh chư Tăng đến trợ niệm, bà một lòng lắng nghe thâm niệm, mặt lộ sắc tươi vui. Sau khi ấy, Nghi Nhon bảo nấu nước cho mình tắm gội thay y phục. Mọi việc xong, bà nhờ gia nhon đỡ lên ngồi kiết già ngay thẳng. Kế đó đôi mắt chăm chú nhìn về Tây phương như thấy cảnh tượng chi khác lạ. Giây phút hai tay Nghi Nhon kết ấn Di Đà tam muội, rồi lạng lẽ mà thoát hóa.

Sau chín giờ toàn thân bà mới lạnh hẳn, riêng đánh đầu còn nóng, tay chân mềm dịu, sắc mặt tươi vui. Bấy giờ nhằm tháng sáu năm Dân Quốc thứ mười một. Nghi Nhon hưởng dương được năm mươi một tuổi.



CHÂU PHU NHƠN

 hâu phu nhon nguyên là chánh thất của Tri phủ Lý Chất Phu ở Ba Đông, và là mẹ của Lý Vân Nham, một danh sĩ có danh trong vùng ấy. Tánh bà vốn hiền lành, biết chút ít văn nghĩa, nhưng rất sùng tín, thường hay đem việc nhân quả nói cho bạn bè thân thuộc nghe.

Năm Ất Tý thời Quang Chử nhà Thanh, bà phát nguyện ăn chay trường, tuy chưa được hiểu về Phật pháp, song mỗi ngày đều tụng kinh Cứu Khổ. Con cái trong nhà đem lòng hiếu dưỡng theo đời, khuyên ép phu nhon dùng mặn, nhưng bà giữ chí chẳng nghe theo. Lại có vài phái ngoại đạo khuyến dụ bà vào đạo của họ, phu nhon cũng thẳng thắn cự tuyệt.

Vào khoảng tháng năm thời Dân Quốc thứ mười một, cư sĩ Trầm Âm Châu và Lý Vân Nham vâng lời Định Từ lão cư sĩ thành lập hội niệm Phật tại vùng ấy, thỉnh chư Tăng đến diễn giảng về kinh giáo. Phu nhon nghe nói vui vẻ tham dự vào và chánh thức xin quy y Tam Bảo. Không bao lâu bà nhiễm bệnh, song mỗi ngày vẫn cố gắng niệm Phật không dám trễ sót. Đến lúc khí lực lần suy yếu, khó ra tiếng niệm thành câu, phu nhon vẫn cố gắng động môi sẽ niệm thầm. Tình trạng như thế kéo dài suốt hai tiếng, câu niệm chưa từng gián đoạn.

Ngày mùng bốn tháng bảy, phu nhon bỗng gọi các con đến nói: “Mẹ thấy một vị Tăng sĩ tướng mạo đoan nghiêm, cầm tràng phan đứng lặng yên trước mặt!” Hôm sau vào lúc hừng sáng, bà lại bảo gia nhon rằng: “Ngày nay ta sẽ quy Tây, tất cả nên cố gắng làm lành niệm Phật!” Vân Nham biết mẹ sắp vãng sanh, vội đi thỉnh sư Âm Châu và vài bạn đồng tu đến. Khi các liên hữu vừa tới trước cửa, liền nghe trong nhà có tiếng than khóc. Âm Châu vội bước vào báo: “Tất cả nên im lặng đừng khóc, và đồng chấp tay niệm

Phật!” Sau khi các liên hữu và người nhà xưng hồng danh được một lúc, phu nhon bỗng mở mắt, ra tiếng niệm Phật theo. Được hơn mười câu, bà nín lặng an lành mà thoát hóa.

Ba hôm sau khi chôn cất xong, đêm ấy Lý Chát Phu vừa nhắm mắt mơ màng, bỗng thấy phu nhon thân tướng sáng rõ hiện đứng trước mặt, bảo: “Tôi đã được về cõi an vui, khuyên ông chớ lo buồn nghĩ ngợi. Điều cần thiết là nên khuyến khích Vân Nham và các con cháu trong nhà hãy cố gắng niệm Phật. Lại nên bảo mấy đứa cháu theo hạnh của tôi, đồng quy y Tam Bảo, niệm Phật tu hành. Đó là lời dẫn tới yếu!”

LỜI BÌNH:

Trong Cổ Học Tinh Hoa có sự tích người tìm dê, vì nhiều lối rẽ nên lạc mất dê. Đây cũng là cái bịnh chung của hàng trí thức xưa nay, bởi hiểu biết rộng nên tu tập nhiều môn, rồi năng lực không theo kịp với ý muốn, kết cuộc chẳng thành tựu được môn nào cả! Châu phu nhon tuy văn nghĩa chỉ biết thô sơ, song nhờ bà có lòng sùng tín trước sau như một, không bị con cái ép nài, ngoại đạo cám dỗ, dù đau yếu cũng chẳng rời câu Phật hiệu, nên cuối cùng cũng được kết quả vãng sanh. Cho nên giữa đời có điểm nghịch thường: “Người khôn sáng nhiều khi ám muội, kẻ tối dốt lại hóa thông minh”, là điều trên đây vậy.



PHAN THÁI PHU NHON

han Thái phu nhon người vùng Đôn Hoàng thuộc tỉnh Cam Túc, nguyên là thân mẫu của cư sĩ Hạ Kế Tuyên. Bà bẩm tánh từ huệ, ít nói cười, tuy sống giữa cảnh chồng con đều có chức phận cao sang, song trọn đời chẳng thết yến tiệc vào ngày sanh nhật, không thích ngồi xe kiệu sang đẹp, chưa từng bước chân đến cửa hí viện, cho đến thân quyến chẳng để bày hội chúc khánh thọ ngũ tuần. Đại để lối sống của phu nhon rất cần kiệm đơn giản, tiếc từ tác vài hạt cơm. Tuy nhiên với những kẻ cơ cùng, bà lại bố thí rộng rãi, từ tiền bạc cơm gạo y phục, đến vật dụng chăn nệm thuốc men, không chút chi luyến tiếc.

Về phần tự tu, phu nhon tụng kinh, trì chú, niệm Phật, giới sát, phóng sanh, có đặc điểm là rất thành khẩn tinh tấn. Sau khi quy hướng Phật pháp, bà xuất tiền thành lập cơ sở hội Sơn Đông Nữ Tử Liên Xã, được hàng phụ nữ dự vào tu niệm rất đông. Bà lại thỉnh nhiều kinh sách Phật chia tặng cho đồng đạo, để cho họ được hiểu biết thêm về chánh pháp. Về sau nghe tin tức thời cuộc lần lần không yên, phu nhon lộ vẻ lo buồn nói: “Do lòng người thù hận tham mê, gây nhiều trái oan tội lỗi, nên nước nhà mới ly loạn, dân chúng bị lâm than. Tình trạng này nếu ngoài đạo giác ngộ của Như Lai, tất không có phương pháp chi cứu vãn!” Do đó bà xuất ra một số tiền lớn, bảo con là Hạ Kế Tuyên

quyên mộ thêm, thành lập ngôi đại Già Lam ở Tế Viên, thỉnh chư Tăng về trụ trì, giảng diễn Phật pháp, làm nơi cho tín chúng cầu hội nương theo tu tập.

Phu nhon chuyên chí phần tịnh nghiệp, mỗi ngày đều tụng Bát Nhã tâm kinh, trì chú Chuẩn Đề, và lấy ba muôn câu Phật hiệu làm định khóa, chẳng để cho thiếu sót. Đến năm Quý Hợi thời Dân Quốc, vào ngày hai mươi chín tháng trọng xuân, bà cảm chứng ho rồi phát nhiệt, bệnh thể lần tăng. Tới ngày mùng sáu tháng ba, cơn nóng bỗng giảm bớt, thần chí trở nên thanh sáng. Vào khoảng mười giờ mai, sau khi ăn được chút ít cháo, phu nhon gọi các con lại bảo: "Bệnh đã giảm nhiều, các con hãy lui ra tạm yên nghỉ, để cho mẹ tự ngồi tịnh niệm. Kế Tuyên tuy vâng lời song chẳng an lòng, rình nơi khe cửa xem, thấy bà ngồi lặng lẽ hướng về Tây, sắc diện rất hòa nhã. Không bao lâu, thần khí phu nhon chợt biến đổi, gương mặt lộ hồng quang. Các con vội vào xem thì bà đã ngồi thoát hóa, hưởng dương được năm mươi năm tuổi.

Trước đó cô con gái là Thục Quân, nằm mơ thấy bên thềm nhà mọc lên một đóa sen trong xanh như ngọc bích, to lớn bằng chiếc lòng. Cô còn nghi nan thì được mẹ cho biết đó là hoa sen công đức của bà. Khi tỉnh giấc, cô đến giường mẹ thăm bệnh và thuật lại điềm mộng. Vừa tới đoạn thấy hoa sen, phu nhon liền nói: "Chính là hoa sen của mẹ đấy!"

Khi nhập liệm, đánh đầu bà còn nóng, mặt lộ nét sáng suốt tươi cười.

TÀO NGHI NHƠN



Tào Nghi Nhơn, người ở Sào huyện tỉnh An Huy, nguyên là chị ruột của cư sĩ Tào Trạch Tây. Khi lớn lên, bà được cha mẹ gả về nhà họ Lý. Tánh Nghi Nhơn rất hiếu cần, vì muốn báo ân nặng song thân, bà phát nguyện trường trai giữ giới. Sau khi được nghe biết chánh pháp, lại nguyện chuyên tu Tịnh độ, niệm Phật cầu về Cực Lạc, để cứu độ hàng thân thuộc và tất cả chúng sanh.

Nghi Nhơn tu niệm rất tinh cần, dù trải thời tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ. Khi gặp mọi người, bà đều khuyên họ ăn chay niệm Phật. Hạnh tinh tấn tự tu và khuyên người như thế, hơn ba mươi năm vẫn diễn tiến đều đều không thiếu sót. Mỗi ngày Nghi Nhơn niệm Phật theo định khóa ba muôn câu, và cũng hơn ba mươi năm chân không bước ra khỏi ngõ. Trong hàng nữ lưu, sự tu như thế cũng đặc biệt hi hữu, có thể dùng hai lời sau đây để khen ngợi:

Ba vạn câu sen, ba chục xuân

Gót chân chẳng đạp ngõ hồng trần!

Lúc tuổi hơn thất tuần, một hôm Nghi Nhơn bỗng cảm thấy bệnh. Vài ngày kế, bà tự nói có hai đồng tử tay cầm tràng phan theo hầu Phật đến tiếp rước. Trong lúc đó gia nhon cũng đều thấy tường quang chiếu sáng cả nhà, lại nghe tiếng nhạc thanh thoai dịu dặt giữa hư không. Nghi

Nhơn chấp tay hướng lên không trung vái lạy, rồi bảo người nhà rằng: “Giữa hư không lưới báu hiện ra giăng khắp, mỗi mắt lưới đều có một hạt châu hoặc bảo vật. Tôi tự nghĩ bình sanh không làm công đức chi nhiều, chẳng qua niệm Phật khuyên người, hiếu thuận với mẹ cha, thương giúp kẻ nghèo khổ và không vọng ngữ mà thôi. Nay được về cảnh lành vui là điều rất hân hạnh! Vậy mọi người phải cố gắng niệm Phật. Cối Cự Lạc quả có thật, chớ nên nghi ngờ. Ngày rằm tới đây tôi sẽ vãng sanh”. Lúc đó, chồng bà Lý Quân đứng gần bên nói: “Xét theo âm lịch, ngày rằm này xung khắc với gia đình, không được tốt!” Nghi Nhơn bảo: “Thế thì chọn cho tôi ngày khác”. Lý Quân nói: “Ngày mười tám chỉ khá, hai mươi một mới là thật tốt”. Nghi Nhơn bảo “Vậy thì ngày mười tám tôi đi!”

Vừa hùng sáng hôm ấy, Nghi Nhơn vội gọi người nhà bảo: “Mau đốt hương nến tiếp rước, vì Phật và chư thánh chúng đã quang lâm!” Hương trầm vừa nóng cháy, thì bà đã ngồi yên lặng vãng sanh. Bấy giờ nhằm tháng mười một năm Dân Quốc thứ mười hai, Nghi Nhơn thọ được bảy mươi sáu tuổi.



HÀ THÁI PHU NHƠN

Hà Thái Phu Nhơn nguyên là thân mẫu của cư sĩ Vương Mạnh Phạm. Năm hai mươi tuổi bà về nhà họ Vương, thờ mẹ chồng rất có hiếu. Mùa thu năm Bính Thìn thời Dân Quốc, chồng mãn phần, phu nhon buồn thương gần như không muốn sống. Duyên may gặp Dã Khai hòa thượng ở Thường Châu thuyết pháp cho nghe, bà mới biết đường hướng giải thoát, dẹp nỗi ưu sầu. Từ đó siêng năng tu tịnh nghiệp, cầu sanh về Tây phương.

Phu nhon trì niệm thường nhưt đều có định khóa, không lúc nào trễ bỏ, bảy năm như một ngày. Trong hai niên Tân Dậu sang Nhâm Tuất, bà bị đau nặng suýt chết, song tuy nằm bệnh nửa năm mà vẫn không rời câu niệm Phật. Mùa xuân năm Quý Hợi, bệnh cũ thỉnh thoảng lại tái phát, phu nhon bảo Mạnh Phạm rằng: “Mẹ nghĩ muốn thành tựu tịnh nghiệp, tất phải dứt hẳn duyên đời!” Do đó cuối tháng bảy, bà xin một gian tịnh thất trong chùa, phát nguyện nương nơi cảnh già lam tu niệm, mỗi tháng đóng tiền nguyệt phí để khỏi phạm đến cửa Tam Bảo. Sang tháng tám, phu nhon tự biết mình không sống lâu, đưa tất cả y phục quý giá cùng đồ trang sức, bảo con là Mạnh Phạm đem bán lấy tiền để làm Phật sự. Bà mời một vị cao đức đến cúng dường, cầu xin thọ quy giới, được pháp danh là Hiền Úc. Kể lại sấm lễ thỉnh chư Tăng trong chùa ngày đêm luân phiên trợ niệm, chính mình cũng niệm Phật theo. Đêm

mùng chín tháng mười một, phu nhon bảo Mạnh Phạm rằng: “Đôi với người học Phật, không có chi gọi là chết mất, chẳng qua bỏ nơi này sanh nơi khác mà thôi! Khi mẹ sắp mãn phần, con phải chí thành niệm Phật, chớ lộ vẻ bi thương làm cho tâm mẹ rối loạn. Về phần con, hãy nên cố gắng tinh tấn, ngày kia sẽ cùng gặp nhau nơi hội liên trì. Chừng ấy mới là quyền thuộc chân thật!”

Đến khuya ngày hai mươi bảy, phu nhon gượng đau ngồi lên ngay thẳng, chấp tay xưng hồng danh. Lúc đó gia quyến cùng chư Tăng trong chùa tất cả hơn ba mươi người, đều cao tiếng trợ niệm. Trải độ hai giờ, tiếng niệm của bà lần yếu nhỏ. Trước khi vãng sanh, dường như nghiệp chướng tiêu trừ, tức mạng trí phát hiện, thấy được cảnh giới tốt, phu nhon bỗng đọc lên bài kệ rằng:

Nhiều kiếp gieo nhân sen

Đời này mới thành thực

Cần dứt hẳn trần duyên

Đừng cho còn tương tục!

Cảm Tây phương Tam Thánh

Từ bi xa tiếp dẫn

Từ đây sanh Liên bang

Tu chứng quả vô sinh

Thuyền từ khơi bể nguyện

Độ tất cả hữu tình.

Đọc xong mỉm cười mà qua đời. Sáng hôm sau, tay chân phu nhon vẫn dịu mềm, đánh đầu hấy còn nóng.



TRẦM NƯƠNG

Trầm Nương là tiếng xưng hô của người hàng xóm để gọi vợ ông Trầm Bảo Tam bình nhứt ưa thích sưu tầm nghiên cứu kinh sách nhà Phật. Sau khi được biết pháp môn Tịnh độ là phương tiện siêu thắng kỳ diệu để độ sanh của mười phương Như Lai, ông liền phát tâm niệm Phật. Trầm Nương tánh cứng cỏi, thường mỉm cười dùng đủ lý lẽ bài bác cho chồng là mê tín.

Một đêm Nguyên tiêu, nơi một trong hai ngọn nến đỏ lớn đốt để cúng Phật ở trung đường, hoa đèn bỗng kết nở thành hình đóa sen. Bảo Tam thấy thế kinh lạ, vội gọi gia nhon và vài người láng giềng lại xem, Trầm Nương lại cho là tin tưởng nhầm và nói: “Nếu ngọn nến kia cũng kết nở một đóa hoa y như thế, mới có thể khiến cho tôi tin được!” Việc khá kỳ lạ, trong vòng vài phút đồng hồ, nơi ngọn nến bên kia, cũng kết nở đóa sen y như bên này, một cách hết sức mau lẹ. Trên đóa sen lại hiện đức Quán Âm đại sĩ thân tướng trang nghiêm màu đẹp, mày mắt đều rõ ràng. Trầm

Nương sững sờ kinh ngạc, đứng bất động giây lâu, rồi hổ thẹn quì xuống chí tâm sám hối. Từ đó cô mới phát lòng tin sâu thiết, niệm Phật theo chồng. Mỗi ngày cô hành trì đều có định khóa, dù cho lúc gặp việc cấp thiết mới mệt cũng không gián đoạn.

Năm Dân Quốc thứ mười, Trầm Nương mang bệnh, vài ngày trước khi cô mãn phần, Bảo Tam thỉnh các liên hữu luân phiên đến trợ niệm. Trầm Nương cũng niệm theo, mong sao trong vòng bảy ngày, được nhứt tâm bất loạn. Nhưng vì bệnh khổ sức yếu, nên không được sức khỏe như ý muốn. Trước khi mạng chung, đưa con trai mới năm tuổi của cô thấy ánh sáng lạ chiếu rọi từ giường mẹ thẳng ra ngoài cửa. Em bé lại thấy có ba vị cao lớn thân sắc vàng ròng, vị đứng phụ cận tay cầm hoa sen to đẹp. Bỗng một người gương mặt giống như mẹ mình chấp tay bay vào ngồi trong hoa sen. Giây phút tất cả đều nương theo ánh sáng bay về phương Tây.

Lại bà lão trong xóm là Hàng thị, từ lâu đã chuyên niệm Phật, một đêm bỗng thấy Trầm Nương trở về. Hàng thị hỏi: "Nhiều người nói cô đã được vãng sanh, chuyện ấy có thật chăng?" Trầm Nương đáp: "Quả thật tôi đã vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới. Mỗi khi hữu sự tôi thường về nhà nhắc nhở, khi về tất có mùi hương lạ. Từ đây tôi không còn trở lại nữa. Nếu bà không tin thử đến nhà tôi hỏi xem?" Sáng ra, Hàng thị sang thăm viếng hỏi han, quả nhiên có việc ấy.

MỘT KỸ NỮ



hời Dân Quốc, một kỹ nữ ở Thượng Hải, chưa được rõ tên họ, gồm đủ những đặc điểm: sắc đẹp, tiếng thanh, đàn hay, hát giỏi. Đường nhon bản chất lại thông tuệ, có năng khiếu về thi văn. Cô thường ưa ngâm vịnh thi của Tiết Đào, một danh kỹ đời Đường, nhứt là mấy bài cảm thuật về Xuân, Hạ, Thu, Đông như sau:

XUÂN

*Hoa đẹp lay cành bên gộp đá
Liễu mềm lượn gió trước hiên đông
Hoàng hôn rắng đỏ sau ngàn núi
Đêm lộng trăng soi sáng vạn tông.*

HẠ

*Sắc biếc che trùm cây cỏ mát
Giải nhơn cười nộ đối gương nga
Hương trầm nhẹ tỏa trong canh vắng
Ánh ngọc xuyên song thấu trường nga.*

THU

*Ngàn lau trắng phủ đầm thu bạch
Núi biếc rừng xa lá điểm hồng*

Thư nhận gửi ai người viễn khách?

Giấc vàng chợt tỉnh quanh phòng không!

ĐÔNG

Gió rít mưa reo cài kín cửa

Tuyết bay đêm lạnh khắp giang thành

Trong phòng lò lửa vầy hơi ấm

Sẽ nhấp hương trà vị cúc thanh.

Vì Tiết Đào có tài, nên Nam Khang Vương Vi Cảo khi làm Tiết đại sứ ở Tây Xuyên, có dâng biểu tiến cử cho cô làm chức Quân trung Hiệu thư. Bởi thế người bấy giờ đều gọi Đào kỹ nữ là Hiệu thư. Cô kỹ nữ này lại ưa ngâm vịnh thi của Tiết Đào, nên khách phong lưu cũng tặng cho danh từ thanh nhã là Hiệu thư.

Đang lúc thanh xuân, một hôm cô bỗng tỉnh ngộ việc trần là ô nhiễm, phát tâm quy y Tam Bảo, nguyện giữ mình nghiêm sạch. Từ đó Hiệu thư bỏ hết phần son, chuyên ý tu Tịnh độ, thuê một căn phố ở Hồng Khẩu tại Thượng Hải, đem bà về cùng ở. Trên lầu cô trang hoàng tượng Phật và Bồ Tát, có đủ tràng phan bảo cái cùng đồ thờ cúng đẹp nghiêm, muờng tượng như cảnh chùa am thanh tịnh. Mỗi ngày sớm hôm, Hiệu thư đều lễ bái trì niệm, gót chân ít khi bước ra khỏi cửa. Ngoài số tiền gởi Ngân hàng lấy lời để chi dùng mỗi tháng, cô còn chút ít tài sản riêng, gởi cho người quen là Lương Quân ở Việt Đông nhờ cất giữ giùm.

Đầu tháng hai năm Dân Quốc thứ mười ba, Hiệu thư sai bà làm công mời Lương Quân đến. Sau khi trà nước xong, cô nói: "Tôi tu hành chưa bao lâu, hân hạnh sớm được giải thoát. Đúng ngày đó tôi sẽ vãng sanh về Tây phương. Số tiền gởi kia, nhờ Tiên sanh trích ra lo liệu giùm việc tang lễ chôn cất, một phần cúng vào chùa để trai tăng kinh sám truy tiền, một phần nữa làm việc phước thiện, mỗi khoản chi dụng là ngân ấy. Ngoài ra còn dư lại bao nhiêu, xin Tiên sanh cũng xử lý giùm cho mẫu thân tôi được an dưỡng trong lúc tuổi già!" Nói xong quì cúi lạy để gởi gắm tạ ơn trước. Lương Quân không dám nhận lễ, đứng tránh sang một bên và nói: "Tôi sẽ hết lòng chu tất mọi việc. Nhưng cô còn đang lúc thanh xuân, sao lại vội thốt chi lời ấy?" Hiệu thư yên lặng trang nghiêm không đáp, sau một lúc hỏi han thăm viếng, Lương Quân từ giã ra về.

Đúng ngày như đã dự ước, quả nhiên bà làm công đến cho hay, cô vừa không bình an lành niệm Phật sanh về Tây phương. Lương Quân nghe xong rơi lệ, ngạc nhiên thờ than khen ngợi, vội đến lo việc tang lễ chôn cất. Còn các điều kiện kia, ông cũng phân xử rành rẽ như lời Hiệu thư đã gởi gắm dặn dò.

LỜI BÌNH:

Sanh làm thân nữ, nghiệp duyên đã nặng. Người nữ mà lạc bước phong trần, thật đáng bi cảm, vì duyên nghiệp lại

càng nặng hơn. Cho nên: Bến Tầm trắng nước, nghìn sau còn xót điệu tỳ bà! Lâu Thúy sanh ca, muôn thuở vẫn cầm câu bạc mệnh! Tuy nhiên, bể nghiệp mệnh mang, quay đầu là bến. Bởi tại sao? Vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể thành Phật! Như cô Hiệu thơ trên, đang tuổi thanh xuân tình bừng hoa mộng, giữ mình nghiêm sạch gieo giống sen lành. Chưa mấy năm dài báu ghi danh, đúng kỳ hạn an lành thoát tục. Thế mới biết: Pháp môn Tịnh độ hạng người nào cũng có thể kham tu, Vương Long Thơ đã khuyên hàng phong nguyệt. Quê xưa chờ đón, khách ly hương muốn về mau trở gót, Niết Bàn kinh ghi Phật tánh thường hằng. Nguyên xin đồng nhơn, sanh lòng chánh tín!



NHÂM CUNG NHƠN

Nhâm Cung nhơn là vợ của Châu Vận Tuyền tiên sanh ở Hải Diêm. Từ trẻ bà đã tin Phật pháp, sau khi về nhà họ Châu, sự giúp đỡ chồng nuôi dạy con đều tròn chức phận. Tánh bà đoan trang nghiêm chánh, đối đãi với người rất ân hậu. Mùa đông năm Giáp Thìn thời Quang Chử nhà Thanh, chồng mãn phần, lúc ấy Cung nhơn đã năm mươi chín tuổi. Trải nhiều phen

mục kích cảnh tang thương biến đổi, nhân cảm việc chồng từ trần, bà nghĩ cuộc đời như huyễn, mạng vô thường, bỗng sanh tâm tư thoát tục. Sau khi xét định kỹ, Cung nhơn liền đem việc nhà giao cho con trai và dâu, rồi buông hết muôn duyên trường trai niệm Phật. Sự tu hành của bà rất tinh chuyên, không lúc nào dám trễ bỏ.

Mùa đông năm Đinh Tỵ thời Dân Quốc, Cung nhơn bỗng vương chứng bán thân bất toại, tay chân tê nhức, lúc đi đứng phải có người dìu đỡ. Bà cho ngăn riêng một gian nhà, phía trước thờ Phật, sau là chỗ nghỉ, ở yên tịnh tu niệm, như người nhập thất. Nhân đó tâm càng định, niệm lực càng được tinh chuyên.

Mùa hạ năm Tân Dậu, hai con là Điều Sanh, Cát Sanh được nghe cư sĩ Phạm Cổ Nông giảng diễn về Phật pháp, anh em mới phát tâm học Phật và đem những điều đã hiểu biết về khuyên giải lại cho mẹ nghe. Nhân đây, lòng tin nguyện cầu sanh của bà càng thêm chuyên thiết. Tháng giêng năm Giáp Tý, Điều Sanh lại có duyên dự cuộc hành trình với các vị cư sĩ đi nghe giảng kinh, Cung nhơn bảo: “Mẹ đã cao tuổi, con chớ nên đi xa lâu!” Đến ngày hai mươi bốn, bà lại vương chứng thương phong, rồi kể ho suyễn. Sang ngày hai mươi tám, bệnh thêm nặng, người nhà mời các nữ liên hữu đến niệm Phật để giúp sức cầu nguyện. Nghe tiếng xưng hồng danh, Cung nhơn liền được tâm an, hơi thở điều hòa, rồi chợp mắt thiếp đi một lúc. Đến lúc tỉnh dậy, bà nói: “Vừa rồi ta mộng thấy một lão nương mặt hồng hào, tóc bạc trắng đưa cho một chiếc bánh in bảo ăn. Sau khi dùng xong, ta cảm thấy thanh sảng nhẹ nhàng, nhân mới hỏi: “Tôi có được giải thoát khỏi sự khổ chăng?” Lão nương đáp: “Sẽ được giải thoát, hãy cố gắng niệm Phật!”

Ta nghe nói liên niệm Phật hơn một trăm câu rồi chợt tỉnh!”

Sau khi đó các chứng: thương phong, khí suyễn và bán thân bất toại của bà đều được khỏi hẳn. Đêm ấy Cung nhón ngủ một giấc yên lành. Sáng ra thức dậy, bà cảm thấy thân tâm thư thái nhẹ nhàng không còn bệnh khổ, lại thoảng nghe có mùi hương. Đến ngày hai mươi tháng hai, Cung nhón sanh chứng uất muộn khó thở, người nhà lại rước nữ chúng tới trợ niệm. Sang ngày hai mươi hai, bà tự biết mình không qua khỏi, dặn gia quyến chớ nên than khóc, phải luân phiên cao tiếng trợ niệm để mình được nương sức niệm theo. Đến canh ba, Cung nhón an lành mà qua đời.

Ban sơ tay chân của bà đều lạnh trước, chỉ nơi ngực còn nóng rất lâu. Mọi người vẫn để yên, cao tiếng niệm Phật tiếp tục không dứt. Hơi nóng mới lần lần chuyển lên tới miệng, mắt, sau cùng đạt thẳng lên đỉnh đầu. Sự trợ niệm vẫn kéo dài đến nửa đêm hôm sau mới chấm dứt. Lúc tản liệm, tay chân Cung nhón còn dịu mềm, sắc mặt tươi như sống. An táng xong, người nhà đem những tờ Tây phương công cứ của bà đã ghi số câu niệm Phật lúc bình nhứt ra thiêu hóa. Khi lửa tắt, trên tro hiện ra tướng một vị Tăng đứng trên hoa sen, nét rõ ràng in như vẽ.

LỜI BÌNH:

Ấn Quang pháp sư bảo: “Tất cả Lý của thế gian và xuất thế gian đều không ngoài hai chữ TÂM TÁNH. Tất cả Sự của thế gian và xuất thế gian, đều không ngoài hai chữ NHÂN QUẢ”. Nhâm Cung Nhón bị vương nhiều bệnh, là chịu quả của nghiệp sát kiếp trước; cảm mộng lành được khỏi khổ, bởi nhờ nhân tu niệm của kiếp này. Lúc lâm

chung hơi nóng trụ nơi ngực, đáng lẽ bà phải chuyển sanh làm người tu thêm một kiếp nữa mới được giải thoát. Song nhờ công đức của gia đình và các liên hữu luân phiên chí tâm trợ niệm, nên kết cuộc bà lại được vãng sanh. Điểm này cho thấy sự trợ niệm lúc lâm chung rất là thiết yếu.



TỊNH ĐỘ THI

I

*Trong mơ khóc đối đắng Kim Tiên
Cầu giúp thần công dứt nghiệp duyên
Phẩm thấp hoa hèn âu mãi nguyện
Khỏi nơi sanh tử khổ triền miên!*

II

*Lên lầu mơ hướng cõi trường xuân
Nơi ác vàng sa, ráng đỏ bùng!
Cảm đắng cha lành thương trẻ dại
Cánh bèo mãi lạc bến trầm luân!*

III

*Cảnh đẹp Tây phương sự uyển nhiên
Muốn về còn phải tại nhân duyên*

Giữ lòng một niệm dường gương sáng
Chi ngại Từ Tôn chẳng hiện tiền!

IV

Nhật lặn trời tây sáng từ hà
Hồ tâm trong suốt hiện liên hoa
Ngẩng đầu lối thẳng miền quê đó
Ai bảo mười muôn côi cách xa?

Nhật Quán thiên sư.

V

Nghèo khó đông con nhiều nỗi khổ
Giàu sang ngại ít gái cùng trai
Đạo nhơn độ ngộ rồi vô sự
Nằm ngắm trời tây mây trắng bay.

VI

Lầu các trùng trùng Anh Vũ châu
Áy ai đến đó thử nhàn du?
Thanh giang mấy khúc Ly tình điệu
Thương kẻ vô tâm mãi khổ sầu!⁽⁶⁾

⁶ "Lầu các trùng trùng Anh Vũ châu", tức ám chỉ cỏi Cực Lạc, nơi có lầu báu trùng điệp và nhiều chim lạ.

"Thanh giang mấy khúc Ly tình điệu". Xưa có sĩ tử trên đường ứng thí đi đến Thanh giang, một vùng non xanh nước biếc, nghe điệu thổi sáo rồi tiếp theo bài ca, chỉ nhớ hai câu sau chót "Khúc

VII

Niệm Phật đừng hềm vọng tưởng nhiều
Vọng nguyên hư giả khởi từ đâu?
Chỉ cần mỗi chữ nghe rành rõ
Niệm mãi tình quên đến ngọc lâu.

VIII

Mặc trì Phật hiệu cảnh êm đêm
An tĩnh thâm vui lúc giữa đêm
Bóng trúc trắng dờn song cửa sáng
Nghỉ hàng cây báu mọc bên thềm!

Bắc Sơn đại sư.

IX

Niệm Phật khác chi thuyền độ lớn
Đưa người toàn chẳng lựa ngu hiền
Bên này ví biết nhiều nguy hiểm
Thì xuống thuyền sang cỏi bảo liên.

chung nhơn bất kiến. Giang ngạn sổ phong thanh". (Khúc nhạc ca xong chẳng thấy người. Bên bờ sông duy còn sừng sững mấy ngọn núi xanh biếc). Sĩ tử kinh ngạc, cho đó là tiên khúc, vì lời ca rất siêu xuất, lia phàm tình, hay đến độ nhập thần không thể diễn tả! Đây ý nói niệm Phật là khúc nhạc chân tâm như Ly tình điệu ở Thanh giang, tiếc cho kẻ vô tâm, không hiểu thấu, chỉ mãi theo niệm trần phiền não đau buồn.

X

Làng sen đến viếng bạn sen ta
 Một nền hương thanh một chén trà
 Việc thế bàn chi thêm tục lụy?
 Niềm vui nhàn ngời bạch liên hoa.

Ưu Đàm đại sư.



CHÂU THỊ



hà lan thanh vắng, giậu cúc lơ thơ, trời thu phân
 cảnh vật tiêu sơ, người liên nữ bèn lòng tín
 nguyện! Đó là gia cảnh của Châu thị, và bà đang
 theo thời khóa thành tâm niệm Phật.

Châu thị nguyên là vợ của họ Chương. Từ trẻ bà đã
 biết thờ kính Quán Thế Âm đại sĩ, tin sâu nhân quả, từ hòa
 hiếu thuận và ưa thích điều lành. Đến sáu mươi tám tuổi,
 Châu thị mới được nghe biết sự lợi ích của pháp môn Tịnh
 độ, liền trường trai niệm Phật ra tiếng một muôn câu, ngoài
 số ấy đều tùy thời tùy cảnh niệm thầm. Công phu hành trì
 như thế đã trải hơn mười năm. Mấy năm sau cùng vì tránh
 sự phiền nhiễu, Châu thị thường tĩnh tọa nơi gian nhà riêng,
 sự tu trì càng thêm mật thiết. Có đôi lúc bà ngồi yên nhắm
 mắt hướng về Tây, luôn hai ba ngày không ăn uống nơi cổ
 tay mạch không còn nháy; duy có nét mặt sáng tươi, toàn

thân nóng ấm. Sau khi ấy, người nhà hỏi về tình trạng lúc
 đương thời, bà đáp: "Ta thấy mình ngồi niệm Phật trên tòa
 sen to đẹp, quên hẳn thời khắc, lòng rất sáng nhẹ an vui!"

Đến năm Dân Quốc thứ hai mươi, vào khoảng tháng
 sáu, Châu thị bỗng cảm bệnh. Đưa con trai suất lãnh người
 nhà luân phiên trợ niệm. Vài hôm trước khi mãn phần, bà
 nói với gia thuộc rằng: "Ta còn lưu trụ hai ngày nữa, các
 con nên tạm nghỉ ngơi. Hãy chuẩn bị nấu nước thơm cho ta
 tắm gội, và y phục giày dép đều phải đổi thứ mới sạch!"
 Hai hôm sau, vào giờ Tý, bà ngồi ngay thẳng hướng về
 Tây, nhắm mắt không nói năng chi cả. Con trai thấy thế, lại
 gọi người nhà vây quanh, đồng cao tiếng niệm Phật. Độ vài
 mươi phút kể đó, Châu thị ngồi yên ổn mà tắt hơi, gương
 mặt lộ nét tươi vui hòa nhã. Hơn hai giờ sau, đánh đầu của
 bà hãy còn nóng.

Có điều đáng kỳ diệu là đang lúc làm lễ nhập liệm, đưa
 cháu nội gái của bà, vì quá thương khóc nên ngã xuống hôn
 mê. Mẹ đứa bé này tức là dâu của Châu thị, cũng đã niệm
 Phật vãng sanh từ mấy năm về trước. Khi được người nhà
 vực tỉnh dậy, bé gái nói: "Con thấy từ phương Tây phóng
 tới ánh sáng to rộng rực rỡ. Đức Quán Thế Âm thân tướng
 nghiêm đẹp, tay cầm cành dương liễu, theo sau có vô số Bồ
 Tát nương giữa hư không bay đến. Trong giây phút mẹ
 cùng bà nội thân tướng cao lớn tươi tốt hơn lúc bình
 thường, theo sau chư Bồ Tát bay về phương Tây. Ngoài ra
 lại còn có vô số hoa lạ, tràng phan bảo cái hiện giữa hư
 không, tất cả cảnh vật đều trang nghiêm rực rỡ khác
 thường. Trông thấy cảnh ấy lòng con chợt an vui, quên hẳn
 sự xót xa thương khóc. Bây giờ con không còn lo buồn nữa,
 vì biết rõ mẹ và bà nội đã về cảnh Phật!"

LỜI BÌNH:

Phạm sanh về Cực Lạc, không luận trai gái già trẻ, đều hiện thành thân nam đủ ba mươi hai tướng tốt. Đứa bé thấy mẹ cùng bà nội đều còn thân người nữ, đó là phương tiện hiện ra tướng cũ, để cho nó dễ nhận biết. Độc giả khi xem đến đoạn này, chớ hoài nghi!



ĐẶNG NỮ SĨ

Đặng nữ sĩ tên Kế Thúc, nhà ở thị xã tỉnh Hàng Châu, tánh người vốn đoan nghiêm thuần cần. Từ nhỏ cô đã học giỏi, tài hạnh nổi tiếng nơi nhà trường. Bởi có tài sắc, nên mới mười bốn xuân xanh, đã được nhiều nơi dạm hỏi. Sau thời gian kén chọn, đến năm mười bảy tuổi, cô được cha mẹ gả về nhà họ Biện ở Dương Châu.

Nữ sĩ hiếu hạnh với cha mẹ chồng, khéo thừa thuận đáng phu quân, được hàng xóm ngợi khen là trang hiền thực. Năm Quý Hợi thời Dân Quốc, sau khi sanh nở cô nhiễm bệnh. Sang mùa thu năm Giáp Tý, nữ sĩ xin về Hàng Châu thăm viếng song thân, nhân tiện để điều dưỡng. Nhưng trải qua sự chẩn trị của đông y rồi tới tây y, bệnh của

cô vẫn không giảm mà còn tăng thêm. Kể đó cô vương chứng trầm kha, nằm liệt giường chiếu. Mẹ và chị ruột đã quy y Tam Bảo từ lâu, hằng khuyên cô niệm Phật. Song nữ sĩ còn dưng dưng chưa quyết.

Đến ngày mười ba tháng chạp năm ấy, bệnh nguy kịch, cô gọi chị lại trối dặn về các hậu sự. Bà chị hứa nhận và an ủi, nhân dẫn giải về kiếp người mộng huyễn, pháp Phật khó được nghe, ba cõi phiền não nóng bức như nhà lửa, phải sớm cầu giải thoát. Tiếp theo lại khuyên cô nên quy y Tam Bảo niệm Phật cầu sanh về Tây phương. Sẵn tánh thông minh, lại đang lúc gặp cảnh sống mong manh, nữ sĩ nghe qua như có chỗ cảm ngộ, liền gật đầu chấp thuận. Ngay trong hôm ấy, người nhà thỉnh Khước Phi thượng nhơn đến truyền quy giới cho cô. Từ đó hàng tân quyến vì nữ sĩ tụng kinh niệm Phật cầu nguyện. Tuy đang đau nặng, cô vẫn phát tâm mạnh mẽ, quên thân cố gắng tinh tấn niệm theo. Người chồng hay tin cũng vội đến trợ niệm, chí thành cầu Tam Bảo gia bị. Hai hôm sau bệnh thuyên giảm, sự đau đớn cũng lần nhẹ bớt, cô cảm thấy trong người thanh thân khinh an.

Ngày kế, tức mười sáu tháng chạp, vào khoảng chiều tối. Nữ sĩ cho mời chị lại, nhờ thay mình tạ ân các vị niệm tụng. Xong, lại đối trước bà ở häng theo phụ giúp mình là Tôn má má, ngỏ lời cảm ơn, rồi đối ba phen dặn bảo rằng mai phải thức dậy sớm. Tôn má má ra ngoài thuật lại, mọi người liệu rằng cô đã dự biết trước thời khắc lâm chung nên

suốt đêm đó thay phiên nhau niệm Phật liên tiếp. Người chỉ lại đem tượng Tây phương Tam Thánh, lập bàn để trước giường, bảo cô vừa quán tưởng vừa trì niệm. Nữ sĩ nhứt nhứt y lời, tay lần chuỗi mắt nhìn tượng, sẽ động môi niệm Phật theo đại chúng.

Trời hừng sáng, trước khi mạng chung, cô nói: "Tôi thấy có một vị Bồ Tát, sắc mặt như vàng ròng, đôi mắt dài xanh biếc, nữ sĩ sẽ liếc mắt nhìn qua lại, trạng thái rất an lành!" Một lát sau, nữ sĩ lại hai tay chột kết ấn to tiếng niệm Phật mấy câu rồi tắt hơi. Lúc đó, cậu bé trong nhà là Dương Phước Sanh đang đứng niệm Phật, bỗng như mơ đi trong giây phút, thấy Quán Thế Âm Bồ Tát cùng chư thánh chúng từ xa bay đến, đứng giữa hư không tiếp dẫn nữ sĩ đưa về phương Tây. Khi ấy vừa bước sang giờ Thìn, ngày mười bảy tháng chạp năm Giáp Tý.

Hai hôm sau vào khoảng buổi chiều, việc chôn cất di hài của nữ sĩ mới hoàn tất. Đám đông người đưa tang ra về, xôn xao bàn luận giữa niềm tin tưởng giọng than thở ngợi khen. Lúc ấy ánh tịch dương sắp tắt, chột phóng tia sáng rực rỡ xuyên qua ngàn cây, chiếu vào phân nửa đầu ngôi mộ mới đắp, như gọi cảm tưởng về người Tây phương sẽ hé đôi mắt nhìn lại cõi đời ngũ trược đầy phiền lụy một lần cuối cùng. Xa xa, trên nóc mấy ngôi nhà tranh áp vào chân núi, vài ngọn khói lam lừng lơ nhẹ bốc lên giữa cảnh trời chiều yên lặng.



TRÂM THỊ



Trâm thị người ở huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô. Bình sinh tâm của bà rất tốt, đủ những tánh đức: ngay thật, hòa nhã, thành khẩn, nhân từ. Thấy các việc nghĩa, bà liền gắng làm tận lực, lại ưa thành tựu điều tốt cho người. Bởi thế kẻ chung quanh vùng đều mến ưa kính trọng.

Căn lành đã sẵn, nhưng tiếc vì thiếu bậc trí thức chỉ dạy rành rẽ cho phương thức tu hành. Trâm thị chỉ nghe người nói qua pháp môn Thập niệm cầu sanh về Tịnh độ. Tuy nhiên bà rất lấy làm hoan hỷ, phát lòng tin chắc không nghi, và chí thiết thật hành. Sự tu trì của bà rất bền bỉ tinh tấn, không lúc nào trễ sót, hơn hai mươi năm như một ngày.

Niên hiệu Dân Quốc thứ mười lăm, Trâm thị bỗng cảm bệnh nhẹ rồi mãn phần. Khi bà sắp mạng chung, đứa con út mới hơn mười tuổi đang chơi đùa bên ngoài, chột thấy từ giữa hư không vô số chư Tăng bay xuống, vị nào cũng có hoa sen đỡ gót, tướng tốt cao lớn trang nghiêm, nơi thân ánh sáng phóng ra rực rỡ chói mắt. Trong ấy có một vị Tăng cao lớn khác thường, tay cầm hoa sen to đẹp trao cho mẹ mình. Chột một thoáng, cậu bé thấy mẫu thân đã vào ngôi nơi hoa sen. Đang lúc nó kinh lạ nhìn ngơ ngẩn xuất thần, bỗng nghe cô chị đứng ngay cửa sổ gọi to bảo mẹ đang hấp hối, hãy mau vào tống chung. Khi đưa bé vào đến

bên giường, thì Trầm thị đã nhắm mắt qua đời, trong nhà hương lạ tỏa bay bát ngát. Hơn mấy hôm sau, mùi thơm ấy mới tan. Gia nhơn tìm mãi không biết hương đó phát ra từ đâu.

Về sau, cậu bé thường đem chuyện ấy thuật lại với mọi người, và nói: "Lúc mẹ đã ngồi trong hoa sen, vì bị chị gọi vào nhà, nên không được nhìn thấy mẫu thân và chú Tăng bay về Tây phương như thế nào. Cậu tỏ vẻ tiếc mãi về việc ấy."

LỜI BÌNH:

Trong bốn mươi tám đại nguyện, đức A Di Đà Thế Tôn có lời phát thệ: *"Như chúng sanh nào muốn về nước ta, chí tâm xưng danh hiệu ta cho đến mười niệm, nếu chẳng được vãng sanh, ta thề không thành Chánh giác"*. Nay ngài đã thành Phật, tất biết điều nguyện ấy không hư dối. Trầm thị chỉ tu theo pháp Thập niệm, nghĩa là mỗi ngày đều chấp tay hướng về Tây xưng Nam Mô A Di Đà Phật mười hồi, kết quả được sanh về Cực Lạc. Sự vãng sanh của bà yếu ước do ba điểm: Lòng tin chắc chắn, tâm nguyện chí thiết, sự hành trì vững bền. Khi đã vãng sanh, tức chẳng còn nỗi khổ luân hồi, thuận hưởng những điều vui, lần lần tiến chứng đạo phẩm, không bị thối chuyển và kết cuộc sẽ thành Phật. Sự việc trên cho ta thấy điểm đặc biệt của môn Tịnh độ: "Nhân hành trì rất dễ, quả thành tựu cực cao".

LÂM THỊ

Lâm thị pháp danh Tánh Ngộ, nguyên là kẻ thất của cư sĩ Hứa Bình Trọng. Mẹ cô họ Uông, thờ đức Quán Thế Âm rất thành kính. Từ thuở bé cô đã theo mẹ giữ Quán Âm trai, đến năm hai mươi bốn tuổi mới về nhà họ Hứa. Hứa Quân làm quan từ Chương Châu rồi chuyển chuyển sang Giang Tô, Lâm thị cũng theo chồng.

Mùa xuân năm Quý Hợi thời Dân Quốc, Hứa Bình Trọng nhận lời mời của cư sĩ Mã Ký Bình, đến Vu Hồ nghe Đế Nhân pháp sư giảng kinh. Do cơ hội đó, Lâm thị cũng được đi theo. Sau khi giảng kỳ hoàn mãn, vợ chồng đều quy y với Đế lão. Lúc trở về Nam Kinh, Lâm thị đóng cửa chuyên tu Tịnh độ. Cô dốc suất con cái trong nhà đều trường trai niệm Phật, mỗi ngày giữ thời khóa nhứt định. Riêng con gái kế của cô phát tâm xuất gia, thế độ với Giác Minh đại sư ở Vu Hồ, được pháp danh là Phổ Huệ. Thiếu nữ này ngôn hạnh đoan trang, tu hành tinh tấn, nên hơn một năm sau được thầy cho thọ giới Sa di ni.

Tháng sáu năm Bính Dần, Phổ Huệ vương bệnh rồi viên tịch. Khi lâm chung, được Lâm thị cùng đồng bạn xưng hồng danh hộ trợ, cô giữ vững chánh niệm đến phút chót, và vãng sanh trong trạng thái rất an lành. Hôm sau tân liệm, tay chân của Phổ Huệ đều dịu mềm, đánh đầu hảy còn nóng ấm.

Mục kích sự vãng sanh của con, Lâm thị càng phát tâm tinh tấn mạnh mẽ. Từ trước mỗi ngày cô giữ định khóa mỗi ngày tụng một quyển kinh Kim Cang, niệm hai muôn câu Phật hiệu, dù lúc công việc bận rộn hay mỗi một đau yếu, cũng gắng hết sức không dám trễ bỏ. Lúc sau này, lại trì niệm cực kỳ chuyên thiết. Cô tự nói: “Những khi mình niệm Phật đến mức rất thành khẩn, liền thấy đức A Di Đà ngồi trên hoa sen, cảnh ao bấu lâu đài hiện rõ ràng trước mắt. Bình nhật Lâm thị ưa đọc quyển Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, rất tôn sùng các ngài Đế Nhân, Ấn Quang cùng Giác Minh đại sư. Cô thường nói với đồng bạn: “Tuy tôi chưa có duyên lành diện kiến Ấn Quang pháp sư, song đã được thấy văn cũng đồng như thấy người. Yếu điểm về hai chữ **Thành Kính** trong tập Văn Sao của ngài, nếu hành trì một cách thiết thật, có thể chứng được Niệm Phật tam muội!” Lại nói: “Thân này là nơi tập trung của mọi nỗi khổ. Nếu không trừ gốc ái, làm sao dứt được khổ căn?” Do đó quy y không bao lâu, Lâm thị ước hẹn với chồng cùng tu hạnh thanh tịnh, dứt sự ái ân, xem nhau như bạn đạo.

Sau thời gian Phổ Huệ vãng sanh, từ tháng bảy năm Bính Dần trở đi, Lâm thị cũng đau yếu dây dưa, nằm trên giường bệnh hơn ba tháng, song vẫn không rời câu Phật hiệu. Đến ngày mùng sáu tháng mười, vào tuần bá nhật của con, do cô gia công trì niệm, nên bệnh lại tăng thêm. Tới ngày hai mươi bảy, Lâm thị bảo người nhà lau dọn trong phòng cho sạch sẽ, và xông đốt trầm hương. Mọi việc xong,

cô bỗng chấp tay nói: “Tam Thánh hiện thân vàng nghiêm đẹp, ngó lời khuyên nhắc, quang minh chiếu sáng rực cả phòng!” Ngày hai mươi tám, cô bảo nấu nước Ngại điệp cho mình tắm gội để tiện ra mắt Tam Thánh. Song chiều tối ngày hai mươi chín, Lâm thị dạy con cái vây quanh mình niệm Phật và nói: “Vài hôm nay, mẹ đã có thể tự chủ, câu hồng danh chẳng giây phút nào rời tâm!” Sáng ngày ba mươi, vào lúc bảy giờ, cô bỗng nói: “Tây phương Tam Thánh đã quang lâm!” Nói xong yên lặng, Hứa Quân bảo người nhà đồng chấp tay trợ niệm. Tới chín giờ sáng, hơi thở của Lâm thị lần lần yếu, một đứa con hỏi: “Mẹ có nghe niệm Phật chẳng?” Cô không đáp, sẽ gật đầu. Kế đó Hứa Quân đem tượng Phật tiếp dẫn để trước mặt, Lâm thị liền mỉm cười nhắm mắt mà đi thẳng.

Hai giờ chiều đánh đầu cô nóng. Sang năm giờ tàn liệm, tay chân vẫn mềm dịu như bông, nhan sắc tươi sáng. Vài hôm sau, làm lễ thiêu hóa, khói trắng bốc lên bay xuôi về hướng Tây. Đêm ấy bà nữ bộc họ Hoàng nằm mơ, thấy Lâm thị hiện thân tướng tốt đẹp, chấp tay niệm Phật càng lúc càng cấp thiết, rồi bay thẳng về Tây phương.



PHẠM THỊ

hạm thị, người Đài Loan, con nhà nghèo, buôn nghề này bán nghề kia, làm ăn tuy giỏi giần, song cuộc sống vẫn rất vất vả. Tánh bà rất ngang ngạnh nóng dữ, không tin ngôi Tam Bảo, chẳng kể trời đất thánh thần cho đến bậc người tôn trưởng. Sau bà mang nghiệp báo, bị chứng bấu nhọt lớn như cái chén, máu mủ rỉ chảy, ngày đêm đau nhức rên la.

Vào tháng giêng năm Dân Quốc thứ mười sáu. Phạm thị được nghe một vị Tăng giảng Phật pháp, nói về việc báo ứng nhân quả. Bà sanh lòng ăn năn sợ hãi. Đến ngày mùng tám tháng hai, quyết ý vào chùa đánh lễ Mậu Phong đại sư, xin quy y thọ giới, được pháp danh là Liễu Hương. Từ đó ngày đêm Phạm thị chí tâm niệm Phật không dứt, nên bệnh khổ lần lần thuyên giảm, thân tâm được chút tho thơi an vui. Do đó bà phát lòng tin nguyện sâu thiết, tu trì hết sức đồng mãnh. Chưa đầy hai tháng, bà đã có thể dự biết trước thời kỳ lâm chung.

Trước khi mãn phần ba ngày, Phạm thị tự nói mình thấy thần hồn dạo chơi cõi Tây phương Cực Lạc, mục kích nhiều thắng cảnh kỳ diệu trang nghiêm. Vào nửa đêm ngày mùng sáu tháng tư, bà thấy Phật phóng quang minh rực rỡ như ban ngày. Trong nhà không có đèn đuốc mà tự sáng tỏ. Người nhà cùng dâu con đồng thời đều chứng kiến, Phạm

thị tự ngồi kiết già chấp tay nói: "Phật cùng Bồ Tát đã đến tiếp dẫn! Tôi xin đi!" Nói xong niệm Phật vài câu, rồi mỉm cười mà quá vãng. Lúc ấy người nhà đều nghe mùi hương lạ, đến sáng cũng chưa tan. Bảy giờ bà đã sáu mươi tuổi.

LỜI BÌNH:

Chúng sanh mỗi người đều có căn lành cùng nghiệp dữ. Nếu gặp thầy tà bạn xấu thì nghiệp ác tăng trưởng, sẽ bị sa đọa tam đồ. Như duyên may gặp thiện tri thức, tất căn lành phát triển, có thể tiến lên cảnh giới Thánh hiền. Phạm thị đã sẵn căn lành, lại biết chuyển tánh ngang dữ thành sức tu hành mạnh mẽ quyết liệt, nên công đức tăng trưởng gấp ngàn vạn bội, thông cảm đến Phật Bồ Tát, mau đạt kết quả vãng sanh. Cho nên, nghiệp ác chẳng đáng sợ, chỉ lo kẻ không biết sớm quay đầu.



LƯU NHỊ CÔ



ưu Nhị Cô, người gốc Kim Lăng, cư ngụ ở am Chuân Đề, tại huyện Hoài An tỉnh Hà Bắc. Bà cùng con gái hai người đều tinh tấn tu trì, ngày đêm tụng kinh niệm Phật không biếng trễ.

Mỗi năm vào các ngày vía Phật Bồ Tát, bà chiêu tập các liên hữu, tổ chức hội kỳ niệm Phật bảy ngày đêm. Những người đến gia nhập hội kỳ càng lúc càng đông, tất cả đều tỏ vẻ vui mừng tinh tấn. Hai mẹ con vừa tự tu, vừa hướng dẫn người như thế, có hơn hai mươi năm.

Niên hiệu Dân Quốc thứ mười tám, vào ngày mười hai tháng mười bà lại tổ chức kỳ Phật thất. Đến ngày mười bốn, Lưu Nhị Cô bỗng gọi con gái bảo: "Ngày mai, tức nhằm kỳ rằm Hạ ngươn, mẹ sẽ về Tây phương Cực Lạc thế giới, được dự vào bậc Trung phẩm trung sanh. Vậy con nên hân hạnh, chớ đem lòng thương buồn! Về sau, con nên theo gương mẹ mà hướng dẫn tín chúng. Tất cả phải lấy niệm Phật làm chủ chánh, và cõi Cực Lạc làm chỗ nương về. Đừng chuyển hướng theo phương thức tu hành nào sai khác, và chớ phá hư quy củ của ta! Bởi vào thời mạt vận, không có đường lối giải thoát nào chắc chắn nhiệm mầu bằng pháp môn Niệm Phật!" Nói xong, vẫn bình thản trì tụng như thường.

Quả nhiên qua nửa đêm, vào cuối giờ Tý ngày rằm,

Lưu Nhị Cô ngồi kiết già to tiếng niệm Phật mà vãng sanh. Sau khi bà qua đời, gương mặt bỗng đổi sắc hồng hào tươi sáng hơn lúc còn sống, đánh đầu còn nóng ấm rất lâu. Bà hưởng thọ được tám mươi tuổi. Ngày mười bảy, khi đưa di hài vào bảo khâm, trước mặt Lưu Nhị Cô bỗng hiện lên một đóa hoa sen xanh, hồi lâu mới ẩn mất.

LỜI BÌNH:

Lưu Nhị Cô tu hành chắc thật, nên được vãng sanh là việc dĩ nhiên. Song có điều đáng khen là bà vừa tự tu vừa khéo dùng phương tiện để độ người. Điểm này chẳng những hàng xuất gia phải lưu ý, mà người tại gia cũng nên bắt trước theo. Với hàng cư sĩ, thỉnh thoảng nên hội họp một ít bạn đồng tâm, lập hạn kỳ bảy ngày cùng nhau sách tấn tu hành, để dễ tăng phần liên phẩm.



LÝ TRÌNH NỮ



Ý trình nữ, người ở Lịch Thành tỉnh Sơn Đông. Cô sớm quy y ngôi Tam Bảo, được pháp danh là Tịnh Ngộ. Từ thuở bé, Trình Nữ đã mồ côi cha mẹ, nương ở theo anh và chị dâu. Vì cảm ngộ cảnh khổ, nên cô giữ chí không lập gia đình, ăn chay trường hơn mười năm, song chưa được nghe biết pháp yếu.

Năm Dân Quốc thứ mười ba, do nữ cư sĩ Ngô Thành Hương tiến dẫn, Trình nữ đến Sơn Đông Nữ Từ Liên Xã để dự vào hội niệm Phật. Từ đó cô trì danh không xen hờ, lại tiến thêm thọ giới Bồ Tát tại gia. Trước kia cô đã mang chứng lao phổi và ghê tràng nhọt ở cổ, hai căn bệnh này kéo dài hơn vài mươi năm, thỉnh thoảng lại làm cho phát cơn nóng lạnh, khiến Trình nữ chịu nhiều nỗi khổ, mỗi lúc càng thêm khô gầy. Về sau cô suy yếu đến nỗi khi đi phải vịn vào vách, song vẫn bền chí không rời câu niệm Phật.

Đến năm Dân Quốc thứ mười chín và tiết Hạ ngươn, sau khi trì danh đọc lời văn phát nguyện xong. Trình nữ gọi cô bạn đến trợ niệm là Tịnh Hưng bảo: "Nay thân tôi an ổn không còn thấy bệnh khổ, lòng không tham luyến, ý không điên đảo, niệm Phật được nhứt tâm. Đức A Di Đà Thế Tôn tất sẽ đến tiếp dẫn vãng sanh, điều này thật đáng hân hạnh!" Trước đó ba ngày cô đã không ăn uống, chỉ chuyên giữ câu hồng danh. Lúc sắp mạng chung, Trình nữ để tay nơi ngực nói: "Trong đây có hoa sen, cần phải tưới bằng nước niệm

Phật cho nó nở. Hoa này thuộc về công đức của tôi!" Rồi bỗng dang hai tay đưa lên nói: "Có đài vàng lớn từ phương Tây nương theo hư không lướt mây gió bay đến. Đóa sen tôi thấy nhỏ hơn kim đài. Ôi hân hạnh thay! Phật A Di Đà cùng hai vị Bồ Tát cũng đều đã xuất hiện!" Thốt xong ra tiếng niệm Phật rất cấp thiết luôn một hơi dài, rồi chấp tay nhắm mắt yên lặng mà đi thẳng.

Hơn hai giờ sau, đánh đầu cô còn nóng.

LỜI BÌNH:

Một bậc cao đức thời xưa đã bảo: "Các sự khổ đều là thiện tri thức của người tu!" Cho nên đối với kẻ có trí huệ, biết tu hành dù cho ma chướng cũng trở thành duyên tiến đạo. Lý trình nữ đã sống trong cảnh cô cút, lại nhiều năm đau bệnh kéo dài, ngoài sự chí thành nương tựa theo Phật ra tất chẳng còn hy vọng và tham luyến nào khác! Giữa đời sự họa phước ẩn nấp nhau, trong phước có họa, trong họa có phước. Cho nên người sống trong cảnh vinh quang hạnh ngộ, chớ vội tự phụ đắc ý vui mừng; kẻ chìm trong khổ lụy nhục nhằn, cũng chớ vội lấy làm đau buồn tủi hận.



DƯ PHU NHƠN

Dư phu nhơn, nguyên là con của Dư Thích Trung, vợ của cư sĩ Thích Ngạc Lâu, ở huyện Hiệp Phú tỉnh An Huy. Thích Trung từng truyền chuyển làm quan tại các vùng Hoành Châu, Từ Châu, Tri Châu. Mẹ của phu nhơn là Khánh thị, cảm mộng thấy vị lão ni trao cho một hạt châu mà sanh ra bà, nên phu nhơn được song thân đặt tên là Huệ Châu.

Từ thuở bé Huệ Châu đã có tánh linh mẫn, học rộng kinh sử, sự hiểu biết sâu rộng hơn người. Năm mười sáu tuổi gặp một cơn bệnh nguy ngặt, cô mộng thấy vị lão ni dùng tay xoa vuốt, bệnh liền thuyên giảm rồi an lành. Sau khi được cha mẹ gả về nhà họ Lý, năm hai mươi ba tuổi, Huệ Châu vương bệnh nặng, lại mộng thấy vị lão ni trước cứu chữa và dạy bảo phải trì tụng kinh Kim Cang. Lúc bình phục, phu nhơn phát nguyện ngoài sự trì niệm hằng ngày, còn xin tả một trăm quyển Kim Cang Bát Nhã.

Một đêm đang lúc tả kinh, hoa đèn bỗng phát nổ tan ra thành những tia vàng như mây ráng đỏ, làm sáng rực cả nhà, hồi lâu mới tắt. Từ đó mỗi khi cầm bút tả kinh, nơi móng cái tay mặt của Huệ Châu liền hiện ra ánh sáng tròn như khuôn gương, soi thấy mặt mình cùng mọi vật chung quanh. Lúc buông bút, quang minh đó mới ẩn mất. Trong vài mươi năm đều có cảnh tượng ấy, nên phu nhơn tin Phật

càng sâu. Năm ba mươi tuổi, Huệ Châu theo chồng trong cuộc thuyền quan đến tỉnh Hồ Bắc, thường ưa tới chùa lễ Phật và hỏi đạo nơi hai bậc tôn túc là các ngài: Nguyệt Hà, Tâm Tịnh. Hơn bốn mươi tuổi, bà trường trai niệm Phật, quy y với Đế Nhân đại sư, được pháp danh là Trí Đức. Mấy năm sau gia đình lại di chuyển về Tô Châu. Nơi đây, Phu nhơn mở một gian tịnh thất thờ Phật rất trang nghiêm, hằng ngày tu Tịnh độ sám lễ kinh Địa Tạng.

Năm Dân Quốc thứ mười bảy, lúc được năm mươi hai tuổi, phu nhơn cảm bệnh nhẹ, rồi giữ câu hồng danh chánh niệm mà vãng sanh. Sau khi tắt hơi, đánh đầu bà nóng rực hơn hai ngày mới tan. Sanh bình, phu nhơn từng cắt thịt bấp vế hai lần hòa với thuốc để trị bệnh cho cha và chồng. Lúc nhập liệm, thi thể của bà rất nhẹ nhàng, tay chân mềm dịu. Cuộc an táng hoàn tất vào chiều tối đêm trung thu nơi miền sơn cương thanh tú. Lúc ấy trên trời gương nga vắng vặc, chiếu soi một vùng rừng núi cao rộng bao la. Trăng cùng núi sáng lặng êm đềm, như thâm chứng minh cho một chân linh đã được siêu thoát, một nguồn đạo vô kim cổ, tuyệt nhị nguyên, không thể dùng sự tìm cầu hỏi han mà hiểu biết được! Bởi dù có hỏi thì: "Hỏi trăng, trăng chẳng trả lời. Hỏi hoa, hoa vẫn mỉm cười làm ngơ. Hỏi sông, sông lặng như tờ. Hỏi non, non vẫn tro tro với mình!" như lời một vị thiền sư đã nói.



KHUYÊN TU

(Sao lại bài đã dịch khoảng ba mươi năm về trước,
dưới bút hiệu Trí Hiền).

Xưa Nhan Bính, Như Như cư sĩ
Dẫn luận kinh, ý ý khuyên cầu
Bút nhàn phiêu, khoảng canh thâu
Tĩnh ai trần lụy, đôi sầu làm tươ!



Thân mộng ảnh, lắm người yêu quý
Yêu quý thân, cho lụy vì thân
Tham vui những ước vô ngần
Nào hay vui lại là nhân khổ sầu!
Giấc phù thế, bóng câu cửa sổ
Vóc hư huyền, giọt lệ lòng hoa
Đôi mươi trẻ, chín mươi già
Những dù yếu thọ chẳng qua vô thường
Dẹp dưới giường, để biết ngày mai?
Mạng người hô hấp cho hay
Gấm con vĩnh biệt tuyến đài mà đau!
Than duyên kiếp, ngắn sao một kiếp?
Đắm huyền thân, nhiều thiệt bởi thân!

Lớp da gói những thịt gân
Bến duyên già hợp rồi phân chắc gì?
Tóc, răng, móng, vẽ chi đất bợn!
Huyết, tủy, xương, chán gớm bọt bèo;
Bên ngoài rệp đớp muỗi đeo
Bên trong trùng sát lẫn vào nhóp chưa?
Nổi nóng bức, ngày trưa tiết hạ
Con lạnh lùng, đêm giá trời đông
Xét thân khô, tỉnh mơ mộng
Khép lòng ái luyến, mở lòng thoát ly.



Mùi thề lụy say chi lắm kẻ?
Lớp phong lưu, bày vẽ y quan
Đại khôn cùng học làm sang
Sóng lòng điên đảo theo làn sắc thanh
Đầu xương nọ, cài trâm thất lựa
Đấy da kia, ướp xạ xông hương
Đua đòi nhung gấm phô trương
Chỉ tưởng che lớp vô thường như tanh
Vườn hoa mộng, tưởng xanh muôn thuở
Tuổi phương xuân, còn ngỡ dài xa!
Phút đâu tai diếc mắt lừa

Diêm Vương chực rước đến tòa U Minh
 Làn tóc bạc, nhẵn tín sứt quí
 Chiếc răng long, gợi ý quy âm
 Càng tài càng sắc càng dâm
 Càng cho đọa lạc, càng lắm mà thôi
 Mùi hoan ái, một thời say tiếu
 Nẻo luân hồi, muôn kiếp đắng cay
 Đến khi sắp xuống Diêm đài
 Gân xương đau nhức, chân tay rụng rời!
 Vợ lưu luyến, đầy vơi mắt lệ
 Con xót xa, kẻ lẻ tiếng than!
 Dẫu rằng quyền thuộc trăm ngàn
 Có ai thay thế cho chàng được chăng?



Kẻ sống ở, nặng oằn gánh túi
 Người thác đi, rong ruổi phách hồn
 Đường âm mờ tựa đêm hôm
 Trông ra quanh quẽ bốn chồn thăm thê!
 Nại Hà đến, lạnh tê gió lốc
 Quỷ Môn sang, ghê góc tiếng thương!
 Bảy ngày lìa quá cõi dương
 Âm ty đã trải trăm đường khảo tra

Tào quan xử, quát la chẳng vị
 Ngục tốt hờn, quay chủy múa xoa
 Đài gương Nghiệt Cảnh sáng lòà
 Soi tường thiện ác chối qua đờc nào
 Người nhân đức, đưa vào cửa phước
 Kẻ hung gian, giải trước hình ty
 Dạ đài khổ sở xiết chi
 Mời hay nhân quả mấy khi sai làm?
 Rừng đao kiếm, bao năm hết tội?
 Kiếp sùng lông, nhiều nổi đa mang!
 Trả đền cho dứt nghiệp oan
 Mới mong thoát khỏi mọi đàng long đong
 Dù ai có to lòng lớn mặt
 Mặc chàng hay báng Phật khinh Tăng
 Chẳng qua đối trước Diêm quân
 Cúi đầu co gối chịu phần xử tra.



Hồn phách đã chơi xa âm giới
 Thi hài còn ở cõi dương gian
 Có tiền mua lớp áo quan
 Không tiền vui góc núi hoang lạnh lũng!
 Chết xương thịt sẽ cùng tan rã

Tám hình hài lần hóa tanh hôi
Chỉ mong chầy sớm mà thôi
Chầy trong nửa tháng, sớm thời ít hôm
Nét kiều diễm, chập chờn xuân mộng
Kiếp tài hoa, hình bóng bạch vân
Khi xưa tài sắc mười phân
Mà nay một nắm cô phần lạnh tanh
Thời oanh liệt, hùng anh đâu tá?
Cuộc ái ân hư giả còn chi?
Phất phơ cành liễu xanh rì
Giấy tiền treo đỏ đường ghi mối sầu!
Bóng chiều rủ xuống màu cỏ biếc
Bia mồ trơ một chiếc vắng không
Nghĩ thôi rơi lệ chạnh lòng
Đời người đến thế là xong một đời!



Vì chẳng biết tìm nơi giải thoát
Nương về nơi Chánh giác quy y
Luân hồi hẩn dứt có khi
Bên trời Bát Nhã còn chi lo phiền?
Lỗi ma quỷ, đừng riêng mưu sống
Đất từ bi gieo giống hoa đàm

Giữ lòng thiện, dứt lòng tham
Gái trai tăng tục đều kham tu hành
Rõ cảnh mộng, chớ quanh đường mộng
Biết miền chơn, kịp chóng tu chơn
Dần dà tính thiệt so hơn
Tuổi xuân qua mắt để hờn về sau!
Sáu chữ Phật, cùng nhau gắng niệm
Chín phẩm đài, sẽ chiếm ngôi vinh
Chớ nên mình phụ lấy mình
Trách sao Diêm lão vô tình chẳng dung?
Bỏ điều ác, thuận từng nẻo thiện
Chừa lỗi xưa, tu tiến đường sau
Lại vì quyền thuộc bảo nhau
Cùng khuyên già trẻ sớm mau tu trì
Khiến mỗi kẻ đều quy bốn giác
Cho muôn người đồng thoát sông mê
Dù trong lao khổ dám nê
Đài sen đốt mãnh hương thề nguyện xin
Nguyện xin quyết vững tin lời Phật
Nguyện từ nay khép chặt phòng thu
Nguyện kiếp này gắng công phu
Thân người dễ mất quả tu khó thành!

MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT

(Của TRIỆT NGỘ Thiền Sư)

Hán 81:

*Nhứt cú Di Đà
Hoàng thông cảm đạo
Nhập Đại bi thất
Tọa pháp không tòa.*

Viết 81:

*Một câu A Di Đà
Sốt sắng gắng hoàng thông
Nguyện vào Đại bi thất
Ngồi yên tòa pháp không.*

Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn đã từng khuyên các học nhơn: “*Nếu muốn kham sống trong cõi đời ngũ trước để độ mình cùng độ sanh, thì phải mặc áo giáp Nhẫn nhục, vào nhà Đại Bi, và ngồi tòa Pháp không*”.

Tại sao thế? Bởi nơi cõi Ta Bà những nghiệp tham, sân, si, khinh mạn, nghi ngờ cùng ác kiến của chúng sanh tất mạnh mẽ lấy lòng. Các phiền nghiệp ấy ví như những mũi tên lửa, dễ làm tổn não người, nếu không mặc áo giáp Nhẫn nhục nhu hòa, tất khó thể chịu đựng nổi. Song như thế cũng chưa đủ, vì nếu nhẫn nhục mà không có lòng đại bi thương xót tha thứ sự mê lầm tội lỗi của chúng sanh, thì chẳng thể hoàng pháp độ người. Cho nên hành giả phải nối gót Như Lai vào nhà đại Từ bi của Phật. Tuy nhiên, như thế vẫn chưa được trọn vẹn. Bởi dù có tâm Từ bi, Nhẫn nhục, nhưng nếu chưa thấu suốt tất cả pháp đều không, mà vào nơi Vô sở trụ như kinh Kim Cang đã chỉ dạy, tức nhiên tướng Nhơn ngã chấp và Pháp ngã chấp hãy còn. Đã còn các tướng ấy thì dù có Nhẫn nhục cũng chưa dứt hết gốc giận hờn, dù có niệm Từ bi cũng chưa tuyệt lòng ái luyến.

Cho nên hành giả lại phải cần an trụ nơi tòa Nhứt thiết pháp không. Đạo lý này rất uyên thâm, như diễn rộng ra sáu trăm quyển Đại Bát Nhã cũng nói chưa cùng tận. Song nếu tóm tắt lại, có thể gồm trong một lời kệ của kinh Hoa Nghiêm: “*Vô trước vô y trí huệ lực*” nghĩa là sức trí huệ không nương tựa dính mắc vào đâu.

Đại ý bài kệ trên, ngài Triệt Ngộ muốn nói: “Chư Như Lai từ trong nhân hạnh cho đến khi đắc quả, vì bi nguyện độ sanh nên đã mặc áo giáp Nhu hòa nhẫn nhục, vào nhà đại Từ bi, ngồi tòa Nhứt thiết pháp không mà tu học cùng nói ra pháp môn Niệm Phật này”. Các hành giả muốn độ mình một cách chắc chắn và rộng độ chúng sanh, cần phải siêng năng noi theo gương ấy.



Hán 82:

*Nhứt cú Di Đà
Vô tận bảo tạng
Bát tự đã khai
Phổ đồng cùng đường.*

Viết 82:

*Một Câu A Di Đà
Là kho báu vô tận
Tám chữ mở toang ra
Khắp cho không tiếc lẫn.*

Lược giải:

Tám chữ trên đây, là “Đại từ đại bi A Di Đà Phật”. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có thuật chuyện một hành giả niệm Phật, khi lâm chung thấy tám chữ ấy hiện ra giữa hư không to lớn, sắc như vàng ròng. Tám chữ ấy hàm ý tiêu biểu cho bốn mươi tám bi nguyện độ sanh rộng lớn của đức A Di Đà Thế Tôn. Song về sự trì niệm, thì yếu ước lại chỉ có sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật”. Sao gọi là tám chữ,

hay sáu chữ mở kho báu vô tận?

- Theo Hiến giáo, sáu chữ ấy tiêu biểu cho sự nương về kho Vô lượng thọ mạng, Vô lượng quang minh, Vô lượng công đức.

- Theo Mật giáo, về quyền Thánh Tài Tập, sáu chữ đó là chủng tử của năm đức Phật. Hai chữ Nam Mô có nghĩa là quy mạng. Mạng là Thọ thường trú, tức chỉ cho đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Còn bốn chữ kia, theo thứ tự là chủng tử của bốn đức Phật: A Súc Bê, Bảo Sanh, A Di Đà, và Bất Không Thành Tựu. Cho nên sáu chữ hồng danh là kho bí mật, gồm thâu tất cả chánh báo, y báo khắp mười phương.

- Theo Tâm giáo, sáu chữ này là kho chân tâm, gồm nhiếp tất cả nhân quả, tánh tướng, phước huệ, sự lý. Vì thế nên gọi: "Một câu A Di Đà, Là kho báu vô tận".

Về điểm dùng tám chữ hay yếu ước lại sáu chữ, để mở kho báu vô tận, cổ nhơn đã có câu: "Lục tự đã khai vô tận tạng. Thâu lại phóng khứ chỉ như nhiên". Hai câu này có ý nghĩa: Niệm sáu chữ hồng danh có thể mở toang kho báu vô tận như trên đã nói. Và khi đã thể nhập vào kho chân tâm, thì niệm tức là vô niệm, vô niệm tức là niệm, buông ra thâu vào đều ở trong trạng thái như như.

Chư Phật Thế Tôn, chư Bồ Tát, chư Tổ, vì lòng bi nguyện, đã đem tám chữ hay sáu chữ này mà phổ thí cúng dường khắp tất cả loài hữu tình, để cho chúng sanh mở được cửa và thọ dụng kho báu vô tận ấy.



Hán 83:

*Nhứt cú Di Đà
Đoạn chư phiền não
Toàn Phật toàn tâm
Nhứt liễu bá liễu.*

Viết 83:

*Một câu A Di Đà
Đứt phiền não rộn ràng
Tâm Phật toàn dung hợp
Rõ một, rõ trăm ngàn.*

Lược giải:

Ý nghĩa bài kệ trên rất hàm súc, muốn hiểu thấu đáo, chỉ nên dùng hạnh thể nhập hơn là theo phân lý giải. Tuy nhiên, để tùy thuận sở cầu cho người mới học đạo, xin tạm giải thích như sau:

Lúc hành giả chuyên tâm niệm Phật, thì nghiệp tham, sân, si cùng tất cả phiền não đều dừng lặng. Khi công phu lâu năm trì niệm chuyên thành như thế đến mức cùng tận, ngày kia đương nhơn chợt thấy tâm niệm rỗng rang như chiếc thùng lọt đáy, ngộ được tánh bản lai của mình. Chừng ấy toàn câu niệm Phật, toàn thể đức A Di Đà cùng chánh báo, y báo thể giới Cực Lạc của Ngài, chính là toàn thể chân tâm diệu cảnh. Và các pháp không ngoài tâm, đã ngộ được nhưt chân tâm, tất rõ được tất cả trăm ngàn muôn pháp.



Hán 84:

*Nhứt cú Di Đà
Diệt trừ định nghiệp
Hích nhật khinh sương
Hong lô phiền tuyết.*

Viết 84:

*Một câu A Di Đà
Đứt trừ được định nghiệp
Nhật rạng phá sương thừa
Lò hong tan điểm tuyết.*

Lược giải:

Trong kinh có lời dạy: *“Chỉ thành xưng một câu A Di Đà, diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sống chết, xung quanh hành nhơn mỗi bề ánh sáng phát ra rộng đến bốn mươi dặm”*.

Chỉ tâm xưng một câu hồng danh, ảnh hưởng còn được như thế huống chi chuyên thành niệm Phật nhiều năm, thì định nghiệp nào mà không dứt trừ? Công năng diệt nghiệp của sự trì danh, ví như văng nhát chổi rạng phá tan mau màn sương thưa, như lò lửa to dễ làm tiêu mảnh tuyết. Tổ sư đã mượn hai thí dụ trên để nêu rõ công đức niệm Phật, và khuyến tấn hành giả gắng sức tu trì.

**Hán 85:**

*Nhứt cú Di Đà
Năng không khổ báo
Thế giới, căn thân
Tức thô nhi diệu.*

Việt 85:

*Một câu A Di Đà
Hay tiêu quả báo khổ
Chuyển thế giới, căn thân
Tức thô thành tế diệu.*

Lược giải:

Các sự khổ đều do sức nghiệp làm chủ động, niệm Phật đã có công năng diệt nghiệp, tất nỗi khổ cũng lần lần tiêu trừ. Nhưng “một câu Di Đà làm cho khổ báo trở thành không”, hàm ý nói về phần tánh nhiều hơn phần tướng. Bởi tất cả sự khổ từ lớn đến nhỏ, đều do tâm ta bị căn thân bên trong và thế giới bên ngoài chi phối. Nếu hành nhơn ngộ lý

các pháp đều như huyễn, biết an trụ nơi tự tánh Di Đà mà niệm Phật, thì tâm trở nên vắng lặng, thoát khỏi sự chi phối của thân và cảnh. Như thế dù thời tiết nóng lạnh, cảnh ngộ an nguy, sự đói khát cùng mọi mệt yếu đau cũng không làm cho đương nhơn cảm thấy khổ? Tại sao? Vì hành nhơn đã an trụ nơi định tâm, thoát ly cả hai sự chi phối trong và ngoài ấy.

Khi xưa, một thiền sư tu ở sơn tự bị chứng thương hàn, do thiếu thuốc thang điều dưỡng, nên bệnh càng trở nặng sắp lâm nguy. Một vài đệ tử thấy thế, xin phép đi xuống núi để rước y sư và tìm thuốc đem lên. Thiền sư ngăn lại bảo: “Căn bệnh đã nhập lý, chỉ nên dùng đạo pháp để điều trị, chớ không thể dùng thuốc cứu chữa kịp thời được!” Thế rồi ông xả hết muôn duyên, ngồi trụ tâm vào tịnh cảnh không ăn uống luôn trong bảy ngày. Đến khi xuất định, bệnh chứng tiêu tan, sức khoẻ lần lần bình phục. Lại một vị Tăng tu Tịnh độ, lúc sắp vãng sanh, tức nghiệp phát hiện làm cho cả thân mình đều phù thũng, còn thêm nhiều chứng bệnh khác. Ông nói với hàng đệ tử: “Nếu thầy không nhờ mấy mươi năm công phu niệm Phật, tất không thể chịu nổi sự mệt mỏi nhưc đau”. Cho nên một bậc tôn túc đã nói câu: “Lão tăng có pháp an nhàn. Dù cho tám khổ cháy lan ngai gì!” (*Lão tăng tự hữu an nhàn pháp. Bát khổ giao tiên tổng bất phòng*).

Về ý nghĩa hai câu sau của bài kệ, có thể dẫn giải tóm tắt: thế giới, căn thân đều như huyễn. Nếu tâm chúng sanh còn đầy nghiệp chướng phiền não, dù sống nơi cảnh màu đẹp ở thiên đường, cũng cảm thấy buồn khổ. Với bậc hành giả đã đắc định, thì riêng có một thiên đường, tuy ở cảnh ác trực, cũng thấy màu nhiệm an vui. Kinh Duy Ma bảo:

"Tùy nơi tâm thanh tịnh, tức cõi Phật thanh tịnh". Kinh Viên Giác nói: "Địa ngục, thiên cung đều là Tịnh độ". Ý nghĩa của hai câu kinh ấy, đều chỉ cho cảnh giới trên.



Hán 86:

*Nhứt cú Di Đà
Viên chuyển tam chương
Tức Hoặc, Nghiệp, Khổ
Thành Bí mật tạng.*

Viết 86:

*Một câu A Di Đà
Chuyển tròn cả ba chương
Tức nơi Hoặc, Nghiệp, Khổ
Trở thành Bí mật tạng.*

Lược giải:

Ba chương chỉ cho: Hoặc, Nghiệp, Khổ. "Hoặc" thuộc về Phiền não chương. "Nghiệp" thuộc về Nghiệp chương. "Khổ" thuộc về Báo chương. Ba chương này như chùm trái Ác xoa, có liên quan tương thông lẫn nhau, một tức là ba, ba tức là một.

Đại ý của bài kệ sau này cũng tương tự như bài kệ trước, nếu suy ra sẽ tự hiểu. Như các lượn sóng ở đại dương là biến tướng của nước, cho nên toàn thể sóng là nước. Cũng như thế, vọng giác từ nơi chánh giác mà thiên lưu, cho nên đi sâu vào, toàn thể vô minh vọng giác tức là chánh giác viên minh. Hành giả nếu đi sâu vào Niệm Phật tam muội, sẽ ngộ được Hoặc, Nghiệp, Khổ chính là Bí mật tạng vậy.



Hán 87:

*Nhứt cú Di Đà
Giải nạn giải oan
Từ quang cộng ngưỡng
Pháp hỷ quân triêm.*

Viết 87:

*Một câu A Di Đà
Giải tai nạn trái oan
Quy ngưỡng ánh từ quang
Thấm nhuần niềm pháp hỷ.*

Lược giải:

Bài kệ trên đều là những lời nói trắng rõ ràng, không có ẩn ý sâu kín nào khác. Công đức niệm Phật có thể tiêu trừ nghiệp chương, tai nạn, tà ma, giải những oan trái đời này cùng đời trước. Công đức ấy cũng khiến cho sanh phước đức trí huệ, độ thoát chính mình cho đến kẻ oan người thân. Các điểm vừa nói đã thể hiện rất nhiều đối với những hành giả niệm Phật từ xưa đến nay. Trong Mấy Điều Sen Thanh đã có nhiều sự tích trần thuật, độc giả duyệt kỹ sẽ tự thấy, khỏi phiền dẫn chứng thêm nhiều.

Hành giả tu môn Niệm Phật đều thọ hưởng được sự lợi ích an vui của pháp này, nên gọi là Pháp hỷ. Bởi thế, chẳng những riêng nơi cõi Ta Bà, mà ở khắp hằng hà sa quốc độ trong mười phương, vô số chúng sanh cũng tu môn Niệm Phật và đều cùng hưởng về ánh sáng từ bi của đức Giáo chủ Tây phương Cực Lạc thế giới.



Hán 88:

Nhứt củ Di Đà
Báo vị báo ân
Liệt Triển miên vãng
Nhập Giải thoát môn.

Viết 88:

Một câu A Di Đà
Đáp ân nặng chưa tròn
Cắt đứt Triển miên vãng
Chứng vào Giải thoát môn.

Lược giải:

Người học đạo có bốn trọng ân là: 1. Ân chư Phật, chư Bồ Tát. 2. Ân thầy lành bạn tốt và các thiện tri thức. 3. Ân cha mẹ cùng thân quyến phù trợ. 4. Ân đàn na tín cúng và tất cả chúng sanh. Chúng ta nếu có đền trả bốn ân thì cũng chỉ một phần nào thôi, chớ thật sự chưa làm tròn, đại khái có thể gọi là chưa báo đáp. Muốn mau tròn bốn phần đền trả tứ ân, phải tu môn Niệm Phật để sớm thành đạo quả, tề độ khắp kẻ oan thân cùng tất cả loài hàm thức.

Lại nữa, chúng ta sống trong lưới nghiệp dây dưa, nợ này chưa xong đã vay mới khác, nhứt là các nghiệp oan cừ, ân ái. Lưới nghiệp ấy vây quanh kéo dài mãi không đứt, nên gọi là Triển miên vãng. Chư Bồ Tát đã do tu pháp Niệm Phật, mà cắt được lưới Triển miên vãng của nghiệp lực, chứng vào Vô lượng giải thoát môn. Chẳng hạn như: Không Huệ Tam Muội Giải Thoát Môn, Thần Thông Du Hý Tam Muội Giải Thoát Môn, Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn Tam Muội Giải Thoát Môn, Sư Tử Phấn Tấn Tam Muội Giải Thoát Môn v.v... Tổ Triệt Ngô khuyên chúng ta nên đi theo con đường ấy.

**Hán 89:**

Nhứt củ Di Đà
Không chur ác thú
Vạn đức hồng danh
Na dung tư nghị.

Viết 89:

Một câu A Di Đà
Hay trống không ác đạo
Ức muôn đức hồng danh
Khó nghĩ bàn kỳ ảo!

Lược giải:

Trong Tam Bảo Cầm Ứng Yếu Lược Lục có ghi một sự tích công đức Niệm Phật. Xin mượn nêu ra, để giải thích bài kệ trên với tánh cách chứng thật.

Một vị Bà la môn ở nước A Du Sa xứ Thiên Trúc có cô vợ rất đẹp. Vì tình si mê ái nhiễm sâu nặng, ông ta gần gũi mãi cũng không thấy chán đủ. Người vợ lại là một tín đồ Phật giáo; muốn nhân cơ hội đó hóa độ chồng, mới đặt điều kiện: "Nếu khi sắp gần gũi, phải gõ chiếc trống đồng, cả hai cùng niệm hồng danh A Di Đà một lúc lâu cô mới chấp thuận". Ông chồng bất đắc dĩ phải tuân theo.

Ba năm sau, vị Bà la môn bị bạo bệnh tắt hơi, chỉ nơi ngực mãi còn nóng ấm, nên người nhà chưa dám thiêu hóa. Trải qua năm ngày, ông chợt sống lại, gọi vợ khóc bảo rằng: "Tôi chết do nghiệp nặng bị đọa vào địa ngục Phất Thang. Khi qui tốt dùng đinh ba vít tội nhom vào vạc dầu sôi, chĩa sắt đục thành vạc đánh keng một tiếng. Lúc ấy tôi đang kinh hồn lạc phách, chợt nhớ tới việc bà bảo gõ trống đồng niệm Phật, nên bất giác lớn tiếng niệm Nam mô A Di Đà Phật. Lạ thay, ngay lúc ấy vạc dầu sôi liền biến thành ao sen nước trong mát, các tội nhom đều hiện tướng tốt ngồi trên đài sen, rồi cùng bay về Tịnh độ. Diêm Vương nghe

báo sanh lòng hoan hỷ, thả cho tôi trở về!"

Truyện ký trên, chứng minh công năng niệm Phật có thể làm tiêu tan trống không cảnh Địa ngục. Lẽ dĩ nhiên, đối với các ác đạo khác như Nga quỷ, Súc sanh, Tu la, cũng lại như thế. Câu Nam mô A Di Đà Phật là kết tinh phước huệ của vô lượng công đức lành, khi Phật còn tu Bồ Tát đạo, nên mới gọi Vạn Đức Hồng Danh. Bởi thế, hồng danh này có công năng rộng lớn kỳ diệu chẳng thể nghĩ bàn! Trong kinh gọi đó là Vô tác thần lực, nghĩa là sức thần thông đương nhiên, không phải do Phật tác ý khởi niệm xui khiến nên. Đại khái, bài kệ trên tán dương và nêu rõ công đức của câu hồng danh, khiến cho hành giả tăng thêm phần tín, hạnh, nguyện.



Hán 90:

Nhứt cú Di Đà
Cơ đầu nhọn thiên
Sâm si tam bối
Yên ánh cứu liên!

Viết 90:

Một câu A Di Đà
Hợp cơ cả trời, người
Ba căn tánh cao thấp
Chín phẩm sen rạng ngời!

Lược giải:

"Tam bối" trong bài kệ, là chỉ cho ba hạng người: Thượng căn, Trung căn, Hạ căn. "Cứu liên" tức chín phẩm sen, cũng phân ra ba cấp thượng trung hạ, mỗi cấp lại có ba bậc thượng trung hạ nữa, nên thành ra chín. Đó là các phẩm: Thượng thượng, Thượng trung, Thượng hạ. Trung thượng, Trung trung, Trung hạ. Hạ thượng, Hạ trung, Hạ hạ.

Án Quang đại sư nói: "Phật pháp tùy cơ, có khó dễ

thấp cao. Đối với pháp cao khó, thì bậc hạ căn không kham tu. Với pháp thấp dễ, bậc thượng căn lại chẳng cần tu. Riêng môn Tịnh độ có đặc điểm rất mực nhiệm mầu, vừa cao siêu vừa thuận dễ, thích ứng cả ba căn, hạng nào cũng thấy cần thiết và có thể tu tập được. Nói về phần cao siêu thì nơi hội Hoa Nghiêm, mười phương hải hội Bồ Tát trong năm mươi một vị: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hướng, Thập địa và Đẳng giác, đều theo lời khuyên của Phổ Hiền đại sĩ tu tập môn này. Bàn đến chỗ thuận dễ, thì những chúng sanh nhiều tội chướng, cho đến tạo nghiệp Ngũ nghịch, Thập ác, cũng có thể niệm Phật sanh về Cực Lạc. Cho nên kẻ chê pháp Tịnh độ là thấp kém, tức chưa hiểu chi về môn này, và cũng phạm lỗi khinh báng các bậc Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đó!"

Điều dẫn giải trên cho ta thấy, pháp môn Tịnh độ thích hợp với tất cả căn tánh thượng trung hạ của hàng nhơn thiên. Ba căn tánh ấy tuy có cao thấp so le, song nếu tu môn Niệm Phật, tất sẽ tùy theo công hạnh, đều được nêu danh nơi chín phẩm sen sáng đẹp rạng ngời ở cõi Tây phương Cực Lạc.



Hán 91:

Nhứt cú Di Đà
Hóa kiêm Tiểu thánh
Hồi hiệp liệt tâm
Hương Vô thượng thừa.

Viết 91:

Một câu A Di Đà
Các quả vị Tiểu thánh
Chuyển tâm hợp gồm đưa
Hương về Vô thượng thừa.

Lược giải:

Tiểu thánh tức là các quả Thanh Văn, Duyên Giác gồm: Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích Chi Phật. Hàng tiểu thừa lấy cảnh Sanh không Niết Bàn làm quả vị cứu cánh, chỉ cầu mong cho mau thoát ly nỗi khổ sống chết luân hồi trong ba cõi. Các vị này không phát thệ nguyện rộng lớn, trên cầu Phật quả vô thượng dưới độ tất cả chúng sanh, như những bậc Bồ Tát, cho nên đức Thế Tôn chê là tâm nhỏ hẹp.

Môn Niệm Phật là pháp Đại thừa, nên có thể chuyển tâm nhỏ hẹp của hàng Tiểu thừa, đưa các quả vị Thanh Văn, Duyên Giác hướng về Vô thượng của Phật đạo.

**Hán 92:**

*Nhứt cú Di Đà
Siêu nhiên vô ngại
Văn Thù, Phổ Hiền
Đại nhơn cảnh giới.*

Lược giải:

Môn Niệm Phật đi sâu vào bốn pháp giới, cùng tột là Sự sự vô ngại pháp giới. Cổ đức cũng nói: “Niệm Phật có thể khiến cho hành nhơn vào cảnh giới Vô ngại giải thoát”.

Trên đây, Triệt Ngộ đại sư muốn nói: “Niệm Phật không phải pháp thấp kém tầm thường mà chính là cảnh giới của các bậc Bồ Tát đại nhơn như Văn Thù, Phổ Hiền vậy”.

Viết 92:

*Một câu A Di Đà
Thật vô ngại siêu nhiên
Như Văn Thù, Phổ Hiền
Là cảnh bậc đại nhơn.*

Hán 93:

*Nhứt cú Di Đà
Vi diệu nan tư
Duy Phật dữ Phật
Nãi năng tri chi.*

Lược giải:

Trên đã nói Niệm Phật tam muội là cảnh giới của bậc Đại Bồ Tát. Nơi đây Tổ Triệt Ngộ lại nhấn rõ thêm: Niệm Phật tam muội tuy chư Đại Bồ Tát cũng thâm nhập, nhưng thật ra chưa được cùng tận. Duy có Phật với Phật mới rõ biết được hết, vì đó là Phật tam muội, là cảnh giới của chư Phật.

Điều này càng khẳng định rõ ràng hơn tánh cách cao thâm của pháp môn Tịnh độ.

**Hán 94:**

*Nhứt cú Di Đà
Liệt Tổ phụng hành
Mã Minh tạo luận
Long Thọ vãng sanh.*

Lược giải:

Môn Niệm Phật vì là pháp môn Tối thượng thừa cao siêu, nên chư Tổ đều phụng hành, bằng cách hoặc viết luận khen ngợi khuyên tu, hoặc niệm Phật cầu về Cực Lạc. Chẳng hạn như hai vị Bồ Tát Mã Minh, Thế Thân đã viết

Viết 93:

*Một câu A Di Đà
Mầu nhiệm khó nghĩ bàn
Chỉ có Phật với Phật
Mới rõ biết tận cùng.*

Viết 94:

*Một câu A Di Đà
Chư Tổ đều phụng hành
Tổ Mã Minh viết luận
Tổ Long Thọ vãng sanh.*

Đại Thừa Khởi Tín Luận và Vãng Sanh Luận để xung tán, chỉ đường Tịnh độ. Và Long Thọ Bồ Tát chứng Sơ Hoan Hỷ địa đã niệm Phật vãng sanh về An dưỡng. Các vị Bồ Tát trên đều là chư Tổ bên Thiền tông.

Nơi đây Triệt Ngộ đại sư lại nêu ra một chứng liệu để minh xác điểm cao siêu của pháp môn Niệm Phật. Điều này, Đại sư muốn cảnh tỉnh phá tan sự nhận thức sai lầm của một số người từ trước đến nay nghĩ rằng: "Môn Tịnh độ là pháp thấp kém, chỉ dành cho hạng ông già bà cả quê dốt tu hành".



Hán 95:

*Nhứt cú Di Đà
Nhân duyên thời tiết
Dị hương thường viễn
Liên xã sang kiết.*

Viết 95:

*Một câu A Di Đà
Hợp thời tiết nhân duyên
Hương lạ hằng thanh thoảng
Liên xã lập nhiều miển.*

Lược giải:

Pháp môn Tịnh độ sở dĩ càng lúc càng được thanh hành, bởi có nhiều lý do:

Về phần nhân duyên: Điều thứ nhứt đức A Di Đà có pháp duyên rất lớn với chúng sanh ở Ta Bà, bằng chứng là các chùa đều có thời khóa Tịnh độ, và hàng Phật tử khi gặp nhau thường chào với câu "A Di Đà Phật". Điều thứ hai, đức Di Đà Thế Tôn có bốn mươi tám bi nguyện độ sanh rộng lớn, rất thích ứng với cảnh ngộ cần cứu cấp nơi cõi ngũ trược này.

Về phần thời tiết, như lời Phật đã huyền ký. Bắt đầu từ

thời mặt pháp trở về sau, muốn chắc chắn được giải thoát, chỉ có pháp môn Niệm Phật.

Bởi những nguyên nhân ấy, nên chư thiện tri thức xưa nay đã sáng lập ra Liên xã khắp nơi để hướng dẫn người tu hành. Và các hành giả niệm Phật cũng cảm được nhiều niềm thoải ứng như: thấy sen lành, nghe hương lạ.



Hán 96:

*Nhứt cú Di Đà
Lợi đại long, tượng
Vĩnh Minh thiên bá
Trí Giả giáo tông.*

Viết 96:

*Một câu A Di Đà
Lợi bậc đại tượng, long
Như Vĩnh Minh thiên bá
Cùng Trí Giả giáo tông.*

Lược giải:

Long, tượng là rồng và voi. Hai loại này là hạng cao quý trong loài thú. Đại long, tượng tức rồng cùng voi lớn, lại còn cao quý hơn. Người xưa đã đem biểu tượng rồng, voi mà thí dụ cho những bậc cao siêu kiết xuất trong hàng Tăng Ni. Vì thế mới có danh từ Pháp môn long tượng, nghĩa là hạng rồng voi trong cửa chánh pháp.

Môn Niệm Phật chẳng những nhiếp hóa lớp Trung, Hạ căn, mà còn làm lợi ích luôn cho cả bậc Thượng thượng căn nữa. Như Vĩnh Minh đại sư, một bậc thiên bá trong tông môn, ngộ suốt huyền cơ, viết một trăm quyển Tông Cảnh Lục để xương minh thiên đạo, nhưng cũng niệm mười muôn câu Phật hiệu mỗi ngày. Và Trí Giả đại sư, bậc giáo tông sáng lập ra Thiên Thai giáo, bình thời vẫn niệm Phật, khi lâm chung khen ngợi kinh Pháp Hoa cùng Vô Lượng

Thọ, bảo với đại chúng rằng Tây phương Tam Thánh với các đồng bạn của ngài đã sanh về Tây phương, nay hiện thân đến tiếp dẫn.

Sự kiện này, người học đạo nên để tâm suy nghĩ.



Hán 97:

*Nhứt cú Di Đà
Cảm ứng phi khinh
Thiếu Khang hóa Phật
Thiện Đạo quang minh.*

Viết 97:

*Một câu A Di Đà
Cảm ứng chớ xem khinh
Thiếu Khang hiện hóa Phật
Thiện Đạo phóng quang minh.*

Lược giải:

Thiếu Khang đại sư niệm một câu hồng danh, trong miệng bay ra một vị hóa Phật. Thiện Đạo Hòa thượng niệm mỗi câu Phật hiệu, nơi miệng phóng ra một đạo quang minh. Hai điều trên chứng minh cho công đức niệm câu hồng danh A Di Đà thật lớn lao, và sự cảm ứng của Phật hiệu như thế đã đến mức cùng diệu. Và điều trên đây cũng nhắc cho người học đạo nên thức ngộ, đừng xem môn Niệm Phật là dung thường.

Trong mấy bài kệ liên tiếp, Triệt Ngộ đại sư đã dẫn chúng trên từ chư Phật Thế Tôn, nói rộng ra là các đức Như Lai ở sáu phương như kinh A Di Đà đã thuyết minh, đều khen ngợi khuyên tu Tịnh độ, và chỉ riêng các ngài mới biết cùng tận pháp này. Kể đến chư Đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, - các bậc đại Tổ sư như Mã Minh, Long Thọ, - những vị đại long tượng về bên Tông như ngài Vĩnh Minh, - về bên Giáo như ngài Trí Giả và sau cùng chính chư Tổ

bên Tịnh độ như Thiện Đạo, Thiếu Khang. Những vị trên tuy cũng suốt thông các pháp môn khác, song vẫn quy hướng về Tịnh độ. Tại sao Tổ Triệt Ngộ lại nhiều phen dẫn chứng như thế? Trong đây có hai nguyên nhân rất quan trọng.

Điều thứ nhứt: Các vị học thức xưa nay - *bút giả dùng danh từ học thức chớ không nói tri thức, vì học thức là một việc, tri thức lại là việc khác* - khi mới tìm đạo, đều ưa thích những lý luận cao siêu huyền diệu. Sự ưa thích đó không phải là điều lỗi. Nhưng phần nhiều họ lầm lạc chấp theo thiên không, chưa dung hội được giữa không và có, bài bác nhân quả sự tướng, nên hầu như thành một căn bệnh trong khi học đạo. Đối với môn Tịnh độ, họ chưa thấu đáo được sự cao diệu của pháp này, nên khi thấy những kẻ tối đốt, hạng bình dân cũng tu hành được, lại xem thường cho là pháp thấp kém. Chư đại thiện tri thức thấy sự lầm lạc tà kiến đó, mới thẳng thắn bác phá chỉ bày. Vì thế Tổ Triệt Ngộ đã dẫn những chứng minh trên để cảnh giác, ngụ ý bảo: Nếu Tịnh độ là thấp kém, tại sao từ chư Phật, Bồ Tát, cho đến chư Tổ, các bậc đại long tượng bên Tông lẫn bên Giáo đều ngợi khen khuyến khích, hoặc thân thiết phụng hành?

Điều thứ hai: Các vị thông minh kiến thức trên, khi luận đạo thường nói những lý luận siêu huyền, để tỏ ra mình là những người hiểu rộng tu cao. Nhưng họ lại không tự xét rằng: Về phần thật hành, mình có làm được một phần nào đối với những lời nói đó chăng? Nhứt là buổi đi sâu vào thời mật pháp này, người tu căn cơ non kém, nghiệp chướng nặng nề, dùng những hình thức dễ làm như niệm Phật tụng kinh, mà kẻ hành đạo tại gia lẫn xuất gia còn

vọng niệm rồi ren, nay chầy mai trễ, hướng chi là sự nhiếp tâm nơi định trong tất cả thời, tất cả hành động nói năng? Bút giả từng nghe một vài vị tu học về Thiền, khi luận đến sự hành trì, thường dẫn lời của những chư Tổ hoặc các bậc tôn túc thời xưa mà trạng huống cho lỗi tu của mình và còn ra vẻ đắc ý. Chẳng hạn như câu: “Viên bào từ quy thanh chương lý. Điều hàm hoa lạc bích nham tiền!” (*Vuơn ôm con chuyền về rặng núi xanh. Chim ngậm hoa sa trước gộp đá biếc*). Hoặc như: “Nhập lâm bất động thảo. Nhập thủy bất đạp ba”. (*Vào rừng mà không làm động đến ngọn cỏ. Xuống nước nhưng chẳng đạp sóng nước*). Các vị đó không xét lại hai câu trước là tâm cảnh của ngài Giác Sơn, chớ chẳng phải cảnh giới của mình. Thỉnh thoảng có việc chi xúc động, thì các vị liền tỏ vẻ phiền hà tức giận. Thế là cỏ cây đã động, chân đã đạp sóng nước rồi đấy! Trước tệ trạng lạc lăm lan rộng đó, chư thiện tri thức vì xót thương, vì muốn cứu vãn đạo pháp, nên mới thẳng lời phê trích, cho hành động ấy là cuồng Thiền. Và các ngài còn nói đến hạng cuồng Mật nữa, mà nếu có dịp, sau này bút giả sẽ dẫn giải.

Để kết luận, cần nhấn rõ thêm là những điều nói trên, tuyệt không có ý bài bác Thiền, Mật. Thiền và Mật là hai pháp môn cao siêu, và thật ra Thiền, Mật, Tịnh cả ba đều có đặc điểm riêng, cần tu học để hỗ trợ cho nhau. Chẳng hạn như khi trì chú theo Mật, hoặc niệm Phật theo Tịnh, chúng từ của chân ngôn, Phật hiệu huân sâu vào tạng thức, kích động cho phiền não nổi dậy, phương pháp làm lắng động hữu hiệu như thế, không chỉ hơn Thiền. Trong lúc tham thiền hoặc niệm Phật, ma chương trong ngoài khuấy rối, cách hàng phục kiến hiệu mau lẹ như thế, không chỉ hơn Mật. Và muốn giải quyết việc lớn là sống chết luân hồi một cách

thẳng tắt chắc chắn như thế, lại không chỉ hơn Tịnh. Luận cho cùng mỗi môn tự hàm đủ công năng của ba, song đó là ứng dụng của bậc trình độ cao siêu. Còn với bậc sơ cơ non kém, thật ra vẫn có sự sai biệt. Ví như bậc Tổ sư về võ, dù sử dụng côn, chùy, kiếm, sự lợi hại vẫn đồng như nhau. Nhưng với hạng võ nghệ thông thường, thì tác dụng của ba môn binh khí kia lại có sai biệt. Nếu chẳng thế, trong võ lâm cần chi bày ra ba môn ấy cho thêm phiền!

Cho nên trong thời mật pháp, theo thiên ý, nên lấy Tịnh độ làm chánh yếu, Thiền, Mật làm phụ trợ. Hoặc nếu có tu Thiền hay Mật cũng nên niệm Phật nhiều ít hồi hướng về cõi Cực Lạc ở Tây phương.



Hán 98:

*Nhứt cú Di Đà
Hữu giáo vô loại
Hùng Tuân nhập minh
Duy Cung diệt tội.*

Viết 98:

*Một câu A Di Đà
Hóa độ kẻ vô loại
Hùng Tuân vào minh ty
Duy Cung trừ chương tội.*

Lược giải:

Môn Niệm Phật chẳng những làm lợi ích cho các bậc Thượng thượng căn như trên, lại còn hóa độ đến cả hạng vô loại như Hùng Tuân, Duy Cung, mà trong Mấy Điều Sen Thanh đã trích dẫn.

Bài kệ trên đại ý chỉ rõ: Pháp Tịnh độ gồm thâu lợi độ, giúp ích khắp ba căn.



Hán 99:

Nhứt cú Di Đà
Thị Vô thượng thiên
Nhứt sanh sự biện
Khoáng kiếp công viên.

Viết 99:

Một câu A Di Đà
Là môn thiên Vô thượng
Việc lớn một đời xong
Công tu nhiều kiếp trọn.

Lược giải:

Triệt Ngô đại sư tuy được đời sau tôn làm vị Tổ hoàng dương Tịnh độ, nhưng thuở đương thời ngài chính thật là một thiên bá. Bởi duyên đại sư đã tham thiên chứng ngộ và viết ra quyển Triệt Ngô Ngữ Lục để xưng minh thiên đạo. Một bậc đại triệt đại ngộ về thiên, mà nói niệm Phật là môn thiên Vô thượng, đó là điều chứng minh xác đáng rồi, không cần phải bàn luận chi thêm nữa.

Việc lớn một đời của người tu Phật, là phải làm thế nào để giải quyết sự sống chết luân hồi ngay trong kiếp hiện tại. Bởi nếu còn luân hồi, tất đời sau dễ bị mê lạc rồi sẽ sa đọa nữa. Khi đã thoát khỏi sự sống chết luân hồi, lại còn phải hiện thân tu Bồ Tát hạnh trong vô số kiếp, công đức viên mãn, mới thành đạo Vô thượng Chánh giác. Pháp môn Niệm Phật có thể giải thoát luân hồi ngay trong hiện đời, và khi được sanh về Tây phương, thì sự tiến tu để thành Phật không còn bị thối chuyển, kể như đã nắm chắc trong tầm tay rồi.

**Hán 100:**

Nhứt cú Di Đà
Lý phi dị hội
Bách kệ nga thành
Tam tôn gia bị.

Viết 100:

Một câu A Di Đà
Lý mẫu chưa dễ hiểu
Thoáng chốc trăm kệ xong
Tam tôn thâm gia bị.

Lược giải:

Từ lúc sơ khởi đến đây, Triệt Ngô đại sư đã viết ra một trăm bài kệ để tuyên dương Tịnh độ. Song đại sư vẫn tự thấy còn chưa nói ra hết điểm huyền diệu của pháp môn này. Vì như chư cổ đức đã nói: "Lý Tịnh độ là bí mật tạng. Sự Tịnh độ là đại nhân duyên" thì người học Phật để gì thấu đáo?

Tuy nhiên, đại sư cũng nguyện cầu Tam Bảo gia bị cho lời mình trên hợp ý Phật, dưới lợi quần sanh, khiến người đọc được thấu hiểu phần nào để tiến tu trên đường giải thoát. Và ngài cũng cảm ân Tam Bảo thâm gia bị khiến cho tâm đại linh thông, nên trong thoáng chốc đã viết xong một trăm bài kệ này.





LỜI SAU CÙNG

Bút già cố gắng hoàn tất quyển cuối Mấy Diệu Sen Thanh này, giữa lúc sức khỏe suy kém, thêm bị sự khuấy rối lẫn bức của cả ngoài lẫn trong rình rập bao vây. Nhớ lời Phật dạy trong kinh Pháp Hoa: “Vào lúc kiếp trước rối loạn, chúng sanh cầu nhiễm nặng nề, đầy niệm tham, sân, si, ganh ghét, thành tựu các căn chẳng lành”. (Kiếp trước loạn thời, chúng sanh cầu trọng, tham si tật đố, thành tựu chư bất thiện căn).

Lại xem trong Đà Ra Ni Tập Tập thấy một đoạn, xin trích dịch nguyên văn như sau:

“Bạch đức Thế Tôn! Con là Thiện Danh Xưng Bồ Tát, từ cõi đức Phật Tịnh Nguyệt Âm Vương ở phương Bắc, nay đến thế giới Ta Bà. Con thấy nơi cõi này vào thời mạt, khi Phật pháp sắp muốn diệt, nhơn sanh phần nhiều tạo ác, tham đắm danh lợi, thị phi bôi xấu giết hại lẫn nhau. Giữa vua tôi, chủ tớ, cha con, thầy trò, chồng vợ, bè bạn, anh em, không còn đạo nghĩa, nước ngũ trược sôi trào, lửa tam tai bùng cháy. Các việc vừa nói, đều do chúng sanh kiếp trước chấp chứa nhiều tội ác, không tu đức lành, đời hiện tại mới bị cộng nghiệp sống trong hoàn cảnh như thế. Vào thời gian đó, nhơn loại tuy bề ngoài mang thân người, nhưng trong tâm ngu si độc dữ chẳng khác súc sanh ác quỉ. Thương thay cho thời mạt!

Trong năm ngàn người, may ra chỉ được vài kẻ lương thiện biết lo tu hành. Nay xin đức Thế Tôn hứa nhận cho con nói môn thần chú Vân Nhã Mật Tu, để chúng sanh đời sau được dứt trừ gốc tội nơ, thân tâm trở nên trong sạch, xa lìa ách nạn”.

Sau khi được Phật chấp thuận, Bồ Tát liền thuyết chú rằng:

Ophú Ophú para téna Jūgu jūgu para téna
yujnamid yujnamid para téna Osuto. Chi paio Kujnāto
Yamidto. Kúrato. Thopato. Svaha.

“Bạch đức Thế Tôn! Đại thần chú này như chiếc lọng lớn che trùm tất cả. Lại cũng như cơn mưa to thấm nhuần tất cả, như cầu thuyền nổi thông chở tất cả. Chúng sanh hàng đạo tục đời sau, đều nương nhờ Đà ra ni đây mà nảy mầm mộng lành, thấm nhuần mùi pháp vị. Công năng của đại thần chú này, hay cứu vớt muôn hạng căn cơ sai khác, đưa về cảnh giới niết không, khiến cho họ sớm chứng tam thừa thánh quả ...”

Qua mấy đoạn văn trên, lời đức Phật dạy và Bồ Tát Thiện Danh Xung trần thuật, dường như đã ứng hiện vào thời buổi này. Riêng trong nhà Phật còn có những cảnh:

Giường lau đèn tối tăng vào định

Trăng lạnh cảnh thông bóng hạc về!

(Mâu tháp đăng hôn tăng nhập định

Tùng chi nguyệt lãnh hạt phi hoàn!)

Hoặc

Chợt sang trúc viện cùng tăng luận

Trộm được phù sinh nửa buổi nhàn!

(Hốt qua trúc viện phùng tăng thoại

Du đắc phù sinh bán nhật nhàn!)

Lúc còn ở Phật học viện Huệ Nghiêm, trong cuộc mạn đàm với một bậc tiền bối, vị ấy có nói với bút giả mấy lời vừa có tánh cách bông đùa vừa ngụ ý than thở như sau: “Hiện nay trong cửa đạo có nhiều việc phức tạp, trừ phi Bồ Tát ra đời chấn hưng lại, còn phàm Tăng như chúng ta không làm sao điều chỉnh nổi. Hoàn cảnh thật giống như hai câu thi của một danh nhơn thời xưa:

“Ca sa vị trước hềm đa sự.

Trước bãi ca sa sự cánh đa!”

(Chưa khoác ca sa chán việc nhiều.

Khoác rồi thêm việc biết bao nhiêu!)

Nhưng có điều không đúng với nguyên ý của vị danh nhơn kia, đây chẳng phải việc đạo mà lại là việc khác! Chẳng những riêng đạo Phật, mà tất cả các tôn giáo đều có tình trạng tương tự như thế. Đây đều do lòng người, thật quả là thời đạo đức suy mòn!

Trong đạo đã như thế, ngoài đời lại còn biến loạn hơn, từ quốc gia cho đến khắp thế giới cảnh bạo ác ngày thêm tăng mạnh, con người hầu hết sống trong vòng lường gạt, sa

đạo, tranh đua, giết hại lẫn nhau. Cuộc diện kéo dài đến hiện tại, "buổi tận thế" hay "cơ tận diệt" mà các tôn giáo khác mô tả, đã có phần lấp ló lộ hình. Tuy biết đó là cộng nghiệp của nhơn sanh, nhưng khi nhìn thấy nỗi khổ đau khắp đồng loại, trải nhiều cơn biến đổi dập dồn, những kẻ hữu tâm cũng sanh niềm hoài cảm! Họ không biết tương lai sẽ đi về đâu, chán nản cho mình cùng người trong kiếp sống thừa cảnh tạm! Thỉnh thoảng nghe vài nhơn sĩ cao niên đã mượn lời của Nguyễn Du mà thăm lên than thở như sau:

Kể từ gây cuộc binh đao

Đống xương vô định đã cao bằng đâu!

Hay là:

Chân trời mặt bể linh đình

Nằm xương biết gửi từ sinh chốn nào?

Và cho đến như:

... Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi

Đã không biết sống là vui

Tâm thân nào biết thiệt thòi là thương!

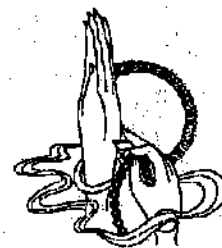
Trong hoàn cảnh ấy, muốn thoát mỗi nguy tương hoại tương tàn, nhơn loại phải hướng về đạo đức. Theo lời Phật dạy, ngày sau do chúng sanh buông lung theo nghiệp sát, đạo, dâm, vọng nên sẽ có Tam tai ác kiếp là: chiến tranh tàn phá, tật bệnh lan tràn và đói rách nghèo khó nổi lên. Kẻ nào muốn tiêu giảm nỗi thống khổ, phải giữ chắc bốn giới:

không sát sanh, trộm cướp, tà dâm, dối gạt, tùy sức mình mà gắng làm các điều lành. Những người ấy sẽ được thiên thần ủng hộ, khiến cho nạn khỏi tai qua. Nếu tiến thêm, muốn tìm nẻo thoát ly, phải tụng kinh hoặc trì chú và chí tâm niệm hồng danh đức A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc.

Căn cứ theo luật nhân quả, mọi sự khổ vui đều do nghiệp lành dữ và bởi vô minh gây tạo. Trong cảnh nóng bức của nhà lửa tam giới, phải bền lòng an nhẫn, phải thiết thật phụng hành đúng như lời Phật dạy. Đừng nên mãi hờn trách thở than, vì kết cuộc sẽ hóa ra vô ích. Trên đây là lời phụng khuyến, là đường lối thoát ly duy nhất, mà những kẻ học đạo muốn nhấn nhủ với đồng nhơn.

THÍCH VÔ NHẬT

(Lấy ý câu: Nhất sự vô thành thân tiệp lão)



HẾT TẬP BA

CHUNG

NGHI LẠY THÙ ÂN VỀ TỊNH ĐỘ



Tán:

Tánh giác tinh minh
Tịch chiếu chân thường!
Tích mê, kim ngộ lộ đường đường.
Tam Bảo thị từ hàng!
Khể thủ hiển tâm hương
Nhân độ Pháp trung vương
Cực Lạc nguyện vương
Liên tông chư Tổ hiển Tây phương
Duy nguyện giảng kiết tường!

1. Chí tâm đánh lễ: Ta Bà Điều ngự, Khải
Tịnh độ giáo, Bổn sư Thích Ca Mâu Ni
Thế Tôn.

(1 lay)

2. Chí tâm đánh lễ: Cực Lạc Thế giới, Tiếp
dẫn Vãng sanh, Tây phương tam Đại
Thánh Từ Tôn.

(1 lay)



3. *Chí tâm đánh lễ:* Tây thiên Đông độ Việt Nam, Lịch đại Tổ sư, cập hoằng dương Phật pháp chư Đại Tông sư.

(1 lay)

4. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Sơ tổ, Lô Sơn, Đông Lâm Bạch Liên đạo tràng, Huệ Viễn Đại sư.

(1 lay)

5. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Nhị tổ, Trường An, Quang Minh đạo tràng, Thiện Đạo Đại sư.

(1 lay)

6. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Tam tổ, Nam Nhạc, Bát Chu đạo tràng, Thừa Viễn Đại sư.

(1 lay)

7. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Tứ tổ, Trường An, Ngũ Hội đạo tràng, Pháp Chiếu Đại sư.

(1 lay)

8. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Ngũ tổ, Tân Định, Đài Nham đạo tràng, Thiếu Khang Đại sư.

(1 lay)

9. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Lục tổ, Hàng Châu, Vĩnh Minh đạo tràng, Diên Thọ Đại sư.

(1 lay)

10. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Thất tổ, Chiêu Khánh, Tịnh Hạnh đạo tràng, Tĩnh Thường Đại sư.

(1 lay)

11. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Bát tổ, Hàng Châu, Vân Thê đạo tràng, Liên Trì Đại sư.

(1 lay)

12. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Cửu tổ, Bắc Thiên Mục, Linh Phong đạo tràng, Ngẫu Ích Đại sư.

(1 lay)

13. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Thập tổ, Ngũ Sơn, Phổ Nhân đạo tràng, Hành Sách Đại sư.

(1 lay)

14. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Thập nhứt tổ, Hàng Châu, Phạm Thiên đạo tràng, Thật Hiền Đại sư.

(1 lay)

15. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Thập nhị tổ,
 Hồng Loa, Tư Phước đạo tràng, Triệt Ngộ
 Đại sư.

(1 lay)

16. *Chí tâm đánh lễ:* Liên tông Thập tam tổ,
 Tô Châu, Linh Nham đạo tràng, Ấn Quang
 Đại sư.

(1 lay)

17. *Chí tâm đánh lễ:* Thế độ sư, Truyền giới
 sư, Giáo thọ sư, cập chủ thất sư ân.

(1 lay)

18. *Chí tâm đánh lễ:* Đa sanh phụ mẫu, Hiện
 tiền phụ mẫu sanh thành dưỡng dục ân.

(1 lay)

19. *Chí tâm đánh lễ:* Đàn na tín cúng, cập nội
 ngoại nội thất ân.

(1 lay)

20. *Chí tâm đánh lễ:* Thiện tri thức đề huề
 tiếp dẫn ân.

(1 lay)

21. *Chí tâm đánh lễ:* Thiên địa thần kỳ bảo
 trợ, cập nhứt thiết chúng sanh hộ trợ ân.

(1 lay)



MỤC LỤC

- Minh Quả	5
- Bản Tuyên	7
- Kim Thể	9
- Giới Nhiên	11
- Chánh Thành	14
- Truyền Tánh	16
- Giới Tâm	17
- Đức Trí	20
- Không Tam	22
- Kim Trục	25
- Đế Nhân	27
- Tịnh Độ Thi	31
- Tạ Xuân Hoa	33
- Diệp Trúc Am	35
- Hồ Diệc Tiết	37
- Hạ Quốc Xương	39
- Phương Hải Sanh	41
- Từ Lôi	44
- Châu Nãi Luân	45
- Trương Văn Phú	47
- Đinh Lục Hình	49
- Liễu Bộ Đình	51
- Đơn Đức Tôn	53
- Dương Liên Hàng	56
- Vương Cảnh Đan	58
- Lưu Xuân Tài	61
- Vương Yến Tế	63
- Lưu Khai Nan	65
- Trầm Đồng Văn	68

- Tịnh Độ Thi	70
- Lý Thị	74
- Trần Thị	76
- Cát Phu Nhon	77
- Âu Dương An Nhon	79
- Bàn Phụ	81
- Tiểu Hiên Úc Phật	83
- Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật	86
- Tăng Cầm	114
- Đạo Thuyền	115
- Giác Chiêu	117
- Trường Linh	118
- Thích Nữ Năng Khai	121
- Thích Nữ Đức Thành	122
- Nhớ Về Tịnh Độ	123
- Trương Ngươn Thọ	126
- Tiểu Vương	127
- Viên Bảo Trị	129
- Vương Di Thiện	132
- Lại Tường Lân	134
- Tào Vân Tôn	136
- Trần Sầm Hiên	138
- Vườn Thơ Tịnh Độ	140
- Diệp Cửu Thành	143
- Phan Trình Quế	145
- Âu Dương Trụ	147
- Trần Tánh Lương	149
- Giang Am Nam	154
- Lý Quốc Tuyên	156
- Châu Triệu Pháp	158

- Kim Vinh Hiên	160
- Khuyên Tu Tịnh Độ	162
- Du Thị	173
- Phùng Nghi Nhon	174
- Châu Phu Nhon	176
- Phan Thái Phu Nhon	179
- Tào Nghi Nhon	181
- Hà Thái Phu Nhon	183
- Trâm Nương	185
- Một Kỳ Nữ	187
- Nhâm Cung Nhon	190
- Tịnh Độ Thi	193
- Châu Thị	196
- Đặng Nữ Sĩ	198
- Trâm Thị	201
- Lâm Thị	203
- Phạm Thị	206
- Lưu Nhị Cô	208
- Lý Trình Nữ	210
- Dư Phu Nhon	212
- Khuyên Tu	214
- Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật	220
- Lời Sau Cùng	243
- Nghi Lạy Thủ Ân Về Tịnh Độ	248
- Mục Lục	252



